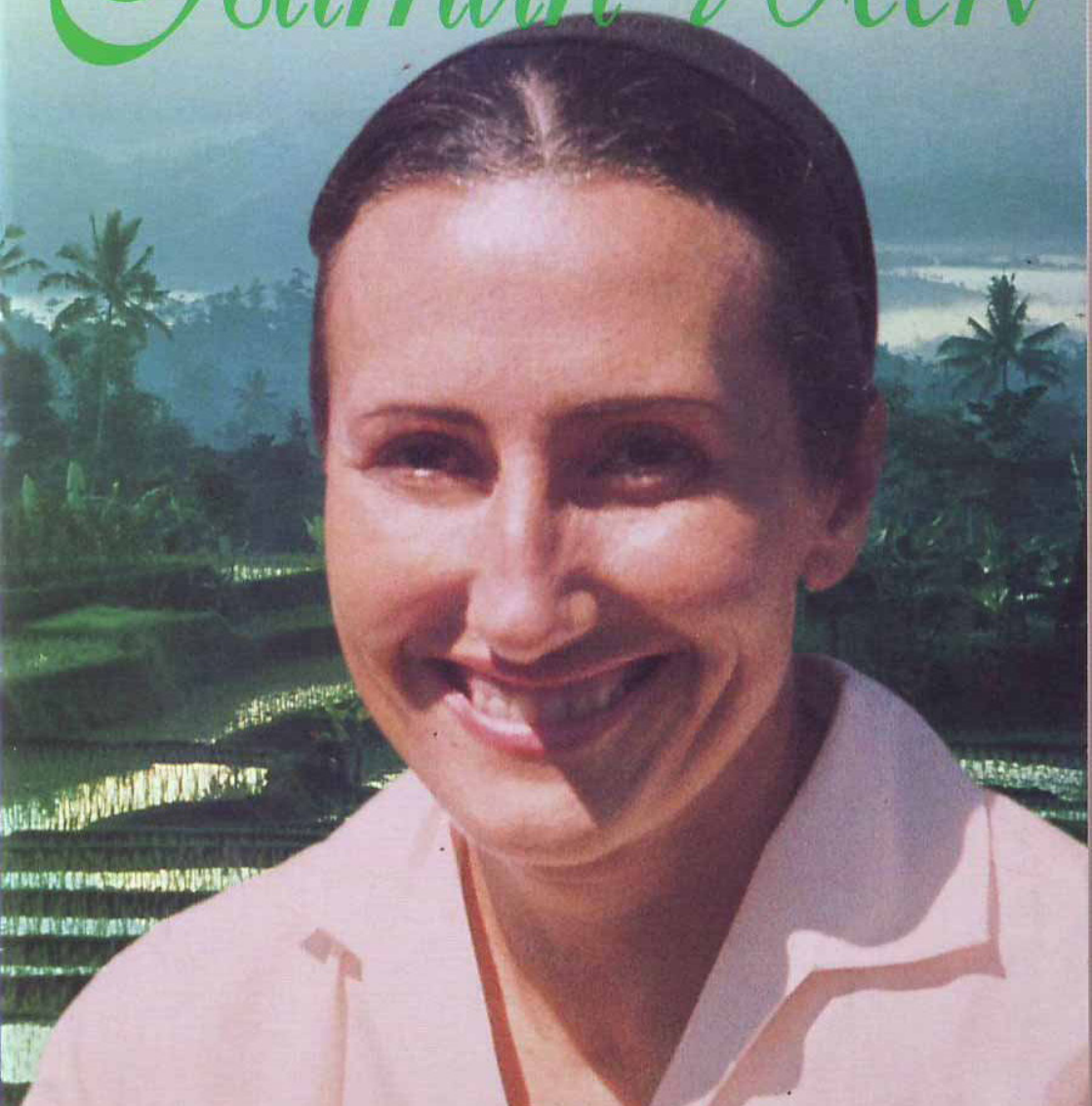


THE MAN FROM THE EAST

Istimah Week



Người đến từ phương Đông

Nguyên tác **THE MAN FROM THE EAST** của **Istinah Week**

Minh Thần 7.2008

© Phiên bản 8.2015 Góc Nhỏ

Istinah Week

Người đến từ phương Đông

Minh Thân

dịch 7.2008



08.2015

Lời nói đầu

Chuyện này là hồi kí phần đời của tôi trong lúc được gần cận Bapak Muhammed Subud, trong 28 năm từ 1959 cho tới 1987 khi người qua đời. Tôi tả những hoạt động của một con người, trong đời sống tôi và trong sứ mệnh của người, là việc truyền thụ cho người khác latihan, lối tu tập của Subud.

Đây là những kinh nghiệm cá nhân được lựa chọn. Nó không là một tiểu sử của Bapak và không có ý định mô tả chi tiết phong trào Subud. Cốt yếu của những gì tôi thuật lại là những gì đã xảy ra, sau khi tôi tiếp xúc với cái khả năng tuân theo được ý muốn của Thượng Đế nơi bản thân mình.

Nơi đâu cảm thấy giải thích về Subud là hữu ích, tôi trích dẫn Bapak. Chẳng hạn, đây là những giảng giải của người về những nguyên lí và chủ đích của latihan kedjiwaan Subud như đã được ghi lại trong buổi nói chuyện tại London tháng 8 năm 1959:

Lối tu tập của Subud thực ra là sự phụng thờ Thượng Đế của con người, một sự phụng thờ được làm cho thức tỉnh bởi quyền năng của Thượng Đế, ngay lúc cái quyền năng đó làm cho ngưng hoạt động động sự can thiệp của trí óc, tâm cảm và dục vọng...

Các bạn sẽ hỏi tại sao Subud đã chỉ hiện nay đến trái đất này, mà trước đây thì chưa?

...Nó đã đến hiện nay là vì lúc này đúng là lúc cho con người tiếp nhận được, bởi vì toàn thể nhân loại đang bị áp lực nặng nề của những ảnh hưởng thế gian mà không thể chống lại. Cái áp lực của thế gian đối với con người, cái ảnh hưởng của nó đối với mình, kinh khiếp tới nỗi con người do hành động của mình đã đưa thế giới vào một tình trạng hỗn

loạn.

... Thượng Đế biết được lúc nào đúng là lúc con người tiếp nhận được đúng cách Đặc Ân của Ngài.

Năm 1959 khi nghe nói latihan - một sự trực tiếp nhận của quyền năng Thượng Đế - là cái có thể có trên thế gian, tôi lập tức tin ngay thực tại của nó nhưng lại không thể tin mình đã được may mắn. Sau 35 năm theo tập latihan, những cảm nghĩ đó đã thay đổi. Việc quyền năng của Thượng Đế có thể tiếp nhận được một cách đơn giản và trực tiếp như vậy vẫn còn là một kì công.

Chắc chắn là tôi đã chưa từng được may mắn, nếu không gặp Bapak, một người đã được lựa chọn để đem tới cho nhân loại sự giao tiếp đó. Điều đó đã hoàn toàn khác thường và ngoài dự tính của tôi. Sau này tôi đến Nam Dương ở, theo lời mời của Bapak, và sau nhiều năm được gần cận người và Ibu, bà vợ người, tôi đi vòng quanh thế giới với người để đến thăm nhiều quốc gia và thông dịch những nói chuyện của người ra tiếng Tây Ban Nha, tiếng mẹ đẻ của tôi.

Sự quan tâm đặc biệt của Bapak đã khuyến khích và hỗ trợ tôi qua cái quá trình thay đổi mà tôi phải đối diện sau khi vào Subud. Và người đã đối xử với tôi một cách cực kì ân cần, ngay cả trong lúc tôi trải qua một sự thử thách trầm trọng về đức tin.

Nhờ sự khuyến khích của bạn bè, cuốn sách này ban đầu được coi là sự ghi chép về những kinh nghiệm của tôi với Bapak, nhưng khi viết tôi nhận thấy mình muốn viết để bày tỏ lòng biết ơn. Nếu làm cho người khác chú ý tới latihan, nó gần như đáp ứng được ước vọng tha thiết nhất của Bapak, và có lẽ luôn cả Ý Thượng Đế đối với nhân loại.

Istimah Week

Mục lục

Lời nói đầu	5
Trước latihan	9
Bapak Muhammad Subuh	24
Bapak giải thích về Subud, Hoa Kỳ	37
Đến trong lúc khó khăn, Nam Dương	59
Thời gian tạm nghỉ ở Tân Tây Lan	77
Cuộc sống bên cạnh Bapak, Nam Dương	90
Chuyến đi thế giới của Bapak, 1970	105
Một đặc ân bất ngờ	131
Ibu ở bên trong các bạn	138
Tâm linh và vật chất	149
Giúp người và được giúp lại	164
Những năm tháng cuối cùng của Bapak	196
Lời Bạt	211

Chương Một

Trước latihan

Như nhiều người trong chúng ta, tôi bắt đầu cuộc sống mình với những khó khăn phải giải quyết thừa hưởng của tổ tiên. Thêm vào đó là thời niên thiếu có sự hung bạo trong gia đình. Nếu chẳng có gì đáng chú tâm xảy ra, thì cuộc đời tôi sẽ như của bất cứ ai, đã phải được sống để bù đắp cho những hậu quả đó. Nhưng có một điều phi thường xảy ra. Nhờ ân huệ Thượng đế, tôi được trợ giúp để chữa lành vết thương và bắt đầu sửa chữa những hư hại của tổ tiên. Chính về cái ân huệ đó -latihan tâm linh Subud- mà tôi viết, về cái ảnh hưởng đối với cuộc đời mình do những gì nghiệm được với Bapak Muhammad Subuh. Tôi sinh ở Punta Arenas, nơi eo biển Magellan tại nam bộ Chí Lợi, vào một gia đình công giáo cổ truyền. Phụ thân gốc ở Yugoslavia và di cư tới Buenos Aires khi còn trẻ. Hồi đó ông muốn đi tu, nhưng thấy nản chí không muốn nữa do cha mẹ. Mẫu thân tôi cùng có cha mẹ là người Yugolavia và sinh ở Punta Arenas. Mẫu thân tôi, mọi người đều gọi bà là Mayko¹, có 5 chị em và 2 anh em. Ông ngoại và bà ngoại tôi đã đạt tới một tuổi tác cao. Kết quả là tôi thuộc một gia đình đông đảo. Tôi rất gắn bó với mẫu thân và rất mến thích người em gái chót của bà là dì Canny có chồng là ông Jose Grimaldi, một thi sĩ nổi tiếng và có uy tín ở Chí Lợi.

Về mặt khác, tình cảm của tôi đối với phụ thân thì lại rất có tính chất

1 Theo nguyên chú: mayko tiếng Yugoslav là mẹ.

nước đôi. Ông có thể rất tốt và độ lượng, nhưng trong những năm tháng đầu tiên của đời mình, tôi phần nhiều còn nhớ tới những cơn thịnh nộ không chế ngự được của ông đối với mẫu thân – và đối với tôi, để hăm dọa bà.

Khi tôi được một tuổi, để phụ thân tôi kiếm được công việc khá hơn, chúng tôi đến Antofagasta ở, tại một vùng hoang vắng bắc bộ Chí Lợi. Ông nhận một chân làm kế toán cho một công ty khai mỏ của Mỹ. Cậu em trai tôi, Guido, sinh ra nơi đó khi tôi được 5 tuổi.

Hồi đó những cộng đồng nhập cư ở Chí Lợi rất khác nhau. Ban đầu tôi được đưa vào một trường học Đức. Mẫu thân muốn tôi nhận được một nền giáo dục sẽ giải phóng tôi khỏi những lệ thuộc mà bà đã mắc vào trong thời thơ ấu. Bà cảm thấy điều này sẽ giúp ích cho đời tôi, nếu tôi học một ngôn ngữ khác. Tuy là một đứa bé ngoan ngoãn – tôi thường chấp nhận mọi chuyện - nhưng tôi lại chống đối trường học Đức. Tôi còn nhớ mình đã đứng trong ô cửa không chịu ngay cả ngồi xuống. Song thân tôi phải đem tôi đi chỗ khác, và họ quyết định thử trường học Anh. Nơi này thì tôi hoàn toàn không gây khó khăn. Tôi trở thành một học sinh gương mẫu, được điểm tốt từ lúc đầu.

Là một thiếu nữ lớn lên ở Chí Lợi, tôi tận tâm với giáo hội Công giáo. Trong những năm đầu tiên nhất của đời mình, mỗi sáng chủ nhật tôi được dẫn đi dự lễ, thường thường thì do mẫu thân. Tôi thích điều đó. đi bộ từ nhà ở của chúng tôi tới nhà thờ chỉ mất 15 phút. Tôi đặc biệt thích những buổi lễ El Mes de Maria cử hành mỗi năm từ mùng 8 tháng 11 tới mùng 8 tháng 12, để ca tụng công đức của đức Mẹ Maria.

Khi được 9 tuổi và vẫn còn ở Antofagasta, mỗi trưa tôi đều dự một khoá học đặc biệt về đạo, để chuẩn bị cho lễ ban thánh thể đầu tiên của mình. Điều đó xảy ra tại nhà thờ lớn trong khu phố chánh yếu của thành phố. Ông linh mục là người rất nghiêm ngặt và khắc sâu những khuôn mẫu xử thế cao đẹp vào nhóm chúng tôi gồm khoảng 20 thiếu nữ. Chúng tôi xưng tội lần đầu, buổi chiều trước lễ ban thánh thể.

Một khi vào trong nhà thờ, những thiếu nữ như chúng tôi, ăn mặc đồ màu trắng, ngồi một chỗ riêng biệt. Cha mẹ chúng tôi ngồi đằng sau. Buổi lễ thật cao đẹp, rồi thì giây phút trọng đại đến. Từng người một, chúng tôi nhận được lễ ban thánh thể đầu tiên của mình. Đối với tôi đó là một kinh nghiệm tâm linh rất đặc biệt. Tôi được khiến cho xúc động

mạnh đến nỗi gần như xuất thần. Suốt hôm đó tôi cảm thấy có cái gì vượt ra ngoài tất cả những gì mình đã từng biết được trong đời mình. Cái đó vẫn còn ngay cả khi tôi tiếp tục sống một cách bình thường, bằng cách chơi đùa với một người bạn.

Chúng tôi rời khỏi bắc bộ Chí Lợi khi tôi được 12 tuổi. Vì phụ thân tôi không hài lòng với những cơ hội tiến thân của mình, nên chúng tôi đến ở Valparaiso tại bờ biển miền trung, một thành phố đẹp như tranh, với những đường phố dốc đứng và chật hẹp. Nó nhìn ra Thái Bình Dương và tiếp giáp với vùng Vina Del Mar, một nơi nghỉ mát tươi đẹp ở bờ biển với một khí hậu loại địa Trung Hải. Nơi đó chúng tôi mua một căn nhà trọ hai tầng cho khoảng 50 khách với tiền dành dụm của mẫu thân, và bà cùng là người quản lí nó. Mỗi sáng tôi lấy xe điện tới học tại một tổ chức của Anh là Griffin School for Girls ở Vina del Mar. Tôi học xong ban phổ thông lúc 16 tuổi. Tất cả những môn tôi học đều bằng tiếng Anh.

Sau đó tôi đến học tại trường thư kí ở Valparaiso, và tốt nghiệp thành một thư kí về tiếng Anh và Tây Ban Nha. Khi tôi còn ở nhà trường đó, ông thầy của tôi đã giới thiệu cho mình một việc làm. Ông xếp của tôi là một người giàu có thuộc thành phần ưu tú của xã hội, một người cư ngụ ở Vina del Mar. Ông khuyến khích tôi, và nhờ ông tôi trở nên tự tin làm công việc thư kí của mình.

Trong khi đó thì phụ thân, nhờ những liên hệ ở Punta Arenas, đã có thể trở thành một nhà buôn thịt cừu đông lạnh. Khi cơ sở làm ăn được thành lập, chúng tôi chuyển từ Valparaiso tới Santiago, thủ đô của Chí Lợi. Ngay khi tới đó, một người chị em đã tới thăm chúng tôi. Bà nói mình quen biết ông Don Eulogio Sanchez, một người đang tìm kiếm một thư kí riêng, và tại sao tôi lại không xin việc? Định mệnh mình đã được định đoạt, chẳng bao lâu tôi thấy mình đang làm việc cho một trong những nhân vật quan trọng nhất ở Chí Lợi. Ông là một anh hùng dân tộc. Là người cầm đầu lực lượng dân quân, ông đã đánh bại một cuộc tấn công của các lực lượng vũ trang của cộng sản có mục tiêu lật đổ chính phủ Chí Lợi trong năm 1932. Sau đó ông đòi hỏi có tự do bầu cử, nhưng từ chối không chịu nhận một địa vị chính trị nào.

Don Eulogio là chủ tịch của tối thiểu 5 công ty lớn do chính ông lập nên. Trong những năm tôi làm việc cho ông, ông tiếp tục lập thêm những công ty mới, cho tới lúc tôi ra đi, số nhân viên tăng lên gấp ba. Được làm việc cho một người đáng thán phục như ông thì không gì bằng, ông còn

được mọi người kính trọng, là một người có văn hoá cao và cực kì thông minh. Đồng thời ông cũng là một người chu đáo và có duyên. Chúng tôi rất quý mến nhau, và ông giao cho trách nhiệm về nhiều việc riêng tư, như những vụ hẹn gặp riêng tư, việc quản lí đồng tiền riêng tư của ông và vãn vãn. Tôi chia sẻ với ông lòng nhiệt thành hằng ngày của ông đối với công việc, và thỉnh thoảng những lúc thoải mái khi ông vui về - một bài hát mới hay một món quà khiến bà vợ mình phải ngạc nhiên.

Vì làm việc cho Eulogio, nên cuộc sống tôi thay đổi. Mỗi tuần 5 ngày và những sáng thứ bảy, tôi xa nhà làm việc trong sở. Tôi rất thích những điều mình đang làm và lòng tự tin tăng thêm. Đôi khi tôi được những người bạn của Eulogio mời đi ăn. Họ giới thiệu tôi làm quen với những bà vợ của họ, những người mời tôi đến nhà họ.

Phụ thân cũng thay đổi. Ông có một công việc đòi hỏi nhiều nơi mình và khiến mình phát huy được tài năng. Ông có khả năng và làm việc nhiều, để khuếch trương và cải tiến cái công ty lúc này thuộc trách nhiệm mình. Ông làm lành hơn nhiều với bản thân mình. Nếu có một cơn thịnh nộ không thường xảy ra, cậu em tôi có thể nói chuyện lí lẽ với ông. Quan hệ giữa chúng tôi cải thiện đáng kể. Tôi đề nghị với ông là chúng tôi xây một căn nhà, dùng tiền tiết kiệm của tôi và của ông. Người ta giới thiệu chúng tôi với Don Andres Garafulic, một kiến trúc sư nổi tiếng, một người xây cho chúng tôi một căn nhà đẹp chỉ cách trung tâm thành phố 30 phút. Nó có một khu vườn rộng lớn và một quang cảnh tuyệt đẹp của vùng Andes.

Trong những công ty được mở rộng của Eulogio Sanchez có mộ văn phòng chi nhánh ở New York City, nơi khu kinh doanh Wall Street. Nhờ văn phòng đó mà tôi được cơ hội đến Hoa Kỳ. Tôi đã chưa từng nghĩ là điều đó có thể được. Tôi ở đó 5 tháng và thích chuyện đó. Tôi trở về Santiago và hứa hẹn với lòng mình là một ngày nào đó mình sẽ trở lại New York. Tôi tiếp tục làm việc cho Eulogio, nhưng vào năm 1950 tôi quyết định nghỉ làm việc trong một thời gian. Có lẽ New York đã làm tôi không được yên, nhưng dù sao thì tôi cũng đã được đưa vào môi trường của sự nghiệp ngay từ học đường, và bây giờ thì muốn có thời giờ cho bản thân mình.

Hồi đó việc một thiếu nữ ở nhà là chuyện thông thường, nếu cô chưa có chồng, và trong hai năm kế tiếp tôi dùng thời gian để chú tâm tới nhiều điều khác ở bên ngoài như chơi quần vợt, bơi lội và trượt tuyết. Những

bạn bè thân của tôi bao gồm người Đức, Ý và Mỹ.

Phụ thân đã được ổn định và yên tâm với bản thân mình. Mẫu thân và tôi lúc này có thể lấy làm vui vì cái khía cạnh tốt lành và đôi lúc sôi nổi của tính nết ông, điều chúng tôi đã không nhận được trong những năm tháng thời niên thiếu của tôi.

Cho tới tuổi đôi mươi tôi vẫn còn thích những buổi lễ và đến nơi có nhà thờ. Mỗi chủ nhật tôi đều đi dự lễ và thường đi xung tội và dự lễ ban thánh thể. Nhưng một hôm ở Santiago có điều xảy ra làm tôi bị xáo trộn thâm sâu. Trong một buổi lễ ngày chủ nhật, trong lúc thuyết pháp từ nơi giảng kinh, ông linh mục lại xin tiền. Ông làm điều đó cùng lúc với việc thánh lễ xảy ra nơi bàn thờ. Việc làm đó hoàn toàn không đúng, tôi cảm thấy vậy. Cái biến cố đó có hậu quả là khiến cho lòng tuyệt đối tận tâm của tôi với uy quyền của giáo hội bị suy giảm. Điều đó cùng liên quan tới sự việc sắp xảy ra về cái khả năng tâm linh ngoài giáo hội là cái sẽ thay đổi đời mình?

Năm 1954 tôi lên một chiếc tàu trở về New York, nơi tôi được mời làm thư kí thông ngôn tiếng Anh-Tây Ban Nha cho một công ty Mỹ. Văn phòng của họ nằm trong Empire State Building. Trong một số ít người tôi quen biết ở New York có Yaro và Vera Smirnoff, một cặp vợ chồng người Mỹ đã gặp tôi hai năm trước đây ở Santiago.

Chính cặp đó đã giới thiệu tôi với Erling Week trong một bữa ăn tại Plaza Hotel. Anh ngồi cách tôi nơi bàn phía bên kia. Anh là một người Mỹ đẹp trai, mảnh khảnh, tầm cao hơn mức trung bình, với mớ tóc đen đậm. Anh ăn mặc rất gọn gàng và là người cực kì lịch sự. Tôi ngạc nhiên, khi hay được anh đã đến Chí Lợi. Việc làm ăn của mình, anh nói, đã đem mình nhiều lần đến Santiago. Hồi đó Erling đã gần 40. Sau một buổi tối khiến mọi người được vui, anh xin được đi bộ dẫn tôi về nhà. Trên đường về, anh kể cho tôi gốc tích của mình là ở California, và mình đến New York để đợi chờ được li dị. Tôi nhận lời mời của anh đi coi chiếu bóng, coi kịch và đi ăn. Anh đơn độc và tôi vui mừng được dẫn đi chơi khắp New York một cách thân thiện.

Erling cho tôi hay về cuộc đời mình. Tuy miệt mài làm ăn, nhưng anh cũng rất quan tâm tới những vấn đề thần bí, và đọc nhiều sách về chủ đề đó. Anh đã có nhiều kinh nghiệm tâm linh mãnh liệt, một vài điều có vẻ khá kì quái đối với tôi. Một đêm nọ trong năm 1952, trong một trạng thái

nửa mê nửa tỉnh, anh nghe thấy một giọng nói lớn tiếng: "Người biết đủ rồi! Đã đến lúc rồi!" Anh nói điều đó có nghĩa mình sắp chết. Rồi thì anh nhận thấy một âm thanh như một tiếng nổ ngoài căn nhà và một ánh sáng chói loà chiếu sáng căn phòng. Anh và người vợ hồi đó đã nhảy ra khỏi giường. Họ lấy một cái đèn pin và đi coi đây đó, nhưng không thể tìm thấy bất cứ gì. Ngày kế tiếp họ nói chuyện với hàng xóm, nhưng chẳng ai đã nghe thấy bất cứ gì. Họ nhận thức được sự việc đó chỉ liên quan tới chính Erling.

Kể từ đó, Erling nói, cuộc đời anh đã hoàn toàn thay đổi. Anh trở nên một người có thể nhìn thấy tương lai, và đạt được nhiều khả năng ngoại cảm khác. Một câu nói trong lòng hồi đó cho hay: "Khi các con chiêm bắt đầu động đậy, Người Chăn Chiên sẽ tới." (Sự ám chỉ đó sau này anh thấy có liên quan tới cái triển vọng về sự Xuất Hiện Lần Thứ Hai²). Anh giải quyết những trách nhiệm về công việc làm ăn của mình, và đến Âu Châu để tìm kiếm "một người". Nơi đây anh được giới thiệu với Bernard Fay, một người bạn thân của đức Giáo hoàng Pius XII, một người có thể khiến cho hiểu được những kinh nghiệm của mình. Anh về nhà chưa được bao lâu thì tôi làm quen với anh.

Khi đến New York, tôi có ý định chỉ ở đó một năm. Tuy nhiên, khi đến lúc tôi phải trở về Santiago, Erling xin tôi trở thành vợ anh. Anh đã làm xong thủ tục li li, và chẳng bao lâu chúng tôi có thể kết hôn.

Năm kế tiếp chúng tôi đến California để thăm gia đình và bạn bè Erling. Khi tôi sắp có đứa con đầu tiên, Erling đề nghị chúng tôi lấy máy bay tới Chí Lợi, để anh thăm gia đình tôi. Anh yêu thích Santiago nhiều tới nỗi chúng tôi quyết định xây một căn nhà tại đó. Chúng tôi mượn một căn nhà ở Las Condes, một khu đồng quê chỉ cách phía tây ven thành phố có 7 cây số. Căn nhà có lối kiến trúc hiện đại của Mỹ, rộng lớn và có một tầng. Những cửa sổ to lớn một mặt nhìn ra khu vườn, và mặt khác ra dãy núi Andes chánh yếu. Núi vượt lên cao vào bầu trời trong sáng, đặc biệt ngọn El Ploma là một ngọn núi nguy nga và hùng vĩ với sông băng lóng lánh. Sông Rio Mapocho, 200 thước cách đó, thì thâm trong những đêm yên lặng, đôi khi biến thành tiếng gầm thét. Khu đất rộng một hecta, với nhiều cây ăn quả, phần nhiều là quả đào, nhưng cũng có quả mơ, trái mận qua và những bụi cây mâm xôi. Có một hồ bơi, và mùa hè hoa nở dôi dào.

Mẫu thân, phu thân và ông em trai tôi thì ở vùng ngoại ô của Avenida 2 Sự tái thế của đức Ki Tô.

Colon, không cao bằng những ngọn đồi của Las Condes, nhưng gần thành phố hơn. Tôi chỉ mất có 15 phút, khi lái xe tới nhà ở của họ.

David sinh ra ngày 11 tháng 11 năm 1955 tại bệnh viện Santa Maria ở Santiago. Erling đã tỉ mỉ sắp xếp mọi việc cho ngày sinh, và mướn một cô y tá đến ở với chúng tôi trong những tuần kế tiếp. Chúng tôi sinh sống hạnh phúc, hiến dâng tất cả cho đời sống gia đình. David là một đứa bé mạnh khỏe, hài lòng với mọi việc, dễ nuôi. Nó học biết nhanh chóng và có thể đi đứng khi được 9 tháng.

Một năm rưỡi sau, Cathy sinh ra. Nó nhỏ thó và xinh đẹp. Erling vui mừng có được một cháu gái. Khi nó vừa được hai tuổi, phụ thân sắp xếp cho nó được rửa tội tại nhà thờ địa phương.

Trong khi đó thì Clementina gia nhập vào cái gia đình đông người của chúng tôi. Lúc đó là đầu tháng 3 năm 1955. Tôi có thể hình dung được điều đó như đang xảy ra hôm qua. Tôi có một thị nữ, nhưng khi cô nghỉ việc thì Maria, một cô gái khoảng 20, đến thay thế cô để giúp tôi. Maria là một cô gái ở chung với bố mẹ mình trong túp lều nhỏ bé của người trông nom nhà cửa được xây cất trên mảnh đất trống vắng gần chỗ chúng tôi. Mayko đến nhà tôi. Người thị nữ của bà đã đi mất, và bà muốn tôi hỏi những người phía sau nhà tôi là họ có một cháu gái nào muốn nhận việc làm đó không. Tôi không tin gì là được, vì cảm thấy mình biết được tất cả những cô gái đã có việc làm. Tuy nhiên, tôi cùng bảo Maria nói chuyện đó với bố mẹ cô. Điều ngạc nhiên là mẹ cô đến gặp tôi với một cháu gái mà tôi chưa từng gặp. Tên cô là Clementina. Cô là một người rụt rè thật là rụt rè, nhưng Mayko quyết định mướn cô.

Ngày tháng trôi qua, lá những cây ăn quả đổi thành màu đỏ và vàng. Tuyết trở lại dãy núi Andes, năm nay thì nặng trĩu, phủ lên những đỉnh núi lớn một màu trắng huy hoàng và đưa tới những ngọn gió lạnh lẽo chạy qua khu vườn. Hồ bơi trở nên quá lạnh khiến cho không dùng được, và đông giá choàng lên cỏ lúc rạng đông. Mayko nói với tôi là mình đã phải dạy bảo Clementina mọi việc, ngay cả việc cầm một cây chổi, nhưng dần dần Clementina trở nên rất hiệu lực. "Cô ấy còn nhút nhát" bà nói "Nhưng là người rất có thiện chí và đáng quý."

Ngày 17 tháng 9 năm 1957 phụ thân mất. Clementina là người cuối cùng trông thấy ông sống. Cô nói ông vừa đi làm vừa hát một điệu tango của Argentina: "*Adios Muchachos Companeros de Mi Vida*" có thể được

dịch là “*Chào tạm biệt các bạn, những người bạn thân của đời tôi*”. Ông mất một vài tiếng đồng hồ sau vì bệnh tim.

David, chưa được hai tuổi, đặc biệt yêu mến phụ thân, và ông cũng cung chiều nó. Thông thường David không muốn rời bỏ chúng tôi, nhưng nó hăng hái đến chỗ ông ngoại bất cứ lúc nào gặp nhau. David đã nhận biết được chiếc xe Chevrolet màu xanh lá cây của phụ thân, và khi ông chợt mất đi, nó chỉ vào tất cả những chiếc xe màu xanh lá cây chạy ngang qua, kêu gọi: “Không...Không...” Tim tôi đau nhói vì nó.

Đầu năm 1958 những lợi tức thương mại của Erling hiển nhiên đang suy giảm vì thiếu vắng anh, và điều cần thiết là anh phải trở về để lãnh trọng trách quản lí một lần nữa. David được hai tuổi rưỡi, và Cathy gần được một tuổi. Chúng tôi đến Briarcliff Manor ở, tại Westchester County, một vùng ngoại ô của New York, gần cơ sở kinh doanh của Erling ở Ossining - công ty Collett-Week, một hãng sản xuất những cô đặc thiên nhiên cho những công nghệ y dược và thực phẩm, nhất là những vitamin A, D và E, cùng với chất diệp lục.

Chúng tôi đến ở một căn nhà đẹp nhìn ra sông Hudson, và trang bị cho nó mọi tiện nghi. Một chuyến đi tới New York City mất có 45 phút, trên những đại lộ xuyên qua những khu rừng đẹp nhất mà tôi từng thấy. Mùa thu ở Westchester County thì thật nổi danh. Những cửa tiệm của khu vực đều thuộc loại thượng hạng, và tôi đem theo từ Chí Lợi cô Sonia, người hầu gái của mình. Cứ hai năm tôi có một chiếc xe mới, và chúng tôi đi nghỉ mát nhiều lần. Tóm lại, cuộc sống chúng tôi ở Briarcliff khá không chê vào đâu được. Đó là một nơi chốn thần tiên theo sau đó chẳng bao lâu sẽ có một sự thay đổi triệt để mà không ai tưởng tượng được.

Một trong những đạo lí mà Erling đọc được là về Con Đường Thứ Tư của Gurdjieff, một đường lối nhằm phát triển cái tâm thức siêu đẳng của con người. Gurjjeff, một nhân vật bí ẩn vùng Caucasia lập nên một môn phái thần bí ở Pháp giữa hai cuộc chiến, đã nghĩ ra một số những lối tập luyện khiến cho các môn đồ có thể làm thức tỉnh tâm thức mình, và nhận thấy những trạng thái mãnh liệt hơn của bản chất.

John G. Bennett, một đệ tử của Ouspensky, một người truyền dạy lối tu Gurdjieff, đã lập nên viện Harmonious Development of Man ở Coombe Spring, Surrey, Anh quốc, để tiếp tục truyền cái đạo đó. Trong năm 1957 ông có khoảng 400 môn đồ, kể cả một vài người ở những quốc

gia khác. Ông em trai tôi, một người rất thân với Erling, chú tâm tới lối tu Gurjoeff. Do đó, ông bắt đầu liên lạc thư từ ở Chí Lợi với ông Bennett.

Mùa hè năm 1958, khi đang ở Briarcliff Manor, là lúc tôi bắt đầu cảm thấy mình muốn tìm kiếm một cội nguồn phát triển tâm linh hay kinh nghiệm tôn giáo bao la hơn sự phụng thờ của mình ở nhà thờ. Điều này hoàn toàn không liên quan gì tới những kinh nghiệm tâm linh của Erling, và tuy biết tới những quan hệ của ông em tôi với Con đường Thứ Tư của John Bennett, nhưng bản thân tôi thì không chú ý gì tới.

Một hôm đầu tháng 6 tôi nhận được một bức thư thay đổi mọi việc, bên trong và bên ngoài. Erling thì vắng mặt vì một chuyến đi làm ăn trong một thời gian ngắn. Người đưa thư đến, và tôi lượm lên một vài bức. Có một bức của ông em tôi ở Chí Lợi. Khi đọc, tôi cảm thấy "Đây là giây phút trọng đại nhất đời mình!" Guido nói mình được một bức thư của ông Bennett cho hay những học hỏi về Gurdjieff không còn cần thiết nữa. Điều gì mới đã đến. Ông Bennett đã nói với Guido: "Đó là một kinh nghiệm trực tiếp về quyền của Thượng Đế có được nhờ một người từ phương Đông. Cái đó không có giáo lí và tín điều".

Ông Bennett tiếp tục nói rằng chính mình đã tiếp nhận được sự giao tiếp đó, và nó quả thực là một sức mạnh thanh khiết đến nỗi có thể nhập vào linh hồn bất cứ người nam hay nữ nào cầu xin, chỉ bằng cách truyền từ người đã tiếp nhận tới một người xin hỏi. Một khi đã có thì không cần những người làm trung gian. Đồng thời nó phù hợp với mọi tôn giáo.

Tôi đứng trong phòng khách, mắt nhìn chòng chọc bức thư. Chỉ có mình tôi. Mấy đứa con thì trong vườn với người hầu gái. Tôi cảm thấy như nhận được một thiên khải. Không còn nghi ngờ gì nữa, tôi biết mình muốn cái đó hơn bất cứ gì khác trên thế gian.

Khi Erling điện thoại cho tôi sau đó, tôi nói với anh là mình có chuyện quan trọng cho anh hay, và van xin anh mau chóng về nhà.

Trong 6 ngày kế tiếp, khi đợi chờ Erling, tôi thấy xôn xao. Tôi không thể làm bất cứ gì một cách thông thường nữa. Tôi không thể ngủ một cách đích đáng. Khi Erling về, tôi đứng ngoài cửa đợi anh, tay cầm bức thư. Anh đọc và tôi hỏi:

"Cái này anh đang chờ đợi?"

“Đúng vậy” anh nói.

Erling đã kể với tôi anh đã tới chỗ tin tưởng, do những kinh nghiệm tâm linh của mình, sẽ có những thay đổi trọng đại trên thế giới trong lúc mình còn sống, và những thay đổi đó sẽ xảy ra do điều anh hiểu là ”Sự xuất hiện của một sự biểu hiện mới về Thiên Chúa giáo.” Những chứng nghiệm sau này khiến anh mong đợi sự trợ giúp của Thượng Đế sẽ đến qua một người từ phương Đông.

Ngày kế tiếp tôi viết thư cho ông Bennett, xin ông cho biết thêm về sự giao tiếp khác thường đó. Ông gửi cho tôi tên tuổi của một trong 3 người đàn bà ở New York đã tiếp nhận được latihan Subud - việc tiếp nhận cái ân huệ của Thượng Đế được gọi là vậy.

Latihan kedjiwaan Subud, ông giải thích, là một sự tập luyện tâm linh (từ latihan trong tiếng Nam Dương nghĩa là tập luyện hay thực tập, và kedjiwaan nghĩa là tâm linh) điều đó được tiếp nhận nhờ một thái độ quy thuận Thượng đế, trong khi đứng chung với một người đã tập latihan. Cái latihan đầu tiên được gọi là tiếp nhận sự giao tiếp, và người ta nói một người đã tiếp nhận được là được khai mở.

Người đang đứng quy thuận Thượng Đế và tuân theo latihan mình. Phái nữ chỉ tập latihan với phái nữ, và phái nam với phái nam.

Erling và tôi lập tức trở nên thành viên của một nhóm độ 40 tới 50 người nam và nữ cách 2 tuần gặp nhau để hỏi về Subud. Người ta nói với chúng tôi là có một thời gian chờ đợi là 3 tháng. Ba tháng cho tới ngày tôi tiếp nhận latihan.

Sự khai mở của tôi xảy trong một phòng lớn với ánh đèn bình thường. Người ta yêu cầu tôi cởi giày và nữ trang ra, những thứ mà tôi có thể cảm thấy là chướng ngại khiến cho không được tự do cử động. Cùng với 6 người nữ khác, tôi đứng chung với 3 người nữ đã được khai mở và được Bapak cho phép. Một người nữ nói một vài lời của Pak Subuh giải thích sự khai mở xảy ra như thế nào. Điều đó cho hay những người truyền thụ sự giao tiếp chỉ là những người làm chứng cho lòng chân thành phụng thờ Thượng Đế của tôi. Và bởi Thượng Đế là Toàn Năng, nên đó không là điều thích đáng, nếu tự ý dùng tư tưởng và dục vọng. Do đó, tôi không được tập trung tư tưởng, mà hãy để cho cảm xúc được cởi mở, hãy thực sự quy thuận và phó thác cho Ý Thượng đế, và hãy kiên nhẫn và thành tâm trước Thượng đế.

Khi đã nói xong những lời đó, người nữ đó yêu cầu tôi nhắm mắt, khiến tôi không bị những người khác làm cho lảng trí, cứ việc thoải mái và tuân theo bất cứ động tác phát động. Rồi bà nói, “Bắt đầu...”

Nửa tiếng đồng hồ sau, bà nói: ”Chấm dứt”.

Trong nửa tiếng đồng hồ, 3 người nữ đó chỉ tập latihan của họ, phó thác cho Ý Thượng đế. Tôi có thể cảm thấy là không có một ảnh hưởng nào từ nơi họ. Tôi tập latihan, và không còn nghi ngờ gì nó trực tiếp là của quyền năng Thượng đế. Tôi cảm thấy một trạng thái an vui thâm sâu, và nhận thấy thân thể mình tự động nhẹ nhàng lắc lư.

Trong khi đó, cho tới lúc cuối của thời kì chờ đợi 3 tháng, chưa có một người nam nào nhận được sự tiếp giao ở New York City, nên không có ai để khai mở cho những người nam dự bị. Tuy thế, trong tuần đó có một người trên đường đi làm ăn từ Anh tới, và Erling có thể tiếp nhận latihan trong một phòng khác, đồng thời với lúc tôi tập. Điều tôi không biết là ngẫu nhiên cùng một đêm ông em tôi được khai mở ở London, nơi ông đã đến từ Chí Lợi.

Kể từ đó, tôi đi tập latihan đều đặn, hai lần mỗi tuần, dù mưa, nắng hay tuyết rơi, con cái mình thì giao cho những người giữ trẻ hộ. Do những kinh nghiệm trực tiếp của mình, tôi càng lúc càng tin chắc cái latihan Subud này là đích thực phụng thờ Thượng đế. Tôi nghiệm được đó là ân huệ của Thượng Đế tuôn chảy vào bên trong nơi mình, một sự tiếp giao với quyền năng của Thượng đế. Tôi được đưa vào một trạng thái an vui thâm sâu của nội tâm.

Không dễ gì mà mô tả được những gì xảy ra trong latihan do kết quả của sự quy thuận Thượng Đế. Tư tưởng, dục vọng và cảm xúc lắng xuống, và ta tự thấy mình trong cái phần thâm sâu của bản chất tâm linh. Dần dần ta cảm thấy sự rung động của một năng lực. Trong tình trạng quy thuận, đức tin và sự phụng thờ Thượng Đế có đầy trong nội cảm. Việc nghiệm được một sự sống mới của nội ngã thì khởi đầu như thế.

Pak Subuh giải thích như thế này:

Các bạn sẽ không còn lầy lã nữa, sau một latihan, khi cảm thấy một sự sống mới sôi sục bên trong mình, điều chưa có trước đó. Sự sống sôi sục đó có nghĩa là linh hồn đang thức tỉnh và được giải phóng khỏi quyền lực của những ảnh hưởng thế gian.

New York 03.05.59

Là một người Công giáo thành tín, tôi tiếp tục đi dự lễ mỗi chủ nhật. Cái đức tin Công giáo của tôi vẫn còn là điều gì chắc chắn và thâm lặng ở hậu trường, lập nên những tiêu chuẩn cho đời sống bên ngoài của tôi, trong khi latihan đem đến một trạng thái phụng thờ trực tiếp của nội tâm.

Ngay sau khi được khai mở, một buổi sáng nọ trong lúc nghỉ hè của các cháu, tôi cảm thấy mãnh liệt muốn được một mình. Tôi bảo Erling đem các cháu tới văn phòng anh, và ngay sau khi anh đi, tôi tập latihan trong phòng khách. Điều tôi nghiệm được thật mãnh liệt, và tôi thấy mình nằm trên sàn nhà. Tôi nghe thấy một tiếng nói như đi vào đỉnh đầu mình. Nó âm ỉ, nhưng không có âm thanh phát ra ngoài và nói: "Cứ tin cậy Thượng Đế và đừng tin cậy con người!"

Với điều đó tôi cảm thấy được tiếp xúc với một hỗn hợp gồm tình thương và sự gắn gũi với Thượng Đế nó tồn tại nơi tôi trong nhiều ngày.

Sau này tôi đi đến chỗ nhận thức được cái thông điệp đó quan trọng như thế nào, vì nó đã khiến tôi được chuẩn bị để đối phó với những thay đổi trọng đại sẽ tới trong đời mình. Latihan bắt đầu trở thành một nguồn hướng dẫn.

Pak Subuh sau đó giải thích:

Latihan mà các bạn đã tiếp nhận là sự chỉ dẫn của Thượng Đế, không là sự chỉ dẫn của người này cho người khác. Bằng chứng về điều đó sẽ tự động phát hiện trong lòng mỗi người. Các bạn chính mình sẽ ngạc nhiên, vì những gì trong nội cảm mình sẽ tự động phát hiện.

Coombe Spring 19.08.57

Một đêm nọ tại trụ sở Subud tôi có một chứng nghiệm khác cho mình một ấn tượng về sự hướng dẫn đó. Chúng tôi có khoảng 8 người đang đứng chung trong một căn phòng có ánh đèn mờ nhạt để chuẩn bị tập latihan, thì tôi nghe thấy tiếng nói như từ phía trên nói với mình: "Người sẽ nhận được một đặc ân!" Trong trường hợp này, tôi nghĩ, cái đặc ân đó sẽ đến, khi mình đang tập latihan, vì trên thế gian này không có gì cao siêu hơn latihan. Tuy nhiên, latihan chấm dứt và chẳng có gì xảy ra.

Sau đó, chúng tôi ngồi chung trên ghế, yên lặng. Một cách đột xuất,

nơi đó phía bên trái, tôi cảm thấy điều gì có tác động mạnh. Đó là một sức mạnh – như đích thân của Thượng đế. Theo bản năng, tôi nhìn về phía đó. Một tiếng nói liền cho tôi hay: "Cái tình thương mà người khao khát, sẽ được ban cho người." Tôi biết được ngay điều đó có nghĩa mình sẽ tìm được tình thương của Thượng đế.

Mãi sau này tôi mới hiểu được rằng hành động hăm dọa của phụ thân đối với mình khi còn là một đứa bé, đã làm thương tổn đức tin của tôi ở tình thương của Thượng đế. Tôi chỉ hay được điều này tới khi mình trực diện sự thanh lọc đó. Khi nó cuối cùng xảy ra, tôi như nhân vật Job trong Thánh Kinh kêu gọi Thượng Đế để phản đối: "Tại sao Ngài lại đối xử với con như vậy?" Tệ hơn nữa, tôi cảm thấy tự đặt mình vào một sự đen tối của tuyệt vọng, trong đó không còn Thượng Đế nữa. Trong sự đen tối (mà phụ thân biết được, nhưng không thể trốn thoát) lòng tin ở tình thương của Thượng Đế là thiết yếu. Niềm tin của tôi ở tình thương cuối cùng được lành mạnh nhờ cái quá trình của latihan. Trong cái quá trình đó Pak Subuh đối với tôi là hiện thân của tình thương và lòng ân cần không dành cho quan đến riêng ai.

Trong những tháng tiếp theo lúc được khai mở, tôi nghiệm được những tác động của latihan một cách trực tiếp hơn. Ngay cả khi đến tập latihan mà lo lắng về điều gì, sau 30 phút tập, tôi thấy yên tâm, dù vấn đề đã được giải quyết hoặc chưa được.

Khi tôi có một chứng nghiệm tâm linh ngoài latihan, điều đó thường là một sự chỉ dẫn về việc latihan có thể đem những gì tới một cách thường xuyên, và cho tôi thấy được sự việc mình có thể sống một cách khác. Có lần tôi nghiệm được trong một hoàn cảnh bình thường một sự thay đổi quan trọng của tâm thức. Đang phơi những áo quần đã được giặt thì chợt nhiên tôi có cái chứng nghiệm về một sự sống mới trong bàn tay mình khi nó đang làm việc. Với việc đó tôi trở thành một người tự quan sát mình và những gì mình đang làm. Đó là một công việc mà tôi thường làm một cách máy móc, muốn được xong xuôi càng sớm càng tốt. Cái chứng nghiệm đó khiến tôi thoáng thấy được đời sống nội tâm có một kích thước mới mẻ, và điều đó đã xảy ra không có sự can thiệp của trái tim. Một lần khác tôi ý thức được việc tình trạng nội tâm của mình có thể khiến cho được thay đổi. Điều tôi nghiệm được khởi đầu với một giấc mơ lúc sáng sớm. Có ai đó bảo tôi về khuôn mặt của Thánh Francis of

Assisi³. Tôi tuân theo những chỉ dẫn, và vẽ hình ảnh cái đầu và khuôn mặt của ông. Khi tôi thức dậy, latihan mạnh mẽ tuôn chảy xuyên qua mình. Tôi chẳng biết tất cả những cái đó có nghĩa gì. Tôi không là một kẻ đặc biệt ngưỡng mộ thánh Francis. Sau đó buổi sáng tôi đi vào vườn nhà để kiểm soát những bông hoa vừa mới trồng. Khi cúi xuống, tôi nhận thấy có một con chim nhỏ bé không xa nơi mình. Tôi thấy đó là chuyện kì lạ, khi con chim muốn gần gũi mình, vì nó là một con chim rừng. Khi tôi đứng lên, nó bay tới một thân cây gần nhất. Tôi đến nơi đó và bắt đầu vuốt ve lưng nó, điều nó tự tin cho tôi làm. Trong lúc đó tính chất của Thánh Francis được khiến cho sống động nơi tôi.

Lúc ban đầu hồi đó, tôi cũng nghiệm được một sự thay đổi tự nhiên trong quan hệ của mình với đứa cháu gái được 3 tuổi. Nó đòi hỏi nhiều hơn đứa thứ nhất. đột nhiên tôi có một nhận thức mới về nhược điểm của nó, và do đó cảm thấy một tình thương đặc biệt, thích ứng hơn với những nhu cầu của nó. Tôi không phải cố gắng làm như vậy; điều đó tự nhiên đến.

Tôi bắt đầu thấy được sự thanh lọc như vậy do latihan là một ân phước lớn. Nếu không tiếp nhận được latihan, thì tôi đã bị sa lầy, kéo dài mãi mãi những lỗi lầm y hệt như trước. Những khuynh hướng tạo nên sai lầm của tôi sẽ truyền lại cho con cái mình, đến phiên chúng thì chúng sẽ truyền lại cho con cái chúng, và việc đó tiếp diễn cho tới những thế hệ tiếp theo nữa. Hiển nhiên, latihan đã đi con đường tắt để thay đổi những thái độ cố hữu của mình, nếu không thì những điều đó sẽ mãi mãi là như vậy.

Trong khi đó thì chúng tôi đã được khai mở khoảng 2 tháng, khi ông John Bennett mời Erling đến Anh để thăm mình. Ông em tôi vẫn còn ở đó. Erling đi để bàn luận về những dự tính cho ông John Bennett tới New York đầu năm 1959, và cho Pak Subuh tới thăm New York trong tháng 4 năm 1959. John Bennett yêu cầu Erling nắm chức hội trưởng của Subud New York. Khi trở về New York, Erling dành phần nhiều thời giờ của mình cho những nhu cầu của nhóm, bằng cách đi mượn và trang trí lại những toà nhà tập latihan rộng lớn, cùng với việc sắp xếp cho cuộc thăm viếng sắp tới của Pak Subuh.

Chẳng bao lâu sau đó ông em tôi tới New York. Khi ngồi trò chuyện

3 Người lập nên dòng tu Assisi. Trong đạo Công giáo ông được coi là vị thần hộ mệnh của thảo mộc và thú vật.

trong phòng khách, tôi hầu như đã không nhận ra ông. Trông như một kẻ xa lạ, con người ngồi trước mặt tôi, một kẻ đã tiếp nhận được latihan chỉ vài tháng ở Anh, khi được 30. Nơi đây ông nói tới Thượng Đế trong hầu hết những câu nói của mình. Trước đó ông chưa từng đi nhà thờ. điều gì có thể đã xảy ra cho ông? Latihan có thể đã tạo nên tất cả những chuyện đó?

Như dự tính, được nhóm của chúng tôi mời, John Bennett và Pak Subuh tới New York, và được cho ở tại nhà một hội viên ở Manhattan. Cùng với Pak Subuh, được tất cả các hội viên Subud gọi là Bapak, là Ibu, bà vợ ông, bà con gái của Bapak, Rochanawati, người thông dịch Nam Dương, Dr Anwar Zakir, và Ratna, bà vợ ông.

Chẳng bao lâu tôi được gặp ”Người từ phương Đông”, một người đã được lựa chọn để đem latihan Subud tới cho thế giới.

Chương Hai

Bapak Muhammad Subuh

Tôi gặp Bapak lần đầu tiên, khi người đến nhà của chúng tôi ở Briaarcliff Manor, Hoa Kỳ, tháng 5 năm 1959. Erling đã mời người đến ăn, và người đến có Dr Anwar Zakir đi theo. Căn nhà mà người hầu gái luôn giữ cho không có vết nhơ, trông thật đẹp với những bông hoa tươi thắm cạnh cửa sổ. Bàn ăn được bày đặt với những dao đĩa tốt nhất của chúng tôi. Do kinh nghiệm tôi biết mình đã chuẩn bị mọi việc một cách thoả đáng. Tuy nhiên, tôi thấy căng thẳng. Không, đó không là những việc thiết thực; tôi đã làm xong tất cả trước đó. Đó là cái tình trạng kích động nổi lên trong lòng mình. Đối với tôi đó là nhân vật được lựa chọn để đem tới cho nhân loại một sự giao tiếp trực tiếp với quyền năng của Thượng Đế!

Khi Bapak bước vào phòng khách, tôi trông thấy một người đàn ông cường tráng với một khuôn mặt khả ái. Người gần được 60. Tôi chưa từng trông thấy một người Nam Dương trước đó. Da thịt Bapak màu nâu vàng, và người có một hàm răng trắng tinh và đều đặn. Tóc Bapak đen

ngắm và bắt đầu trở nên xám. Người đứng rất ngay ngắn, thư thái, đôi tay thường đan vào nhau đằng sau mình. Tuy nhiên, điều tôi để ý là cặp mắt của người. Nó êm dịu, thâm sâu, yên lặng và có tính chất của một sự trầm lặng cực độ. Tôi có cảm tưởng người có thể nhìn vào linh hồn mình nhưng không phê phán.

Bapak đáp lại lời chào của tôi với một nụ cười. Người rất thân thiện, và khiến tôi cảm thấy thanh thản. Tuy thế, suốt lúc ăn và sau đó, tôi rất ý thức được sự hiện diện của người. Sự hiện diện có hấp lực của một người nào đó khác có thể lôi kéo sự chú ý của tôi, nhưng sự hiện diện của Bapak lại có một tác động ngược lại. Nó khiến tôi càng lúc càng ý thức được bản thân mình, và mọi việc mình đang làm. Trong cái trạng thái được tăng cường đó, tôi làm mọi việc với sự thận trọng tối đa, do ảnh hưởng của sự trầm tĩnh thâm sâu trong nội tâm Bapak. Sau này tôi hay được điều tôi nhận thấy mình ý thức được bản thân, và cái ý muốn làm mọi việc một cách tốt đẹp - đến mức tối đa - là điều nhiều người khác cùng nhận thấy, khi họ được gần Bapak.

Người hành xử một cách rất dịu dàng và thích hợp. Người rất chú ý tới nơi chúng tôi ở, và trong lúc ăn uống phần nhiều nói về những chuyện bình thường. Giọng nói thì đều đều, và người thường cười. Người không nói gì hết về đời sống tâm linh trước đây; tuy nhiên, một cuốn sách vừa mới được xuất bản, đã thuật lại cuộc đời của người, cuốn *Concerning Subud* của John Bennett.

Bapak sinh gần Semarang ở trung bộ Java, ngày 22 tháng 6 năm 1901, ngày tháng đó trùng hợp với ngày sinh tháng đẻ của ngôn sứ Muhammed theo lịch Hồi giáo. Đứa bé được đặt tên cho là Sukarno, nhưng với cái tên đó nó luôn đau ốm, nên tên được đổi thành Muhammed Subuh, để tương ứng với thời gian sinh đẻ là 5 giờ sáng - Subuh nghĩa là bình minh.

Người được ông bà nội nuôi nấng. Ở nhà trường, người được dạy học bằng tiếng Java, tiếng Nam Dương, và sau đó là tiếng Hoà Lan. Khi ông nội mất, Bapak nhận một việc làm, học kế toán và lãnh trọng trách chăm lo cho cha mẹ cùng với em trai và em gái mình.

Một đêm nọ ở Semarang lúc mùa hè năm 1925, khi được 24 tuổi, Bapak nhận được latihan. Người đi bách bộ, và khoảng một giờ sáng, trên đường về nhà, người giật mình thấy một ánh sáng chiếu từ phía trên. Người nhìn lên và trông thấy một trái banh bằng ánh sáng màu trắng chói

lòà rớt vào đầu mình. Thân thể Bapak lay động và ngực thì hập hô. Người vội vã về nhà, lên giường nằm và quy thuận Thượng Đế. Kế đến, người đứng dậy, nhưng không do ý chí mình, và làm lễ theo lối Hồi giáo. Kể từ đó người được làm cho thức dậy hầu như mỗi đêm, và được khiến cho cứ động: đánh võ, nhảy múa, ca hát những giai điệu mới và vân vân.

Trong những năm tiếp theo, nhiều bạn bè thích tìm hiểu tâm linh thường đều đặn đến thăm Bapak, để hỏi ý kiến. Người tiếp tục tiếp nhận và tuân theo những động tác của nội ngã, điều người sau này gọi là latihan kedjiwaan. Tuy người được tiếp xúc với cái sinh lực mà mình đang tiếp nhận, nhưng Bapak cảm thấy đó chưa là lúc khai mở cho thiên hạ.

Năm 1932 người có một số những chứng nghiệm tâm linh mãnh liệt, và kết quả là người thấy cần phải nghỉ làm việc, để dành hết thời giờ cho latihan. Việc làm đó được xác nhận vào khoảng lúc sinh nhật của Bapak trong tháng 6, khi người nghiệm được một sự thăng thiên tâm linh. Người liền hiểu được rằng sứ mệnh và nhiệm vụ của mình là truyền thụ cho bất cứ ai cầu xin cái latihan mình đã tiếp nhận.

Trong thế chiến thứ hai người đến Yogyakarta ở, và tới năm 1945 thì có khoảng 300 người theo tập latihan. Người đặt cho nhóm cái tên *Susila Budhi Dharma*, hay SUBUD viết tắt.

Bapak có 8 buổi nói chuyện trong lúc ở New York, một vài buổi có tới 700 hội viên đến dự. Tôi thường ngồi hàng đầu cách người vài thước, và nghe nói chuyện một cách rất thích thú. Người ngồi trên một ghế bành trên bục dài, với người thông ngôn bên trái. Người hoàn toàn thanh thản, và hơi cúi về phía trước khi nói vào micrô. Khi không có những điều bộ đôi khi để diễn cảm, bàn tay của Bapak thả xuống một cách thư thái trên chỗ dựa tay của ghế. Những lời nói của người tuôn ra một cách dễ dàng, không đòi hỏi cố gắng, đòi dào tình cảm, và khi người nói, tôi nhận thấy nội tâm được an vui.

Tôi cảm thấy không chỉ có những gì người nói là quan trọng -người giải thích những gì đang xảy ra trong linh hồn tôi - mà còn có việc bản chất của người đã nâng cao tình trạng nội tâm của tôi. Khi nghe xong những buổi nói chuyện của Bapak, tôi thường một mình lui vào một nơi yên tĩnh trong một thời gian ngắn, để cho cảm xúc được hoà nhập.

Trong buổi nói chuyện mừng 3 tháng 5, người nói tới sự xuất hiện của

latihan và ý nghĩa của nó đối với nhân loại.

Bapak cảm tạ Thượng Đế đã khiến cho mình cuối cùng đến được New York để gặp tất cả các bạn. Sự hiện diện của các bạn nơi đây chứng tỏ là các bạn có thiện cảm với SUBUD. Điều này quả thực như một biểu tượng về việc hiện nay Thượng Đế đòi hỏi nơi tất cả các bạn là không được coi thường nữa sự phụng thờ của mình, nếu không thì các bạn sẽ đi quá xa khỏi Thượng Đế, khiến cho khi phải trở về thì quá trễ.

Điều đó luôn là vậy trong lịch sử của thế giới và của nhân loại. Do nhiều khó khăn cản trở sự phụng thờ Thượng Đế, và do những hoàn cảnh của thời hiện đại khiến cho cho tâm trí con người bị giao động, ta cần được Thượng Đế giúp đỡ. Bapak đã không tiếp nhận cái đó bằng cách học hỏi của một ông thầy, hay một người nào đó, mà là nhờ ý muốn của Thượng Đế. Bapak đã tiếp nhận được sự trợ giúp tâm linh này, một cách yên tĩnh và vui vẻ, trong một trạng thái của bản chất là ý muốn của Tạo Hóa, và do đó là điều không thể từ chối được. Ta không thể chối bỏ quyền năng và lòng từ tâm của Thượng Đế, vì điều đó chứa đựng trong tất cả những gì đã được ban cho con người; và có lẽ đó cũng là Ý Thượng Đế khiến cho những gì Bapak đã tiếp nhận sẽ được phổ biến cho tất cả nhân loại, để họ cũng có thể tìm thấy con đường chân chính, và biết được cuộc sống chân chính của mình.

New York 03.05.59

Trong lúc ở New York cũng như lúc có những buổi nói chuyện với hội viên, Bapak tham dự latihan, và khi được yêu cầu thì cho mỗi cá nhân biết ý kiến riêng tư của mình. Điều đó trở thành khuôn mẫu cho những cuộc viếng thăm các nhóm trên khắp thế giới. Về hoạt động của ban quản trị, người chỉ khuyên chúng tôi tổ chức tùy theo luật lệ quốc gia.

Lúc ban đầu Bapak nhấn mạnh latihan là phải thực hành trong đời sống.

Bapak tiếp nhận được cái latihan này lúc mình vẫn còn trong trạng thái ban đầu, nghĩa là mình vẫn còn làm việc, vẫn còn dùng tâm trí. Điều đó chứng tỏ là Thượng Đế mong muốn con người tìm được con đường dẫn về Thượng Đế mà không cần phải bỏ đi lối sống thông thường trên thế gian. Đối với các bạn đã tiếp nhận được latihan, thì đó là điều không cần thiết, nếu các bạn xa lánh xã hội, tự cô lập mình, hay từ bỏ tất cả

những điều mà mình đã quen thuộc. Các bạn nên tiếp tục làm việc và dùng trí óc. Các bạn vẫn cần phải kiếm ăn và nuôi nấng gia đình mình. Nhưng bây giờ thì các bạn đã tiếp nhận được Subud, nên nó sẽ nằm trong lòng mình, cộng thêm với những gì đã có, một sự hiểu biết về việc Thượng Đế che chở mình, hướng dẫn mình, bảo vệ mình, và luôn hiện diện trong đời mình, và trong tất cả những gì mình làm.

New York 03.05.59

Tôi đã được khai mở chưa đầy một năm, và chăm chú say mê nghe mỗi lời nói, khi người tiếp tục giải thích về việc latihan sẽ phát triển như thế nào bên trong chúng ta.

Sự xuất hiện của cái mà tất cả các bạn đã tiếp nhận thực sự là một ân huệ vô hạn, vì chúng ta không còn chỉ có tuân theo và làm theo những gì được khuyên răn, nhưng hiện nay chúng ta phải tập luyện cái thực tại của những điều đó, khiến cho có điều chắc chắn là chúng ta sẽ tin tưởng vì nghiệm được sự sống và những rung động của nó bên trong bản ngã mình.

Sự hiện diện của sự sống bên trong các bạn theo cách đó sẽ khiến cho các bạn nhận thức và tự mình chứng nghiệm được cái thực tại của những gì đã được các vị thiên sứ xưa kia thuật lại: đó là việc Thượng Đế có bên trong mình, ta được che chở, Ngài luôn hiện diện, và do đó ta nên phụng thờ Ngài. Các bạn hãy nhớ lại căn nhà của mình, căn nhà của Thượng Đế bên trong bản chất mình.

Như vậy chúng ta có thể đến gần và tìm thấy Thượng Đế qua việc đi đứng, qua những động tác của bàn tay, qua cái nhìn, qua cái nghe, qua cái nếm, theo cách miệng nên nói và nếm. Nên trong việc thực hiện những bốn phận của mình trên thế gian này - một thư kí trong văn phòng mình, một diễn viên trên sân khấu trong lúc diễn xuất, một vũ công ba lê trong lúc nhảy múa - ta sẽ cảm thấy sự vĩ đại của Thượng Đế, và ta không nên quên Ngài.

Như vậy sự thật được cụ thể hoá bên trong bản chất mình, chẳng hạn như một bàn tay sắp đánh đập một kẻ không nên đánh đập, sẽ được ngăn lại để khỏi phải làm điều đó, vì sự thật đã được cụ thể hoá trong bàn tay. Điều này cũng đúng với việc nhìn một điều gì không tốt, trong đó mắt sẽ tự động quay đi chỗ khác, vì cái sự thật hợp pháp đã được cụ thể hoá

bên trong cái nhìn. Với tai thì cũng vậy, tai sẽ không còn thích nghe thiên hạ cãi nhau.

New York, 09.05.59

Tuy tôi cảm thấy ý nghĩa của những gì người nói là trọng đại -niềm hi vọng của nhân loại - nhưng Bapak nói mà không tìm cách thuyết phục. Người nói mà không có sức mạnh hay một chút tính đa cảm nào⁴. Chẳng bao lâu chúng tôi hay được là trong những nói chuyện của mình Bapak đã tiếp nhận được những gì mình đang nói - những lời nói đều đến từ bên ngoài cái quy trình tư tưởng của người.

Bapak giải thích Subud không là một giáo lí, và mình không là một tôn sư. Tuy nhiên, tôi hiểu được nhiều điều về đời sống tâm linh, và về cái quá trình của latihan qua những điều được giải thích. Người xác nhận cái kinh nghiệm của tôi.

Các bạn có những lỗi lầm, những dơ bẩn và những cảm xúc rối loạn. Những cái đó được đưa tới cho các bạn do tổ tiên. Các bạn không được nghĩ rằng họ đã đem những cái đó đến không do lỗi lầm của họ, nhưng họ cũng lỗi lầm.

Vai trò Bapak là của một hướng đạo tâm linh, bằng cách giảng giải latihan cho những người đã được khai mở. “Trong Subud“, người nói, “chúng ta trước hết chúng nghiệm, và sau đó giảng giải“. Trong nhiều năm người tiếp tục nhân mạnh trong những nói chuyện của mình việc chứng nghiệm là cần thiết.

Vậy hiển nhiên, cái mà Bapak nhận được của Thượng Đế -Bapak gọi là latihan kedjiwaan Subud - là đặc biệt nhận được do ý muốn của Thượng Đế, khiến cho nhân loại ý thức và hiểu biết được thực chất của tất cả những gì đã được chỉ bảo do các vị ngôn sứ xưa kia... Do đó ta có thể nói latihan có tính chất thực tế. Đó không là điều gì mà ta chỉ việc nghe, điều gì được truyền dạy và chỉ bảo, mà còn là điều gì đồng thời có thể chứng kiến và chứng thực được. Vậy latihan kedjiwaan thực sự tạo bằng chứng cho những gì đã được dạy bảo cho nhân loại từ hồi xa xưa cho tới nay.

Cái latihan mà các bạn tiếp nhận được qua thực trông bề ngoài có

⁴ Nguyên văn: without force or emotionality. Có lẽ điều tác giả muốn nói là không có những lỗi lập luận đanh thép để thuyết phục người nghe, hay dùng những ngôn từ đánh vào tình cảm của họ.

vẽ không có ý nghĩa gì. Thực ra nhiều người không hiểu được là tất cả những điều đó, những động tác mình tiếp nhận được, là sự hướng dẫn và điều khiển của Thượng Đế. Nhiều người đã không hiểu được. Tại sao? Bởi vì cái latihan này thực sự không thể hiểu được với trí óc.

Leicester 08.07.70

Trong khi đang bành trướng ở Hoa Kỳ, Subud đồng thời cũng lan truyền tới những quốc gia khác. Bapak sau này mô tả sự xuất hiện của Subud ở Tây phương:

Lúc nhận được latihan, trong những điều Bapak được cho hay thì có việc sau một cuộc chiến lớn khác, thế chiến thứ hai, Bapak sẽ phải đi vòng quanh thế giới để cho nhân loại biết được cái latihan này. Hồi đó vẫn còn là năm 1932... Sau thế chiến thứ hai, khi Bapak đến Yogyakarta ở, thì có một người ngoại quốc là Hussein Rofe đến gặp Bapak để học hỏi về tâm linh... Bapak khai mở cho anh ta. Vì nghề nghiệp của mình là viết báo, nên sau một thời gian, Rofe viết một bài báo (bằng tiếng Thổ) về chuyện tiếp nhận latihan cho một tờ báo lưu hành ở Thổ và Cyprus. Nhờ bài báo đó Rofe được mời đi khai mở cho những người ở Cyprus, đó là những người sẽ trở về Anh sau đó, và họ mời Bapak đến Anh... Tình cờ ông Bennett đang tổ chức một khoá học về Gurdjieff ở đó. Do khoá học đó mà những đệ tử của Gurdjieff ở khắp nơi phải đến Coombe Springs. Đó là những người Nam Phi, Tích Lan, Hoà Lan, Đức, Pháp, Bắc Mỹ, Chí Lợi và Peru...

Tất cả những việc đó hoàn toàn do tình cờ. Bapak đã không nghĩ là sẽ có ở đó những người từ những quốc gia khác không là nước Anh. Bapak khai mở cho tất cả những người đó, đến mấy trăm người. Bapak phải ở đó 7 tháng... Sau khi tiếp nhận được latihan, những người đó đã trở về quê hương mình, và có lẽ đã nói đó là cái gì rất lợi ích... bởi Subud bắt đầu truyền tới những quốc gia khác.

Leicester 08.07.70

Khi một nhóm Subud được lập nên, Bapak bổ nhiệm “phụ tá” để giới thiệu cho những người khác. Người không bao giờ đề nghị chúng tôi tuyên truyền cho Subud và latihan, trên thực tế thì ngược lại nữa là khác. Người khuyến các phụ tá:

Người phụ tá nói chuyện với ai đó về Subud để lôi kéo người đó vào

Subud thì không bao giờ được làm như vậy bằng cách ép buộc hay ảnh hưởng tới đương sự để lôi người ta vào Subud. Thực ra, cách làm điều đó như việc kể một câu chuyện. Nhưng tất nhiên một phụ tá phải có khả năng tự hỏi mình là khi nói chuyện về Subud, thì chính mình có là một tấm gương tốt hay không về những gì mình đang nói? Bởi vì nếu nói thật hay về Subud mà chính mình lại bê bối, thì người đang nghe sẽ không có nhiều ấn tượng tốt đẹp về những gì mình nói.

Quito 06.11.77

Trong những năm tiếp theo, những nói chuyện của Bapak là điều gì thông thường của đời sống Subud, được in thành sách và phân phát cho hội viên. Kết cuộc là có khoảng 2000 bài.

Những buổi nói chuyện của Bapak chỉ có hội viên đến dự. Phần nhiều những điều người nói là để đáp ứng những nhu cầu cá biệt của chúng ta, và người càng lúc càng đưa ra những điều hướng dẫn các sinh hoạt của Hội Subud. Người đi khắp thế giới nhiều lần, có những buổi nói chuyện với các nhóm và tại các hội nghị Subud. Phần nhiều hội viên Subud biết được Bapak là nhờ đến dự những buổi nói chuyện. Nhờ vậy, hầu hết các hội viên đều trở nên quen thuộc với những đức tính và đặc điểm đáng quý mến của Bapak.

Khi có một buổi nói chuyện, Bapak luôn bắt đầu đúng giờ. Người thường đến với những người trong gia đình và một thông dịch viên. Những người trong gia đình thường ngồi hàng đầu, một người trong đám trước hết có nhiệm vụ coi xem người đã được tất cả những gì mình cần hay chưa.

Bapak dùng thì giờ để điều chỉnh cái micrô cho tới cái khoảng cách khiến mọi người nghe được, và để coi xem chuyên viên kỹ thuật và người thông dịch có sẵn sàng hay chưa. Người tốn nhiều thì giờ về việc đó như bất cứ một diễn giả nào khác. Điều này có vẻ là một việc hoàn toàn thiết thực, nhưng nó có hiệu quả là giúp cho cảm xúc của thính giả được chuẩn bị.

Ngay cả như vậy, Bapak luôn chờ đợi trước khi bắt đầu nói. Về sau tôi hiểu được rằng người chờ đợi cho tới khi có trong lòng một sức mạnh thuộc một trình độ cao siêu. Có lần người đã chờ đợi có lẽ 15 phút trước khi bắt đầu, rồi chợt nhiên nói: „Ya!“ nghĩa là: “Bây giờ thì nó đến rồi

đó!“ Người cũng cho hay là khi nói, mình đã chưa từng dùng một bài viết soạn trước. “Bài nói chuyện tự nó đến“, người nói. “Cách Bapak có buổi nói chuyện đã được sắp đặt xong.“

Khi mọi việc đã xong xuôi, Bapak bắt đầu buổi nói chuyện với lối nói thân thiện của mình: Saudara, Saudara (Thưa các anh chị em). Kể đến là một sự dẫn nhập theo nghi thức thường có đặc điểm chung là việc thừa nhận sự vĩ đại của Thượng Đế, trước khi vào đề.

Thưa các anh chị em. Quả thực Bapak đã nhiều lần giải thích về thực chất của latihan kedjiwaan...Chúng ta có thể phát biểu một cách hoàn toàn rõ rệt và đáng tin rằng latihan kedjiwaan không gì khác hơn là một đặc ân của Thượng Đế, và điều chúng ta nghiệm được trong latihan là sự hướng dẫn của Thượng Đế

Tuy thế, bây giờ chắc chắn vẫn có nhiều người trong các bạn tự hỏi mình: “Nó thật là vậy?”“Bởi tất cả chúng ta, kể cả Bapak, đang sống trong một thời đại chúng ta nhận thấy nhiều điều có khuynh hướng làm thức tỉnh óc suy tư, và chúng ta chịu ảnh hưởng của nhiều điều làm nafsu thức tỉnh. Vậy, nếu muốn trả lời câu hỏi đó, nếu tìm kiếm bằng chứng, chúng ta không phải tìm đâu xa xôi, chúng ta chỉ cần nhìn vào cái thực tại của chính latihan.

Bristol 26.06.77

Bapak nói tiếng Nam Dương, và thường nói chuyện 2 hay 3 tiếng đồng, tính luôn cả thời gian thông dịch qua tiếng Anh. Người cho thấy một sự kiên nhẫn vô hạn, khi đợi chờ được thông dịch mỗi lần mình ngưng nói.

Trong những nói chuyện của mình người thường bao gồm điều gì riêng biệt cho trường hợp hay nhu cầu của ai đó trong thính giả. Có lần Bapak nói chuyện với một nhóm người bao gồm những người đến thăm thuộc một quốc gia Âu Châu. Người đề cập tới cuộc viếng thăm mới nhất của mình tại đó, và kể lại việc các hội viên có nhiệm vụ sắp đặt cho mình đã làm những điều cực vô ích để bảo vệ đời tư của mình. Người nói mình cảm thấy cô đơn; người có thể trông thấy từ khung cửa sổ trên cao là các hội viên muốn vào thăm mình, nhưng những người có nhiệm vụ lo cho mình thì lại không để cho bất cứ ai vào. Người nói: “Bapak thực ra muốn được hoà nhập với hội viên trong dịp đó.“ Điều nhận xét đó giúp cho các

hội viên thuộc quốc gia nói trên khắc phục được một tinh thần rất mạnh của đất nước mình - coi trọng quá mức việc tổ chức, khiến cho không còn được tự nhiên nữa.

Bapak cũng thực sự hiểu rõ được đòi hỏi của mình là hệ trọng như thế nào, và có thể giúp thiên hạ trông thấy những lỗi lầm của họ về việc đó mà còn không nói bất cứ gì. Có lần ở Briarcliff khi có một kẻ lên đến gần mình, người lạng lẽ đi ra ngoài phòng.

Bapak đi rất nhiều, thường thường với những người trong gia đình. Không nơi nào là nơi mà người không tận tâm đối với cái sứ mệnh của mình. Người có những buổi nói chuyện với mỗi nhóm, và tập latihan chung với họ, đôi khi lên đường buổi sáng, và buổi chiều cùng ngày thì có một buổi nói chuyện. Sự hoạt động của Bapak cho hạnh phúc của Hội là điều vượt ra ngoài sức chịu đựng thông thường của con người. Chưa bao giờ tôi đã thấy người lo ngại hay than trách, nếu mệt mỏi. Khi ra đi, người luôn mặc một bộ côm lê đẹp thường được mặc do thợ may làm. Điều duy nhất không thuộc Tây phương là việc người đội một chiếc petji, một loại nón nhưng không lông màu đen của người Hồi giáo. Người luôn đeo kính, ngoại trừ trong lúc đọc.

Bapak được chăm sóc hết sức chu đáo tại bất cứ đâu mình đến, không phải vì cần hay muốn được vậy, mà vì tấm lòng muốn được chiều chuộng Bapak của thiên hạ rất mạnh. Đó là một biến cố trọng đại trong năm đối với những ai được người đến thăm. Người rất quan tâm tới những tổn phí cho phòng ở và chuyến đi, và thường nói tới những cách làm giảm bớt những chi tiêu. Người phần nhiều ăn những đồ Nam Dương, và việc nấu nướng thuộc quyền của những người nữ chăm lo cho mình. Vì lẽ đó mà bất cứ nơi đâu người ở, nhà cửa được sắp xếp như thế nào đó để cho có thể nấu ăn cho người, thông thường thì tại nhà của một hội viên, đó là điều người thích hơn.

Bapak chưa từng là một khuôn mặt được mọi người biết. Người không tìm cách khiến cho được nổi tiếng. Người không tìm cách ảnh hưởng tới thiên hạ. Những người đến tiếp nhận latihan được hướng dẫn làm như vậy do tấm lòng của chính họ. Khi tiếp xúc với thiên hạ, thái độ của người không tỏ vẻ phân biệt. Bapak thường nhấn mạnh mình chỉ là một con người bình thường, và không bao giờ cho mình là đặc biệt. Nhưng đối với chúng tôi người thật là phi thường. Tình thương đối với mọi người, lòng nhân đạo, sự tiếp nhận tâm linh, sự minh triết tâm linh của

Bapak thì thật là phi thường. Tất cả những cái đó người muốn chia sẻ.

Trong Subud không có những điều chỉ dạy về tôn giáo. Bapak khuyến khích hội viên Subud tiếp tục theo đạo của mình, nhưng không được dung hợp nó với latihan của Subud. Người cho hay latihan là điều gì khác biệt với những cầu nguyện của tâm trí. Trong latihan chúng ta gạt bỏ ý chí và những cầu nguyện thông thường của mình. Trong nửa tiếng đồng hồ, chúng ta chỉ việc tiếp nhận và tuân theo quyền năng của Thượng Đế là điều hướng dẫn chúng ta một cách trực tiếp và theo mỗi cá nhân, từ một nơi bên ngoài cái ước muốn cầu xin đặc ân của chúng ta.

Bapak cho hay thêm là sự thanh lọc, do kết quả của latihan, tiến triển tùy theo bản chất, nhu cầu và khả năng của chúng ta. Người nói rằng chúng ta sẽ càng lúc càng nhận thấy nội tâm được an vui, mặc dù sự an vui đó đôi khi bị xáo trộn do quá trình của sự thanh lọc. Khi trưởng thành, chúng ta sẽ tự mình nhận thấy những thay đổi, và có thể là những người chung quanh chúng ta cũng sẽ thấy như vậy. Người nêu cao sự việc chúng ta không bao giờ được bỏ bê latihan. Chúng ta phải tập tành để duy trì sự tiến bộ.

Tất cả những điều đó tôi có thể xác nhận, khi thời gian trôi qua. Tôi thấy những thay đổi, tôi rất biết ơn và nhiều lúc cảm thấy cái quá trình của mình nó nặng nề. Tôi nhận thấy đối với chúng ta là những người thuộc thế hệ đầu tiên vào Subud, thì điều này không luôn nhẹ nhàng và dễ dàng. Nhưng rồi tôi tự nói với bản thân mình, tôi không muốn tiếp tục luôn luôn là một kẻ như trước đây, lặp đi lặp lại những lỗi lầm của mình. Tôi nhận thức được sự thanh lọc là một quá trình diễn tiếp, không có kết thúc trong cuộc đời mình.

Tôi không lúc nào không hết ngạc nhiên về sự hiểu biết của Bapak liên quan tới cái bản chất tâm linh của con người và cái lịch sử tâm linh của nhân loại, một sự hiểu biết sâu sắc, theo chỗ tôi biết, chưa từng có ở bất cứ đâu. Khi bộc lộ ra, sự minh triết đó được bao bọc bởi một hào quang không thể tả được của tình thương và lòng trắc ẩn.

Thình thoảng Bapak đề nghị với một hội viên là nên đến Cilandak để được trợ giúp nhiều hơn. Điều đó được coi là việc tạo nên một môi trường trong đó họ có thể trải qua một sự thanh lọc nhanh chóng. Việc này đôi khi khiến cho thể chất được lành mạnh, như trường hợp một người bạn

thân của tôi ở Mexico, một người theo chẩn đoán là bị u thần kinh đệm⁵ một bệnh ung thư ác, và người ta đã nói với chị là nếu không được mổ, thì chị chỉ còn có một tháng để sống. Bapak mời chị đến Cilindak ở đề thường xuyên tập latihan. Sau một vài tuần chị hoàn toàn được lành bệnh. Cô đào Eva Bartok là một trường hợp khác, được quảng cáo nhiều ở Anh trong năm 1957; khi theo tập latihan, cô đã tránh được việc cho cái khối u của mình phải mổ, và đứa bé chưa sinh ra của cô đã được cứu sống.

Tuy nhiên, Bapak không là một thầy chữa bệnh, và Subud không tuyên bố là latihan sẽ chữa được bệnh. Chữa bệnh có thể là kết quả của latihan, “vì latihan được khiến cho thức tỉnh bởi một sức mạnh không bị ảnh hưởng của tâm trí, nên những bộ phận yếu kém trước đây của cơ thể có thể lấy lại sức lực“. Nói cách khác, lành bệnh chỉ là kết quả tự nhiên của latihan, chứ không là chủ đích của nó. Đối với những người trong Subud thì việc lành bệnh là điều có thể hay không thể xảy ra.

Bapak sống rất nhiều bên trong cái văn hoá và tôn giáo của đất nước mình. Điều đó tác động tới tất cả những người ở Cilindak hay tới đó thăm, nhất là trong những ngày tháng Ibu, bà vợ của mình, còn sống. Những giới định như Idul Fitri, lễ ăn mừng sự kết thúc của trai giới Ramadhan, và mỗi biến cố trọng đại trong đời người - sinh nhật, cưới hỏi, lễ cắt bao quy đầu, tang lễ, và ngay cả việc đến ở một căn nhà mới - đều được chấp nhận với một bữa ăn tạ ơn gọi là selematan.

Bapak không khoe khoang sự tiếp nhận tâm linh của mình, mặc dù có những dịp gây ấn tượng sâu sắc đối với những người được gần mình. Mẹ tôi, Mayko, kể cho tôi nghe một chứng nghiệm trong một dịp ở Mexico City, tại một buổi họp không nhiều người, nơi nhà một hội viên là Hosanna Baron. Clementina, người hầu gái của Mayko, cũng có mặt nơi đó. Mayko nói:

“Những gì xảy ra thật bất ngờ và được mọi người cảm thấy trong phòng. Đó là một biến cố tâm linh mãnh liệt, và những người có mặt ở đó đã thuật lại những chứng nghiệm khác nhau của cá nhân mình. Điều đó không xảy ra do ý muốn của Bapak. Người hoàn toàn thanh thần. Lời nói cứ tuôn tràn ra. Ibu quỳ xuống trên đầu gối, và la khóc trước mọi người, được tràn ngập bởi một sức mạnh cao siêu đã đến. Nó rất mạnh. Một hội viên thuật lại việc trông thấy, trong tâm linh, Muhammad đứng

⁵ glioma

cạnh Bapak một bên, bên kia là đức Ki Tô.“

Sau này, tôi hỏi Hosanna về sự việc đó. Chị kể lại cho tôi:

“Điều đó bắt đầu với việc Bapak cho đi kêu gọi những hội viên đã sắp đặt những đồ tặng cho gia đình mình. Những cặp vợ chồng Rickenbacker và Owense, những người đã khởi xướng cái ý định đó, cũng có mặt nơi đó. Buổi họp khởi đầu một cách thông thường, nhưng ngay sau đó Bapak bắt đầu tiếp nhận rất mãnh liệt. Tôi nhận thức được có một sức mạnh cao siêu và mãnh liệt đã nhập vào phòng, khi Bapak tiếp tục nói chuyện. Cái sức mạnh đó là điều không cưỡng lại nổi đối với đa số, khiến thiên hạ khóc lóc và một vài người té ngã trên sàn nhà. Điều đó xảy ra trong cái phòng khách rộng lớn đi vào được từ một căn phòng ở ngoài. Căn phòng đó một phía có một tấm gương cao từ sàn nhà tới trần nhà. Giữa lúc điều đó xảy ra thì có một tiếng nổ trong phòng, và toàn thể tấm gương rớt trên sàn nhà thành những mảnh có kích thước của những hạt ngũ cốc.“

Một hội viên thuật lại cho nhà tôi là Erling hay rằng anh có thể trông thấy điều gì rất mãnh liệt đang xảy ra, vì thiên hạ đang khóc lóc, té ngã trên mặt đất, và vân vân. Anh nói rằng có ai đó đang cố gắng thông dịch lại, nhưng ta không thể hiểu được vì những xúc động của người đó.

Một người bạn của chúng tôi, bà vợ của một kinh tế gia làm việc cho Liên Hiệp Quốc, cũng có mặt tại đó. Chị nói với Erling rằng mình trông thấy đức Ki Tô bên cạnh Bapak. Trong cái latihan kế tiếp, đức Ki Tô lại hiện ra một lần nữa, hôn lên chị và nói: “Bây giờ thì ta luôn bên cạnh người“. Chị nói: “Kết quả là năm tiếp theo đó tôi nhận thấy một tình trạng tin tưởng mãnh liệt ở đạo, và trở nên cực kì thành kính.“

Hiển nhiên tất cả những người có mặt trong lúc điều đó xảy ra, đều được cái sức mạnh siêu đẳng đó ảnh hưởng tới một cách khác nhau. Sự biểu hiện gây xúc động đó không là điều gì tiêu biểu cho những hoạt động của Bapak, nhưng là điều khiến cho tôi tin tưởng chắc chắn ở cái tâm linh phi thường của người. Tuy nhiên, người không làm cho sự phụng thờ Thượng Đế của bất cứ ai bị lôi kéo qua hướng khác, bằng cách làm cho mình trở thành một đối tượng để sùng bái.

Chương Ba

Bapak giải thích về Subud, Hoa Kỳ

Tôi bắt đầu có được một mục đích và hướng đi mới trong đời sống, khi tiếp nhận latihan Subud. Bây giờ thì tôi có một đời sống nội tâm tạo phong thái riêng biệt của nó cho những gì mình đang làm. Tôi muốn được gần gũi nó. Một khi tôi đã tiếp nhận được sự giao tiếp trong tháng 9 năm 1958, tất cả những điều đòi hỏi ở tôi là một việc làm có tính chất cá nhân, lòng chân thành quy thuận Thượng Đế trong latihan.

Tôi không còn tiếp tục được nữa lối sống hoàn toàn máy móc. Lần đầu tiên tôi biết được việc này ra sao, khi mình hành động do một nguồn gốc trong lòng mình, khác biệt với những ý nghĩ và trị giá của quá khứ. Tôi bắt đầu ý thức được cái bản ngã bên trong cũng như bên ngoài mình. Tôi bắt đầu trở thành người đang quan sát và người được quan sát.

Đôi khi tôi chợt nhận được một sự hiểu biết sâu sắc mới mẻ. Cái đó được ban cho và tôi phải lớn lên trong đó. Cái quá trình đó được cảm thấy là điều gì hoàn toàn tự nhiên, như mọi điều liên quan tới latihan. Đó là một sức mạnh theo bản năng có tính chất làm cho mọi điều được hoà hợp. Chẳng hạn, những nhận xét của tôi về lối cư xử chân chính bắt đầu trở thành vấn đề. Là một người vợ và người mẹ, tôi bắt đầu thấy được mình có thể trở nên linh động và kiên nhẫn hơn. Hiệu quả của việc đó được thấy rõ trong những lĩnh vực của bản thân mình mà tôi thấy không

gì phải thay đổi. Là một con người tôi được khiến cho thức tỉnh, để nhận biết được cá tính mình, và bắt đầu có một niềm tin mới mẻ nơi những nhận xét của mình. Đó là điều khiến cho sự giáo dục cứng nhắc của mình bị vỡ ra một cách đáng kể.

Nhiều khi những thay đổi xảy ra nơi người khác có vẻ hiển nhiên hơn những thay đổi nơi chính tôi. Họ được thư thái hơn, trở nên bớt quá khích hơn trong những ý kiến của mình, dễ chấp nhận người khác hơn, và thường rõ rệt vui vẻ hơn. Điều đó không tùy thuộc ở những kinh nghiệm latihan mãnh liệt. Có một người nữ hiển nhiên đã thay đổi một cách đáng kể theo như trên, nhưng lại than phiền là mình không cảm thấy gì nhiều trong latihan.

Tôi tiếp tục tập latihan chuyên cần hai lần mỗi tuần, và có thêm nhiều bạn mới. Sau latihan chúng tôi thường đi ra ngoài ăn uống, hoặc mỗi chủ nhật thì tới nhà một người nào đó để uống trà. Có một sự thân mật kiểu mới. Chúng tôi nói chuyện về điều đó, coi đó là sự thân mật của nội cảm, nhưng trên thực tế thì chúng tôi không biết đó đúng ra là gì. Điều rõ rệt là việc chúng tôi giao phó bản thân mình cho Thượng Đế trong latihan có kết quả là nối kết chúng tôi với nhau ở một mức độ thâm sâu.

Trong khi đó thì mẫu thân có một chứng nghiệm kì lạ. Ông em tôi ở Anh, và tôi thì ở New York, trong khi Mayko ở Chí Lợi. Ngay sau khi ông em tôi và tôi bắt đầu tập latihan trong năm 1958, thì Mayko bị đau ốm một cách kì bí. Bà không biết chút gì về những gì chúng tôi đang làm. Điều này có thể coi là ngẫu nhiên, nếu không vì thực chất của căn bệnh. Căn bệnh kì lạ của bà là điều khiến bà thấy yếu mệt và mất thăng bằng. Bà không thể giữ đầu lên cho thẳng. Bà quyết định đi tới Punta Arenas, chỗ sinh đẻ của mình, để thăm viếng người mẹ và gia đình mình. Chẳng có gì thay đổi hết, tình trạng bà dần dần trở nên tồi tệ hơn. Bà trở về Santagio, đi khám bác sĩ tư, ông này bảo bà vô nhà thương để kiểm tra toàn bộ sức khoẻ. Khi điều đó đã được thực hiện, ông nói: “Bà Petric, bà hoàn toàn không có gì là bất thường hết! “Điều này là điển hình của một căn bệnh Subud liên quan tới sự thanh lọc tâm linh. Tôi được khiến cho tin rằng đó là kết quả của việc người con trai và con gái bà bắt đầu tập latihan.

Có một vài bằng chứng bên ngoài. Trong nhiều năm mẫu thân là một người hút thuốc lá liên tục. Điều đó đã tình cờ xảy ra, khi phụ thân đem về nhà một bao thuốc lá Mỹ do cái công ty Hoa Kỳ là nơi ông làm việc

ở miền Bắc Chí Lợi. Mayko thử hút một điếu, và bà bị nghiện. Bà muốn bỏ hút nhưng không thể.

Trong khi căn bệnh kì lạ đó xảy ra, bà không thể hút thuốc, và không bao giờ đụng tới một điếu thuốc nữa. Khi bà viết thư cho tôi về điều đó, tôi nhận thức được nó đã xảy ra ngay sau khi ông em tôi và tôi bắt đầu tập latihan, và đó là khởi đầu của một quá trình thanh lọc nơi bà.

Khi trở về Chí Lợi, ông em tôi giúp đỡ sắp xếp cuộc viếng thăm Santiago của Bapak và Ibu để khai mạc nhóm đầu tiên trong tháng 4 năm 1959. Mayko có mặt nơi đó, nhưng không hiểu được điều gì đang xảy ra. Bà hỏi ông em tôi:

“Điều gì vậy?” Theo cái nam tính của mình, ông đáp: “Điều đó rất tốt đối với mẹ, mẹ chỉ việc bước vào căn phòng này!” Bà bước vào và bắt đầu được khai mở. Bà lập tức đáp ứng, và kể từ đó latihan bà luôn mãnh liệt.

Trong lúc đó, cuối tháng 12 năm 1958, John và Elizabeth Bennett đến New York từ Coombe Springs, để giúp chuẩn bị cho cuộc viếng thăm của Bapak. Đến tháng hai, chúng tôi mời họ đến nghỉ cuối tuần tại tư gia của mình ở Briarcliff. John Bennett là một người oai vệ, không chỉ do vóc dáng cao lớn của ông, mà còn do cái nghị lực cao độ và sự chú tâm sôi nổi của ông về mọi thứ. Sự hiện diện của ông có một sức mạnh khiến ta hoàn toàn chú ý tới những gì ông nói. Ông cực kì thông minh - là một nhà khoa học, một triết gia và một nhà văn - có duyên và thành thật khiến người ta nguôi giận. Ông biết nhiều ngôn ngữ, học đủ được tiếng Nam Dương trong một vài tuần, để hiểu được cuốn Susila Budhi Dharma của Bapak. Elizabeth là một phụ tá, có một niềm tin thâm lặng và một sự thân thiện mà tôi thấy rất lợi ích. Trong lúc ở với chúng tôi, bà rất thích Cathy hồi đó được 2 tuổi.

Ở New York John Bennett có những buổi nói chuyện với mọi người và những cuộc phỏng vấn trên radiô, và chúng tôi bắt đầu khai mở cho những người mới. Vào lúc vợ chồng Bennett rời khỏi Mexio ngày 9 tháng 3 - để sắp xếp cho cuộc viếng thăm của Bapak ở Mexico City - chúng tôi có 600 hội viên tích cực ở New York, và tới lúc Bapak ra đi trong tháng 6 thì được 1000.

John Bennett có hai buổi nói chuyện ở Mexico City, và khoảng 50

người nam và nữ được khai mở. Khi trở về New York ông thuật lại việc như thế nào mình đã có một chứng nghiệm rất mãnh liệt về sự đau khổ của đức Ki Tô trên Thánh Giá, kể đến về đức Ki Tô Thánh Thần, trong lúc làm latihan với một người trong tình trạng cực kì đau khổ. Cái chứng nghiệm đó đã tác động sâu đậm nơi ông, ông nói. Điều đó đã khiến tôi rất phục.

Sau này tôi có thể theo dõi việc ai đó trong latihan nghiệm được một điều mà người khác cần nghiệm được, nhưng lại không thể tạo nên cho mình được - nhưng cái trạng thái đó không bao giờ có thể là điều mà ta muốn được. Khi xảy ra thì nó sẽ được ban cho.

Bapak có 5 buổi nói chuyện với hội viên tại tòa nhà của Viện Pháp Ngữ, và 3 buổi với phụ tá và ban quản trị trong phòng tập của Subud. Ngày 3 tháng 5 người mở đầu giảng giải về sự cần thiết của lòng kiên nhẫn. Như vậy điều tất nhiên là ta không thể đạt được cái kích thích tâm linh của cuộc sống mình, nếu chỉ suy tư về điều đó:

Có nhiều người trong chúng ta, những người chín chắn lớn tuổi, đều thông thạo việc làm cho tâm trí hoạt động, họ mong ước tâm linh được tiến bộ một cách nhanh chóng. Những ham muốn mãnh liệt của tâm trí khiến chúng ta thiếu kiên nhẫn. Nhưng ta không được quên rằng sự phát triển tâm linh của mình chỉ mới đây thôi và trí óc cùng với giác quan đã hoạt động và được sử dụng kể từ lúc các bạn là một đứa bé. Nhiều thời giờ đã được dùng để sử dụng óc não và giác quan khiến cho sự phát triển tâm linh đã bị bỏ lại thật xa đằng sau.

Bapak lấy thí dụ của một đứa bé sơ sinh. Tuy không thể phân biệt được những hình thù hay hình dáng hay đồ vật, không thể nghe thấy hay hiểu được những âm thanh rõ rệt, nhưng nó đã có thể nhận thấy điều gì không đến từ cái môi trường bên ngoài, mà từ linh hồn. Chúng ta có thể thấy rõ rệt là đứa bé đôi khi có vẻ vui sướng, đôi khi có vẻ buồn phiền, và chúng ta thừa nhận đó là một sự đáp ứng bình thường. Nhưng trên thực tế, những phản ứng đó không do môi trường, mà do sự tiếp xúc mãnh liệt nó có với linh hồn. Nó đã chưa dính líu tới những ảnh hưởng của thế gian. Thế cho nên, người ta nói rằng trẻ thơ không có tội lỗi và được Thượng Đế thương yêu. Dần dần đứa bé học được cách phân biệt các đồ vật, nghe được âm thanh, di động và ném được những vị chua và ngọt. Từng tí một nó đánh mất sự trao đổi với linh hồn và dính líu nhiều hơn nữa với cái môi trường của nó. Cái quá trình học hỏi về những vấn đề trần gian

tiếp diễn cho tới khi đưa bé trở thành người lớn, rồi thì thông thường những điều của trần gian trở nên quan trọng hơn những vấn đề tâm linh. Do sự dính líu được phát triển mạnh mẽ hơn với những vấn đề trần gian, cái khái niệm của một người lớn về Thượng Đế và Thiên đàng sẽ không dễ gì được xóa bỏ khỏi những gì đã có đây trong tâm trí... Nhưng những kẻ dùng giác quan và trí tuệ mà loại trừ tinh thần sẽ không thể quan niệm được Thượng Đế.

Bapak đã nói rằng bởi Thượng Đế hiểu biết chúng ta hơn chính chúng ta hiểu biết bản thân mình, nên tất cả những gì chúng ta cần làm là tiếp nhận. Người giải thích về quá trình sự tập luyện tâm linh mà chúng tôi đang bắt đầu nghiệm được với những lời lẽ như sau:

Đối với tất cả các bạn là những người đã tiếp nhận được [latihan] thì sẽ có một con đường mở ra cho sự phát triển tâm linh về sau này... Các bạn chẳng cần làm gì hết trong latihan ngoài việc tiếp nhận - các bạn không cần chỉ thị của tâm trí. Không lệ thuộc vào tâm trí các bạn sẽ cảm thấy sáng suốt hơn, sẽ ý thức được hơn những gì mà ý muốn của Thượng Đế đã quy định cho mình...

Latihan bắt đầu với động tác của thân thể. Khi trở nên thâm sâu và có ý nghĩa hơn, những chứng nghiệm nghiệm đó sẽ dần dần nhập vào những bức tường của giác quan. Khi những cái đó đã được thanh lọc, tuy điều này mất nhiều thời gian, thì những bức tường của tri thức sẽ được nhập vào, và cuối cùng là những bức tường của sự tự giác⁶ (1). Tự giác có nghĩa là một ý thức sáng suốt về sự tham dự của nội tâm từ lúc ban đầu cho tới lúc cuối [của sự sống] Nhờ vậy các bạn sẽ ý thức được “tôi sống như thế nào”, “tôi từ đâu đến”, “tôi sẽ như thế nào sau cái chết”, và “tôi sẽ đi đâu”.

New York 03.05.59

Trong những nói chuyện sau này Bapak tiếp tục mô tả những sức mạnh khác nhau tạo thành nội dung của con người, có những cái thấp và những cái cao hơn trình độ con người. Người nói về sự tác động của những sức mạnh hạ đẳng tới lối cư xử của chúng ta và việc như thế nào latihan sẽ thanh lọc chúng ta khỏi những lỗi lầm của mình - những điều là sự quản lí tồi tệ những sức mạnh hạ đẳng.

6 self-consciousness

Người nhấn mạnh việc những nói chuyện của mình không là giáo huấn mà là sự thông tin về những gì chúng ta nghiệm được trong lúc tập latihan. Người nói rằng latihan Subud là lối tu tập và thực tại của những gì đã được khuyên bảo trước đây bởi những vị ngôn sứ như Abraham, Mose, Jesus và Muhammed, những vị đã nhận được thiên khải hay ân huệ của Thượng đế. Người vẫn tất mô tả thực chất của mỗi thông điệp - Abraham là đức tin ở sự tồn tại của Thượng đế; Mose là sự phân biệt giữa phải và trái; Jesus là sự việc có sự sống sau khi chết; Muhammed là sự việc mọi quyền năng đều nằm trong tay Thượng đế, cả trên thế gian này lẫn cuộc sống sau khi chết. Người đề cập tới tính biểu tượng về sự chết và sự phục sinh của Jesus trong việc nó liên quan tới latihan:

Ba quyền năng cao siêu hơn⁷ là những cái mà con người có thể tiếp nhận, nghĩa là sự hoạt động của những cái đó có thể tiếp nhận được trong bản chất của con người người, chỉ trong lúc ta có thể đem dục vọng, tư tưởng hay cảm xúc tới một tình trạng yên tĩnh hay yên lặng.

Ý nghĩa của cái tình trạng trong đó tư tưởng, cảm xúc và dục vọng được làm cho ngưng lại, là điều con người đã chết. Những người xưa kia tiếp nhận ân huệ do đó đã lập đi lập lại sự tuyên bố là để hiểu biết và nhận thức được sự sống chân thực là điều con người cần phải và có thể hiểu biết, thì điều đòi hỏi là ta phải chết trước khi thực sự chết; có nghĩa là ta nên thực sự nghiệm được cái chết trước khi thực sự chết. Điều này được biểu tượng hóa trong cái chết và sự phục sinh của đức Kì Tô là điều tượng trưng cho việc trở về cuộc sống từ cõi chết.

New York 06.05.59

Ngày 13 tháng 5 Bapak giải thích: “Việc truyền sức sống cho những bộ phận của cơ thể (bởi latihan) là sự phát triển của nội cảm, việc này là kết quả và tiến hành song phương với sự phát triển của linh hồn.“ ...“Khi chúng ta chết“ người nói “khi tư tưởng và trí óc ngưng hoạt động, thì linh hồn sẽ tiếp quản tất cả các chức năng, khiến cho chúng ta có thể tiếp tục một cuộc sống sung sướng sau cái chết.“

Bapak đã đưa dẫn chúng tôi vào ”trắc nghiệm” trong giai đoạn đầu của kinh nghiệm latihan. Người làm điều đó bằng cách đưa ra thí dụ trong những nói chuyện ở New York trong năm 1959. Trắc nghiệm là từ 7 theo nguyên chú: đó là những quyền năng rohani, rabbani và rachmani được biểu hiện nơi các vị thánh nhân, ngôn sứ và sứ giả của Thượng đế.

được tạo ra cho việc tiếp nhận những giải đáp của những câu hỏi trong trạng thái latihan. Nhiệm vụ của nó là kiểm chứng sự tiến bộ của latihan nơi bản thân, hay hiểu thấu được một vấn đề.

Bapak giải thích là trắc nghiệm được thực hiện chỉ bằng cách tập latihan sau khi đặt một câu hỏi:

Để có thể tiếp nhận và cảm thấy một trắc nghiệm, ta không phải làm bất cứ gì ngoài việc đặt mình trong trạng thái tiếp nhận latihan; đó là không suy nghĩ hay tưởng tượng những điều này nọ, không đồng hóa mình với bất cứ gì, không hình dung bất cứ hình ảnh nào cho bản thân mình, mà chỉ tiếp nhận như trong latihan. Thực chất của trắc nghiệm là như tập latihan.

New York 13.05.59

Trong “trắc nghiệm“ giải đáp cho câu hỏi được tiếp nhận theo bất cứ hình thức nào mà ta có thể tiếp nhận.

Bapak dùng từ ngữ “được tiếp nhận“ hay “sự tiếp nhận“ theo một nghĩa đặc biệt trong Subud. Đó là tiếng được dịch từ tiếng gốc Nam Dương là terima, nghĩa là chấp nhận. Điều gì “được tiếp nhận“ hay “sự tiếp nhận“ là “ điều được người trong lúc tập latihan chấp nhận, trong một trạng thái quy thuận Thượng đế. Điều đó có thể là những gì nhận thấy qua cơ thể như các cử động - chẳng hạn như những cử chỉ mang một ý nghĩa và có thể hiểu được. Đó có thể là sự hiểu biết một cách trực tiếp về tình trạng hay hoàn cảnh mình - như một trực giác tinh trong. Và cũng có thể là một sự hiểu biết có ứng dụng rộng rãi.

Điều chúng ta tiếp nhận trong latihan là điều nghiệm được như có gì là đặc ân của Thượng Đế đến với nội cảm từ bên trong. Để tiếp nhận một cách rõ rệt, ta phải tránh cho tư tưởng và cảm xúc hoạt động.

Cái chứng nghiệm đầu tiên về trắc nghiệm đã tạo cho tôi nhiều ấn tượng. đó là lúc sau khi có một buổi nói chuyện trong năm 1959 ở New York. Bapak nói rằng mình sẽ làm trắc nghiệm khiến cho chúng tôi tự mình có bằng chứng về việc latihan từ đâu tới - từ một cội nguồn cao quý hay thấp kém. Người đặt câu hỏi và chúng tôi tiếp nhận chỉ bằng cách tuân theo latihan. Người hỏi:

“*Thiên đàng ở đâu?*” [tượng trưng cho một cội nguồn cao quý]

Kể đến: “Địa ngục ở đâu?” [tượng trưng cho một cõi nguồn thấp kém].

Sau khi chúng tôi chứng nghiệm được, người hỏi:

“*Latihan* từ đâu tới?”

Tôi không tin là một chứng nghiệm như vậy có thể có được. Tuy nhiên, khi làm trắc nghiệm “Thiên đàng ở đâu?” tôi rõ rệt cảm thấy an vui rất nhiều, một tình trạng bên ngoài tất cả các não động. Rồi khi trắc nghiệm “Địa ngục ở đâu?” tôi cảm thấy một nỗi kinh hoàng và ghê tởm không thể tưởng tượng nổi. Đối với một vài người nó mạnh tới nỗi Bapak đã phải cho ngưng lại cái trắc nghiệm đó.

Về câu hỏi “*Latihan* từ đâu tới?” tôi tiếp nhận được một cảm xúc tương tự về một niềm an vui thâm sâu. Do sự tiếp nhận của mình tôi thấy được hiển nhiên *latihan* đến từ một cõi nguồn cao quý và tốt lành - một nơi chốn siêu phàm, không thuộc trình độ ma vương thấp kém. Điều đó có sức thuyết phục, ngay cả khi một người như tôi là một kẻ chưa có nhiều kinh nghiệm, đã chưa thể tiếp nhận được một cách trọn vẹn. Tuy nhiên, điều khiến cho có ấn tượng nhất là cái cường độ lớn thêm của *latihan* trong lúc trắc nghiệm. Về sau Bapak thường dùng trắc nghiệm để giúp mọi người chứng nghiệm được *latihan* thâm sâu hơn. Bapak nói: “Trong *Subud* không có bí mật“, nghĩa là qua *latihan* ta có thể phát triển một cảm tính mới. Người cũng nói rằng trắc nghiệm là con đường tắt tạm thời dẫn đến cái cảm tính đó mà *latihan* cuối cùng sẽ biến thành một năng khiếu tự nhiên.

Trong một buổi họp tháng 5 năm 1959, và điều này khiến tôi ngạc nhiên, Bapak chọn một vài người trong chúng tôi làm phụ tá. 10 nam và 10 nữ. Trong đó có tôi. Người giải thích đó là điều cần thiết, khi có những người được bổ nhiệm để nói chuyện với các hội viên dự bị và khai mở cho những người mới vào. “Ngay cả khi các bạn chưa thực sự là phụ tá“ người nói “Đó là điều cần thiết, nếu ta sắp xếp chuyện này khi Bapak còn nơi đây.“

Việc này phải là một thời kì huấn luyện. Phần quan trọng nhất trong chương trình của chúng tôi là tập *latihan* cho phụ tá mỗi lần một tuần. Đó là cái *latihan* được tập thêm với những *latihan* trong nhóm hai lần mỗi tuần. Điều trở nên thật hiển nhiên là tuy ban đầu chỉ giới hạn hai lần mỗi tuần, nhưng cuối cùng việc tập với nhóm có mục đích là làm cho

latihan thấm nhập vào cuộc sống chúng tôi và luôn luôn hiện diện. Trong vai trò mới của mình, một vài tháng sau, chúng tôi trải nghiệm những câu hỏi của hội viên và cho bản thân mình. Trải nghiệm trong giai đoạn đó luôn tiến hành trong nhóm, không bao giờ do những cá nhân là phụ tá. Tuy cảm thấy mình có thể sai lầm, nhưng tôi chấp nhận coi đó là một quá trình học tập, và làm chuyện đó một cách vô cùng cung kính và chân thành. Trải nghiệm cho tới khi chúng tôi có một sự hiểu biết được nhất trí trong 10 người phụ tá hay nhiều hơn, là điều khiến cho những giải đáp của chúng tôi được hội viên vui vẻ chấp nhận.

Hồi đó việc trải nghiệm lẽ lối hành động của chúng tôi là điều thông thường. Chẳng hạn khi ai đó có ý muốn mãnh liệt làm điều gì đó, thì người đó có thể nhờ nội tâm kiểm soát để hướng dẫn mình về vấn đề đó. Những ý nghĩ do xúc động sẽ thường tan biến trong lúc trải nghiệm để đưa tới một lối tiếp cận khác. Những khó khăn giữa người này người kia cũng được xử lý theo cách đó. Điều này khiến cho những vấn đề của chúng tôi được giải quyết, và kinh nghiệm về latihan được mở rộng.

Trải nghiệm là một lối tập làm cho quen thuộc với sự hướng dẫn của nội tâm. Thông thường latihan tác động trong cuộc sống chúng ta mà không cần tới trải nghiệm theo nghi thức. Một người bạn của tôi hồi đó kể lại rằng như thế nào mình đã nổi giận vì một đứa con, nhưng có điều khiến ngạc nhiên là chị đã nén lại được cơn giận và thấy lòng mình chợt được bình tĩnh. Chị nói rằng cái hiệu quả đối với con mình thật khiến kinh ngạc. Đứa bé lập tức ngưng khóc, âu yếm chạy tới phía mình để nói xin lỗi.

Một hiệu quả khác của latihan mà tôi bắt đầu nhận thấy, là sự hội hận. Điều này không liên quan gì tới tôn giáo hay những trị giá của tôi, hay tới ý kiến của những người khác. Nếu vượt quá giới hạn của nội cảm với một thái độ hay lối cư xử không thích đáng, tôi sẽ thấy hối hận, điều này chắc chắn đến nỗi không không còn nghi ngờ gì được. Đó là điều tôi cảm thấy là hậu quả của “một tội lỗi đối với bản thân“. Cái tiêu chuẩn theo đó tôi bị xét xử không không được viết trong bất cứ cuốn sách nào, hay bắt nguồn từ bất cứ tín điều nào, mà là điều xuất phát từ chân ngã mình.

Tháng 6 năm 1959 sau khi đi khỏi New York, Bapak đến thăm Chicago, Denver và Tucson trên đường tới bờ biển miền Tây của Hoa Kỳ. Đến San Francisco người quyết định nơi đó nên có một tổ chức gọi là Subud North America (SNA). Tại New York Bapak xác nhận việc anh Erling

được bổ nhiệm là hội trưởng của Subud New York, và Erling còn có thêm một trách nhiệm là dàn xếp cho nó được hợp thức hóa⁸. Bapak gửi một thông báo cho Erling để yêu cầu anh làm Hội trưởng của SNA, và tổ chức một Hội Nghị SNA có một mục tiêu chính yếu là hợp thức hóa SNA. Người ta thuật lại rằng có 400 đại biểu của 40 quốc gia khác nhau. Trong 2 năm Subud đã bành trướng khắp thế giới.

Trong lúc đó, trước khi rời khỏi Hoa Kỳ Bapak đã đề nghị là Sjafrudin, một phụ tá Nam Dương ở Coombe Spring, nên tới Los Angeles ở để phục vụ các hội viên bắc Mỹ. Erling sắp xếp chiếu khán cho Sjafrudin, và anh ở nhiều tuần với chúng tôi tại Briarcliff trước khi tiếp tục đi Los Angeles.

Sjafrudin là một thanh niên Sumatra có tầm vóc thon, nước da nhạt, với cặp mắt đen huyền và thân thiện. Anh thân mật và tươi cười rất nhiều. Anh kể với chúng tôi rằng lần đầu tiên gặp Bapak mình còn là một sinh viên tại đại học Yogyakarta. Anh không tự phụ, nhưng chẳng bao lâu tôi nhận thấy anh có chiều sâu tâm linh.

Một chiều chủ nhật vợ Sjafrudin có một buổi nói chuyện với nhóm tại trụ sở Subud của New York. Khi nghe anh nói, tôi cảm thấy tình trạng tâm linh của mình được nâng cao. Tôi cảm thấy một cách mãnh liệt sự tồn tại của mình, sự phụng thờ Thượng Đế của mình, và quan hệ của mình với mọi người, mọi điều chung quanh mình. Tôi nhận thức được anh đang tiếp nhận một sức mạnh tâm linh cao siêu cũng bao bọc lấy mình. Đó là lần đầu tiên tôi nghiệm được như thế nào là việc được đem tới một tình trạng tâm linh cao siêu hơn. Những người khác tại buổi họp cũng thuật lại một cảm nghiệm tương tự.

Tuy Sjafrudin có thái độ dễ dãi, nhưng tôi nhận thấy anh có thể rất thông cảm được với những người khác. Một buổi sáng anh có mặt trong bếp, trong lúc tôi đang bỏ đồ ăn vào lò. Tôi bắt đầu thấy buồn phiền nhưng giữ kín cái cảm xúc đó trong lòng mình. Anh cảm thấy có gì đang xảy ra cho tôi, và hỏi thẳng theo lối của anh: “Gì vậy? Chỉ có sao không?” Tôi nói mình cảm thấy quái lạ. Anh liền giải thích việc như thế nào latihan có thể khiến cho được thanh lọc, và chúng ta có thể cảm thấy mình trong một tình trạng thấp yếu khi điều đó xảy ra. Chính sự thông

⁸ theo nguyên chú: Subud New York đã được hợp thức hóa là một tổ chức thuộc tôn giáo. Tuy đã nói “Subud không là tôn giáo” nhưng Bapak cũng nói rằng “Subud là thực chất của tất cả các tôn giáo, và điều không thể nghi ngờ gì được là hoạt động chính yếu của Subud là một hoạt động tôn giáo – sự phụng thờ Thượng Đế.

cảm, ân cần và thông hiểu đó là điều khiến anh trở thành một phụ tá được mọi người mến.

Sự hiện diện của Sjafrudin có hiệu quả là nhắc tôi nhớ tới việc mình có thể xa cách latihan. Có lần chúng tôi đem anh đi chơi bằng xe. Trong chuyến đi lâu dài đó, những đứa con của tôi trở nên bồn chồn, ngay lúc đó tôi thấy bực bội. Lập tức tôi cảm nghiệm được sự hối hận. Điều này như việc sự hiện diện của Sjafrudin đã trở thành một gương chiếu cho chính tôi.

Trong những tuần ở New York, Erling và Sjafrudin thường ngồi cho tới khuya, họ yên lặng một lúc lâu cho tới khi tự nhiên xuất hiện một đề tài. Sau này Erling kể cho tôi một vài điều đáng chú ý đã được bàn luận.

Sjafrudin đã tả lại cái chết trong năm 1954 của Haryadi, con trai Bapak. Haryadi, anh nói, có một chứng nghiệm về việc rời bỏ thế gian này; khi trở lại Haryadi đã nói với Bapak là mình không muốn sống nơi đây. Bapak nói là người cần Haryadi. Một năm sau, Haryadi nói với Bapak là mình đã tiếp nhận một chỉ dẫn của Thượng Đế về việc được tự do lựa chọn giữa điều tiếp tục cuộc sống trên trần gian hay đi qua thế giới bên kia. Haryadi đã quyết định ra đi. Bapak chấp thuận, nhưng yêu cầu Haryadi lưu lại thêm một vài ngày. Trong những ngày đó Haryadi yêu cầu Sjafrudin đi theo mình đến thăm viếng một vài bạn bè. Sjafrudin đã không biết gì về những điều được thảo luận giữa Bapak và Haryadi. Chỉ sau này khi nhớ lại chuyện đó Sjafrudin mới nhận thức được ý định của Haryadi trong những chuyến viếng thăm đó là để nói lời từ biệt.

Một buổi sáng trong lúc mọi người trong gia đình đang ăn sáng, Haryadi chợt hỏi Bapak: “Bây giờ được chưa?” Bapak nói: “Được.” Haryadi đi lên lầu, và họ có thể nghe thấy tiếng nước văng toé trong phòng tắm. Sau một lúc thì im lặng. Bapak đi lên lầu và gọi mọi người trong gia đình. Haryadi ngồi dựa vào tường, anh đã chết. Sjafrudin nói mình cảm thấy căn nhà như đang rung chuyển cho tới khi có lễ mai táng ngày hôm sau.

Trong một dịp khác Sjafrudin kể lại mình đã trông thấy như thế nào trong latihan hôn thê mình đi xa khỏi mình, và có một thiếu nữ khác đi về phía mình. Anh nhận thức được mình sẽ không cưới hôn thê hồi đó của mình. Khi anh nói điều đó, Erling chợt nghĩ trong đầu mình tới *con gái Bapak*, nhưng không nói gì hết với Sjafrudin.

Hội Nghị SNA đầu tiên được tổ chức ở Denver tháng 8 năm 1960. Nó kéo dài 4 ngày và có khoảng 60 hội viên đến dự. Erling được bầu làm hội trưởng cho năm tới. Khi thành lập tổ chức, Erling đề nghị SNA sẽ chỉ là một tổ chức có tính chất phục vụ mà không có quyền ban hành chỉ thị, nhiệm vụ chính yếu của nó là một trung tâm liên lạc và thông tin. Sau này, việc xuất bản sách báo khiến nó trở thành một kinh doanh Subud mà chủ nhân và người quản lí là anh Dan Cahill, một thợ in. Cùng lúc đó, Subud Bắc Mỹ, bao gồm những hội viên của Hoa Kỳ và Canada, nhưng không có Mexico, được hợp pháp hóa tại Colorado, và được đặt dưới đạo luật chi phối những tổ chức tôn giáo.

Từ Denver chúng tôi đi xe khắp Hoa Kỳ trong 3 tháng để thăm viếng các nhóm Subud. Điều này bao gồm Los Angeles, nơi Sjafrudin đi chung với chúng để thăm viếng New Mexico và Grand Canyon. Trở về New York, Erling được ban quản trị yêu cầu có một buổi nói chuyện công khai về Subud. Hàng trăm người đến dự, và có khoảng 60 người điền đơn bày tỏ ý định vào Subud.

Cuối năm 1961, Bapak viết thư cho Erling đề nghị là Erling cùng với tôi và Sjafrudin nên đến thăm những nhóm Subud ở Mexico và Nam Mỹ. Kế hoạch cho chuyến đi của chúng tôi được thể hiện, và trong lúc viết thư cho Bapak về một số những chi tiết, Erling cảm thấy nên nhắc tới sự tiếp nhận mới đây của mình về việc cưới hỏi của Sjafrudin. Với sự chấp thuận đầy nhiệt tình của Sjafrudin, Erling viết thêm trong phần cuối của bức thư: “Tôi cảm thấy hiện nay tới lúc Sjafrudin kết hôn với thiếu nữ mình muốn kết hôn.”

Trong bức thư hồi đáp Erling, Bapak nói: “Về nhận định của bạn liên quan tới Sjafrudin, Bapak đồng ý với bạn.” Erling điện thoại cho Sjafrudin, và đọc cho anh nghe hồi đáp của Bapak. Trong vòng một vài tuần, Sjafrudin trở về Nam Dương. Chẳng bao lâu sau đó, Sjafrudin và cô con gái Bapak, Hardiyati, thành hôn.

Ngày 20 tháng một năm 1962 Erling và tôi lên đường đi Mexico và Nam Mỹ. Chúng tôi đến thăm những nhóm ở Mexico City, Lima, Santiago, Buenos Aires, Sao Paulo và Rio de Janeiro, lưu lại nhiều ngày tại mỗi nơi và hai tháng tại Chí Lợi. Chúng tôi tham dự tập latihan, và khi được yêu cầu, Erling có những buổi nói chuyện bằng tiếng Tây Ban Nha. Lúc chúng tôi trở về ngày 15 tháng 4 Bapak đã yêu cầu hội đồng quốc gia của SNA sắp xếp và đăng cai hội nghị Subud thế giới lần thứ hai.

Hội nghị đó sẽ xảy ra từ mùng 5 tháng 7 tới 26 tháng 7 năm 1963. Với tư cách hội trưởng của SNA Erling giám sát những công việc được sắp đặt cho hội nghị, đồng thời anh cũng là chủ tịch tạm thời của hội nghị. Nơi gặp mặt là trường Briarcliff, một trường học cho thiếu nữ con nhà giàu, một nơi được bỏ trống trong những kì nghỉ hè. Đó là một ngôi trường trang nghiêm, xây theo kiến trúc Anh, có những tòa nhà bằng gạch đỏ phân nhiều gồm 3 tầng, những chỗ trồng cây rộng lớn như công viên, và những bãi cỏ. Nó có những tiện nghi rất đầy đủ cho những buổi họp của hội nghị và những phòng ở âm cúng và rộng rãi cho số người là 300 đại biểu.

Trong khi đó thì Bapak đã đi khỏi Jakarta ngày 24 tháng 2 năm 1963, trước tiên là đến Úc, Tân Tây Lan, Mexico và Nam Mỹ, trước khi đến Hoa Kỳ dự hội nghị.

Một hôm trong tháng 6, khi hội nghị sắp khai mạc, ông em tôi kêu điện thoại từ Florida, và nói rằng Bapak muốn biết mình sẽ ở đâu trong lúc có hội nghị. Tôi nói là Bapak có thể lựa chọn. Bapak và những người cùng đi có thể ở nơi một căn phòng riêng tư và tươi đẹp trong trường học, hay nơi tư gia của chúng tôi cách trường Briarcliff khoảng 5 phút đi bằng xe. Tôi nhận được câu trả lời, tại tư gia của chúng tôi.

Bapak đến New York ngày 20 tháng 6. Người đến với Ibu, Usman (người thông ngôn), bà vợ của Usman là Aminah, và họ được đưa đến ở trong một căn phòng thuộc Manhattan của Whitmore Ovington, một nhà báo của một tờ nhật báo. Chẳng bao lâu sau đó, Bapak nói với Erling là mình muốn ăn mừng sinh nhật, ngày 22 tháng 6, tại tư gia của chúng tôi.

Khi tới lúc, Bapak đến lúc sớm nhất của buổi chiều với Ibu và vợ chồng Usman. Chúng tôi cũng mời tới dùng trà một vài người bạn Subud thân mật, trong đó có Livingston Dodson, phó hội trưởng của SNA và Varindra Vittachi, cả hai sẽ là những người hoạt động tích cực trong việc tổ chức những công việc của Subud. Erling tặng cho Bapak một đồng hồ đeo tay Rolex bằng vàng, và ông em tôi cũng tặng một chiếc đồng hồ bằng vàng giá trị cũng không thua gì. Hồi đó Rolex là loại đồng hồ tự động, và Bapak sau này lấy nó làm ví dụ cho lời khuyên của mình về việc không được bỏ bê latihan. "Latihan" người nói "như một chiếc đồng hồ Rolex [tự động]; nếu không làm cho chạy, nó sẽ ngưng lại." Sau đó tất cả chúng tôi đều lấy xe trở về Manhattan, để tới trụ sở Subud dự buổi nói chuyện nhân ngày sinh nhật với nhóm New York.

Trong 2 tuần trước khi có hội nghị, Bapak có 5 buổi nói chuyện và trắc nghiệm tại trụ sở Subud trên con đường East Twenty First ở New York. Tôi đi dự tất cả, lấy làm vui mừng vì được nhiều may mắn như vậy. Đối với tôi Bapak là một người đã được lựa chọn để đem đến cho nhân loại cái đặc ân quan trọng nhất của thời đại chúng ta - sự giao tiếp với quyền năng của Thượng đế.

Ngày 5 tháng 7 Bapak và những người đi theo đến tư gia của chúng tôi ở để đi dự hội nghị. May mắn là chúng tôi có một căn nhà rộng lớn, vì chẳng bao lâu chúng tôi có tới 13 người đến cư trú, trong đó có Daniel Ruzo, một nhà nhân loại học, và bà vợ là Delia. Gần bếp là một hành lang. Những hội viên muốn gần cận Bapak và đoàn người đi theo có thể ngồi nơi đó. Mẫu thân, Mayko, thường làm những bánh nướng với trái cây và những thứ ăn ngon khác, để cho những người khách đó cảm thấy thoải mái. Căn nhà phải giữ cho được yên lặng đến mức tối đa do sự kính trọng đối với Bapak và những người đi theo, nhưng tuy vậy nó vẫn sống động.

Mayko và người hầu gái là Clementina đã từ Chí Lợi đến cách đây một tháng, họ ở chung với chúng tôi. Clementina đã thay đổi đáng kể. Nhật kí của tôi ghi lại ngày cô được khai mở.

Clementina không chỉ là một người hầu gái của mẫu thân. Cô là một người bạn tận tình. Cô cũng sẵn sàng làm bất cứ gì mà tôi cần, điều này giúp ích được cho nhiều người trong nhà. Cô trông rất xinh đẹp, mắt xanh, hàm răng trắng tinh, làn da màu ô liu tươi đẹp, và tóc đen quăn lại một cách tự nhiên. Không ai có thể ngờ rằng khi còn là một đứa bé, cô đã sống trong cảnh nghèo túng ở Santiago, nhút nhát đến độ không dám bước ra khỏi phòng ở, và chui xuống gầm giường bất cứ lúc nào có ai tới thăm. Khi cô thỉnh thoảng nhận được việc làm, tôi nghe nói, cô đem tiền bạc cất giấu mong có thể dành dụm được, nhưng cuối cùng lại thấy các chị em mình đã trộm đi mất. Kể từ lúc làm việc cho Mayko, cô như một bông hoa nở rộ.

Ibu có tính tự nhiên và bất lường một cách thật thú vị. Clementina đang giúp nấu ăn, thì Ibu chợt gọi tôi vào phòng bà và hỏi: "Clementina có muốn được khai mở không?". "Tôi không biết" tôi nói "nhưng tôi sẽ hỏi cô ấy". Nhưng Clementina nói: "Không!" và tiếp tục khuấy nôi. Tôi nói lại cho Ibu nghe. "Ồ!" Ibu nói "bảo cô ấy đến đây." Tôi gọi Clementina và chúng tôi bước vào phòng ngủ. Ibu nói: "Clementina, cô cởi giày ra."

Ibu bảo tôi tập chung latihan. Ibu làm latihan với cả hai chúng tôi, và Clementina được khai mở... Chỉ Ibu mới làm được như vậy.

Hội nghị Subud thế giới lần thứ hai mở đầu với một buổi nói chuyện của Bapak tại trường Briarcliff ngày 8 tháng 7. Người chỉ rõ cái tính chất tâm linh của một hội nghị Subud:

Một hội nghị Subud là nơi tụ tập của những người phụng thờ Thượng Đế, tuân phục Thượng Đế, có đức tin ở Thượng Đế và quy thuận Thượng Đế... Đó phải là một hội nghị trong đó mọi việc được quy định thông qua quyền năng của Thượng Đế mà chúng ta tiếp nhận được trong sự yên lặng của nội cảm.

Briarcliff 08.07.63

Theo đề nghị của Bapak cái thủ tục về việc có những quyết định (liên quan tới những việc của Subud) tại hội nghị qua trắc nghiệm được đặt ra. Ngày thứ ba, người chủ tịch thường trực của hội nghị được lựa chọn theo cách đó, và sau đó ở hội nghị, những thành viên của một ban quản trị quốc tế mới.

Trong buổi nói chuyện thứ hai, Bapak nhấn mạnh sự phân cách giữa những hoạt động của ban quản trị và những vấn đề tâm linh. Đây là một đề tài trở đi trở lại của Subud. Liên quan tới công tác xã hội và những đề nghị về việc giúp đỡ với latihan những người bệnh tật, Bapak nói rằng chúng ta phải chân thành, nghĩa là chúng ta phải kỹ lưỡng thực hiện những gì mình bắt đầu làm. Điều này có nghĩa là tạo nên những nơi chốn chăm sóc những người bệnh tật. ” Trong điều này” người nói ”con đường của Subud không khác với con đường của các tôn giáo - một sự cố gắng của con người để phụng thờ Thượng Đế và phục vụ loài người. Công tác xã hội là một dấu hiệu về sự liên hệ giữa linh hồn này và linh hồn khác... Tổ chức phải đảm nhiệm những vụ đó, nhưng chúng ta phải bắt đầu với bản thân mình, những nhu cầu nơi mình, trong nhóm mình. Để làm điều đó cho có hiệu quả, chúng ta nên kinh doanh để có ngân quỹ.”

Giải thích tiếp về khía cạnh tâm linh, Bapak nói rằng trong latihan nhóm chúng ta được tập luyện để cảm nghiệm được cái tính chất đồng nhất mà Thượng Đế muốn con người phải có:

Khi làm latihan các bạn sẽ không cảm thấy mình đang trong một nơi

chón khác lạ. Trong latihan các bạn cảm thấy được kết hợp với nội ngữ mình, và điều này có nghĩa là trên thực tế mình được kết hợp với nhân loại. Trong latihan các bạn đôi khi cảm thấy buồn phiền, nếu có ai đó đang đau khổ, hay các bạn cảm thấy vui sướng, khi những người bên cạnh mình vui sướng. Hiển nhiên do đó trong latihan điều phải có là chúng ta được đoàn kết. Chỉ có tâm trí con người là không thích sự gần gũi đó.

Briarcliff 09.07.63

Hội nghị tiến tới việc thành lập một ban quản trị quốc tế cho Subud. Nó được gọi là SIS (Subud International Services) và Erling được bổ nhiệm cầm đầu một ủy ban soạn thảo quy chế.

Bapak cho thấy rõ việc áp dụng trắc nghiệm vào quá trình lựa chọn những thành viên của ban quản trị. Một phụ tá được gọi đến đứng trước mọi người trong trạng thái latihan. Rồi Bapak yêu cầu người phụ tá trắc nghiệm về việc người được chỉ định có thích hợp với vai trò của mình hay không. Bapak đặt câu hỏi:

”Cho thấy [trong trạng thái latihan] cái khả năng, năng khiếu, tính chất của người tên là thế này thế nọ (người được chỉ định)?” Tất cả chúng tôi đều có thể nhìn thấy những tính chất và việc có thể làm được việc hay không của người được chỉ định qua những trả lời do thân thể của người phụ tá - chẳng hạn như những động tác có tính chất tin cậy, cho thấy có khả năng, hay những cử chỉ cho thấy sự yếu kém, ngập ngừng, lo âu.

Chính Bapak cũng biểu diễn trắc nghiệm bằng cách đứng dậy, đặt một câu hỏi và để cho latihan làm mình cử động để cho thấy giải đáp. Chẳng hạn, để cho thấy như thế nào chúng ta bị ảnh hưởng bởi sức mạnh vật chất, người trắc nghiệm: ”Một người đàn bà sẽ đi đứng như thế nào, khi đeo những nữ trang mắc tiền?” Lối đi đứng làm dáng cho thấy người đàn bà đã bị đồ nữ trang của mình khiến cho trở nên hoàn toàn tự mãn, và cử tọa bật cười một cách vui thích.

Bapak cũng dùng trắc nghiệm để chỉ cho chúng tôi thấy sự tiến bộ trong latihan – những bộ phận của chúng tôi đã có sự sống tâm linh. Bapak thường trước tiên quan sát latihan của chúng tôi để ước định được tình trạng, rồi yêu cầu: ”Khoan đã, yên tĩnh đứng đó rồi tiếp nhận,” trong khi người đặt nhiều câu hỏi. Người thay đổi những câu hỏi của

trắc nghiệm, để làm cho thích hợp với chứng nghiệm của những người hiện diện. Tôi luôn vui mừng khi được Bapak lấy mình ra trắc nghiệm. Sau một buổi trắc nghiệm tôi cảm thấy mình không còn là như trước đây nữa. Điều đó giúp cho tôi được thay đổi và hiểu biết. Tôi cũng chú ý khi người khác được trắc nghiệm. Tôi học được nhiều về cái bản chất của con người nói chung.

Buổi nói chuyện thứ 7 là điều đọng tới một vấn đề mật thiết với tâm lòng của tôi về sự liên hệ của tâm linh với vật chất trong Subud:

Có lẽ có những hội viên cảm thấy: 'Tại sao con đường tâm linh lại được dung hợp với đồng tiền, với kinh doanh, với những việc làm này nọ? Điều này có làm cho con đường của tinh thần bị chậm trễ'' Xin cho Bapak được minh giải như thế này: Latihan tâm linh Subud xuất hiện trong một thời buổi mà trí tuệ của con người đã phát triển tới một mức cao. Do đó chúng ta có thể phỏng đoán và cảm nhận được đó là ý Thượng Đế trong thời buổi này khiến cho trong lúc kiếm sống và dự nhập vào những vấn đề thế gian, trong lúc gần cận và dính líu tới những đồ đạc vật chất, chúng ta không được quên đi sự phụng thờ Thượng Đế, bởi vì Thượng Đế có bên cạnh chúng ta trong mọi trường hợp.'

Briarcliff 16.07.63

Về latihan, Bapak nói, có những hội viên ban đầu bị trí tuệ khiến cho thấy áy náy trong latihan. Người nói: "Các bạn không cần phải ngăn ngừa tư tưởng, cứ để cho tự nhiên! Vì dần dần các bạn sẽ nghiệm được sự phân cách giữa tư tưởng và nội cảm, rồi cái tư tưởng thường xuyên hoạt động sẽ tự ý ngưng lại."

Một đêm sau khi đi về muộn sau một buổi nói chuyện, Bapak nói mình muốn dùng trà trong phòng khách. Nơi đó Bapak nói về sự Thăng Thiên của mình trong năm 1932. Người kể lại nhiều lần nữa trong những năm sau đó. Chuyện này được lấy trong tự truyện của Bapak:

Tôi cảm thấy buồn ngủ vô cùng, đi vào phòng mình, nằm xuống và quy thuận Thượng Đế. Lập tức tôi cảm thấy bản thân dài ra, nở rộng và bành trướng thành một khối cầu, và tiếp theo tôi chợt cảm thấy được phóng thích và giải thoát vào một không gian rộng lớn. Đàng xa là một nhóm tinh tú như kim cương trong một bông tai. Tôi tự hỏi mình cái đó là gì, và tiếp nhận được câu trả lời những gì mình trông thấy là cái vì

trụ mình đã đi khỏi. Tôi cho mình đã chết và lộp đi lộp lại Allahu Akbar
- Thượng Đế là Toàn Năng...

Rồi tôi đi với một tốc độ rất cao vào một dải mênh mỏng cho tới khi có thể trông thấy những núi non, có 7 ngọn trông như những hình nón là ánh sáng, cái này chồng lên cái kia. Bên trong ngọn thứ nhất là một toàn cảnh với những sinh vật của Thượng Đế mặc đồ màu trắng, tất cả đều ca ngợi Thượng Đế. Tôi đi từ ngọn này lên ngọn khác cho tới khi đạt tới ngọn thứ 6, nơi tôi cảm thấy hoàn toàn mất hết sức lực. Tôi cảm thấy mình nói lộp đi lộp lại Allahu Akbar...

Cuối cùng tôi đi vào nón thứ 7. Nơi đó tôi không còn hướng đi và mục đích nào khác ngoài việc nói Allah, Allah, Allah. Nhưng từ nơi đó tôi có thể trông thấy bất cứ gì, mọi điều đấng xa, kể cả cái thế giới này. Rồi tôi cảm thấy có cái gì, một chìa khóa, nhập vào lòng bàn tay mình.

Tự Truyện của Bapak.

Bapak nói rằng mình thấy bản thân với một tốc độ vô cùng cao trở về những môi trường bình thường xung quanh mình, và người nhận thức được mình đang nhìn xuống những ánh sáng của Semarang. Trong một giây phút người thấy mình phía trên căn nhà, rồi bên trong căn phòng mình. Nơi đó người trông thấy chính mình đang nằm với đôi tay chấp lại.

“Một cách thận trọng tôi lại gằn và hôn lên trán” người nói ”ngay lúc đó người được hôn và người đang hôn thức dậy.”

Ngày kế tiếp mẫu thân Bapak nói với người rằng ban đêm mình đã thức dậy, và khi nhìn từ trên giường, bà trông thấy những tinh tú phía dưới, và cảm thấy mình đang ở trên trời.

Có những buổi tối Bapak thường ngồi trong phòng khách coi truyền hình. David, được 7 tuổi, thường bước vào, hoặc Bapak kêu nó vào. Bapak thường đặt David ngồi cạnh và xoa đầu nó. Sau một vài ngày, David nói với Erling:

”Ba, con có những dòng điện chạy trong cánh tay và chân.” Erling giải thích cho nó hay đó là những sinh lực (của latihan) làm công việc thanh lọc và đem đến một sự sống mới.

Trong khi đó tại hội nghị Subud Bapak nhắc tới một điều về sự tiếp

nhận latihan của David, điều này lại liên quan tới lời tiên tri của một thầy bói ở Chí Lợi trước khi chúng tôi vào Subud. Bapak nói rằng latihan nên tạo thành một cây giá có 3 vạch bên trong người tập latihan. ”đó là cây giá của ánh sáng” người nói ”cái vạch chính yếu nằm ngang vai, hai cái vạch ngắn hơn thì một cái nằm trên sống mũi, và một cái nằm ngang trái tim.”

Lời tiên tri đó xảy ra tháng 8 năm 1956, khi Erling và tôi đến gặp bà Laila, một người Nga hồi đó được đưa lên hàng đầu trên những trang báo của chính quyền ở Santiago, vì đã tiên đoán được nhiều biến cố trên thế giới. Erling đi tìm điều gì xác nhận được sự tiếp nhận tâm linh của mình. Lối đọc chỉ tay của bà Laila là cầm bàn tay phải của người muốn coi bói với bàn tay trái mình, rồi nhập vào một trạng thái xuất thần và viết lại tất cả trên một sập giấy. Khi hết cơn xuất thần, bà sẽ đọc những gì mình đã viết. Erling ngồi bên bàn phía đối diện bà, với David được 9 tháng trên đầu gối. Sau khi đọc bàn tay của Erling, bà hỏi: ”Ông có thể cho tôi đọc bàn tay của cậu bé?” Bà làm những gì thường làm; khi hết cơn xuất thần bà bắt đầu đọc và bình luận: ”Khi cháu được 7 tuổi, thiên hạ sẽ từ khắp nơi trên thế giới đến cái nơi chốn cháu đang ở. điều đó sẽ là tại một quốc gia khác gần một đô thị rất rộng lớn, rộng lớn hơn Santiago. Trong những người đến có một vài người mang vòng hoa⁹ (4) trên đầu. Họ sẽ trao cho David di sản của nó. Nhưng cái chánh yếu khiến cháu thích thú là một cây giá bằng vàng. (Bà đã vẽ nó ra trong cơn xuất thần - nó có 3 vạch, một vạch dài chánh yếu và hai vạch nhỏ phía trên và phía dưới.)

Tại hội nghị Bapak có 10 buổi nói chuyện. Tôi thấy có một buổi thật đặc biệt, khó quên và khiến hiểu biết thêm. Buổi sáng là lúc Bapak trải nghiệm tình trạng thân thể tâm linh của một số người nam. Khi trải nghiệm người giải thích: ”Bạn chỉ có một cánh tay,” hay ”Bạn có cánh tay nhưng không có chân” vv...Thật là cảm động khi thấy những người được trải nghiệm đã cảm ơn Bapak, vì được tiết lộ cho hay về tình trạng tâm linh của mình.

Ngoài những buổi nói chuyện của Bapak còn có những xuất latihan mỗi ngày và những cuộc hội họp về những sinh hoạt khác nhau của Subud. Tâm trạng mọi người được thư thái và hòa hợp, bên ngoài khí hậu mùa hè thật trong sáng và ấm áp.

Bapak yêu cầu Erling đi theo mình thăm viếng những nhóm Subud 9 theo nguyên chú: vòng hoa có lẽ tượng trưng cho sự giác ngộ tâm linh.

ở Hoa Kỳ và Canada. Họ đi Washington DC. Sau đó tôi gia nhập đoàn người (đi theo Bapak) ở Detroit. Chúng tôi kiếm được cho Bapak một dãy phòng nhìn ra một khu vườn trên lầu thứ tư của một khách sạn. Đó là một chỗ rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, và chúng tôi có thể thuê một căn phòng khác phía bên kia hành lang cho chính mình. Ban ngày chúng tôi để cửa phòng của mình mở, để cho Bapak và Ibu có thể vào bất cứ lúc nào thấy thích.

Một buổi sáng nọ Bapak vào phòng chúng tôi với một hội viên nữ đã đến để hỏi những điều này nọ. Sau khi Aminah thông dịch, người bảo người nữ đó tập latihan, và yêu cầu tôi tập chung. Rồi chính Bapak cùng vào tập. Tiếp theo người làm trắc nghiệm. Người đặt câu hỏi và bảo tôi tiếp nhận những giải đáp qua latihan cho người nữ đó. Tôi thấy căng thẳng nhưng có thể tiếp tục. Cái cảm xúc là điều như chúng tôi thường nói ở Chí Lợi - *Atragame Tierra* - (Mặt đất nuốt tôi!) nhưng tôi luôn làm những gì Bapak yêu cầu mình.

Sự quyết tâm luôn làm những gì Bapak nói không là kết quả của việc tôi khiến cho người trở thành một nhân vật đóng vai trò một người cha, một người có trách nhiệm về những gì tôi quyết định. Đó là điều xuất phát từ sự trọng vọng của tôi đối với latihan. Kinh nghiệm cho tôi hay mình có thể tin cậy sự hướng dẫn của latihan, nhưng sự tiếp nhận của tôi vẫn còn bị mờ mịt do những thói quen của tư tưởng và cảm xúc. Bapak gần gũi với latihan hơn tôi, vì thế cho nên sự hướng dẫn của Bapak rõ rệt và dễ hiểu hơn sự hướng dẫn của tôi.

Điều này không có nghĩa là tôi không kính sợ Bapak. Tôi kính sợ Bapak, nhưng không kính sợ cá nhân Bapak, mà đúng ra là kính sợ một người là sự chuyên chở của một thiên khai. Chính thiên khai – latihan - là điều tạo nên lòng kính sợ và trọng vọng. Về phần Bapak, người thường bày tỏ ước muốn là mọi người trong chúng tôi sẽ có thể đạt tới chỗ tiếp nhận được sự hướng dẫn của chính mình trong latihan.

Sau Detroit, Bapak tiếp tục đi tới Los Angeles, nơi có một nhóm mời người đến. Erling và tôi trở về nhà, Erling thì đi làm, còn tôi thì về với con cái và bà mẹ mình đã không đi theo. Rồi Erling lấy máy bay đi gặp Bapak ở San Francisco. Tại đó anh thuê một xe lửa chở khách rộng lớn, và đem Bapak đi chơi suốt ngày tới công viên quốc gia Yosemite để coi một khu rừng nhỏ gồm những cây sequoia khổng lồ, những cây cao lớn nhất thế giới. Bapak lấy làm vui thích. Người muốn nhìn thấy và tìm hiểu

đất nước. Sau một chuyến đi xa hơn nữa tới Columbia River, Bapak yêu cầu Erling đi với mình tới Toronto và lái xe dẫn mình đi coi thác Niagara.

Lần cuối đi xe trở về, người tuyên bố mình đã quyết định hoãn lại chuyến đi tới Âu Châu, và yêu cầu Erling có thể hay không cho mình và đoàn người đi theo trở về tư gia chúng tôi ở Briarcliff để nghỉ mệt trong một lúc. Đoàn người đến đó tháng 10 năm 1963.

Một buổi sáng trong lúc tôi và Aminah đang làm đồ ăn trong bếp, Bapak ngồi trong phòng khách với Erling và các thành viên của ủy ban SIS mới, trong đó có một người là anh Reynold Osborne. Aminah đi ra coi Bapak có cần gì không. Khi trở vào chị nói với tôi: "Chị sẽ đến Nam Dương ở, tại Cilandak." Tôi coi đó đó là nói đùa - bản tính chị là thích nói đùa. Cái ý nghĩ ngược đời đó không thể là sự thật được. Tuy nhiên chị nhấn mạnh là Bapak đã không nói đùa, và đang nói chuyện với Erling về việc đó.

Về sau Erling thuật lại cho tôi cuộc trò chuyện: Reynold Osborne hỏi Bapak: "Erling sẽ phải làm gì?" Bapak đáp: "Erling sẽ đến Nam Dương ở."

Reynold: "Gia đình anh ấy thì sao?" Bapak: "Họ cũng sẽ cùng đi."

Reynold: "Nhà cửa và công ăn việc làm anh ấy thì sao?" Bapak: "Anh sẽ bán đi tất cả."

Khi Erling cho hay, tôi thấy mình trong một trạng thái hoàn toàn không thể tin. Tôi biết Nam Dương ở đâu. Nhưng tới đó ở - không thể tưởng tượng được! Điều tôi không hề muốn làm chút nào là đi khỏi nước Mỹ, đem con cái ra khỏi nhà trường và bán nhà cửa. Tôi bắt đầu cảm thấy rất căng thẳng. Tuy vẫn tiếp tục tập latihan như thường lệ, nhưng tôi cảm thấy đòi hỏi đó ngoài khả năng mình. Erling thì không lấy gì làm ngạc nhiên nhiều như tôi. Anh nói rằng mình đã biết một ngày nào đó sẽ phải đến vùng nhiệt đới ở.

Ngày tháng cho lúc chúng tôi lên đường chưa được ấn định, nhưng đột nhiên lại có vô số những gì phải làm. Trong năm theo sau đó chúng tôi bán đi căn nhà, cơ sở và phân nhiều những đồ dùng cá nhân của mình. Tôi rất lo cho David và Cathy, và lo nghĩ tới cuộc sống bất định ở Á Châu. Tôi cố gắng, nhưng không có kết quả, thích nghi với cái ý nghĩ đến

một quốc gia ở mà mình hoàn toàn không hiểu biết chút gì.

Những lời nói tôi đã nghe trong latihan ngay sau khi được khai mở, thường trở lại với mình: "*Cứ tin cây Thượng Đế và đừng tin cây con người.*"

Chúng tôi bỏ lại căn nhà tại Briarcliff và sự ầm cúng của nó, vào 8 tháng 12 năm 1964. Tại San Francisco chúng tôi được thị thực 2 năm trên chiếu khán cho ở Nam Dương, rồi lấy máy bay đi thăm bạn bè trong một vài ngày ở Phi Luật Tân. Ngày chúng tôi đến Jakarta theo lịch trình là 31 tháng 1 năm 1965.

Một đêm trong một khách sạn ở Manila, tôi chợt thức dậy và được một sức mạnh tâm linh tràn ngập. Tôi thấy mình quỳ gối trên sàn nhà trong một trạng thái cầu nguyện rất sung sướng. Cái chứng nghiệm đó khiến tôi tin chắc việc chúng tôi đến Nam Dương ở là đúng!

Chương bốn

Đến trong lúc khó khăn, Nam Dương

Lúc đó đúng là sau 12 giờ đêm, khi chúng tôi đáp xuống Jakarta. Phi trường trông trội chỉ có ít ánh đèn chiếu, khắp nơi đều có những vũng nước rộng lớn do những trận mưa mới đây. Không khí vùng nhiệt đới thì nặng nề với những mùi lạ lùng. Những âm thanh không quen thuộc kêu leng keng, ộp ộp và vù vù trong sự âm đạm của những nơi chung quanh. Khi tôi từ máy bay bước về phía nhà đón khách, tim tôi đã giật nảy lên khi tôi hầu như dẫm lên một côn trùng bị dập nát, to lớn bằng bàn tay mình, cánh và chân nó thì chia ra. Tôi chưa từng thấy thứ gì như vậy. Tôi xua đuổi cái hình ảnh đó ra khỏi trí óc mình. Tôi lo lắng nhìn phía trước và nắm chặt hơn bàn tay của Cathy. "Không thể tưởng tượng nổi!" tôi tự nói.

Tòa nhà của phi trường trông hung dữ và hoang vắng. Những người lính mặc đồ tác chiến nhìn chúng tôi một cách tò mò, tay cầm tiểu liên ở tư thế sẵn sàng bắn, như coi chúng tôi là những phần tử khả nghi. Hay là có một nguy cơ gì khác? May mắn là tôi trông thấy vợ chồng Usman và một người khác vẫy tay từ đằng sau bàn giấy về thủ tục nhập cảnh. Đó là một thành viên thuộc cơ quan văn phòng của Bapak, anh Brodjo. Tôi vẫy tay đáp lại. Tôi nhận thấy một cái nhìn tò vè ngờ vực của viên chức nhập cảnh, khi anh lật giờ thông hành của chúng tôi.

"Người Mỹ?" anh hỏi Erling.

1ụ cười nhả nhận và điềm đạm của Brodjo khiến vững dạ. Brodjo có vẻ như quen biết các nhân viên hải quan; chẳng bao lâu những bao túi

của chúng tôi được ghi bằng phấn và người tài xế của anh bắt đầu mang đi. Tôi có ý muốn đi vào chỗ dành cho phụ nữ. Tôi nghe thấy tiếng bước chân mình vang dội trên sàn nhà bằng xi-măng của căn phòng rộng lớn nhưng trống vắng. Tôi tìm thấy một phòng rất nhỏ với một chỗ rửa mặt kiểu Á Châu. Mọi thứ đều ẩm ướt, và một vòi nước nhỏ giọt một cách bừa bãi trên bê-tông như nước. Trên mặt tường sát sàn nhà có một cái lỗ hình nửa vòng tròn để cho nước chảy ra ngoài. Khi nhìn vào cái lỗ dẫn nước đó, tôi trông thấy hai con mắt to lớn mở ra nhìn mình chòng chọc. Ngờ vực tôi nhìn kĩ con vật. Chợt nhiên tôi nhận thức được đó là cặp mắt của một con cóc to lớn.

Chúng tôi đi trên hai chiếc xe xuyên qua những đường phố hầu như vắng tanh, bên cạnh những con kênh đen tối. Những bánh xe chúng tôi làm cho nước bắn tung tóe vào một vài xích lô chậm chạp di chuyển. Tiếp theo là những mặt tiền dài của những tòa nhà cổ lỗ hai tầng và những cửa tiệm dẫn tới những bungalow và cây cối, khi chúng tôi đi vào khu dân cư ở ngoại ô Kebayoran, và đi xuyên qua khu chợ của vùng đó. Brodjo nói nó được gọi là Blok A.

Nơi đây những người buôn đồ đàn hàng hai bên đường, họ vẫn còn buôn bán ở những quầy được tạm thời dựng lên, dưới ánh đèn lung linh. Thêm vài trăm thước nữa thì chúng tôi ra ngoài khu vực có nhà cửa, đèn pha những chiếc xe của chúng tôi tạo thành những chỗ sâu trong màn đêm trông như nhung. Lúc đó là giữa mùa mưa, và từ nơi này con đường chật hẹp dẫn tới khu vực Cilandak thì vắng tanh, có ổ gà và đầy bùn.

2 giờ trưa chúng tôi đi ngang qua một người co rúm tại một công ra vào, và lái xe vào khu vực của Subud. Xuyên qua những cây cối cách đó độ 100 thước, tôi có thể trông thấy ánh sáng màu trắng của một chiếc đèn duy nhất trong cổng vòm của một tòa nhà. Tất cả những gì khác đều nằm trong bóng tối. Khi chúng tôi lái xe về phía tòa nhà cho thấy đó là một nhà tiếp khách hai tầng, tôi trông thấy Bapak đang đợi chờ. Người cầm trong tay một đèn flát¹⁰ to lớn. Người nhiệt liệt chào đón chúng tôi. Trong một lúc tôi quên đi sự mệt mỏi của mình. Ibu và Rochanawati cũng có đó, kể cả Sjafrudin và Robert Winkler, tất cả những người chúng tôi đã gặp trước đây ở Mỹ. Brodjo giới thiệu hai thành viên khác thuộc cơ quan văn phòng của Bapak, Sudarto và Prio Hartono.

Bapak cho hay một căn nhà nhỏ bé đang được xây rộng thêm cho
10 flash-light

chúng tôi, gần ranh giới phía bắc của khu vực. Nó chưa được xây xong, người nói, vậy thì người sẽ đưa chúng tôi vào căn nhà mới xây cho vợ chồng Usman là một chỗ chưa có ai ở, vì họ vẫn còn ở bên ngoài khu vực Wisma.

Tôi vừa ngồi trên một chiếc ghế bằng cây mây¹¹ thì một con rệp to lớn kêu vo vo một cách âm ĩ bay ngang qua mặt về phía đèn dầu, hầu như muốn đập vào mình. Tôi hoảng hồn nhận thức được con côn trùng bị dẫm nát mà tôi đã trông thấy ở phi trường, nó đúng là có thật.

Bapak ân cần dẫn chúng tôi vào nhà. Đó là một căn hộ nhỏ bé có hai phòng ngủ, một phòng với một cái giường lớn có mùng được dặt lên. Phòng còn lại là cho con nít, với hai giường cũng có mùng. Điều kinh khủng là tôi trông thấy một con nhện to lớn bên trong mùng của cái giường lớn. Tôi rất sợ nhện, nhưng trước mặt Bapak, tôi không nói gì hết. Tôi chỉ tự nghĩ là *mình sẽ đối phó với vụ này sau đó*.

Ngay sau khi mọi người đi hết, tôi nói với Erling là chúng mình phải kiểm con nhện đó để thanh toán nó. Chúng tôi gỡ bỏ mọi thứ trên giường, nhìn xem khắp nơi, nhưng không thể tìm thấy nó. Chẳng thể làm gì được hơn nữa, nên cuối cùng tôi đi ngủ, và trong một lúc lâu tôi chỉ có thể nằm đó mà không ngủ được, vì cảm thấy nó đang ẩn nấp nơi nào đó trong bóng tối. Khi thức dậy lúc giữa đêm để đi cầu, tôi cảm thấy một cách chắc chắn là mình sẽ gặp con nhện. Tôi nắm chặt lấy cái đèn flát. Trong một phòng ngủ nhỏ nhất mà tôi chưa từng thấy, thực vậy, nó đang đậu trên một bức tường màu trắng cách tôi nửa thước, trông nó đen tối và lông lá. *Tôi không bao giờ có thể sống còn ở Nam Dương*.

Khi có ánh nắng ban ngày mọi điều trở nên khá hơn, và tôi bắt đầu làm cái công việc cực kì khó nhọc là thích nghi với một lối sống mới. Trong suốt những tháng tiếp theo, tôi phải học ngôn ngữ và tập tục, phải gây dựng một mái nhà trong những điều kiện thô sơ nhất, không điện nước.

Việc làm thứ nhất là phải kiếm những người hầu - thiếu họ thì một gia đình ở nước ngoài không thể sống ở Nam Dương - một người hầu gái, một đứa trai làm thuê và một người bếp. Đứa trai làm thuê quê quán ở trung bộ Java. Nó ngắn nấp, có vẻ ngoài sạch sẽ, hạnh kiểm rất tốt, hiền lành, lịch sự và kính cẩn đối với chúng tôi là chủ. Tên nó là Sarinam. Tôi đã có những người hầu tốt ở Chí Lợi, nhưng chưa gặp người nào có

11 rattan chair

những đức tính gương mẫu như vậy.

Mọi người đều tử tế và đỡ đần, và tôi được chỉ cho cách đi mua đồ nơi khu chợ nhỏ bé gần đó. Mưa đã biến mặt đất thành bùn lầy, đặc biệt giữa những sạp bán hàng bằng tre. Điều duy nhất phải làm là mang dép tông¹² có thể làm cho bùn đỏ bắn ra đằng sau chân cẳng và quần áo của tôi. Tôi nhanh chóng học được cách mặc cả mọi thứ, như thường được làm. Thực phẩm tươi không là những thứ mắc đối với chúng tôi, nhưng tôi kì kèo để mua với giá thấp nhất, để không tạo tình trạng lạm phát cho người khác. Có những đũa nhỏ thường xách những gì tôi mua - kể cả những trái cây thuộc đủ loại của vùng nhiệt đới - trong những rổ đan để kiểm một vài rupiah.

Tôi phải mất một khoảng thời gian mới làm quen được với ban đêm. Có những mùi lạ lùng và những tiếng động không biết là gì trong bóng tối. Ban đêm cây jambu đặc biệt toát ra một mùi hương rất mạnh, và khi tôi thức dậy, cái mùi mới lạ đó khiến tôi cảm thấy bị mất phương hướng. Sự xuất hiện và những tiếng ồn ào của djaga malam, người gác đêm, có vẻ kì quái. Mang một chiếc sarong theo lối thông thường như váy phụ nữ, một chiếc khác thì để lên đầu và vai để chống lại cơn lạnh của ban đêm, trông hẳn như một người gù. Hẳn luôn dẫn theo một con dê.

Khu đất mua trong năm 1960 vào khoảng hai hecta, ranh giới của nó nằm đằng sau nhà khách, bên ngoài là ruộng lúa. Một căn nhà dành cho Bapak đang được xây cất, cách mặt đường khoảng 10 thước. Đó là cái cơ cấu cụ thể khi chúng tôi đến. Hồi đó là lúc thuận tiện để xây cất nếu có ngoại tệ. Đồng rupiah của Nam Dương đang mất trị giá hối đoái, và những chi phí xây cất thì thấp nếu xét theo tiêu chuẩn Tây Phương. Điều này có nghĩa là ta có thể xây cất một căn nhà có giá trị mà tốn kém rất ít, nếu dùng đồng Đô La.

Có một chỗ tập latihan rộng lớn trong khu vực. Đó là một tòa nhà mộc mạc bằng gỗ, với mái có ngói và một sân nhà bằng bê-tông. Tôi nghĩ đó là một tòa nhà được mua lại của quân đội. Phía trước được ngăn bằng vách, một phần là chỗ cho cơ quan văn phòng, phần còn lại là chỗ nghỉ ngơi. Phía sau cũng được ngăn cách và chia thành hai phòng cho Sudarto và Prio, cả hai đều lập gia đình với nhiều con cái. Nhiều việc đã được làm tức thì mà không chuẩn bị gì trước. Nước được bơm bằng tay từ các giếng không sâu, và được các người hầu gái đem về nhà. Những lúc mưa

lớn, nước trên mặt đất từ những chỗ đất cao thì có đầy đất đỏ và chảy qua khu vực của Subud, biến các đường đi thành những dòng sông đầy bùn.

Bapak và Ibu ở tầng trên nơi cánh phía đông của nhà khách, một chỗ nhìn ra ruộng lúa. Rochanawati cũng ở đó, trong một căn phòng cạnh căn phòng lớn hơn của Bapak và Ibu. Hardiyati, cô con gái út của Bapak, ở trong cánh phía Tây với chồng cô là Sjafrudin và đứa bé mới sinh. Tầng lầu đó cũng có một phòng ăn nhỏ bé và một nhà bếp. Những hiên ở hai bên tạo nên những chỗ có thể ngồi được. Bapak có một bàn làm việc nhỏ bé và một máy đánh chữ trong phòng.

Trai giới Ramadhan đã bắt đầu khi chúng tôi đến. Chẳng bao lâu tôi hay được Nam Dương là một quốc gia mà phần đông theo Hồi giáo, nơi trai giới Ramadhan được mọi người tôn trọng, nhưng cũng có những người không triệt để tuân thủ. Đó là một trong những giáo điều, một trong 5 cột trụ của tôn giáo, và là một lễ tiết chánh yếu trong năm. Trai giới kéo dài 30 ngày, bằng cách kiêng ăn uống và hút thuốc, giữa những lúc cầu kinh mặt trời mọc và mặt trời lặn.

Tôi không theo trai giới, nhưng lại theo mọi người mừng lễ Idul citri nơi hiên nhà của Bapak. Idul Fitri là lễ ăn mừng theo phong tục và là ngày lễ chung khi xong Ramadhan. Mọi người xin người khác tha thứ cho mình, và để cho thấy mình bắt đầu trong một tình trạng trong sạch, họ đều mặc những quần áo mới. Người Nam Dương đến nhà thân nhân để tỏ sự kính mến đối với cha mẹ và những người lớn tuổi. Thường thường thì có một selematan thật lớn.

Những người nữ thuộc gia đình Bapak thuyết phục tôi mặc đồ Java cho dịp đó. Tôi chiều theo do lịch sự hơn là do có ý muốn tuân theo một tập tục. Khi mặc chiếc sarong gấp li in hoa batic và chiếc áo cài khuy bằng dây với tay áo dài, tôi tranh đấu chống lại việc có quan hệ với một quang cảnh của một nền văn hóa hoàn toàn ngoại lai đang diễn ra trước mặt mình. Khi đến lúc xin tha thứ, những người trong gia đình Bapak từng người đến quỳ trước mặt Bapak, bàn tay chấp lại đưng vào đầu gối Bapak, và nói những lời theo thông tục là Minta maaf lahir dan batin (tôi xin được tha thứ cho những lỗi lầm bên trong và bên ngoài) Tôi chỉ hiểu được phần nào những gì đang xảy ra chung quanh mình, và những xúc động là những điều nằm ngoài sự hiểu biết của tôi. Tôi cảm thấy như bị tất cả những việc đó tràn ngập vào.

Bapak có một vài buổi nói chuyện cho các hội viên đến dự. Trong 6 tháng sau Ramadhan, người chỉ có 3 buổi nói chuyện cho phái nữ, và một buổi lúc Idul Fitri. Điều này có thể là do tình hình chính trị càng lúc càng căng thẳng, khiến những hội họp bị ngăn cản, và do sự kiện vì lí do an ninh các hội viên ở Jakarta không thể đi ngoài đường lúc ban đêm.

Tuy có một vài buổi nói chuyện chính thức, nhưng Bapak thường ra ngoài ngồi trò chuyện mỗi tối với những người sinh sống trong khu vực. Thường thường người đến nơi hiên nhà của chúng tôi để trò chuyện với Erling, và Usman là người thông dịch. Chúng tôi cũng thường đến thăm Bapak, leo lên tầng lầu cao nhất của nhà khách, và ngồi nơi hành lang nhỏ bé chỗ cao nhất của cầu thang. Những trò chuyện bao gồm nhiều chủ đề, đôi khi về những vấn đề tâm linh hay cá nhân, nhưng phần nhiều là về những vấn đề thiết thực liên quan tới đời sống trong khu vực.

Ibu có vai trò của một người mẹ trong gia đình. Hồi đó bà chưa có một đoàn tùy tùng gồm những bạn bè là phái nữ, như sau này. Buổi tối phụ nữ Nam Dương thường ở nhà không đi đâu, và không đi ra ngoài ngồi với Bapak. Rochanawati lánh mặt rất lâu trong phòng mình. Cô luôn vui vẻ và khiêm tốn.

Trong những người ở Ciladak có một vài vị, do tính khí, là những người đi sâu được vào đời sống tâm linh. Họ thường chăm chú vào cái kích thích tâm linh của kinh nghiệm thay vì vào đời sống bình thường của cái thế giới chung quanh mình. Những người gần cận được với latihan một cách tự nhiên như vậy thường có khả năng giúp đỡ người khác. Rochanawati là một người như vậy. Tôi đã gặp cô ở New York trong năm 1959, và nhận thức được cô là một người cực kì nhạy cảm có thể thấy được những gì phát ra ngoài từ trạng thái nội tâm của người khác. Hậu quả là cô đã phải khổ sở rất nhiều.

Điều đáng kể là cái khả năng thường xuyên phó thác tình trạng của mình cho Thượng đế. Cô không công khai tích cực chỉ bảo cho mọi người, nhưng khi có một tình trạng ăn khớp với nội cảm, cô vui lòng đề nghị những giúp đỡ có kết quả. Cô thường kêu tôi vào phòng để trò chuyện. Sự sáng suốt và cái trực giác tâm linh của cô về một thế giới mà chúng ta không thường trông thấy, thì cực kì rõ rệt và được tập trung vào một điểm. Bapak nhận xét về cô: ” Rochanawati lớn tuổi [về tâm linh] hơn bà mẹ mình.”

Những hoàn cảnh sinh sống bất thường trong một cộng đồng nhỏ bé như vậy tạo nên nhiều vấn đề, đặc biệt dưới áp lực của những biến cố trong nước. Tôi nhận thấy trước đó vài ngày có một bà người Mỹ không muốn nói chuyện với mình nữa, một người đã làm chứng cho lúc tôi được khai mở ở New York. Vì đã không làm bất cứ gì đã làm bà mất lòng, nên tôi không nói gì hết. Cuối cùng bà đến gặp tôi. Bà than phiền: "Tôi nghe nói chị đã đề nghị với Rochanawati là tôi phải đi khỏi Nam Dương." Tôi nói mình đã không hề làm một chuyện như vậy. Bà tin như vậy và đề nghị chúng tôi nên đến gặp Rochanawati để mình giải về vụ đó. Khi chúng tôi vào phòng của Rochanawati, bà bạn của tôi vừa bắt đầu minh giải, thì Rochanawati đã nói: "Thôi, tôi không bao giờ nghe những chuyện tầm phào!" Thế là xong.

Tôi nhận thấy thích hợp được với đời sống ở Nam Dương trong năm 1965, là điều rất khó – do khí hậu nóng nực và ẩm ướt, những điều kiện thô sơ và những hạn chế của một ngôn ngữ mới. Đôi khi đó cũng là điều khó khăn, nếu có được những quan hệ không bị trục trặc giữa cá nhân. Tôn trọng những cảm nghĩ của người khác là điều được đặt hàng đầu trong bất cứ cuộc tranh luận nào giữa người Nam Dương. Nếu bạn bất đồng với ai, người ta mong chờ bạn sẽ xử lý vấn đề theo một nghi thức có sẵn đòi hỏi cẩn thận và tế nhị. Tôi nhận thấy người Nam Dương đạt được những gì họ muốn, hay truyền đạt được những gì họ cần, với nhiều thận trọng hơn chúng ta thường có ở Mỹ. Vì quen thuộc với lối tiếp cận đó, nên họ cũng có khuynh hướng dễ bị xúc động hơn, nếu những quy tắc của mình bị vi phạm, và một người nước ngoài mới đến thường dễ làm cho ai đó thấy khó chịu. Đây là một vấn đề văn hóa giữa Đông và Tây. Nếu điều gì không được giải quyết, thì trong trường hợp tốt đẹp nhất tôi có thể cảm thấy có điều gì đó không đúng, nhưng người Nam Dương thì sẽ không bộc lộ nói nó là như vậy. Vấn đề đó xảy ra với Erling khi có vụ cắt cây. Mas Usman là thông ngôn và thủ quỹ của Bapak, phụ trách việc quản lý tài chánh của cơ ngơi, vấn đề an ninh và chương trình xây cất. Anh đã dàn xếp với một người dân quê được gọi là "bác làm vườn", để cho ông ở trong một căn lều trong khu vực. Người đó cắt những cành cây khá lớn để nuôi ăn cho đàn dê của mình, khiến cho các cây cối bắt đầu bị biến dạng vô cùng. Erling thấy lo lắng, khi bác làm vườn bắt đầu cưa một cành cây to lớn của một thân cây phía trước nhà khách; với một vài câu Nam Dương mới học được, anh bảo chủ nhân của đàn dê đừng làm như vậy nữa.

Sau này khi giận dữ về một vụ khác, Aminah nói với Erling: "Tôi sẽ dung thứ những cây cối của anh, nếu anh dung thứ cảm xúc của tôi." Khi vấn đề đó bộc lộ ra, câu chuyện được dàn xếp.

Do vụ chặt cây, Erling nói với Sjafrudin mình tin rằng nên có một ủy ban nhỏ bé phụ trách những vấn đề của cộng đồng, vì không ai trong khu vực chịu lãnh trách nhiệm. Chẳng bao lâu sau đó Bapak đến nhà chúng tôi, và hỏi Erling về cái ý kiến có một ủy ban. "Bạn nghĩ ai có thể là thành viên?" Bapak hỏi. Erling đề nghị là nên có khoảng 6 người, Nam Dương và nước ngoài (không kể bản thân mình) mà anh cho biết danh tánh; họ sẽ đại diện cho những sinh hoạt hiện có trong khu vực: quản lý tài chính, xây cất, cơ quan văn phòng, kiến trúc, những vấn đề liên quan tới khách nước ngoài và những vấn đề gia đình. Một vài ngày sau đó Bapak loan báo sự thành lập của ủy ban. Tất cả các thành viên đều là người Nam Dương. Một vài nội quy được đề ra, và một vài năm sau đó những người ngoại quốc ở đó được đề cử vào ủy ban.

Có nhiều điều tôi đã phải học hỏi để chấp nhận đó là cái gì bình thường trong cuộc sống ở Nam Dương. Khu vực thuộc Subud ở Cilindak là một công trường, với nhiều nhà cửa được xây xong phần nào. Nhiều khía cạnh của việc xây cất cửa đã dùng những nguyên liệu lấy tại nơi; những tảng đá trên bờ sông được khiêng tới và đập vỡ để lập nền móng cho nhà, gỗ thì phải cưa bằng tay, vữa¹³ thì do vôi trộn thành và gạch thì đập bằng tay.

Ngay sau khi đến, tôi nhận thấy các công nhân làm căn nhà mới của chúng tôi, đều cưa gỗ theo một lối lạc hậu. Một khúc gỗ lớn được đặt trên một giá đỡ, và hai người Nam Dương, một phía trên và một phía dưới, làm việc suốt ngày với một cây cưa lớn cầm hai đầu, để cắt thành những tấm ván. Tôi muốn ứa nước mắt, khi trông thấy hai anh nông dân chỉ mặc sarong, đưa qua đưa lại hàng giờ dưới ánh mặt trời vùng nhiệt đới.

Trong nhà mình tôi cũng thấy một điều khiến xúc động, nhưng là điều tiêu biểu cho cuộc sống hạn hẹp hồi đó ở Cilindak, trong đó những điều nhỏ bé hiện thành to lớn. Nhiều người Nam Dương nuôi chim nhốt trong chuồng, hoặc treo nơi cổng nhà, hoặc móc trên những cột thật cao. Họ gán cho một vài loại chim những ý nghĩa có tính tượng trưng, và quý chuộng một vài loại vì những tiếng hót đặc biệt, như chim bồ câu là một

¹³ plaster: hợp chất mềm gồm vôi cát, nước...

con hát được bát độ¹⁴. Một hôm tôi thấy một lồng chim trong đó có con cú, mắc trên một thân cây to lớn trước mặt nhà khách. Lồng nhỏ đến nỗi khiến con chim đáng thương hại đó hầu như bị ngột. Tôi không thể chịu được tình cảnh khốn khổ của nó, nên nhìn qua chỗ khác. Tôi học được cách tự coi mình là một người khách trong khu vực, và cảm thấy bất lực không thể xen vào. Một tiếng đồng hồ sau, tôi thấy con cú và chuồng chim bên ngoài căn nhà mình. Tôi không thể ngờ lại được may mắn như vậy – làm sao có thú khốn khổ đó lại có thể theo tôi tới nhà?

Chẳng bao lâu tôi phát hiện được Rochanawati, một người rất thích Cathy, đã dàn xếp với một người hầu để mua một con chim tặng Cathy. Tôi lập tức thả con cú ra khỏi ngục tù của nó, và để nó lên một cành cây. Tôi buộc một sợi dây dài vào chân nó, khiến nó cử động được đôi chút nhưng không thể trốn thoát. Điều này có vẻ là một thỏa hiệp tốt nhất. Nó ngồi đó nhìn xuống phía chúng tôi trong vài tuần, chịu ăn một vài miếng thịt, rồi chợt biến mất một cách thật bí ẩn. Có kẻ nói là nó đã bị bắt đi để đem bán lại.

Trong lúc ổn định cuộc sống, tôi học tiếng Nam Dương. Mỗi ngày tôi học những bài của Pak Ishak ở gần đó, một hội viên Subud và thầy giáo khá thông thạo tiếng Anh. Ban đầu tôi tập trung vào những từ vựng mà mình cần, để nói chuyện với những người hầu. Về sau tôi vui thích thấy mình có khả năng diễn đạt được những sắc thái của cảm xúc¹⁵ mà tôi thu lượm được trong tất cả những quan hệ của mình với người Nam Dương. Thái độ của họ thật dịu dàng, nhã nhặn và kín đáo. Tiếng Bahasa Indonesia, một tiếng được phỏng theo tiếng Mã Lai, cũng như tiếng Tây Ban Nha, được nói với một sự nhấn giọng có tính cách sinh động hơn tiếng Anh. Mãi về sau tôi mới chú ý tới nhạc đại chúng của Nam Dương, và nhận thấy những nhịp điệu ung dung của nó phần nhiều là do những ảnh hưởng trước đây của Bồ đào Nha.

Nhận thấy những nhu cầu về chuyên chở của chúng tôi khi chúng tôi đợi chờ những đồ đạc dùng trong nhà và chiếc xe chở hàng, Bapak cho chúng tôi mượn chiếc xe Opel chở hàng. Erling dùng nó để chở mấy

14 octave

15 theo nguyên chú: từ cảm xúc (feeling) được dùng để định rõ một sự phán đoán về trị giá – chẳng hạn ở đây là tán thành hay không tán thành. Theo định nghĩa đó, cảm xúc không là xúc động (emotion) – không do ý chí- và không là trực giác (hunch: linh cảm). Cái định nghĩa đó về cảm xúc thật quan trọng để hiểu được người Nam Dương; theo tôi họ là những người thường phán đoán theo cảm xúc hơn là theo tư tưởng.

dứa con tới trường học và từ đó về nhà. Chính trong chiếc xe đó tôi có cái kinh nghiệm đầu tiên về lưu thông ngoài thành phố ở Nam Dương. Bapak mời chúng tôi đi với mình trong ngày tới cái nông trại nhỏ bé của mình ở Cipanas, khoảng 2 tiếng đồng hồ đi xe từ Jakarta. Tài xế của chúng tôi được cho hay là phải chạy theo Adji lái một chiếc xe khác. Adji là một thiếu niên và cháu trai của Bapak.

Tuyến xe hai chiều nhộn nhịp với những xe tải mọi kích thước, những xe buýt chật cứng người, những xe hơi, xe buýt loại nhỏ, tất cả đều chạy hết sức nhanh. Ngoài ra còn có sự lưu thông nơi những thôn xã ở địa phương, với những xe tắc-xi 3 bánh, những xe gắn máy, những xe bò, những xích-lô và xe đạp, những người đi bộ gánh vác những thứ đem ra chợ bán. Những kẻ lái xe tìm cách vượt qua với tốc độ cao mọi người, bằng cách lách vào rồi lách ra làn sóng lưu thông đang kéo đến, với tiếng còi inh ỏi. Adji nhập vào làn sóng đó với sự bạo dạn của tuổi trẻ. Đi trên đường là việc nguy hiểm – những xác xe hai bên đường chứng thực được điều đó - nhưng để cho kẻ khác lái xe cho mình là một hành động dựa trên tin tưởng và tuân phục. Lối thoát có vẻ là một chính sách "bên miệng hố chiến tranh"¹⁶ – chạy giữa đường càng lâu càng tốt, và chỉ nhường cho chiếc xe đang tiến tới trong phút chót, nếu nó không chịu nhường mình!

Một tiếng đồng hồ sau, điều khiến tôi rất an lòng là chúng tôi phải đi chậm lại, khi đến một con đường quanh co dẫn lên núi, xuyên qua những đồi trang trồng trà. Khi chúng tôi leo lên chỗ có không khí hơi lạnh, tôi nhìn ngược lại và nín thở. Quang cảnh đằng xa phía dưới thật nguy nga, một cánh đồng ruộng lúa mênh mông màu xanh và vàng trải rộng tới một chân trời xa xôi, có sương mù màu xanh nhạt dịu. Chợt nhiên tôi đứng trước một khu đất đẹp kì lạ chưa từng thấy. Những chỗ trông như những khu dân cư rải rác với những căn nhà sơn trắng và mái ngói màu da cam, thực ra là sự phát triển xây dựng nhà cửa hai bên đường phố. Cùng có những thôn làng, nhưng từ độ cao này thì đó là những đám cây cối và cây dừa. Tôi cảm thấy thanh thản và bắt đầu thưởng thức được những màu sắc rực rỡ của quần áo những người hái trà, nụ cười và những vẫy tay chào hỏi của những đứa bé, khi chúng tôi đi ngang qua.

Đến nông trại, mọi người đều nghỉ xả hơi. Ibu biến mất vào phòng

¹⁶ brinkmanship: thủ đoạn theo đuổi một chính sách nguy hiểm tới giới hạn của an toàn.

mình, và các người hầu gái chuẩn bị bữa ăn trưa. Tôi cảm thấy sự căng thẳng không còn nữa, và hít thở không khí trong lành của núi non, như một thứ xa xỉ không thể có được.

Ở Cilandak xe hơi đôi khi bị lấy đi khỏi cái sân trước nhà, mà chúng tôi không được thông báo trước. Điều này xảy ra trong một ngày ngay khi những đứa con của tôi phải đi học, nên tôi đến gặp Bapak. Người đang ngồi trên sân hiên, và khi tôi đến thì Ibu bước ra khỏi khung cửa của phòng ngủ. Tôi mình giải một cách hết sức lịch sự là không thấy xe hơi, ngụ ý rằng Adji là thủ phạm. Ibu nổi nóng. Việc tôi thấy đứa cháu trai của bà có lỗi là điều – tuyệt đối - không thể chấp nhận được. Khi tôi cáo từ, Bapak nhìn tôi như muốn nói: "Này chị, với Ibu và chuyện đứa cháu trai của bà thì...chẳng có ai bênh chị!" Tuy nhiên, kể từ đó xe hơi không còn bị lấy đi khỏi sân trước nhà.

Erling kể cho tôi hay là một buổi tối nợ Bapak đã đề nghị như sau: "Erling, bạn đã đem đồng đô la vào đây để chi tiêu. Usman nói với tôi là một phần tiền của bạn nằm trong ngân hàng tiết kiệm, và chỉ đem lại 4% mỗi năm. Tại sao bạn không lấy mười ngàn đô đổi qua tiền Rupiah của Nam Dương? Bạn có thể cho Usman mượn tiền lấy lãi 1% mỗi tháng, điều này cũng khiến bạn sống được." "Nhưng, thưa Bapak" Erling nói "Ti lệ mất giá của đồng Rupiah đối với đồng đô la là 400% mỗi năm. Tất cả những gì tôi đổi ra sẽ chỉ bằng ¼ của đồng đô la tới cuối năm." Erling nói mình nghĩ là Usman đã không hiểu được sự thực tế của lạm phát. Điều này được tranh luận nhiều, và sự việc không được nhắc tới nữa. Về sau Erling phát hiện được là ở Jakarta hồi đó tiền cho cá nhân vay phải trả lãi là 5% mỗi tuần. Tất nhiên những số tiền cho vay đã chưa từng được trả lại.

Ngoài khu vực của Subud tình thế chính trị càng lúc càng trở nên thù nghịch với nước Mỹ. Người Nam Dương thường ôn hòa, nhưng họ đã bị Sukarno và đảng cộng sản PKI xúi giục khiến cho thù ghét người Mỹ và Anh. Ở Jakarta có những bức tranh in lớn cho thấy chú Sam bị đá đít với câu "Americans Go Home!" Vì sự an nguy của kiều dân, nên chính phủ Mỹ đã chỉ thị cho tất cả các người Mỹ nên rời khỏi Nam Dương.

Một hôm Bapak gửi đến một thư tín báo là mình sẽ đi Bali, và muốn Erling cùng tôi và mấy đứa con đi theo. đề nghị đó đối với tôi thật là quá mức chịu đựng. Tôi cảm thấy mình đã làm tất cả những gì có thể được để thích nghi với Nam Dương, và xây một tổ ấm cho gia đình mà không

phải đi Bali. Nhưng tất nhiên chúng tôi đồng ý. Đoàn người gồm Bapak, Usman, Erling, bản thân tôi và mấy đứa con, David và Cathy, vợ chồng Landon Gray.

Khi máy bay đáp xuống Den Pasar, Bali, thì bên ngoài phi trường có 2 xe tải mở đằng sau, đầy những kẻ biểu tình chống Mỹ. Họ cùng nhau ho hét về phía chúng tôi: "Giết hết bọn Mỹ!" Có những biểu ngữ to lớn, ướt đẫm sơn đỏ, trông như dính máu. Điều này thật đáng ngại, và cảnh sát đưa chúng tôi tới chỗ an toàn vòng ra đằng sau máy bay. Khi chúng tôi lên xe đi, những xe tải đó chạy phía trước và chặn chúng tôi lại, để phản đối điều gì đó. Về sau tôi nghe nói người ta đã làm chúng tôi với những nhân viên của sứ quán Mỹ, những người được coi là có mặt trên chuyến bay đó.

Vào thành phố chúng tôi trọ trong một khách sạn xưa cũ một tầng, thuần túy Nam Dương. Phòng chúng tôi chỉ có một cửa sổ, quạt máy trên trần không thể có. Phía sau là một phòng tắm bốc lên một mùi ghê tởm. Nệm thì nhàu nát, ẩm ướt và hôi thúi.

Ngày kế tiếp, Erling đi với Landon Gray để kiếm một chỗ ở khá hơn. Tôi đợi chờ trong căn nhà nơi Bapak ở, và ngồi nói chuyện với Usman tại một đầu của sân hiên có kiểu trang trí của Bali. Bapak ngồi trên một chiếc ghế bành nơi một đầu khác. Người kêu tôi đến nói: "Ông cảnh sát trưởng nơi đây ở Den Pasar muốn được khai mở. Thực ra, ông chưa sẵn lòng nhưng Bapak sẽ khai mở cho ông..." Người ngưng lại; lấy ngón tay chỉ vào tôi để nhấn mạnh, người nói tiếp:

"Vì chị!" Tôi không hiểu Bapak muốn nói gì, nhưng tôi không bao giờ hỏi. Tôi suy nghĩ đi suy nghĩ lại, *tại sao Bapak lại khai một ông cảnh sát trưởng vì mình? Mình có thể liên quan tới nhân vật đó?*

Erling trở về cho hay anh đã kiếm được một nơi chôn tốt đẹp, nên chúng tôi và vợ chồng Gray đến đó ở. Nó có những túp lều cho cá nhân, trông đẹp như tranh, với những mái che nghiêng dốc. Nó sạch sẽ và gần ngay bờ biển. Bapak cũng tới đó ở.

Sáng tinh mơ chúng tôi phải ra đi, Bapak nói rằng thay vì đi thẳng tới Jakarta, người muốn tới Surabaya, Semerang, và tới Yogyakarta; người muốn Erling đi cùng với mình. Người nói vợ chồng Gray và tôi nên trở về Jakarta như dự định. Chẳng bao lâu Bapak, Usman và Erling ra đi.

Sau này khi tôi đi với Landon thanh toán tiền khách sạn, người ta nói với chúng tôi một cách cộc lốc là những chỗ ngồi dành sẵn cho chúng tôi trên máy bay đã bị nhân viên nhà nước chiếm mất. Chúng tôi quyết định tốt hơn hết là tới ở một khách sạn gần phi trường. Khi đến khách sạn khác, tôi nhớ ra được là Erling đã lấy đi tất cả những hộ chiếu của chúng tôi. Những người làm việc tại bàn thường trực trở nên khó chịu, họ gửi tôi tới đồn công an. Tôi đi một mình, để con cái lại cho vợ chồng Gray lo. Công an hỏi tôi hơn một tiếng đồng hồ, rồi thả tôi ra. Suốt lúc có mặt nơi đó, tôi có thể nghe thấy tiếng binh lính đang tập dợt ngoài cửa sổ. Khi diễu hành, họ hò hét những khẩu hiệu chém giết người Mỹ.

Tôi trở về khách sạn, nơi tất cả 5 người chúng tôi nhận được một buồng cho một người, không cửa sổ. Nó nóng nực, oi bức và hôi thối. Tôi không thể ngủ, và trải qua ban đêm trên một chiếc ghế ngoài cửa. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi cố gắng kiếm một máy bay, nhưng không mua được chỗ ngồi. Tôi bắt đầu thấy lo lắng. Tôi chợt nhớ tới ông cảnh sát trưởng. Tất nhiên tôi phải gọi điện thoại cho ông. Ông tỏ vẻ rất thân mật – như một người trong chúng tôi - khi ông được Bapak khai mở. Tôi gọi điện thoại cho ông và trình bày tình cảnh của mình. Ông lập tức phái tới một trợ tá đặc biệt của mình với một chiếc xe jeep. Tôi không còn nhớ lại được anh đã bao nhiêu lần đem chúng tôi tới phi trường rồi đem về,

Hết ngày này tới ngày khác, mỗi lần đợi với chúng tôi để coi có máy bay không, rồi lại đem chúng tôi trở về khách sạn. Những đứa con của tôi lại bị bệnh tiêu chảy, và những nhà vệ sinh của phi trường thì tồi tệ không thể tả nổi. Anh chưa từng bỏ mặc chúng tôi trong một giây phút, cuối cùng vẫy tay chào từ biệt khi máy bay chúng tôi cất cánh. Việc Bapak khai mở cho ông cảnh sát trưởng quả thực là vì tôi.

Ở Jakarta quần chúng càng lúc càng trở nên thù nghịch đối với nước Mỹ, nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục an cư. Một hôm chúng tôi đến nhà một gia đình người Mỹ đang hấp tấp ra đi và bán hết mọi thứ; chúng tôi mua được những thứ gia dụng còn tốt với một giá phải chăng. Những người đó đang chạy thoát thân, và điều này khiến tôi nghĩ tới cái nguy cơ ở lại. Trong việc này tôi học được như thế nào, với sự trợ giúp của latihan, mình có thể quyết tâm và tiếp tục đi tới - không nao núng - cái hướng đã quyết định.

Nhưng điều quan trọng hơn những đồ gia dụng là tôi muốn được cô Morsini, người nấu ăn của họ. Được họ huấn luyện cô là một bảo ngọc

trong bếp; cô đẹp, có duyên và lịch sự.

Khi căn nhà chúng tôi được xây xong và tôi thì đang dọn tới ở, Bapak gọi tôi đến. "Hôm nay chị dọn nhà?" người hỏi. "Vâng đó Bapak" tôi nói. "Thế thì đêm nay chị phải có một selematan và mời mọi người trong khu vực. Bapak cũng sẽ đến."

Tôi đồng ý, nhưng khi bước về nhà đầu óc tôi suy nghĩ lung tung, *làm sao mình có thể dọn nhà và có một tiệc ăn mừng lớn trong cùng ngày?* Tôi nghĩ điều này không thể có được. Tuy nhiên tôi đã chưa biết được thế nào là tính hiếu khách của người Nam Dương trong một trường hợp như thế này. Ngay sau khi nghe được tin đó, Morsini huy động nhiều người đến giúp. Cô làm món sate và những người khác trong khu vực thì đem tới đủ loại thức ăn thơm ngon. Sarinam lo vụ dọn nhà. Mọi việc được hoàn hảo và tất cả được sẵn sàng đúng lúc. Bapak có một buổi nói chuyện lâu dài với khoảng 40 người được mời dự. Bà Subardjo, phu nhân của vị cựu tổng trưởng ngoại giao Nam Dương, cho tôi hay là người đã nói nhiều điều mà mình chưa từng nghe nghe trước đây. Bà không cho biết thêm chi tiết, ngoài việc chỉ nói rằng Bapak đã nói một ngày nào đó trái tim của Bapak với trái tim của tôi sẽ trở thành một.

Tuy nhà ở của chúng tôi nhỏ bé, nhưng chúng tôi có tất cả những thứ cần thiết cho lối sống giản dị của khu vực. Tôi đặt ra những gì thường phải làm với con cái và người hầu. Tuy nhiên, tôi vẫn thường đôi khi khóc, không do một nguyên do rõ rệt nào. Một hôm tôi đang khóc, thì chị Hosanna Baron, một người từ Mexico đến thăm Bapak, bước vào căn phòng nhỏ tí của tôi. Chị nói: "Tôi không trách chị vì đã khóc, tôi cũng sẽ khóc, nếu phải nghe "việc đó" mỗi ngày.

"Việc đó" là tiếng động của những người lính Nam Dương đi qua đi lại cách đó nửa khối nhà, sẵn sàng chém giết và ca hát những điều có nội dung thù ghét người Mỹ. Một cách tự nhiên chị lấy khỏi cổ một dây bằng vàng có một Mề đay Kì Diệu¹⁷ và đeo nó cho tôi. Cái Mề đay Kì Diệu đó chứa lời hứa của Đức Mẹ là tất cả những ai mang nó sẽ được che chở. Nó được làm theo chỉ thị của Đức Mẹ, khi Đức Mẹ hiện ra cho Catherine Labour thấy, một người Công giáo ở Paris trong thế kỉ 19.

Tình hình càng lúc càng căng thẳng. Rochanawati tập latihan với những người nữ chúng tôi mỗi đêm, và bảo chúng tôi khi về nhà phải

17 Miraculous Medal

luôn nhắc lại danh hiệu của Thượng Đế. Một buổi sáng cô nói với tôi là có thể trông thấy chung quanh khu vực một vẻ đẹp mà chúng tôi chưa thể thấy được. Tôi hỏi: "Phải mất bao năm trong Subud mới thấy được như vậy?" Cô đáp: "Năm tháng không thành vấn đề; ăn thua là mình đứng đầu khi bắt đầu."

Một đêm khi Bapak đi vắng không ở Jakarta trong một vài ngày, tôi thức dậy khoảng 2 giờ đêm và cảm thấy bối rối, ngứa ngáy. Tôi bảo Erling bật đèn. Anh làm điều đó và đi vào phòng khách. Tôi nghe tiếng chân người bên ngoài cánh cửa sổ nhỏ bé gần mình, nhưng không mấy chú ý, vì ban đêm luôn có những tiếng động trong khu vực. Rồi tôi nghe thấy một âm thanh lạ lùng thuộc yết hầu. Tôi lấy áo choàng mặc và đi vào phòng khách. điều tôi trông thấy khiến mình bị tê liệt vì sợ hãi. Đồng thời có gì đó trong lòng tôi nói: "Phải thận trọng!", nên tôi không phát ra một âm thanh nào.

Erling đứng sát tường, hai tay giơ lên. Một người Nam Dương da ngăm đen, râu mép lòng thòng xuống tới cằm, đứng đó với một con dao rựa¹⁸ lơ lửng trên đầu Erling. Hắn mặc một chiếc sarong và một áo sơ mi để hở tới eo. Có hai tên khác đi theo mặc đồ dã chiến, một tên với cây súng trường có lưỡi lê dí vào Eung Erling, một tên với khẩu súng lục.

Gã thủ lĩnh, tên có râu mép dài, vừa ra lệnh cho tên mặc đồ nhà binh với khẩu súng lục đi ra ngoài đóng cửa phòng ngủ lại, vừa đẩy chúng tôi vào phòng ngủ. May mắn là đêm đó tôi đã cảm thấy nên đóng cửa phòng ngủ của mấy đứa con mình.

Erling và tôi ngồi trên những phía đối diện nhau trên giường. Gã thủ lĩnh đòi tiền. Tôi cho hắn thấy ví tiền mình, hắn đòi tôi mở nó ra. Trong một khoảng thời gian, tôi cảm thấy gần gũi với hắn tới nỗi nếu có ai nhìn từ phía ngoài sẽ nghĩ chúng tôi là bạn bè thân thiết. Trong một tích tắc đồng hồ hắn nhìn vào ví tiền tôi, điều kinh ngạc là tôi cảm thấy hắn như một người anh em của mình, và tôi nghĩ, thật là kì quái! Miệng tôi khô cạn vì sợ hãi. Hắn không hài lòng. Hắn khăng khăng đòi là có thêm nữa. Do tin được truyền ra, nên có ai đó đã mách cho bọn họ là trong nhà chúng tôi có tiền, vì đã mua một tủ lạnh. Chúng tôi đã giấu 3 triệu rupiah (tương đương với 800 đô La) trong một cái cặp nằm trong phía sau đầu giường. Chúng tôi đưa tất cả cho bọn cướp. Gã thủ lĩnh lấy một dây cáp đề cõt trói chúng tôi. Khi hắn làm điều đó, tôi nói bằng tiếng Nam

18 machete

Dương: "Tidak usah, Tidak usah!" (không cần, không cần!) Khi tôi cảm nghiệm được sự pha trộn lạ lùng của cảm xúc như trên - sợ hãi và thâm mật - hẳn chấp nhận như vậy, và thay vào đó dùng dây để cột buộc thành một bó tất cả những quần áo và đồ đạc của Erling.

Khi chúng chuẩn bị chuẩn, Erling nói: "Tunggu" (khoan đã) và chậm chạp mở một lần nữa cái cặp trong đó có tiền. Anh lấy ra hộ chiếu của chúng tôi, các hợp đồng bảo hiểm, các séc du lịch, và cái ví của mình với các thẻ tín dụng và 4 tờ 100 đô. Gã thủ lĩnh xem xét kỹ mỗi thứ, khi Erling ném lên giường. Bọn cướp chỉ lấy bó rupiah to tướng, vì không hiểu được trị giá của những thứ khác.

Gã thủ lĩnh hăm dọa chúng tôi bằng cách nói là nếu kể cho bất cứ ai về những gì xảy ra, thì chúng sẽ trở lại và - hẳn chỉ vào cửa sổ - "sẽ giết chết hết tụi bay, qua chỗ này."

Tôi nghĩ về sau, *tụi mình đã làm những điều lạ lùng trong cơn căng thẳng*. Khi mọi việc bắt đầu, tôi nhìn lên đồng hồ, rồi nhìn một lần nữa khi họ ra đi. Chúng đã hiện diện trong nhà chúng tôi được 30 phút, từ 2 giờ 10 sáng tới 2 giờ 40. Chúng tôi yên lặng đợi chờ thêm 30 phút nữa, rồi đánh thức thằng nhỏ làm công đang ngủ trên sàn nhà trong bếp. Có điều may là nó đã ngủ suốt lúc xảy ra vụ đó. Chúng tôi bảo nó đi gọi anh Robert Winkler cư trú đằng sau phòng tập latihan độ 100 thước. Anh kính hãi! Làm sao chuyện đó có thể xảy ra trong nhà Bapak?

Hôm sau, khi tin đó truyền ra khắp nơi, những người cư trú trong khu vực đến chia buồn và bày tỏ lòng ủng hộ. Lòng thành thật của họ khiến cảm động. Mas Sudarto thuộc cơ quan văn phòng của Bapak bám lấy vai Erling khóc sụt sụt. Những kẻ duy nhất không chia buồn là những hàng xóm gần nhà chúng tôi nhất, những kẻ có trách nhiệm về an ninh trong khu vực. Vợ chồng người ta chỉ trích chúng tôi, nói rằng đáng lí ra chúng tôi phải cẩn thận. Có điều gì đó không được tốt đẹp với tôi, họ nói, "khiến cho phải bị một chuyện xui xẻo như vậy." Tuy nhiên, ngày hôm sau họ cài then vào cửa sổ và cổng, rồi còn mượn thêm một nhân viên canh gác đặc biệt cho nhà mình!

Sau vụ cướp đó, tôi rất lo sợ cho gia đình và bản thân. Khi Mariamah Wichmann, một bà độc thân từ Combe Springs đến Cilindak cư ngụ, nghe được chuyện đó, chị đến nhà tôi ngủ. Chị ngủ 3 hay 4 ngày trên một chiếc xôfa trong phòng khách, ngay nơi bọn cướp đã hăm dọa

chúng tôi. Hành động của chị thật cao đẹp.

Một vài ngày sau đó đám cướp trở lại cướp nhà một hàng xóm gần nhất nhà chúng tôi. Họ cột trói người canh gác, đột nhập vào nhà và cướp lấy tất cả những gì có bên ngoài và bên trong, như máy khâu, radiô, xe đạp của con nít và nhiều thứ khác nữa. Có hàng chục những thứ như vậy, và chúng đem tới một xe tải để chở đi tất cả. Bapak được báo tin cho hay. Người lập tức đến, và bảo những người Nam Dương thuộc phái nam trong khu vực phải mang theo vũ khí. Sau này họ được viên chỉ huy quân sự của vùng chọn vào lực lượng nhân dân tự vệ, để có đội canh phòng ban đêm.

Hồi đó là lúc cực kì khó khăn. Mỗi đêm chúng tôi đều tập latihan, và Rochanawati thường cho chúng tôi biết ý kiến về cách chúng tôi phải sống như thế nào. Theo đề nghị của cô, cách duy nhất để đối diện với tình trạng này, đặc biệt ban đêm, là liên tục nói trong lòng: "Thượng Đế, Thượng Đế". Tôi theo lời khuyên đó, nên có thể ngủ được.

Giữa lúc tất cả những chuyện đó, Hardiyati nói rằng tôi phải rất cẩn thận vì gia đình, bởi bọn cướp có thể bắt cóc con nít. Điều này khiến tôi còn đau buồn thêm, hầu như không chịu nổi. Tôi có thể làm gì đây? Tất cả các con nít đều chơi đùa trên bãi đất của khu vực. Giữ chúng trong nhà trong những cơ ngơi nhỏ bé và trong con nắng như vậy thì không thể được.

Tất nhiên không chỉ có tôi là lo sợ. Tình hình chính trị căng thẳng của đất nước khiến mọi người phải sợ hãi và hoài nghi. Cuộc đấu tranh của đảng cộng sản PKI, với sự hỗ trợ của Trung Quốc, để thống trị người dân Nam Dương, là cuộc đấu tranh để lấy lòng hàng trăm triệu người, một quốc gia Hồi giáo lớn nhất trên thế giới. Tổng thống Sukarno chơi một trò nguy hiểm bằng cách kích động chống lại Tây; ông nghĩ rằng mình có thể điều khiển được đảng PKI và những phe nhóm trong quân đội. Trung Quốc thì cung cấp vũ khí cho.

Nghe theo lời khuyên của Bapak, nhiều người ngoại quốc đã ra đi. Một hôm tháng 7, anh Robert Winkler đến nhà chúng tôi. Anh nói rằng Bapak đã gọi mình đến, để đề nghị là anh nên vào ở những khu thuộc sứ quán Đức trong thành phố, do tình hình đã trở nên nghiêm trọng. Anh nói với chúng tôi là đã hỏi Bapak: "Còn anh Erling và gia đình thì sao?" Bapak đáp: "Nếu anh ấy hỏi thì tôi cũng sẽ đáp là ra đi càng sớm càng tốt.

Erling lập tức đến gặp Bapak. Người nói: "Là vậy, tốt hơn là bạn nên vắng mặt trong một thời gian. Khi tình hình bình thường trở lại, bạn có thể trở lại." Erling nói: "Tôi đã bán hết mọi thứ ở Mỹ, vậy thì tôi nghĩ mình sẽ đi Úc." "Được" Bapak nói "nhưng đối với bạn thì Tân Tây Lan tốt hơn. Erling sau này hiểu được rằng sở dĩ Bapak đã không kêu chúng tôi đến nói chuyện riêng là vì người đã mời chúng tôi đến, và chúng tôi là khách của người. Theo tập tục của Java, Bapak không thể đề nghị là chúng tôi nên ra đi.

Không ai vui mừng hơn tôi. Chúng tôi thu dọn lên đường, và để lại những đồ gia dụng cho những gia đình Nam Dương. Ngày 8 tháng 7 năm 1965 chúng tôi lấy máy bay rời khỏi Jakarta để tới chỗ an toàn và bình thường, có khí hậu mát mẻ của Sydney, chỉ 5 tháng sau khi đến Nam Dương. Một vài ngày sau, đời sống tôi bắt đầu có một giai đoạn mới ở Tân Tây Lan.

Ngày 30 tháng 9 năm 1965 tình chính trị hỗn loạn ở Nam Dương tới chỗ gay gắt nhất. 6 tướng lãnh bị thủ tiêu trong một vụ đảo chánh hụt. Tình hình bớt căng thẳng, nhưng nửa triệu người đã bị giết chết trong một cuộc tàn sát thảm hại nhất của lịch sử hiện đại.

Chương Năm

Thời gian tạm nghỉ ở Tân Tây Lan

Đến Tân Tây Lan thật là được khuây khỏa nhiều, sau khi trải qua tình hình chính trị căng thẳng và những điều kiện sinh hoạt khó khăn ở Nam Dương. Chúng tôi được hội viên Subud đến đón ở phi trường, và trong một vài ngày có thể thuê một căn nhà đầy đủ đồ đạc và tiện nghi ở Takapuna, bắc Auckland. Bãi biển chỉ cách đó 100 thước, và trường học cho David và Cathy thì chỉ việc đi bộ là tới.

Tôi nhận thấy dân bản xứ có thái độ thân thiện và thư thái, những tiện nghi của nơi chôn thì rất tốt. Nhưng ban đầu tôi không chắc là mình có thể thích nghi với Tân Tây Lan - đến nỗi tôi còn nhớ lại là mình đã tự hỏi, sao mình tới nơi này làm gì? Nơi cái quê hương mới này, tôi không có nhiều liên hệ. Tôi thấy thoải mái với sự sinh hoạt của các đô thị hơn là với đời sống nông thôn là điều mà Tân Tây Lan khiến cho ta có cảm tưởng. Tất nhiên đó chỉ là vấn đề thời gian cho tới khi tôi có bạn bè và trở nên quen thuộc với môi trường xung quanh. Rồi tôi nhận thấy Auckland có những điều hấp dẫn mà mình không hay. Trong khi đó thì tôi bắt đầu xây dựng một tổ ấm mới.

Đối với Erling Tân Tây Lan có nhiều nét đặc biệt khiến anh thấy thích hợp ngay. Anh vui sướng được ở gần biển, thích những quang cảnh thoáng rộng, những cảnh vật tươi đẹp có rất nhiều trong nơi chôn của chúng tôi. Anh sáng của những vùng ở miền Nam đưa ra những màu sắc của đất đai và biển cả, và không khí tinh trong làm bầu trời mênh mông

được nổi bật.

Chúng tôi bắt đầu đi tập latihan với nhóm Subud trong những cơ ngơi được thuê mượn gần trung tâm thành phố. Nhóm có tổng cộng khoảng 70 người, trong đó có Tom và Vivian Pope, những người Bapak cùng đã khuyên nên tới đây từ Nam Dương.

Ở Nam Dương hầu như tất cả những gì tôi làm đều liên quan tới Subud, tới những sinh hoạt trong phạm vi cộng đồng Cilandak. Nơi đây ở Tân Tây Lan đòi hỏi Subud của tôi chỉ giới hạn trong việc đi tập latihan. Tôi hay được Auckland là một trong 3 nhóm ở Tân Tây Lan, những nhóm khác thì ở Wellington và Christchurch. Một tổ chức quốc gia vừa được thành lập để phục vụ cho những hoạt động khắp nơi trên đất nước - hội nghị quốc gia lần đầu của Subud xảy ra ở thủ đô Wellington, tháng 10 năm 1965. Erling đi dự trong khi tôi ở nhà với con cái.

Tôi đã không hề nghĩ chút nào là một ngày nào đó mình sẽ tích cực làm công việc của một phụ tá quốc gia. Ở hội nghị Pope và Tom Pope đã cho chiếu một phim và những hình ảnh về Cilandak. Anh Raymond van Sommers, một người đã thiết kế nhà khách ở Cilandak trong năm 1960, được bầu làm chủ tịch đầu tiên của hội đồng quốc gia Subud Tân Tây Lan. Anh sẽ trở nên một người bạn rất thân của chúng tôi.

Như thường lệ, Bapak gửi một thư tín cho cuộc hội họp đầu tiên đó. Người nhắc chúng tôi nhớ tới những đức tính của Susila Budhi Dharma, coi đó là căn bản cho việc điều khiển một hội nghị.

Điều Bapak thấy cần phải khuyên là các bạn không nên quên những đức tính của Subud trong lúc tranh luận về công việc của hội nghị, có nghĩa là các bạn nên cư xử một cách kiên nhẫn và bình tĩnh, nếu lấy thì phải cho, nên kính trọng lẫn nhau và ân cần với nhau. Thực ra, các bạn nên luôn tưởng nhớ tới Thượng Đế là Đấng Toàn Năng, và đừng chỉ nghĩ tới những quyền lợi của mình.

SIS Bulletin Vol 2, No 6, 1965

Sau sự hoạt động tích cực trong lúc Subud ở Mỹ lần đầu được truyền bá và cái thâm kịch của cuộc sống ở Nam Dương, Subud Tân Tây Lan đối với tôi là một chỗ yên lặng. Tuy nhiên đối với những hội viên ở đó thì quá trình của latihan có vẻ như đã khiến cho họ có những ấn tượng

sâu đậm như tại bất cứ đâu. Tôi còn nhớ là Erling đã kể cho mình nghe về một người trong nhóm đang trải qua một sự thanh lọc xảy ra nhanh chóng. Những hành động của người đó, những điều bắt nguồn từ một tâm bệnh không được chẩn đoán, khiến cho nhiều phụ tá nam phải bận rộn, khi họ dần dần biết được cách chăm sóc thích đáng.

Nhân vật đem latihan tới Tân Tây Lan là Christopher Baynes, gia đình của anh có liên hệ mật thiết với nhà tâm thần học Thụy Sĩ là C.G.Jung. Anh Christopher là một thành viên thuộc học viện Gurjieff của John Bennett, và là một trong những người đầu tiên tiếp nhận latihan ở Anh trong năm 1957. Anh và bà vợ là chị Lorna đã đến Tân Tây Lan định cư với đám con còn nhỏ tuổi của mình, họ ở trong một nông trại tại Hawkes Bay. Erling đã liên lạc thư từ với Christopher từ năm 1960 tới 1963, đến thăm anh trong lúc đi dự hội nghị ở Wellington.

Nếu sự việc cứ tiếp diễn đều đều, tôi sẽ là một kẻ hoạt động tích cực hơn cho nhóm Subud, nhưng định mệnh đã sắp đặt một chuyện khác. Tháng giêng năm 1966 tôi có một giấc mộng như sau:

Một người đàn bà làm việc quét dọn đến trước cửa nhà tôi, và đưa cho tôi một cái lọ trong đó có thứ cà phê rất đặc biệt. Mùi thơm của nó thật tuyệt diệu. Tôi nhận thức được nếu dùng thứ cà phê đó thì phải có một cái chén thật sạch. Tôi bắt đầu rửa chén, rồi chùi khô, nhưng khi chùi mỗi cái, tôi nhận thấy một dấu vết nhỏ nhoi phía ngoài, gần đáy chén. Khi tôi tìm cách tẩy rửa đi, một mảnh vỡ ra, và chén trở nên vô dụng. Tôi bắt đầu bắn khoăn, và nghĩ rằng không có nhiều chén, nên chẳng bao lâu tất cả sẽ bị tiêu hao và Erling sẽ thất vọng.

Do ảnh hưởng mãnh liệt của giấc mơ đó, nên tôi viết thư cho Sudarto trong cơ quan văn phòng của Bapak, một người có tiếng tăm về việc lí giải những gì có tính biểu tượng. Ông trả lời giấc mơ đó báo cho tôi biết là chúng tôi nên có thêm nhiều con cái. Tôi kể lại cho Erling và anh nhắc tôi nhớ lại rằng khi chúng tôi ở Cilandak, Bapak cùng đã nói rằng mình mong cho chúng tôi có thêm con cái.

Tháng hai tôi mang bầu đứa con thứ hai.

Tháng đó Rochanawati qua đời. Chúng tôi nhận được tin qua điện tín của Robert Winkler ở Cilandak, và nói cho David và Cathy hay, chúng chấp nhận mà không bình luận gì. Khoảng một tuần sau Cathy hỏi:

“M’bayu đã có thể chết?” Cathy khóc nức nở, chạy vào phòng ngủ, rồi đóng cửa lại. Một tiếng đồng hồ sau nó bước ra.

Sau này tôi hay được là Rochanawati đã hiện ra cho Cathy thấy trong phòng mỗi sáng sớm. “M’bayu nói là đến đây để từ giã” Cathy nói “con có thể nghĩ thấy bộ đồ in hoa batic mà bà mặc, là một bộ đồ mới. Sau khi bà ra đi, con tự hỏi tại sao bà đã đến từ già. Khi con vừa chạy về phòng, vừa khóc, thì bà lại đến một lần nữa. Bà nói với con là đừng khóc, vì bà thấy rất vui sướng tại nơi đang ở. Con nói với M’bayu là mình không vì bà, mà vì con, bởi vì con sẽ không thể gặp bà nữa. Rồi bà nói chuyện với con một lúc lâu cho tới khi con cảm thấy khá hơn.”

Khi cái thai của mình phát triển, tôi có thể liên tục cảm thấy latihan. Vào khoảng tháng thứ 5, đứa bé bắt đầu đá một cách mạnh mẽ. Cùng lúc đó bác sĩ phụ khoa bắt được hai tiếng đập tim của đứa bé. Ông không thể thấy một bằng chứng nào về việc có sinh đôi, có vẻ lầy lợm và hơi lo lắng.

Khi mang bầu được khoảng 6 tháng, tôi có một giấc mơ khác.

Tôi mơ thấy mình mang bầu. Tôi đứng giữa bếp. Điều này hoàn toàn y hệt như trong đời sống thực sự. Chợt nhiên trước mặt tôi và cách đó khoảng 2 bước có Đức Mẹ Maria đứng. Đi theo bà là một thiếu nữ. Đức Mẹ ăn mặc rất đơn sơ, một bộ đồ màu trắng dài hai phần ba, với một khăn quàng màu xanh nhạt. Bà liên tục nói chuyện với tôi một lúc lâu theo một ngôn ngữ kì lạ mà tôi chưa từng nghe trước đây. Tôi đứng đó nghe nhưng chẳng hiểu gì. Tình trạng tôi là như thế lúc đó, 6 tháng sau khi có thai. Rồi bà ngưng nói và đến gần tôi. Bà đặt tay lên dạ dày tôi và nói tiếng Anh: “Đừng lo cho đứa bé. Sở dĩ nó động đậy nhiều bên trong là vì nó sắp trở thành một người trị vì!”¹⁹

...Tôi thức dậy.

Đứa bé sinh ra mừng 10 tháng 11 năm 1966. Đó là một đứa con gái, và mọi việc đều được tốt đẹp. Chúng tôi xin Bapak một cái tên. Hồi đó Bapak có thông lệ gửi bằng thư từ chữ cái đầu tiên thuộc một cái tên của một đứa bé mới sinh, rồi các cha mẹ đưa ra một danh sách gồm những tên thích hợp để Bapak có thể lựa chọn. Lần này Bapak gửi một điện tín với một cái tên đã lựa chọn, trong đó có: “Tên thích hợp là Sandra.” Tôi

rất vui mừng khi thấy nó.

Trong lúc đó Erling thấy một quảng cáo về một nông trại hấp dẫn ở Waiheke Island, trong Vịnh Huaraki, cách khu phố thương mại của Auckland khoảng 20 cây số, nếu đi phà. Nông trại nằm bên cạnh bến phà hoạt động mọi thời tiết ở Matiatia Bay, được chia thành 2 phần để bán, mỗi phần bên mặt con đường của bến phà. Erling quyết định lập nên một công ty là Churchabay Farm Ltd, với Louis Patten, một hội viên Mỹ, để mua cái phần ở phía Nam được 500 hecta. Nó bao gồm những ngọn đồi thấp có bãi cỏ mà sự đồng điệu bị mất bởi những khe núi và những cây cối của địa phương, kể cả những cây pohutukawa đang trở hoa dọc theo dải đất ven bờ có nhiều đá. Nó chứa cừu và bò. Có 3 căn nhà, một căn thì rộng rãi và hầu như còn mới. Lúc đó là đầu mùa hè, và mọi việc đều tốt đẹp tới đa.

Ngày 17 tháng 12 năm 1966 chúng tôi từ Takapuna đến nông trại ở Sandra tuổi được một tháng. Lúc đó là đầu hè, và mọi việc được tôi đa tốt đẹp. Căn nhà nằm trên đỉnh một ngọn đồi cao, với một quang cảnh bao la của biển cả và những hòn đảo của Vịnh. Gió nhẹ tươi mát với không khí trong lành thổi từ những vách đá và ngang qua những bãi cỏ chưa được cắt. Ánh mặt trời lấp lánh trên mặt nước xanh lam-lục, dọn đường cho một chân trời không sương mù. Một dải mây trắng xa, điều khiển cho Tân Tây Lan có cái tên “Đất Nước của đám Mây Trắng Dài“, chậm chạp trôi qua theo một đội hình có thứ tự. Ban đêm, căn nhà của chúng tôi cách xa những đèn đường và những căn nhà khác, nên bầu trời trong sáng với những ngôi sao làm ta phải kính sợ, nó sáng chói đến nỗi một đêm không trăng cũng có đủ ánh sáng do sao, khiến cho phân biệt được đất liền và biển cả đen tối. Từ cửa sổ của phòng ngủ, tôi có thể trông thấy những chấm ánh sáng trắng xa của thành phố Auckland bên kia Vịnh.

Để thực hiện một chương trình phát triển nông trại dài hạn, Erling thuê một quản lý gia, và thường xuyên hỏi ý kiến các chuyên gia về nông trại. Kết quả là tài sản của chúng tôi trở nên khá hơn trong 2 năm tới. David và Cathy đi học ở đây. Chúng tôi mua cho chúng những con ngựa Pony, và Cathy trở thành một kẻ say mê yêu thích ngựa. Mỗi chiều đi học về, ta có thể trông thấy nó cưỡi con ngựa Taffy từ bên này qua bên kia những ngọn đồi, tóc phát phới bay.

Tôi thay phiên với Erling đi tập latihan ở Auckland. Như vậy mỗi người chúng tôi đi tập một lần mỗi tuần. Vì phà chỉ chạy trong những giờ giấc

của ban ngày, nên ban đêm chúng tôi ở chung với vợ chồng Longcroft tại Howick, một vùng ngoại ô phía Nam. Charles Longcroft đã từng là hội trưởng của nhóm Subud Coombe Springs. Bà vợ của anh, chị Harlinah, sau này đến Cilandak ở trong nhiều năm, và trở thành một sử gia chính thức của phong trào Subud.

Một buổi sáng chúng tôi đang ngồi với David và Sandra trong phòng, thì tôi bảo Erling vào phòng của Sandra để lấy cái yếm dãi của nó. Hồi đó nó được 9 tuổi. Anh trở lại nhìn tôi một cách bối rối. “Khi vào phòng của Sandra” anh nói “ anh trông thấy một tấm ván trượt bằng gỗ thông từ bên này qua bên kia của giường cũ. Trên tấm ván có một cuốn sách bọc da với những chữ bằng vàng: “Thánh Kinh X“. Anh quay mặt đi để lấy yếm dãi khỏi cái kệ, nhưng khi quay mặt trở lại thì cả tấm ván và cuốn sách đều biến mất.”

Trước khi chúng tôi đến nông trại ở, Subud Tân Tây Lan tổ chức hội nghị quốc gia lần thứ nhì ở Christchurch. Erling chiếu một phim về hội nghị Briarcliff. Những hội viên tích cực của Subud Tân Tây Lan độ hơn 100 người, trong số 500 người đã được khai mở. Có 50 người đi dự hội nghị. Việc sắp có hội nghị Subud thế giới ở Nhật Bản được bàn cãi, và việc sau đó Bapak có thể đến thăm Tân Tây Lan cùng được tán thành một cách nồng nhiệt.

Tháng 7 năm 1967 Erling nhận được một bức thư của Bapak yêu cầu mình đi chung với Bapak dự hội nghị Subud thế giới ở Tokyo. Erling đem theo David đi. Ở Cilandak Erling hay được là Sjafrudin vừa mới qua đời. Anh chỉ 35 tuổi, bỏ lại một người vợ và một lũ con gồm 4 đứa.

Erling cho tôi hay là khi anh đi về trong lúc có hội nghị, Bapak đã hỏi chuyện mình về việc trở lại Cilandak ở. Erling nói rằng mình đồng ý đến càng sớm càng tốt. Erling dàn xếp với anh Louis Patten, một người cùng đã đến dự hội nghị ở Tokio, để anh đem gia đình từ California tới nông trại ở, vì chúng tôi sẽ trở về Cilandak.

Cuối tháng giêng năm 1968 Erling đến Cilandak để trông coi việc xây cho xong căn nhà của chúng tôi. Khi có mặt tại đó, anh được văn phòng của Bapak mời đến để bàn luận về một dự án lâm nghiệp có thể được thực hiện. Về sau anh nói cho tôi hay là khi đến văn phòng, mình đã gặp Bapak với Usman, Mas Dono, Prio Hartono và Sharif Horthy. Những gì Erling kể lại, tôi nghĩ, rọi ánh sáng vào lẽ lỗi theo đó Bapak chấp nhận

ý kiến của những người chung quanh mình về chuyện làm ăn và những vấn đề thế gian khác.

Bapak nói và Usman thông ngôn: “Chúng ta may mắn có một vài anh em Subud là những tổ trưởng trong Bộ Lâm Nghiệp, họ đã khiến cho chúng ta được độc quyền thu hoạch mười ngàn hecta gỗ cứng Meranti ở miền Nam Sumatra. Bapak đề nghị bạn và anh Sharif cung cấp vốn, trong khi Usman, Prio Hartono và Mas Dono phụ trách việc đó.”

Erling nói mình lập tức có một cảm giác như bị sa lầy, điều này là sự báo hiệu về một kết quả bất lợi do một kinh nghiệm lâu đời. Anh hỏi: “Trong các anh em nơi đây ai là người có kinh nghiệm về chuyện mua bán gỗ xẻ?” Mọi người đều im lặng, và Erling nói tiếp: “Tôi cũng không có kinh nghiệm về việc đó. Theo nhận xét của tôi, khi ai đó đi vào và một việc làm ăn ngoài lĩnh vực chuyên môn của mình, thì người đó sẽ mất rất nhiều tiền, hậu quả sự thiếu kinh nghiệm của mình. Có thể người đó sẽ mất hết tất cả.”

„Nhưng“ Bapak đáp “Bạn là một nhà doanh nghiệp, bạn biết cách tổ chức những việc đó khiến cho có kết quả.” Bapak và Usman bàn luận về một vài điều. Rồi Usman nói: “Bapak nói bạn nghĩ ngợi quá nhiều. Cứ việc tiến tới và làm.”

Erling đáp: “Bapak, tôi không hề nghĩ ngợi, tôi cảm thấy là vậy, cảm giác của tôi về việc đó không có gì là tốt. Suốt đời tôi đã được báo trước như vậy về những đề nghị không có kết quả tốt. Bapak đáp lại: “Bapak không ép buộc.” Erling nói mình sẽ bàn luận vấn đề với Sharif, và sẽ trở lại gặp Bapak ngày hôm sau để có một đề nghị khác. Sáng hôm sau Erling đề nghị mình và Sharif chuẩn bị một đề tài nghiên cứu về tính khả thi, và những người Nam Dương được Bapak bổ nhiệm thì nên tham quan cái khu vực được nhượng quyền. Bapak chấp thuận lối tìm hiểu đó.

Kết quả là sau này trong năm đó khi chúng tôi trở về Cilindak, Mas Dono đến gặp Erling nói: “Tất cả chúng tôi đều rất vui mừng, vì anh đã không đồng ý về dự án gỗ xẻ ở Sumatra. Prio và tôi đến chỗ được nhượng quyền, và nhận thấy đó là một đầm lầy không có đường đi. Cây cối thì bị những con gián phá hoại, khiến cho gỗ không còn giá trị nữa.”

Hồi đó, Husein Rofe, một người đã đem latihan tới Âu Tây trong năm 1957, cùng đến thăm Cilindak, và khi Bapak đi tới miền Tây Java sau

một Ramadhan trong tháng 2 năm 1962, Husein và Erling đi theo, cả hai đều lấy chung một tắc xi. Trong lúc Bapak đến thăm mẫu thân ở Semarang, Erling, Husein và Pak Slamet ở trong một căn nhà trên núi của một hội viên. Pak Slamet, một trong những người đầu tiên đã tiếp nhận được latihan do Bapak, là một nghệ sĩ có tài rất cao về việc miêu tả tương lai tâm linh của ai đó bằng những hình tượng. Mọi người ngồi trò chuyện cho tới khuya.

Đầu tháng 5 1968 Mayko đến Tân Tây Lan để lần đầu tiên gặp đứa cháu gái mình là Sandra. Mayko đã đến Lima, Peru, để dự cuộc thăm viếng của Bapak trước đó một tháng, rồi đi theo Bapak đến Cali, Bogota, Colombia và Mexico. Bà kể cho tôi về những chứng nghiệm tâm linh trong chuyến đi đó.

Đi chung với Mayko là Clementina. Khi Clementina trông thấy Sandra thì yêu mến nó ngay. Cô bồng bế nó, và kể từ đó trở đi tôi không còn phải thay áo hay nuôi ăn cho nó nữa. Clementina chỉ việc thay tôi lo cho Sandra. Khi Mayko đi về, Clementina ở lại với chúng tôi.

Clementina kể cho chúng tôi như thế nào ở Chí Lợi mình đã có một giấc mơ trong đó trông thấy một đứa bé gái gần mình, và có một tiếng nói là: “Người phải ra đi để chăm sóc đứa bé đó.” Điều này xảy ra vào khoảng lúc Sandra sinh ra. Khi trông thấy Sandra, cô lập tức nhận ra nó là đứa bé gái trong giấc mơ của mình.²⁰

Trong khi đó thì có điều được xác nhận là Bapak sẽ đến Tân Tây Lan cũng vào tháng 5, trong giai đoạn cuối cùng của chuyến đi thế giới. Chúng tôi đề nghị cho ban quản trị Subud Auckland dùng căn nhà của chúng tôi, để Bapak có nơi ăn chốn ở. Anh Rachman Mitchell, một người thăm viếng Tân Tây Lan nhưng chưa từng đến Waiheke Island, nói rằng anh cảm thấy điều này có vẻ bất công đối với hội viên. Nhóm Subud thì ở Auckland, dùng phà đến phải mất một tiếng đồng hồ rưỡi.

Chị Harlinah Longcroft, một người đã từng đến nhà chúng tôi, đề nghị với Rachman là cả hai đều đến thăm Waiheke Island. Hôm đó là một ngày nắng chói với những đám mây bị đứt quãng. Tôi tập họp họ lại từ

20 theo nguyên chú: phần đông các giấc mơ đều là sự hình thành trong trí óc của những lo âu không được giải quyết, nhưng trong hội nghị Tokio năm 1967 Bapak giải thích: “Đôi khi giấc mơ cũng là một sự chỉ dẫn về những gì sắp xảy ra.” Giấc mơ của Clementina có vẻ là như vậy.

đầu cầu, lái xe đưa họ trở lại ngọn đồi dốc đứng, rồi đậu xe jíp gần nhà. Rachman bước ra ngoài, đứng lại trong một lúc lâu, nhìn cái quang cảnh mênh mông của nền trời, biển cả và những hòn đảo. Anh có vẻ sững sốt. Rồi anh quay về phía tôi và nói: “Tất nhiên Bapak sẽ ở nơi đây!”

Bapak đến nhà chúng tôi giữa tháng 5 1968. Tôi đứng đợi ngoài cửa với Sandra. Khi Bapak bước ra ngoài xe, Sandra chỉ nhìn Bapak, rồi lao vào cánh tay của Bapak. Đó là một niềm tin mà nó chưa từng bày tỏ với bất cứ ai. Tôi rất ngạc nhiên.

Sáng hôm sau Bapak chỉ vào Sandra nói bằng tiếng Anh: “Rất mạnh“. Một cách giễu cợt, Erling có một cử chỉ bày tỏ sức mạnh, bấp thịch trên cánh tay gấp lại. Bapak mỉm cười nói: “Không...trong latihan.“ Sandra thích được gần Bapak, và cho thấy sự thương mến của nó bằng cách đem những cuốn sách đặt tất cả chung quanh người. Bapak cười và để cho nó được tự nhiên.

Buổi chiều Sandra bắt đầu biến đầu mắt. Chúng tôi phát hiện được nó đến gõ cửa chỗ phòng của Bapak. Bapak thường cho nó vào, và như chúng tôi được Bapak cho hay sau này, nó tập latihan với người, được khai mở một cách tự nhiên, và Bapak chấp nhận điều này. Tuổi nó chỉ được 18 tháng.

Đoàn người gồm Bapak, Ibu, Usman (thông ngôn) và Aminah (nấu ăn). Mọi người đều thích nghỉ một cách thoải mái và ở lại 10 ngày. Khoảng nửa tổng số hội viên Tân Tây Lan đến dự cuộc viếng thăm của Bapak, và họ được giúp đỡ tìm kiếm nơi ăn chốn ở trên đảo. Chúng tôi mượn hội trường Oneroa của thành phố cho những buổi nói chuyện của Bapak và những xuất tập latihan. Bapak có 5 buổi nói chuyện, kể cả những buổi làm sáng tỏ việc không được dung hợp Subud với những phương pháp tâm linh khác, việc sự phát triển của Subud tùy thuộc ở phụ tá, và việc có sự khác biệt giữa tín ngưỡng và chứng nghiệm tâm linh.

Đối với chúng tôi là gia chủ, thời gian bị choán mất vì phục vụ cho khách khứa. Chúng tôi nuôi ăn tất cả những ai đã tích cực giúp đỡ. Tuy mùa đông nhưng thời tiết ấm áp và nhiều ngày có ánh nắng. Cuối tuần hội viên thường ngồi trong vườn để được gần cận Bapak và Ibu. Một vài người nữ thích được tiếp xúc với Ibu thì ngồi trên sân hiên, đợi chờ cho tới khi bà gọi người này hay người kia.

Có một hình ảnh về Bapak được in một cách không thể xóa bỏ vào đầu óc tôi. Lúc đó là sáng sớm trong ngày Bapak ra đi. Người ngồi trong phòng khách, lưng hướng về quang cảnh rộng lớn của biển và trời. Bapak mặc một áo sơ mi tay dài, không thắt cà vạt, có vẻ rất thư thái. Aminah và tôi thì đứng trong bếp sửa soạn bữa ăn sáng. Usman thì ngồi bên bàn uống cà phê.

Tất cả chúng tôi đều ngưng làm những gì đang làm, khi Bapak bắt đầu nói chuyện. đây là một điều thật ngạc nhiên, tôi nghĩ, Bapak đang nói về bí mật Fatima²¹. Tôi lập tức nhớ lại những gì Erling đã kể cho mình về điều này. Usman còn ngồi bên bàn, Aminah thì từ bếp bước ra đứng gần quầy²², còn tôi thì đứng dựa trên cánh cửa của phòng khách. Tất cả chúng tôi đều nghe ngóng. Usman thông dịch cho chúng tôi, nhưng một cách không được liên tục. Tôi có cảm giác anh thấy bị ngắt lời là điều không thích đáng.

Bapak nói chuyện trong một lúc về phép lạ Fatima, về việc có nhiều triển vọng khiến cho nhân loại được Thượng Đế cứu giúp²³. Theo những điều được thuật lại bởi những người đã tiếp nhận được chỉ dẫn, Bapak nói, thì có triển vọng là “sự cứu độ sẽ đến với người của phương đông, và tên người đó là Muhammad.“ Đến lúc Bapak phải ra đi. Bởi có nhiều hội viên muốn cùng được đi với Bapak tới phi trường, nên tất cả chúng tôi đều đi trên một chiếc phà rộng lớn hơn, lúc buổi sáng. Chúng tôi ngồi chung với nhau trên những chiếc ghế dài, làm nổi bật lòng thân mật đã nảy nở giữa chúng tôi trong cuộc viếng thăm kì diệu đó.

21 theo nguyên chú: thông điệp thứ ba của Đức Mẹ Maria được trao cho sơ Lucia trong năm 1917 là một bí mật phải được giáo hội Công giáo tiết lộ cho thế giới biết trong năm 1960, nhưng điều đó đã không được thực hiện. Erling kể cho tôi hay là khi qua Âu Châu trong năm 1953, anh đã được khiến cho làm quen với một người bạn thân của Đức Giáo Hoàng Pius XII là Bernard Fay. Đức Cha Fay vừa mới trở về sau khi được tiếp xúc với Đức Giáo Hoàng trong 3 tháng. Sau một cuộc trò chuyện dài lâu và thân mật, Đức Cha Fay nói rằng Đức Giáo Hoàng Pius XII đã kể lại với mình ông đã cho đem sơ Lucia tới Rome, và đã chỉ chỉ thị cho cô phải vâng lời là tiết lộ cho ông thông điệp thứ ba của Fatima. Sơ Lucia đã làm điều đó. Đức Cha Fay nói tiếp: “Chúng tôi biết là sắp có sự tái thế lần thứ hai. Chúng tôi biết là điều này sẽ xảy ra ngoài giáo hội. Chúng tôi biết là sẽ đến từ phương Đông.“

22 counter: thường đó là chỗ ngồi uống rượu.

23 theo nguyên chú: Bapak thuật lại một vài câu chuyện về việc đó ngày 24 tháng 7 năm 1967, tại hội nghị Tokio, và sau này trong tháng 12 năm 1979 ở Cilindak, Bapak nói rằng sự tái thế lần thứ hai không là một con người, trái với sự mong đợi của thiên hạ.

Ở Auckland nhóm Subud đem đoàn người của Bapak tới trụ sở để cho họ bữa ăn trưa, trong khi chờ đợi máy bay. Đó chính là lúc Bapak đề nghị Mayko nên đến Cilandak ở. Hôm đó là thứ năm và Mayko đang trai giới (Trai giới thứ hai và thứ năm là một tập tục của Java được thực hiện để giúp cho có những quyết định phải lỗi trong những sinh hoạt của cuộc sống) Trụ sở Subud gồm một phòng tập latihan và một căn nhà. Mayko muốn tránh ra chỗ khác, nên bà đi vào phòng tập latihan. Bà thấy nó trống không, và ngồi trên một chiếc ghế duy nhất cách xa cánh cửa. Bà bắt đầu búi lại mái tóc dài đã trở nên bù xù, thì Bapak và Usman chột bước vào. Bapak bảo Usman đem tới một chiếc ghế, rồi họ cùng ngồi tại một chỗ trong phòng đối diện với chỗ của Mayko. Mayko nói mình cảm thấy sự hiện diện của Bapak là điều không cự lại được. Bà liền âm thầm khóc.

Sau một thời gian Bapak đi vào nhà để dùng bữa ăn trưa. Người đi vào bếp, nơi tôi đứng cạnh một cái bàn để trét bơ vào bánh mì. Người nói: “Bà cụ chị có thể lập tức đến Cilandak?” “Tôi không biết, Bapak” tôi nói “nhưng tôi sẽ hỏi bà.”

Tôi đi vào phòng nơi Mayko vẫn còn đang ngồi trên ghế. Tôi quì gối trên sàn nhà, và thuật lại cho bà hay thông báo của Bapak. Bà sừng sốt nhưng trả lời một cách điềm tĩnh và đơn sơ: “Nếu đó là Ý Thượng Đế”. Khi hay được Mayko trả lời như vậy, Bapak kêu Erling tới để yêu cầu anh sắp xếp cho Mayko được đi chung với mình tới Jakarta. Bà phải đến đi chung với Bapak ở Melbourne, rồi đi theo tới Perth, Singapore và Jakarta. Mayko nói rằng khi trở về nhà sau sự quyết định đó, bà thấy rất vui sướng trong tâm linh. Một vài ngày sau đó, chúng tôi đưa bà lên một chiếc máy bay. Việc Bapak quyết định sắp xếp cho Mayko đi với mình tới Nam Dương ngay sau khi tới thăm Tân Tây Lan, là điều khiến tất cả chúng tôi phải ngạc nhiên, nhưng đó là sự ân cần đặc biệt mà người luôn bày tỏ với mẫu thân tôi.

Tôi không cả gan cho là mình hiểu được định mệnh của Mayko. Bà không là một người có nhiều học thức, nhưng có một sự sáng suốt do bản năng. Bà rất nhanh trí, một phần, theo tôi nghĩ, do bẩm sinh, một phần do kinh nghiệm lâu đời, nhọc nhằn đạt được. Những người quen biết bà thì rất mến bà. Bà là một người thâm sâu mộ đạo, và là một người Công giáo nhiệt tình. Được mọi người gọi là Mayko, nghĩa là mẹ, thay vì dùng tên họ Anastasia Marusic của bà, là điều thích hợp với bà. Bằng cách đóng vai trò của người mẹ, cái bản ngã riêng tư của bà có thể đứng ở một vị

trí kín đáo theo ý thích. Tuy thế bà có một ý chí mạnh. Bà phải có cái ý chí đó. Bà đã trải qua một thời thơ ấu khó khăn, một đời vợ chồng gian nan với nhiều đau khổ. Cuộc đời của bà phần nhiều do định mệnh định đoạt, là điều được cho thấy trong việc bà gặp phụ thân. Bà kể với tôi là khi mình đang đi trên đường phố ở Punta Arenas với cô em gái, thì chợt có một người đàn ông đi ngang qua. Bà cảm thấy đây là *người* đàn ông mình *sẽ lấy làm chồng*. Một khoảng thời gian sau đó người đàn ông là Guido Petric đến hỏi cưới bà, và điều này được chấp thuận.

Mayko kể cho tôi nghe là bà có nhiều chứng nghiệm mãnh liệt với Bapak, nhưng lại cảm thấy nói về việc đó là điều không đúng, theo thông lệ. Tôi tôn trọng sự dè dặt của bà. Có một sự việc xảy ra mà bà đã thuật lại cho tôi, là điều gây nhiều ấn tượng nơi tôi, và tôi tin việc này là điều duy nhất trong cuộc đời của Bapak.

Mayko đến Melbourne đi cùng với Bapak tới Cilindak. Nơi đó bà được giao cho cái trách nhiệm trông nom quần áo của Bapak. Đó là một công việc mà bà rất thích, và sự việc tránh mặt được mọi người là điều thích hợp với bà. Đoàn người đi theo Bapak cư ngụ trong trụ sở Subud đã từng là một tư gia rộng lớn. Bà kể cho tôi nghe là có một đêm rất khuya, khi hay được mọi người đã ngủ, bà đi vào phòng khách, để phơi khô những quần áo của Bapak bên ngọn lửa đang tàn. Bà xếp tất cả lại, và ngồi gập đó trên một chiếc ghế.

“Phòng tối mù“ bà nói “ngoại trừ ngọn lửa mong manh của than hồng trong đám lửa sắp tắt. Cánh cửa chợt mở ra, và Bapak bước vào. Người đi ngang qua tới một pianô tu²⁴ cách nơi mẹ ngồi không xa. Người đặt tay lên đàn pianô, cúi đầu dựa trên cánh tay và kêu ca một cách hoàn toàn chán nản. Như đã chợt nhiên kêu ca, người cùng chợt nhiên ngưng kêu ca, rồi lặng lẽ bỏ đi.“

Trong nhiều năm cái biến cố đó hoàn toàn là một bí mật đối với tôi. Thế rồi một hôm, trong một trạng thái latihan, tôi nghiệm được việc kêu ca một cách tự nhiên thay cho một người khác không thể tự mình kêu ca. Điều này là từ đáy lòng của nội cảm mà không có tình cảm của trái tim, và ý định của óc não. Do điều đó tôi có thể hiểu được tại sao Bapak đã kêu ca cho Mayko là một người đã có nhiều vết thương nội tâm ngoài khả năng chữa trị của bà.

24 upright piano

Chuyến đi của Bapak được tiếp tục, khiến người tới Perth, Singapore và Jakarta.

Từ Cilandak tôi nhận được một bức thư của Mayko cảm tạ mình đã mua cho bà một vé hạng nhất. Tôi không hề làm chuyện đó; hình như có ai đó chăm sóc bà trên máy bay. Bà nói rằng khi trên máy bay được ngồi cùng phòng với Bapak, bà thường xuyên được một cảm giác thần tiên bao bọc. Ngay sau khi máy bay bắt đầu đáp xuống phi trường Jakarta, bà cảm thấy niềm vui sướng của mình không còn nữa. Bà nói: “Mẹ biết được quá trình thanh lọc của mình sẽ bắt đầu.” Trực giác của bà đúng tróc.

Sau cuộc viếng thăm của Bapak, chúng tôi nhanh chóng đến mức tối đa giải quyết việc làm ăn của mình để trở về Nam Dương. Tôi vẫn còn nghi ngại, nhưng David thì rất sôi nổi với cái ý nghĩ đó. Khi tôi hỏi tại sao lại thấy phấn khởi được về Nam Dương, thì nó đáp: “Mẹ biết có chỗ nào khác khá hơn không?” Chúng tôi về ngang qua Hoa Kỳ, và phải mất 3 tháng rưỡi thông hành mới được thị thực cho vào Nam Dương; chúng tôi lấy con đường địa cực²⁵ tới Jakarta, và đến đó ngày mùng 2 tháng 11 năm 1968. Mayko và vợ chồng Usman có mặt ở phi trường để đón chúng tôi.

25 polar route

Chương Sáu

Cuộc sống bên cạnh Bapak, Nam Dương

Cilandak đã thay đổi đáng kể từ lúc tôi đến đó 3 năm trước đây. Bây giờ đó là một cộng đồng đã được củng cố gồm 15 gia đình, hay vào khoảng đó, và có một dòng người từ hải ngoại đến thăm đều đều, họ đến và vào nhà khách. Ban đầu trước kia Bapak chỉ mời một vài người đến giúp việc, nhưng bây giờ thì người chấp thuận những yêu cầu của nhiều người đến thăm vì những nhu cầu riêng tư. Có thêm nhiều cao ốc và những tiện nghi thì được cải thiện cho khách khứa – một phòng ăn và một nhà bếp. Cơ ngơi được đặt tên là Wisma Subud, có nghĩa là căn nhà của Subud, để phân biệt khu vực đó với vùng Cilandak, và được đăng kí dưới tên Yayasan Dana Subud, cơ sở Subud. Trong giới Subud nó được gọi là Trung Tâm Quốc Tế Tâm Linh Subud. Tuy nhiên, về một phương diện quan trọng nó đã không thay đổi; trong khu vực Wisma người ta vẫn còn cảm tưởng đó là chỗ ở của Bapak.

Bapak có thêm nhiều buổi nói chuyện và trải nghiệm, để thăm dò thác và giảng giải về tiềm năng của latihan. Có rất nhiều người Nam Dương đến Wisma Subud để tập latihan, và Bapak khuyến khích hội viên Nam Dương phải tự coi mình là thành phần của thế giới Subud.

Nhà ở của Bapak đã xây xong. Nó được gọi một cách trìu mến là Big House, và là tòa nhà màu trắng hai tầng có cơ cấu bằng bê tông với trần nhà cao và nóc nhà xây thành hình vòm. Cách bố trí là của Tây phương, như phần nhiều lối kiến trúc của Jakarta. Phía dưới cùng là một phòng ăn và phòng khách rộng lớn thường được dùng để tiếp đón khách khứa, được coi là nơi giải trí và văn phòng của Bapak. Tầng thứ hai chứa phòng

ngủ và phòng ở cho những người trong gia đình mà phần đông, con cái và cháu chít, ở đó những lúc khác nhau. Có một khu vườn nơi nền đất cao với một chuồng chim. Nơi đây ta có thể trông thấy từ đằng xa Bapak và Ibu ngồi ngoài chung với nhau. Sự công khai đó là một tiêu chuẩn về việc ta có thể đến gần Bapak, nhưng người được sự bao che của lòng kính trọng là điều ta thấy phải có khi người hiện diện. Chúng tôi đã chưa từng làm cho người hay gia đình của người phải mất thì giờ vì mình.

Mặt đất nghiêng thành dốc từ đường đi, nên ta thấy phía đằng sau Big House là nhà ba tầng. Chỗ thấp nhất là những ga ra và một cầu thang gác bằng đá là chỗ đi vào nhà ở và văn phòng của Bapak từ khu vực Wisma.

Một khu đất khác gần đó rộng nửa hecta được mua, và chương trình xây cất được nói rộng để tạo nhà cửa cho khách mời và những người thường trực cư ngụ. Nhà khách, nơi Bapak ở trong năm 1965, bây giờ có một tầng thứ ba. Khu đất mua thêm được rào lại, một chu vi bằng gạch được xây lên vì lí do an ninh, theo điều thường được làm nơi đó. Những cây mà phần nhiều là loại mang trái của vùng nhiệt đới thì được duy trì, như soài, chôm chôm, mít, sầu riêng, ổi và những loại khác, những bãi cỏ thì được giữ cho sạch gọn, và những loại cây cao lớn vùng nhiệt đới thì được trồng trọt. đường xá được cải thiện, và những cống rãnh được xây bằng đá lấy ở sông để cho cơn lụt của mùa mưa được nhẹ bớt.

Căn nhà mới của mình khiến tôi rất cảm kích. Nó xây bằng bê-tông theo kiểu hiện đại, sơn màu trắng và có hai tầng. Nó rộng rãi, với những bề mặt to lớn có cửa sổ và những hành lang rộng lớn khắp nơi chung quanh.

Nơi đây trong đêm đầu tiên khi chúng tôi đến ở, là lúc khiến thấy rõ tính nhạy cảm của Bapak. Sandra, lúc đó được 2 tuổi, nằm trên một chiếc giường nhỏ trong phòng chúng tôi. Khi chúng tôi tắt đèn, Sandra bắt đầu gào thét. Nó cực kì bị kích động, một điều chúng tôi chưa từng nhận thấy trước đây. Tôi không biết phải làm gì; không cách nào để dành nó được.

Chợt nhiên Bapak bước vào phòng ngủ của chúng tôi. Người đi về phía giường ngủ của Sandra, và lấy tay xoa đầu nó trong một vài phút. Nó lập tức thôi; nó hoàn toàn được xoa dịu. Người đề nghị nên có ánh sáng mờ nhạt gần nó, và sắp xếp cho có một cái đèn được đem tới từ nhà mình. Ban đêm Sandra không còn khóc nữa.

Dần dần Erling sắm sửa cho nhà. Chúng tôi lấy lại những giường ngủ và đồ đạc được giữ cho mình lúc trước đó. Không bao lâu tôi nhận thấy nhà có một bất lợi nghiêm trọng. Nó có một mái bằng không được cách điện bằng gạch, khiến cho lầu trên như một cái lò khi ngủ trưa. Nguồn cung cấp điện trong khu vực vẫn còn chưa đầy đủ để có thể dùng máy lạnh. Chúng tôi cho Mayko một phòng ngủ, với phòng tắm riêng dưới lầu. Những người còn lại thì ngủ trên lầu, ngoài Clementina ra, cô có phòng riêng là một chỗ ngủ trong vườn có gạch và ngói. Sandra gắn bó với Clementina đến nỗi sau một thời gian chúng tôi phải mua thêm một cái giường để có thể ngủ trong phòng Clementina, bất cứ lúc nào muốn.

Đó là chuyện thông thường, nếu có được những đồ đạc làm theo ý mình, và một hôm mẫu thân thấy đem vào phòng ăn một cái bàn to lớn bằng gỗ tếch. Bà mất hết can đảm và nói: “Hình như Erling đang chuẩn bị đóng đô ở đây nhiều năm.” Tôi nhận thấy cái ý nghĩ về việc định cư trường kì ở Nam Dương là việc đáng ngại đối với bà. Bà đã đi khỏi Chí Lợi vài tháng trước đó, và hiện thấy mình ở một nơi chôn xa lạ mà mình chẳng biết một chút gì. Bà bị cô lập vì ngôn ngữ và tuổi tác, và việc sống xa quê hương không là điều thích hợp với bà. Tuy đến đây theo lời khuyên của Bapak – bà hết lòng tin tưởng latihan và Bapak - nhưng bà cảm thấy đến lúc có thể nhẹ nhàng khiến cho mình khỏi phải tận tâm đến như vậy.

Theo tôi nghĩ, Clementina không thực sự biết một chút gì về việc mình đang ở đâu. Cô thường đến gặp tôi nói mình muốn trở về gia đình ở Chí Lợi. Tôi luôn chấp thuận và đề nghị mua cho cô một vé máy bay. Mỗi lần cô đều trở lại nói: “ Bà Week, tôi không thể đi, vì tôi thực ra không thể rời bỏ Sandra.” Clementina giúp việc cho tôi rất nhiều. Cô tỉ mỉ chăm sóc Sandra. Về mặt vệ sinh thì điều này đặc biệt quan trọng. Cô trông coi Sandra để nó khỏi ăn phải bất cứ những gì có thể tạo nên những bệnh tật vùng nhiệt đới và mang vào cơ thể những thực vật kí sinh thường có.

Chúng tôi đến vào ngày mùng 2 tháng 11 năm 1968, và ngày 10 tháng 11 thì ăn mừng sinh nhật của Sandra, nhiều đứa bé thuộc tất cả các quốc gia trong khu vực được mời đến dự. Ngày hôm sau David được 13.

Trong khi đó thì tôi nghe nói sắp tới trai giới Ramadhan. Tuy coi đó là một lễ tiết của đạo Hồi, nhưng bây giờ tôi cảm thấy mình nên hoàn toàn bỏ qua chuyện này. Tôi nghĩ *mình sẽ chỉ trai giới cuối tuần*. Chẳng bao

lâu Ibu kêu tôi tới nói: “Chị cùng nhịn Ramadhan đây chứ?” Tôi cho hay những gì mình có ý định làm. Bà im lặng trong một lúc, rồi giải thích Ramadhan thật quan trọng với tất cả chúng ta, dù là Thiên Chúa giáo hay Hồi giáo. “Trai giới Ramadhan” bà nói “là một cơ hội mà Thượng đế tạo ra cho chúng ta để hiến dâng, và sự hiến dâng này là điều quan trọng, vì đó như một sự thanh lọc đối với những lỗi lầm của mình.” Tôi quyết định làm theo lời khuyên của bà.

David làm thân với nhiều hội viên Subud, Nam Dương cũng như nước ngoài, và nghe kể về trai giới Ramadhan. Nó nói với ba nó là mình cùng muốn làm, một cách hoàn toàn. Tôi thất kinh. Là một người mẹ cái ý nghĩ về việc David nhịn ăn uống từ 3 giờ sáng đến 6 giờ chiều mỗi ngày trong trọn một tháng, là điều khiến tôi lo lắng. Erling cảm thấy việc này là một điều hay cho David. Cuối cùng điều được chấp thuận là tất cả chúng tôi đều làm Ramadhan trong năm đó.

Căn nhà của chúng tôi liền, qua một hành lang thoáng rộng và một cầu thang gác, với một cao ốc khác cùng kích thước gồm 2 phòng. Tom và Vivian Pope ở lầu dưới, Eva Bartok (Iliana) và người mẹ ở lầu trên. Iliana và tôi trở nên rất thân thiết. Đứa con gái Deanna của bà và cháu gái Cathy của tôi đều cùng tuổi, và trở thành đôi bạn thường chơi chung nhau. Chúng cùng ngồi chung trên chiếc xe của chúng tôi, để tới học tại International School ở Kebayoran, Jakarta.

Cuộc sống lúc này của tôi ở Nam Dương hoàn toàn khác biệt với những điều trải qua trước đây. Mức sống được cải thiện không chỉ ở Cilandak, mà ngay cả nơi ngoài Jakarta tình hình cũng đang cải thiện đều đều. Du khách có thể nhận thấy nhiều thực phẩm thông thường của Tây phương như bơ và mật ong, vẫn còn khan hiếm, sữa bột là một sa si phẩm, chi phí cho những đồ nhập cảng thường thường thì rất cao, nhưng là dân thường trú, nên chúng tôi nhanh chóng thích nghi được với những hàng hóa địa phương. Tôi đổi qua lối ăn uống của Nam Dương, và điều này khiến mình hài lòng. Chúng tôi được lợi thế là sự thu nhập của mình là ngoại tệ, nên có điều kiện lựa chọn những gì khá nhất có thể mua được. Tôi để cho những thợ may ở địa phương làm quần áo, và thường lấy loại vải in hoa batic theo truyền thống để cho may áo sơ mi và áo váy.

Giữa năm 1969 khi dân số của Cilandak được vào khoảng 30 gia hộ, thì hầu như mỗi tuần đều có một selematan, và Bapak đến dự tất cả. Theo thông lệ, mọi người đều được mời. Chúng tôi ăn mặc những bộ đồ đẹp

nhất và ngồi yên lặng – thường thì trên những chiếc chiếu hay tấm nệm - trong khi vừa dùng trà và thức ăn, vừa nghe ngắm coi Bapak thích có một buổi nói chuyện hay không. Đời sống của cộng đồng Subud xoay quanh những hoạt động của Bapak. Những buổi nói chuyện của Bapak, những xuất latihan, những lễ selematan, hay những chuyến đi của Bapak là ưu tiên hàng đầu của mọi người.

Phần nhiều thời giờ của Bapak là ngồi viết trong văn phòng. Những bức thư nhận được là những bức viết với nhiều ngôn ngữ khác nhau, và phải trước hết được cơ quan văn phòng dịch qua tiếng Nam Dương. Người soạn những hồi đáp của mình trên một máy đánh chữ, hay viết bằng tay, tất cả được viết theo lối chữ cổ điển mà cơ quan văn phòng sẽ dịch và đánh máy lại. Văn khó cho thấy là trong những năm tháng đã qua, Bapak viết vào khoảng 55.000 trang thư hồi đáp những bức thư đến tâm tay mình.

Sau buổi làm việc sáng, Bapak thường đến cơ quan văn phòng ngồi nói chuyện trong một thời gian, đôi khi làm trắc nghiệm để giải đáp một câu hỏi. Ban đêm người thường ngồi với những hội viên nam trên hiên một căn nhà, hoặc bên ngoài cơ quan văn phòng, trong không khí ấm mát của ban đêm, để chuyện trò cho tới 12 giờ khuya hay muộn hơn. Khi cuối cùng người về nhà, thì đó thường là để làm việc cho tới 2 giờ sáng.

Tất cả các hội viên Subud đều có thể đến gần Bapak, nhưng người để cho phụ tá và cơ quan văn phòng nói chuyện với những người không là Subud. thỉnh thoảng người gặp một viên chức của chính phủ, như khi phải đăng kí Subud tại Bộ Tôn Giáo.

Ở Cilandak Bapak thường có buổi nói chuyện lúc sáng chủ nhật. Thường thường người quyết định ngay lúc đó. Một người đưa tin đến trước cửa nhà tôi, để báo cho biết là trong khoảng hai tiếng đồng hồ Bapak sẽ có một buổi nói chuyện, hoặc với tất cả các hội viên trong phòng tập latihan lớn, hoặc với các phụ tá nữ tại tư gia. Bằng cách này hay cách khác, tin đó tới ngay cả những hội viên ở Jakarta, và có 100 người hay hơn nữa đến dự. Ngay cả trong một môi trường Hồi giáo, chủ nhật là một ngày được coi là thánh thiện của tuần lễ, và được các hội viên và dân cư trú dành cho latihan hay một buổi nói chuyện của Bapak. Những nói chuyện của Bapak là biên cố quan trọng nhất với tôi. Các phụ tá nữ làm latihan với Ibu trong Big House ngày chủ nhật đầu tiên mỗi tháng, và sau đó Bapak sẽ nói chuyện với chúng tôi. Hết tháng này qua

tháng khác người đề cập tới nhiều vấn đề, làm trắc nghiệm về nhiều điều, có những điều do những thắc mắc trong những bức thư của hội viên là những gì chúng tôi sau này có lẽ phải đối phó vì là phụ tá.

Tiêu biểu cho việc đó là lời khuyên của người về việc dùng trắc nghiệm để giải quyết một mối bất đồng giữa hội viên:

Cái latihan mà các bạn tiếp nhận và theo tập, làm cho nội cảm thức tỉnh, cái nội cảm trong sạch không bị ảnh hưởng của nafsu (dục vọng) - đó là ảnh hưởng của những nafsu luôn khiến mình cư xử không xứng đáng, chẳng hạn vậy, khiến mình tự đặt mình lên hàng đầu, tự cho mình là đúng, khiến mình có khuynh hướng khoác lác và làm nhục người khác. Tóm lại, do nafsu ta quên đi tình hòa thuận và huynh đệ.

Sở dĩ người này có tình cảm với người khác, người này quý mến và kính trọng người khác, là vì ảnh hưởng của nafsu đối với tâm trí như bị quên đi mất. Trên thực tế, latihan như điều gì che chở các bạn khỏi ảnh hưởng của nafsu.

Nếu nhớ tới điều này và được latihan che chở, các bạn sẽ kính trọng nhau, các bạn sẽ giúp đỡ nhau, sẽ hòa thuận với nhau. Do đó mà Bapak mong các bạn sẽ tìm cách giải quyết bất cứ những gì khiến mình bất hòa, bằng cách làm trắc nghiệm chung nhau, và các bạn tuân theo cái giải đáp tiếp nhận được do trắc nghiệm.

Thư 1033/69, Pewarta, Vol VII No 5

Người liên làm trắc nghiệm về thực tại của việc đó với tất cả chúng tôi.

Tôi luôn cảm thấy người đang chia sẻ việc làm của mình, thay vì dạy bảo chúng tôi điều gì đó. Tuy có lần rất xúc động về những gì người nói, nhưng tôi nhận thấy điều đó đối chọi với những tín ngưỡng Công giáo của mình. Người nói không ai có thể hiểu biết Thượng Đế:

“Nếu có ai đó đến gặp Bapak nói: ‘Bapak, tôi đã trông thấy Thượng Đế’ thì Bapak sẽ nói: ‘Trông Thượng Đế như thế nào?’ Nếu người đó đáp: ‘Chà, đó là những gì đẹp đẽ, cao siêu, tốt lành nhất’ thì Bapak sẽ hỏi: ‘Thượng Đế cũng xấu ác và khủng khiếp nhất?’ Và người đó sẽ nói: ‘Không đâu, Bapak!’ Thế thì Bapak sẽ phải trả lời: ‘Như vậy thì bạn đã chưa trông thấy Thượng Đế. Bởi vì những gì đẹp đẽ, tốt lành và rộng lượng nhất, thì đó là Thượng Đế. Nhưng những gì khủng khiếp và tàn

bạo nhất, thì đó cùng là Thượng Đế.”

Vì khó chấp nhận được điều đó, nên tôi quyết định điều tốt nhất có thể làm là đừng suy nghĩ về chuyện này nữa. Một vài năm sau tôi mới hiểu được chân lí của nó.

Bapak cũng có những buổi nói chuyện với phụ tá nam. Những buổi đó xảy ra trong phòng tập latihan, mỗi thứ sáu lần thứ hai trong năm 1969, và việc này đôi khi kéo dài suốt đêm. Trong một buổi đó, Bapak nói với Erling (Usman thông ngôn): ”Erling, kể cho chúng tôi nghe một chứng nghiệm đi.”

Erling kể một chứng nghiệm có trong latihan, ngay sau khi chúng tôi đến Cilandak năm ngoái:

“Tôi đứng trên một ngọn đồi nhìn lên trời, và trong trời là trái đất có kích thước gấp đôi mặt trăng. Tôi nhận thấy mọi người trên thế giới [như tôi] đều đứng ngoài nhìn bầu trời và trông thấy điều không xảy ra được đó. Một nguồn ánh sáng rực rỡ xuất hiện phía trên trái đất, và có một số tia sáng chiếu xuống, rọi lên trái đất ở nhiều địa điểm khác nhau trên những lục địa khác nhau.”

Bapak hỏi: ”Có bao nhiêu tia sáng?”

Erling đáp: ”Sau cái chứng nghiệm đó tôi nhận thấy điều này thật quan trọng, và tôi cố nhớ lại đã xảy ra như thế nào. Tôi đoán là có nhiều hơn 12 và ít hơn 50.” Bapak nói: ”Nhiều hơn 30 và ít hơn 40.”

Erling tiếp tục kể lại cái chứng nghiệm latihan của mình.

“Tôi chợt thấy mình đi vào một khu vườn rộng lớn trong đó có một tòa nhà là nơi nghiên cứu... Tôi bước lên một cái hiên, và trông thấy những người Subud đi đứng chung quanh. Tôi nhận thấy đó là một tòa nhà Subud – thực ra đó chính là Subud. Tôi nhìn qua cửa sổ của căn phòng thứ nhất chỗ cuối của tòa nhà. Trong đó có một diễn viên múa người Java, và ngoài ra thì chẳng có gì hết. (Tôi hiểu được đó là giai đoạn đầu tiên của Subud)

“Qua một cửa sổ khác tôi nhìn vào một căn phòng thù nhi nằm xéo với căn thứ nhất. Trong căn phòng thù nhi có một máy vi tính lớn như một nồi hấp. Tôi nghĩ: ”Mình có thể biết được điều này xảy ra lúc nào, khi

nhìn lên tấm kim loại của hãng đã làm ra máy vi tính đó.

“Tôi bước vào phòng, tìm kiếm tấm kim loại đó và thấy có một cái. Trên tấm kim loại bằng đồng thau đề: ”1987... rồi đổi sang 1988, 1989, 1990, 1991. Rồi đứng lại.”

Bapak quay qua Usman hỏi: ”Từ nay (1969) cho tới đó là bao lâu?” Usman đáp và Bapak nói: ”Là vậy, khoảng 20 năm nữa tính từ lúc này. Đây là thí dụ về một chứng nghiệm quả thực sẽ xảy ra, và sau đó không ai trên trái đất có thể nói là Thượng Đế không tồn tại. Tới lúc đó sẽ có giữa 30 và 40 linh hồn *rohani*²⁶ xuất hiện trên thế gian.”

Erling kể cho tôi hay Bapak cùng đã hỏi mình có hiểu chút gì về máy vi tính không. Trên đường về nhà, Erling nói anh nhận thức được tất cả các linh hồn *rohani* được nối với máy vi tính, và sự hiểu biết của tất cả các linh hồn đó được lập trình vào máy. Nếu có một câu hỏi, mỗi người có thể gọi giải đáp từ máy vi tính của mọi người.

Một sáng chủ nhật nọ tôi thức dậy thấy chán nản, chỉ muốn rời khỏi Nam Dương. Tôi quyết định sẽ làm chuyện này! Tôi rất cương quyết; tôi sẽ không để cho ngay cả tình vợ chồng và con cái mình ngăn cản. Buổi sáng đó có ai đó đến thông báo là Bapak sẽ có một buổi nói chuyện với phái nữ trong phòng tập *latihan* cũ. Tôi quyết định ngồi đằng sau, chỗ sát tường. Như vậy Bapak sẽ không nhìn thấy tôi. Tôi lo sợ nếu trông thấy mình, Bapak sẽ đọc được những gì trong lòng mình.

Bapak nói chuyện, và khi nói được nửa chừng, người quyết định cho chúng tôi được tạm nghỉ. Bapak mời mọi người ra ngoài hiên dùng *makanan ketjil* (ăn uống qua loa) Khi tôi bước ra ngoài, người trông thấy tôi. Khi buổi nói chuyện bắt đầu trở lại, tôi lại đến ngồi đằng sau, chỗ sát tường. Bapak mở đầu buổi nói chuyện như thế này: ”Nhiều người đến đây từ những nơi xa thật là xa, để được gần cận Bapak. Như chị Irma đây này (tên tôi hỏi đó). Chị đã lặn lội từ Chí Lợi tới đây, chỉ để được gần cận Bapak!” Tôi lập tức hiểu rằng người đã thấy được tất cả những gì trong lòng mình. Làm sao tôi có thể bỏ đi, sau khi người đã nói điều đó? Bằng cách làm như vậy, Bapak đã chữa được nỗi đau của tôi, giúp tôi vượt qua được những gì chỉ là một tình cảnh tạm thời.

²⁶ theo nguyên chú: trình độ con người toàn thiện mà đặc điểm là lòng quy thuận Ý Thượng Đế một cách hoàn toàn.

Ngày tháng trôi qua, những ý nghĩ về việc ra đi phai nhạt dần. Tôi đã quen thuộc với lối sống ở đây. Vì ngôn ngữ thông thạo hơn, nên tôi có một quan hệ mật thiết hơn với những chị em Subud Nam Dương. Tôi bắt đầu đến thăm những người trong khu vực và cũng là những hàng xóm gần của mình, như Isman, cô con dâu của Bapak. Tôi cùng gia nhập American Club là một hội giúp mình được nhiều. Đó là một nơi chôn làm cho tâm hồn được thoải mái, nơi tôi có thể được thư thái, bơi lội và chơi ten-nít.

Có những lúc thấy được những vẻ đẹp kì lạ. Một buổi chiều nọ Mayko, Clementina, Sandra và tôi đến Khu M, một khu dân cư ở Jakarta, để dự lễ tại một nhà thờ Công giáo. Lúc đó trời vừa tối nhá nhem. Chúng tôi đã quên đi sự gay gắt của ánh mặt trời vùng xích đạo, và màu vàng sáng chói của cảnh mặt trời lặn đang bắt đầu phai nhạt. Màu sắc của bầu trời biến đổi cây cối từ màu xanh lục qua màu xanh lam rực rỡ và màu tím. Tiếng nhộn nhịp của những xe có máy nhường chỗ cho tiếng vo ve trầm lặng hơn của xe xích lô và tiếng chuông của xe đạp. Điều này khiến ta nghĩ hình như sức nóng sự sinh hoạt của con người đã nguội lại khi trời trở nên âm áp. Thiên hạ ngồi ngoài hè, và những người bán hàng rong thôi rao hàng để ngồi nghỉ mệt. Anh tài xế của chúng tôi đậu xe lại, và chúng tôi đi ngang qua những quầy bán hàng nhiều màu sắc của khu chợ hoa, trước khi bước vào nhà thờ. Mùi thơm của cây hoa huệ có đầy trong không khí yên lặng của buổi chiều. Chậm chạp bước lên từng bậc thang dẫn tới nhà thờ, tôi thâm sâu cảm động nghe thấy qua những cánh cửa được mở âm thanh của giáo đoàn đang hát những bài thánh ca mà tôi đã từng nhiều lần hát bằng tiếng Tây Ban Nha, trong thời thơ ấu ở Chí Lợi. Những bài đó hiện đang được hát bằng tiếng Nam Dương, với âm sắc êm dịu của những giọng ca Nam Dương. Giây phút thật kì diệu khiến say mê.

Những chuyện hằng ngày trong cái cộng đồng khép kín của chúng tôi cũng đã trải qua những thử thách không đáng kể, và có những lúc khiến tức cười. Một hôm tôi đem Sandra tới nha sĩ. Ông nha sĩ lớn tuổi nhìn nó nói: "Không có gì hết, tôi chẳng phải làm gì cả." "Nhưng" tôi phản đối "còn cái này thì sao, và cái này nữa?" và chỉ cho ông thấy những chỗ sâu rỗ rết. Ông đáp: "Ồ nhĩ, nhưng bà không thể trách tôi được, nếu mắt tôi không còn tốt nữa."

Ở Wisma Subud những láng giềng ở sát cạnh nhau có thể là một vấn đề. Vì phòng ngủ quá nóng, nên tôi để mở tất cả những cửa sổ và cánh cửa ngày và đêm. Dân chúng nơi đây thường có thói quen thức dậy sớm, điều thường xảy ra là trước khi có thể thức dậy, tôi đã được đánh thức bởi người

hầu gái của hàng xóm bắt đầu ghìen giã thóc lúa lúc sáng tinh mơ. Những hàng xóm phía bên kia, những người Mỹ, đã mua một con vẹt cho một đứa con của họ. Chuồng của nó thì treo trên một cây mít lớn mọc giữa những căn nhà của chúng tôi. Con chim đó phát ra những tiếng quác quác kinh khủng, đến nỗi không có cách nào khiến tôi có thể ngủ trưa. Đứa con gái của họ thích nó tới nỗi tôi đã phải dọa giội nước lên con chim, nếu không đem nó đi chỗ khác. Một chiến lược tương tự đã khiến cho việc ghìen giã gạo lúc sáng tinh mơ không còn nữa!

Nhưng tôi chỉ hoàn toàn không bị tiếng động phá phách 2 năm sau, khi có đủ điện cho một máy lạnh, và cuối cùng tôi có thể đóng cửa phòng ngủ.

Gần nhà khách là nơi ở của một gia đình Nam Dương tên là Sudarsonos. Người cha là một nghệ sĩ, và 3 người con lớn là những nhạc sĩ có tài. Rukmini, cô con gái, là một diễn viên múa những vũ điệu cổ điển Java. Buổi tối họ hoạt động kinh doanh bằng cách bán trên sân hiên cho người nước ngoài những nước uống có trái cây làm theo lối Nam Dương; Atok, Rukmini, Adi, tuổi họ là 22, 20 và 19, thường giúp vui cho khách bằng cách chơi đàn guitar và ca hát. Erling đôi khi ngồi lại với một người khách, và sẽ kể cho tôi hay anh rất thích nhạc krontjong du dương (nhạc phổ biến của Nam Dương)

Một hôm nọ tôi đang về nhà sau khi dự một selematan tại tư gia của Bapak, thì bà Sudarnaso đến gần tôi hỏi tôi có muốn hay không dạy cho mấy đứa con bà một vài bài hát bằng tiếng Tây Ban Nha. Tôi vui vẻ chấp thuận. Làm chuyện này, tôi nghĩ, thật là vui. Họ ứng tác và học hỏi nhanh chóng. Những buổi học của chúng tôi là hai hay ba lần mỗi tuần, và chẳng bao lâu họ đã thành đạt. Về sau họ giúp vui cho những người bên ngoài khu vực Wisma, và thậm chí còn trình diễn trên đài Truyền Hình Quốc Gia Nam Dương.

Sinh nhật của Tuti (cô cháu gái của Bapak) tại Big House, cặp ba Sudarnaso và tôi đã khiến Tuti vui mừng và ngạc nhiên, khi chúng tôi hát cho cô nghe bà hát mừng sinh nhật *Las Manitas* của Mẹ Tây Cơ. Tôi không nghĩ là bài hát sẽ được ưa chuộng, nhưng nó được mọi người trong khu vực hát theo.

Kể từ đó trở đi chúng tôi được yêu cầu đi hát, khi có những lễ sinh nhật và tiệc tùng khác. Đến dự tất cả những buổi tiệc, Bapak hiển nhiên thích nghe nhạc. Đôi khi tôi có ý định hát, nhưng dù sao thì Bapak cũng kêu tôi lên. Tất cả những điều đó khiến người Pháp, người Đức cùng với những nhóm

thuộc những quốc gia khác soạn những bài hát và ăn mặc theo quốc phục cho buổi selematan mừng sinh nhật thứ 68 của Bapak. Việc này được ăn mừng thâu đêm, và là chuyện đáng ghi nhớ nhất đối với tôi.

Bây giờ thì tôi lấy làm hài lòng được sống ở Nam Dương. Buổi tối tôi thường đến Big House, và Sandra được Clementina dẫn đi, theo lời của Bapak, để nó có thể chơi với những đứa cháu của người. Những dịp thăm viếng đó, tôi thường gặp Ismana. Cô cho tôi hay mình sắp đi Úc với chồng. Họ được mời đến thăm những nhóm Subud ở Melbourne và Sydney. "Chị có muốn đi với tôi không?" Cô hỏi như để trêu chọc. Một hôm nọ cô lặp lại câu hỏi một cách nghiêm trang. Tôi nói mình sẽ phải cho Erling hay. Cô đi vào một phòng khác trong một vài phút, rồi trở lại nói: "Tôi đã hỏi Bapak, và Bapak nói 'được!'. Chị nên đi cùng tôi tới Úc."

Tôi hơi bị sốc. Làm sao cô có thể làm vậy mà không hỏi ý kiến Erling? Tôi nói là cô phải tự mình cho Erling hay! Cô chỉ nói với Erling: "Bapak nói Istimah nên đi với tôi và Haryono đến Úc." Erling cười. Anh biết Ismanah đã sắp xếp như vậy, để mình không thể từ chối. "Nếu Bapak đã quyết định" anh nói "Tất nhiên bà xã tôi có thể đi."

Chúng tôi đến thăm Melbourne và Sydney tất cả là 2 tuần trong tháng 9 và tháng 10 năm 1969. Mọi người đều rất hiếu khách, với những bữa ăn tại trụ sở Subud và những lần mời đến nhà hội viên chơi. Chương trình có những buổi tập latihan đặc biệt, và nhiều người đến gặp Haryono và Ismana với những câu hỏi riêng tư. Ismana là một phụ tá có kinh nghiệm, trả lời những câu hỏi của phái nữ một cách sâu sắc và khiến mọi người hiểu. Cô tỏ lòng âu yếm, có khả năng đối phó với những vấn đề của hội viên một cách nhẹ nhàng và thân nhiên. Được đi chung với cô là một niềm vui, và tôi cùng học hỏi được rất nhiều. Cô cho hay latihan khiến cho những vấn đề của chúng ta được lộ diện. Trước khi tiếp nhận latihan, chúng ta liên tục sống cuộc đời mình bằng cách hành động và phản ứng theo bản tính mình cùng với những thiếu sót của nó. Ngày tháng trôi qua, lối sống máy móc đó trở nên cố định hơn, khiến linh hồn chúng ta bị giam nhốt trong những sức mạnh thuộc lối cư xử của mình. Khi bắt đầu có latihan, quyền năng của Thượng Đế bên trong mình sẽ làm cho cái ảnh hưởng đó bị tan vỡ hay suy yếu.

Haryono ứng xử với người nước ngoài một cách rất thoải mái. Là giám đốc một mỏ vàng thuộc nhà nước, anh đã làm việc nhiều năm với những

cổ vấn hải ngoại. Đối với cái vai trò phụ tá của Subud, anh có phong cách trầm tĩnh và thanh thoát trong việc giải quyết các vấn đề. Sau này ở Sydney, anh phải đối phó với một vụ phân hóa trầm trọng trong nhóm ở địa phương. Bằng cách nghe cả đôi bên ăn nói và khiến cho họ được mặt đối mặt, anh có thể dần dần làm cho sự căng thẳng được giảm bớt. Cuối cùng chúng tôi suốt ngày cùng đi chơi và ăn ngoài trời với nhau. Tuy chưa hoàn toàn được giải hòa, nhưng thái độ vô tư của Haryono đã khiến cho sự thù nghịch giữa đôi bên bớt đi.

Đầu tháng 12 những ủy viên của Vùng Á Châu tụ tập ở Cilandak. Những ủy viên đó là đại diện của mỗi quốc gia, một nam và nữ cho phương diện tâm linh, và một nhân vật thứ ba cho phương diện tổ chức. Những ủy viên của tất cả các quốc gia là thành viên của Hội Nghị Subud Thế Giới. Trên khắp thế giới Subud được chia thành 7 vùng với những ủy viên là đại biểu cho vùng mình. Đó là hội nghị Vùng Á Châu lần đầu, và điều này xảy ra trong lúc Ramadhan.

Bapak khai mạc buổi họp và bình luận về những tường trình của các đại biểu. Những vấn đề trong các tường trình thường liên quan đặc biệt tới văn hóa của một quốc gia và bối cảnh tôn giáo. Anh Shyam Bose, ủy viên của Ấn độ, nói rằng có những khó khăn ở Ấn độ, vì hội viên và phụ tá vẫn còn dính líu tới những phương pháp và đường lối tu tập khác. Bapak giải thích về những khác biệt của đường lối latihan.

Nhưng điều thiên hạ nghe nói, nghiệm được và tin tưởng thì đã ăn sâu vào lòng họ, khiến cho những gì là bản chất của một truyền thống đã trở thành một bản năng mà họ không muốn gạt bỏ. Tuy nhiên, điều cần thiết [đối với những người Subud] là tất cả những cái đó phải được gạt bỏ, nhưng không là theo một lối khiến thiên hạ bị xáo trộn.

Quả thực latihan kedjiwaan không đối chọi với những tôn giáo khác nhau - trái lại là khác. Latihan sẽ tiết lộ những thực tại chưa thể hiểu được của tôn giáo, ngay cả bởi những người theo một tôn giáo.

Coi đó là một thí dụ Bapak sẽ nói về Ấn Độ. Ở Ấn Độ nhiều người tin vào nghiệp chướng, luân hồi và những lối tu tập thần bí như tập samadi (một trạng thái đạt được nhờ thiền định). Nơi đây ở Nam Dương và nơi nào khác thì cũng y hệt như vậy. Những điều đó là một phương cách rèn luyện tâm của tôn giáo thuộc một thời đại xa xưa. Hồi xưa phạm vi tư tưởng của con người chưa đạt tới cái chỗ như hiện nay. Hiện nay nhiều

người đã có học thức, nhưng họ chỉ tin ở đạo của mình về bề ngoài, bề trong thì họ không tin, vì họ không thấy bằng chứng. Sự xuất hiện của latihan kedjiwaan Subud khiến cho điều gì trước đây là bí mật trong tôn giáo sẽ được tiết lộ và thiên hạ không còn muốn coi tất cả những cái đó là bí mật...

Thực chất của những bí mật tôn giáo là không thể tiết lộ được bởi con người và chỉ bởi quyền năng của Thượng Đế. Thượng Đế chắc chắn sẽ không làm điều đó bằng cách khiến cho nội ngã con người có thể tự làm lấy. Không đâu! Trên thực tế thì chính người tiếp nhận được là người có thể tiết lộ những bí mật vẫn còn được giữ kín trong các tôn giáo. Như vậy con người sẽ thành tâm hơn với nội dung của tôn giáo, và họ sẽ thực sự biết được nên làm điều này hay nên làm điều kia.

Bapak nói thêm rằng những người Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Phật giáo và những người thuộc những đạo khác sẽ ý thức được cái chân lí của tôn giáo mình được tiết lộ cho mình nhờ quyền năng của Thượng đế. Người nói tiếp:

Đó là điều Bapak muốn nói, khi nói rằng tấm màn đóng lại đã được mở ra, khiến cho con người có thể không chỉ mù quáng tuân theo, mà còn thực sự biết được sự gần gũi của Thượng Đế. Nếu biết được mình được khiến cho gần gũi với Thượng Đế, con người sẽ không còn tiếp tục gây tội lỗi. Ta sẽ trở nên một con người lương thiện, một người thực sự thương mến tha nhân. Ta sẽ trở thành một con người thực sự có nhân tính, một con người với tính tình Susila Budhi Dharma.

Cilandak 03.12.69

Khoảng thời gian đó, Bapak mô tả sự xuất hiện của latihan với những ngôn từ khiến tôi có một ấn tượng dài lâu. Người nói rằng mỗi lần thế giới gặp khó khăn, thì Thượng Đế phái tới một vị sứ giả. Người nhắc tới Abraham, Moses, Jesus và Muhammad. "Nhưng" người nói "lần này thì chính Ngài đã tới. Thế cho nên, đây là dịp may cuối cùng của chúng ta, vì ngoài Thượng Đế ra thì còn có gì hơn nữa?"

Sau lễ Idul Fitri Bapak đi xe hơi vòng quanh Java trong 9 ngày. đó là cuộc viếng thăm những vị cao niên theo thông lệ lúc cuối Ramadhan, nhưng nhân dịp này, chuyến đi bao gồm luôn cả những nhóm Subud chánh yếu. Người trước hết đến Sumatra để gặp bà mẹ, cô em gái mình

cùng với những người bà con khác tại căn nhà nơi lần đầu tiên mình nghiệm được latihan. Người tiếp tục đi tới miền đông và miền Trung Java, kể cả Temanggung, sinh quán của Ibu, và cuối cùng là Purworedjo, tới tư gia của quan nhiếp chánh²⁷ (2) và Bandung ở miền Tây. Người có những buổi nói chuyện với các nhóm Subud, khi đến chỗ của họ, và theo Erling (anh đi theo) thì cả hội viên mới lẫn cũ đều tới dự.

Trở về Jakarta, cái selematan sinh nhật thứ 63 của Ibu là một dịp trọng đại. Nó được ăn mừng với ca nhạc và ăn uống, các hội viên thì chơi nhạc hay ca hát những bài được Ibu ưa thích. Bapak có một buổi nói chuyện, ca cho Ibu nghe một bài hát và chơi gambang - tất cả những điều này đều làm cho Ibu vui thích. Ibu thích đến nhà cửa của gia đình trên những ngọn đồi ở Cipana. Sức khỏe bà thường không được tốt, và bà hay nói: "Ibu cảm thấy rất thoải mái nơi đây."

Bapak bắt đầu đến đó một cách thường xuyên hơn. Người nói tới việc xây căn nhà cho rộng thêm, để Ibu được ngủ đêm ở đó một cách ấm cúng hơn. Khoảng cuối tháng hai, Bapak và Ibu, cùng với một vài gia quyến đi lên đó vào một buổi sáng thứ sáu, để dự một cái selematan đánh dấu việc bắt đầu xây cất một khu hai tầng là chỗ nói rộng của căn nhà. Chuyện này thì rất vui, và tôi thấy hình như Bapak đang đặc biệt cố gắng làm cho Ibu vui lòng.

Tháng 5 năm 1970 chúng tôi đã có thể trông thấy những chuẩn bị cho Hội Nghị Thế Giới Subud năm 1971. Những nhà tranh cho khách đang được xây cất. Một cái lỗ khoang mới trong lòng đất được đào tới một lớp ngậm nước thâm sâu, để cung cấp nước cho số người đông đảo đến dự hội nghị. Sinh nhật Bapak, một selematan được tổ chức để đánh dấu việc xây cất một phòng tập latihan mới mẻ rộng lớn. Đó là một nơi chứa chỗ ngồi cho 1200 người, và phải được xây cất thành một nơi chốn thoáng mát không có cột trụ bên trong. Kiến trúc thì đơn sơ và hiện đại, một mái vòm màu trắng bằng bê tông nổi trên một mặt đáy phẳng cân đối hình chữ thập. Để biểu thị việc bắt đầu xây nhà theo tập tục Java, một cái đầu của con bò hiến được chôn cất nơi xây cất. Đó là một quang cảnh nhiều màu sắc, trông những đứa trẻ đứng nhìn những nghi lễ cổ xưa càng khiến ta thấy vui thú hơn. Sau buổi lễ, khách được cho ăn những món quốc túy nấu trong nhà bếp của Ibu, và được dọn lên dưới những cây cối.

Bapak cũng long trọng mở những máy phát điện mới của Úc có đủ
27 (2) regent

điện năng làm cho máy lạnh chạy suốt ngày, đây là một bước nhảy vọt, vì những máy móc cũ đã quá tải.

Ngày đó là sinh nhật thứ 69 của Bapak, và buổi tối thì có khoảng 400 người đến chúc mừng. Buổi lễ trầm lặng hơn những sinh nhật trước đây, vì mọi người trong nhà đang chuẩn bị cho chuyến đi hải ngoại của Bapak.

Trong khi đó thì những sự cố bất ngờ đã khiến cho có một trong những điều quan trọng nhất thuộc đời sống Subud của tôi –chuyến đi thế giới sắp tới của Bapak.

Chương bảy

Chuyến đi thế giới của Bapak, 1970

Khoảng cuối năm 1969 Bapak hoàn thành 3 chuyến đi khắp thế giới, và có hơn 500 buổi nói chuyện với những nhóm Subud được thu thanh. Bapak đi đây đó, người nói, “ để thực hiện cái trách nhiệm truyền thụ latihan cho bất cứ ai yêu cầu, truyền thụ sự giao tiếp với quyền năng của Thượng đế, kể đến là giải thích và chỉ cho thấy cái đó là gì.”

Ở Nam Dương có một truyền thống tích cực về những phong trào huyền bí của Java. Theo nghiên cứu của Michael Rogge về những tác phẩm của những nhà nhân chủng học trong những thập niên vừa qua, thì chưa hề thấy đề cập tới một lối tu tập tương tự với latihan kedjiwaan Subud. Ông cũng nhận xét rằng tuy một vài *kepercayaan* (tín ngưỡng) có nhiều hội viên hơn Subud trong nội địa Nam Dương, nhưng chỉ Subud là được khắp nơi biết tới, và lôi kéo được nhiều hội viên nước ngoài. Về phương diện này thì những chuyến đi thế giới của Bapak là điều độc đáo đối với Nam Dương.

Đầu tháng 6 năm 1970 Bapak mời Erling và David đi theo chuyến đi thế giới thứ tư, điều này là việc đến nơi của 30 nhóm Subud tại 20 quốc gia, trong một thời kì là 3 tháng rưỡi. Chỉ một tháng trước đó Bapak đề nghị Erling giúp IDC²⁸, kinh doanh của các kiến trúc sư và kỹ sư Subud ở Cilandak, được quy chế đầu tư nước ngoài. Cuộc thương lượng đã tới giai đoạn gay go, nên Erling phải khước từ lời mời của Bapak để dành ưu

tiên cho trách nhiệm của mình.

Tôi không hài lòng về việc David, lúc này 14 tuổi, sẽ bỏ mất cái cơ hội đó, và quyết định sẽ nói chuyện với Bapak về vụ này. Tôi đến nhà Bapak, nhưng người đang có khách. Tôi để lại một thông tin cho Tuti, đề nghị mình có thể sẽ đi với David đến thăm nhóm đầu tiên trong chuyến đi, rồi từ đó đi về. Tuti đem lại điều Bapak trả lời: người đồng ý, nhưng có điều là suốt chuyến đi tôi phải đi theo. Tôi phân vân. Tôi chưa từng nghĩ chuyện này có thể xảy ra – bỏ lại gia đình là điều không thể tưởng nổi. Lập tức tôi cố gắng một lần nữa được gặp Bapak, nhưng một lần nữa người đang bận rộn. Sau hai lần thử làm như vậy, tôi bỏ cuộc. Tôi tự nghĩ: “*Điều này ngoài sức mình... Mình cứ phó thác cho Thượng Đế!*”

Buổi chiều hôm đó Sandra, hồi đó 4 tuổi, được mời đến dự sinh nhật của Isti, con gái của Isman với người chồng đầu tiên (Ismana là vợ của Haryono, con trai Bapak) Từ khu vực của Subud đi bộ đến nhà họ mất một vài phút. Tôi đem theo Sandra, và khi bước vào phòng khách, tôi ngạc nhiên trông thấy Bapak đang ngồi trên ghế xôfa ngay bên trong. Tôi đi với Sandra vào một phòng khác, nơi những đứa bé tụ tập.

Khi tôi đứng đó với những đứa bé, Bapak ra hiệu bảo tôi ngồi trên một chiếc ghế đầu gần người. Người nói rằng tôi đến dự buổi lễ này là vì chuyên đi sắp tới. Rồi cử động cánh tay phải thành một vòng tròn tượng trưng cho việc đi vòng quanh thế giới, người nói: “Từ Jakarta... tới Jakarta!”

“Nhưng Bapak” tôi phản đối “tôi không thể rời bỏ ông xã và 3 đứa con!” “Không là 3, chỉ là 2! David sẽ cùng đi, và...” người nói tiếp “chỉ đi vé hạng nhất, với Bapak.”

“Nhưng Bapak...tôi nghiệp cho Erling..mắc tiền quá!” Tôi bị hết cú sốc này tới cú sốc khác. Bapak chỉ mỉm cười, và chỉ tay lên trên nói: “Erling sẽ nhận được tiền của Thượng Đế”

Khi về nhà, tôi cho Erling hay tất cả những gì Bapak đã nói. Anh tỏ vẻ hơi ngạc nhiên, nhưng với lòng độ lượng thường lệ của mình anh lập tức chấp thuận cho chúng tôi làm như Bapak đã đề nghị.

Chúng tôi có không đầy hai tuần để chuẩn bị. Vì đi vé hạng nhất, nên chúng tôi có thể lấy những chỗ ngồi trong tất cả 35 chuyến bay với Bapak

mà chỉ cần báo trước cách đó không lâu. Chúng tôi được thị thực trên những hộ chiếu Chí Lợi và Hoa Kỳ, ngoại trừ việc nhập cảnh vào Nam Phi là nước hồi đó không có đại diện ngoại giao ở Nam Dương. (Thời lấy máy bay qua Nam Phi, sự việc hộ chiếu không có thị thực đó tạo nên vấn đề)

Subud hồi đó đang trưởng thành trên thế giới. Đủ loại sinh hoạt nở rộ do những hiệp hội mới thành lập của những người theo tập latihan. Nhiều nhóm có những cơ ngơi cho latihan, và hội viên bắt đầu làm việc chung nhau trong kinh doanh, trong những dự án phúc lợi xã hội và những hoạt động văn hóa. Vì Subud bành trướng, nên những cơ sở của phụ tá và về tổ chức cho sự hợp tác địa phương, quốc gia và quốc tế được phát triển dưới sự hướng dẫn của Bapak.

Giữa lúc tất cả những điều đó đang xảy ra, số hội viên gia tăng trên khắp thế giới phải đối phó với những chuyện riêng tư của mình do quá trình của latihan. Ban quản trị và phụ tá cùng phải đương đầu với những vấn đề mà họ không thể giải quyết. Tất cả những điều đó khiến cho có một đồng thư từ được gửi cho Bapak, mỗi tuần đến hơn trăm bức thư.

Khi Bapak đi đây đó, những tổ chức Subud còn mời người đi thăm một vài nhóm đặc biệt và đến dự những hội nghị Subud. Những chuyến đi của Bapak là một cơ hội để Bapak mặt đối mặt chỉ dẫn, giảng giải về latihan và đời sống tâm linh, trong khi hoàn cảnh của cử tọa được lưu ý tới. Mỗi lần đến thăm các nhóm là một cơ hội để làm cho mọi việc được minh bạch. Đó cũng là một dịp để giải quyết những vấn đề từ trước tới nay không đã thông nổi. Chẳng hạn, tôi thấy một tình trạng trong đó một sự khó khăn giữa hội viên đã khiến cho nhóm bị chia rẽ, và điều này đã không được giải quyết hàng tháng với thư từ. Bapak không chỉ giải quyết vấn đề trong chuyến viếng thăm ngắn ngủi, mà lời giải đáp của người còn được coi là một khuôn mẫu cho toàn thể Subud, khi những băng thu thanh được phân phát cho, và những nói chuyện của người xuất hiện trên sách báo Subud.

Khi chúng tôi đi từ đô thị này tới đô thị khác, tôi nhận thấy sự chuyển hóa của mỗi nhóm tới một tình trạng tâm linh cao siêu và nhẹ nhàng hơn, trong lúc Bapak viếng thăm. Tôi có thể cảm thấy sự thay đổi đó trong những buổi họp. Tôi không thể biết được bối cảnh của những nhóm chúng tôi đến thăm – họ có vừa được khai mở hay không, hoặc có những vấn đề về tổ chức, hay có mối bất hòa giữa hội viên và phụ tá và vân

vân- nhưng tôi có thể thu lượm được nhiều điều do chiều hướng những nói chuyện của Bapak, khi người tập trung vào những nhu cầu của hoàn cảnh. Chẳng hạn ở Ấn Độ, Bapak nhấn mạnh cái nhu cầu có một tổ chức quốc gia và những buổi họp quốc gia thường xuyên, điều này cho thấy rõ là hội đã chưa tạo nên được một quan hệ giữa những nhóm rải rác của một đất nước rộng lớn. Mỗi nhóm và do đó mỗi buổi nói chuyện đều khác nhau.

Bapak thường làm cho những nói chuyện của mình được rõ thêm bằng trắc nghiệm - theo lời nói của người là “tạo bằng chứng.” Có lần khi đang nói chuyện về sự làm việc chăm chỉ, người làm trắc nghiệm với một hội viên Úc về thái độ làm việc của những người thuộc những quốc gia khác nhau. Sau khi trắc nghiệm về thái độ của người Đức, Anh và Úc, Bapak yêu cầu anh hội viên cho thấy (bằng trắc nghiệm): “Một người Nhật làm việc như thế nào?” Anh hội viên Úc lập tức bắt đầu kĩ lưỡng diễn đạt bằng điệu bộ lối làm việc kiểu đây chuyên

Sản xuất. Lối hoạt động thường chậm chạp của anh người Úc thay đổi thành một lối thật nhanh chóng là điều hoàn toàn có sức thuyết phục khiến cho cử tọa bật cười vui vẻ. Bapak thường xuyên dùng những sự tương phản như vậy, để làm cho hiểu rõ về một điều, và là một bậc thầy về việc làm cho cười khi đúng lúc.

Mỗi nhóm đều hết sức cố gắng tỏ lòng hiếu khách và làm cho Bapak được vui. Về phần mình Bapak tỏ vẻ trìu mến, kiên nhẫn và ân cần, nhưng phần nhiều thì cái tâm linh của người tạo nên nơi mọi người lòng an vui và tình hòa thuận. Khi Bapak viếng thăm xong, mọi người đều được nâng cao, mãn nguyện và biết ơn.

Nếu tôi tỏ ra hoàn toàn tin cậy, thì đó là vì tôi được dự vào một điều khiến cho mình tuyệt đối tin cậy. Những hoạt động của Bapak được bao bọc bởi ân huệ tuôn tràn của Thượng đế. Trong chuyến đi tôi ghi chép lại những ấn tượng của mình trong một sổ nhật kí và bức thư.

28 tháng 6 1970

COLOMBO. Chúng tôi rời khỏi Jakarta lúc 10 giờ buổi sáng thứ tư. Hôm đó là ngày 24 tháng 6, hai ngày sau sinh nhật Bapak. Người ta đến

chào tạm biệt chúng tôi với một tấm lòng thương mến và tận tụy mà mọi người đều có với Bapak, trước hết là tại căn nhà của Bapak, nơi người thư thái ngồi đợi chờ Ibu và nói chuyện với những người trong gia đình, và sau đó là tại phi trường, nơi có một trăm anh chị em hay nhiều hơn đổ xô vào phòng cho chuyên bay khởi hành. Tôi nhận thấy những khuôn mặt quen thuộc của những hội viên Subud nơi những quan chức phụ trách nhập cư, những người của công an và quân đội, và họ khiến cho việc lên đường của chúng tôi được dễ dàng. Trong một thời gian phi trường hoàn toàn bị Subud chiếm cứ. Mẫu thân Bapak, Eyang Kursinah, lúc này hơn 90, cũng có mặt, bà thanh thản đứng thẳng thật là thẳng; đi chung với bà là mẫu thân tôi, Mayko, đứng vẫy tay từ tầng trên là chỗ quan sát.

Đoàn người trong chuyến đi gồm Bapak và Ibu, Usman (làm thông ngôn), Tusti, Ismana, Mastuti, Lydia Duncan, David và tôi. Mọi người đều ăn mặc theo lối Âu Tây, ngoại trừ Ibu là người mặc một cái kain (sarong) cổ truyền của Nam Dương, một cái kebaya (áo cánh có đăng-ten) và một cái selendang bằng tơ (khăn choàng) Bapak mặc một bộ y phục bằng vải mỏng gabadin²⁹ và đội một cái petji (loại nón Nam Dương) màu đen.

Tại Singapore chúng tôi đợi 5 tiếng đồng hồ để đổi qua chuyến bay khác. Hội viên của những nhóm Subud nhỏ bé ở Singapore, Jahore Baru đến ngồi chung với chúng tôi. Họ là người dân thuộc những chủng tộc và tôn giáo khác nhau của đảo - những người Trung Hoa, Mã Lai, Ấn độ và Tây Âu thuộc những đạo là Phật giáo, đạo Hindu, Hồi giáo và Thiên Chúa giáo. Họ làm mọi điều để Bapak được thoải mái, đem đến cho người một ghế bành và những thức uống lạnh. Người hiền nhiên lấy làm vui được trò chuyện, phần nhiều bằng tiếng Mã Lai. Trông Bapak là một người mạnh khỏe và sung túc. Như nhiều đàn ông Nam Dương, Bapak hút thuốc lá kretek (đinh hương), phần nhiều do đòi hỏi của xã Kô, thay vì do nhu cầu. Chỉ có rất ít những người nữ, nhưng Ibu khiến cho Lydia và tôi phải bận tâm vì sự lo ngại của bà về những điều được sắp xếp cho cuộc hành trình sắp tới. Mùi thơm nước hoa Blie Grass của Ibu tỏa khắp tới nhóm người không có bao là chúng tôi.

Ở Colombo có một đám đông khoảng 500 hội viên đến gặp chúng tôi, những người nữ trông thật duyên dáng trong những sari của họ. Một

²⁹ Gabardine

vòng hoa cổ truyền bày tỏ lòng kính trọng đối với một nhân vật đặc biệt, được đặt lên người Bapak. Sự tiếp đón là điều khiến cảm thấy như gia đình đang chờ đợi ngày trở về của một người thân. Tất cả chúng tôi đều có nơi ăn chốn ở đầy đủ tiện nghi tại căn nhà rộng lớn thời thuộc địa của Dr. Abeyawudera, một nhà phân tâm học. Ông và bà vợ là những người chân thành và vui tính.

Đêm đầu tiên Bapak có một buổi nói chuyện và trải nghiệm kéo dài cho tới khuya. Người đưa cọt về con số đông đảo phụ tá, nhiều hơn 1/3 hội viên. Thông thường thì không nên có nhiều hơn một phụ tá cho 10 hội viên. Người nhấn mạnh việc phụ tá không được cảm thấy mình khác biệt hay cao hơn hội viên. Điều không tránh được là sẽ được coi là có địa vị. Tất cả chúng tôi đều ngồi trên sàn nhà kiểu Á Châu, và bởi ngồi gần Bapak, nên tôi có thể nghe và hiểu được hầu hết mỗi lời nói bằng tiếng Nam Dương, trước khi được thông dịch. Chuyến đi này coi bộ sẽ có nhiều điều hay.

Đêm thứ hai Bapak làm nhiều trải nghiệm hơn với từng nhóm nam và nữ. Điều khiến vui thích nhiều là những trải nghiệm bộc lộ những yếu đuối thông thường của con người.. Điều này cũng có một phương diện nghiêm trọng - như một hội viên đã chiêm nói: “Trải nghiệm cho chúng tôi thấy mình không được tốt đẹp như nhiều người đã nghĩ thơ tưởng. Nhưng đây có lẽ là một điều hay, nếu biết được sự thật về bản thân mình.”

Buổi nói chuyện ban đêm của Bapak cho phụ tá và thành viên ban quản trị có sức mạnh thúc đẩy họ tiến triển, đừng chỉ lấy làm hài lòng với việc latihan khiến có cảm giác vui thú. Người nói họ nên có một trụ sở Subud của mình, và càng đông càng tốt nên đi dự hội nghị thế giới năm tới ở Cilandak.

Điều làm tôi chú ý là cảm tình của người Tích Lan. Họ cho thấy cái đức tính khả ái đó theo nhiều lối nói lên một cách hùng hồn: bông hoa, âm nhạc, những thức ăn được dọn lên, một sự bộc lộ liên tục của những tình cảm thương mến và vui vẻ đối với tất cả chúng tôi. Họ chơi nhạc và chúng tôi cùng hát. Trong buổi tiệc, chúng tôi cảm thấy thanh thoát. Chúng tôi cười thật nhiều, và trêu chọc theo lối Nam Dương. Ibu lấy làm vui được có mặt nơi đây, và tỏ vẻ thân mật với hội viên. được thấy Bapak làm việc trong một chuyến đi là điều tươi đẹp và độc đáo. Tôi cảm thấy vinh dự được đi chung với Bapak và gia đình người. Tôi cảm tạ Thượng

Đế đã cho mình điều tuyệt diệu đó.

4 tháng 6

POONA, ẤN ĐỘ. Chúng tôi đến Bombay từ Colombo ngày thứ hai 29 tháng 6, và ngủ đêm tại một khách sạn tráng lệ, kiểu cổ xưa thời thuộc địa. Sáng hôm sau đoàn người được đưa đi trên nhiều chiếc xe tới Poona, trên đồi, một hành trình dài lâu khoảng 5 tiếng đồng hồ. Tất cả đều hoàn toàn khác với Nam Dương, đất khô cằn được cày cấy với bò. Tôi thấy nhiều cảnh nghèo khổ, mọi người sống trong những chòi bằng bao tải và bao bố.

Nơi đây ở Sangam, gần Poona, tôi nhận thấy có 60 hội viên cư trú, và nhân dịp Bapak đến thăm, họ tổ chức hội nghị quốc gia thứ ba của Subud Ấn Độ. đại biểu của tất cả các nhóm Subud lớn đều đến - Bombay, Madras và Calcutta. Anh hội trưởng tương thuật Subud có số hội viên hoạt động tích cực là 120 người, và hiện được ghi nhận ở Ấn độ là một là một đoàn Thể Công Cộng và một Công Ty Từ Thiện Công Cộng.

Chúng tôi được tiếp đãi hậu hĩ, và nhóm Subud không bao giờ để cập tới những việc làm và sự hi sinh để đón tiếp Bapak, nhưng đằng sau những gặp gỡ, những thu xếp về nơi ăn chốn ở, những chuyên chở, những chương trình, những thức ăn ngon, những diễn văn, những cuộc giải trí, những bông hoa và vòng hoa, chưa kể tới tài chánh, tôi thấy được khắp nơi có sự cố gắng hiển nhiên.

Bapak đến dự hầu hết những phiên họp ban ngày của Hội Nghị, hướng dẫn về nhiều vấn đề khác nhau nếu có. Người có những buổi nói chuyện và dẫn dắt tập latihan buổi tối. Maitreya Ramaswamy, anh hội trưởng của Ấn Độ, đã dụ dằng mô tả cái tác động tâm linh về cuộc thăm viếng của Bapak là “dần dần thâm nhập vào mọi người và mọi vật cho tới khi biến tất các hoạt động thành sự phụng thờ Thượng Đế.”

Shyam Bose phụ trách những việc sắp xếp này nọ. Anh là một hội viên lâu đời của Subud, và thường đến Cilandak. Tuy Bapak nói latihan là đủ và ta không cần những tập luyện khác để tự giúp mình, nhưng Shyam vẫn còn muốn trai giới. Hình như anh thấy những gì mình làm là không đủ để chứng tỏ (cho chính mình thấy được) lòng thành tâm của mình với Thượng Đế. David rất thích anh, và tuy thuộc những thể hệ cách biệt nhau về tuổi tác, nhưng cả hai thường đi chung với nhau.

Bapak có 5 buổi nói chuyện nơi đây, mỗi buổi tập trung vào một vấn đề đặc biệt ở Ấn Độ. Hai buổi dành cho việc hướng dẫn phụ tá - một buổi về những người muốn vào Subud và những nhu cầu của họ, và một buổi cho ban quản trị về việc nên có một tổ chức quốc gia hữu hiệu. Nói chung, người để lại một ấn tượng về một Subud đang bành trướng, với những căn nhà và kinh doanh của nó, với những sinh hoạt giáo dục. Trong buổi nói chuyện khai mạc, người giải thích như thế nào trong Subud chính tâm linh là điều hướng dẫn tổ chức:

Thưa anh chị em: con đường tâm linh không thể tổ chức được, vì điều này hoàn toàn là công việc việc của Thượng Đế, nhưng vì chúng ta có một hội gồm hội viên, gồm tất cả anh chị em, nên điều này phải được tổ chức - nếu đó chỉ là đề quản lí, trông nom, và khiến cho khía cạnh thế gian của hội được hoạt động.

Tuy nhiên, trong tổ chức của mình các bạn không bao giờ được quên cái quan trọng nhất của hội - latihan kedjiwaan, sự phụng thờ Thượng Đế để - bởi vì chính nhờ sự phụng thờ đó mà anh chị em có thể tiếp nhận sự hướng dẫn của Thượng Đế. Sự phụng thờ này thực ra tạo nên cái căn bản đúng thật và lành mạnh khiến cho các bạn có thể, với tư cách là cá nhân, tổ chức [những hoạt động tập thể của mình] một cách đúng thật và chính đáng.

Thượng Đế đã tạo ra con người trên trái đất khiến ta có thể tổ chức cuộc đời mình một cách tốt đẹp nhất, khiến cho một thế giới của hòa bình, thông cảm và hòa thuận được tạo nên nơi loài người là một gia đình duy nhất có thể làm việc và phụng thờ Thượng Đế Duy Nhất.

Poona 30.06.70

Một lúc lâu sau khi những chuyện phải làm của mỗi ngày đã xong xuôi, và mãi cho tới đêm khuya, ta có thể trông thấy những nhóm nhỏ nhoi yên vui ngồi chung với nhau, chia sẻ cho nhau cái cảm giác tâm linh không thể diễn đạt được của latihan, và không bị nhiễm bởi những đòi hỏi của thời gian và giấc ngủ.

5 tháng 7

LONDON. Hôm qua chúng tôi lấy máy bay từ Poona trở về Bombay, rồi đổi máy bay tới London, tới đó 10 giờ sáng. Máy bay đậu ở Beirut, Geneva và Paris trên đường đi. Ở Geneva tôi thuyết phục Ibu đi ra ngoài

máy bay để hít thở cái không khí khô lạnh nhưng tuyệt diệu. Tôi nắm cho chắc là bà được ăn mặc thật ấm cúng. Bà thấy được cường tráng và muốn đi lên đi xuống nhà đón khách của phi trường. Đó là một điều khiến Ibu vui thích. Bà liền nói là mình không thể gắng sức được, nhưng khi được khuyến khích một chút, bà đồng ý. Có lần bà là một người mẹ quan trọng, lần khác bà trở thành một đứa bé lấy làm vui thích vì những điều tầm thường nhất.

12 tháng 7

LEICESTER. David tiêu thời giờ của nó tại nhà Bapak, ngay cả khi có thể bị mất một bữa ăn. Hôm nay khi đến đại học để đem nó tới nhà Bapak, tôi thấy nó đang chơi đàn ghita và đang ứng tác. Nó mất 30 pound mua cây đàn ghita ở London, và rất thích cây đàn. Có một bà lão bên cạnh nó. Bà nói: "Tôi đang ngồi trong phòng mình cách đây hai cánh cửa, và cảm thấy bức dọc và chán nản. Chợt tôi nghe thấy tiếng đàn thật hay này, và tôi liền cảm thấy yên vui và thanh bình. Tôi chỉ việc đến đây để coi ai đang chơi đàn."

Hội Nghị Vương Quốc Liên Hiệp Anh đang xảy ra ở đây, trong lúc Bapak đến thăm. Buổi nói chuyện đầu tiên của người là một sự dẫn nhập về Subud, trong đó có việc nhìn lại sự xuất hiện của latihan ở Tây phương. Người cũng nói tới vấn đề kế vị của mình. Hiển nhiên có điều gì trong điều khoản của hiệp hội Subud Vương Quốc Liên Hiệp Anh quy định Bapak là lãnh tụ tâm linh của Subud, điều này khiến cho có câu hỏi được đặt ra ai sẽ là người kế vị khi người qua đời. Bapak nói rằng mình không có khả năng và không được quyền trả lời, vì chỉ Thượng Đế mới có thể trả lời, nếu Ngài muốn. "Trừ phi Thượng Đế muốn, nếu không thì" người nói "điều chỉ có thể xảy ra là không phải sẽ có một người thay mặt, mà đó là một sự tiếp nối thông qua latihan kedjiwan là cái sẽ từ nơi các bạn được truyền bá khắp thế giới."

Đêm hôm qua tất cả chúng tôi đều đi nghe buổi nói chuyện thứ tư của Bapak. Chúng tôi trở nên nhạy cảm hơn đối với những sức mạnh chung quanh mình, khi tập nhiều latihan hơn. Ibu và Usman khuyến khích tôi tiêu thời gian của mình tại nhà Bapak. Trong buổi nói chuyện Bapak giảng giải về việc trắc nghiệm tác động của nafsu:

Cái trắc nghiệm này (mà chúng ta đã làm chung với nhau) là để cho

*jiwa*³⁰ các bạn biết được trạng thái của cơ thể vật chất là cái thường xuyên bị ảnh hưởng bị nafsu. Bởi vì chính jiwa [linh hồn] các bạn cần cái latihan này, để cho nội ngã, nghĩa là jiwa (linh hồn), có thể trở thành người chỉ đường hay giám đốc của toàn thể bản ngã, khiến cho cuối cùng khi các bạn chết, thì cái ý thức về sự sống của các bạn sẽ không khác với cái ý thức về trạng thái của mình trong cái thời gian của cuộc sống trên trần gian.

Leicester 11.07.70

Giữa những lúc có buổi nói chuyện, tôi đứng chung với một vài người bạn tới đây dự Hội Nghị Vương Quốc Liên Hiệp Anh. Chị Hosanna Baron và ông chồng, Laksir, nói chị sẽ đi theo Bapak qua khắp Âu Châu. Tôi gặp Chris (Dominic) Rieu. Thật là hay được chuyện trò với anh một lần nữa. Anh đã đến Cilandak trước đó để nói chuyện với Bapak về đề nghị viết một tập sách về Subud (A Life Within a Life) và chúng tôi đã trở thành đôi bạn thân.

Đêm hôm đó tôi đi chung với Bapak và đoàn người của Bapak tới dự buổi họp của phụ tá. Bapak một lần nữa nhấn mạnh sự quan trọng của việc hành động theo jiwa [linh hồn] trong đời sống hằng ngày và trong việc tổ chức những công việc của Subud. ”Đừng đặt tổ chức lên hàng đầu” người nói.

Vi Bapak đang chuẩn bị làm trắc nghiệm, nên tôi đi ra ngoài phòng để uống một li nước. Trong lúc đi tôi gặp Laksir. Anh rất bức bối, vì Hosanna đã không thể vào dự buổi họp phụ tá. Tôi ra ngoài và thấy Hosanna đứng đó. Chị mặc một bộ đồ kì quặc, áo choàng dài tới mắt cá chân và tóc thì xoắn một cách kì lạ. Người giữ cửa gần đó phản đối không cho chị vào, vì chị không có thẻ phụ tá. ”Bà có biết bà này không?...bà này là phụ tá?” Khi tôi đoán chắc với anh chị là phụ tá, anh mới để cho Hosanna vào.

Tình cảnh này thật tức cười. đang giữ cửa với tất cả lòng thành của mình thì anh chàng nghiêm khắc này chợt thấy mình phải đối diện với một người đàn bà Mỹ Tây Cơ rất có sức lôi cuốn, ăn mặc đẹp đẽ nhưng không đúng với quy ước (của người Anh).

Tôi tự hỏi: những gì mình cảm thấy bị thúc đẩy lúc ban đầu khiến đi ra ngoài là sự đáp ứng của tiềm thức đối với tình cảnh của Hosanna? Sẽ có

30 Theo nguyên chú: nội dung tâm linh của bản ngã (thường được dịch là linh hồn)

một lúc nào đó tôi sẽ nhận biết được những trực giác như vậy một cách có ý thức?

17 tháng 7

OSLO. Đây là một thành phố sạch sẽ và sáng ngời với không khí trong sạch đến nỗi khiến ngạc nhiên, ngay cả người dân trong cùng có vẻ như tỏa ra ánh sáng. Khi chúng tôi đến, người ta lái xe đưa chúng tôi thẳng tới trụ sở Subud. Nơi đây nhóm Subud tiếp đón chúng tôi trong những bộ quốc phục sắc sỡ, và ca một bài hát Nam Dương được ưa chuộng: Naik, Naik, ke punjak gunnung...vân vân (Trèo lên đỉnh núi). Căn nhà thật lộng lẫy, một nhà hai tầng bằng gạch có lối kiến trúc cổ xưa –trần nhà cao với một tầng mặt thượng. Nó nằm trên con đường có cây cối của những sù quán ngoại quốc. Nhóm Subud đã mua nó, và sửa nó thành một nơi chốn đẹp đẽ, ấm cúng và đủ tiện nghi.

Subud Scandinavia tổ chức hội nghị hằng năm trong lúc Bapak đến thăm. Buổi tối của ngày thứ nhất, Bapak nói tới việc như thế nào cái trí óc được mở mang của chúng ta đã khiến chúng ta đi lạc đường. Đêm thứ 3 có latihan, và đêm thứ 4 là buổi nói chuyện cuối cùng trong đó Bapak nói về việc tránh có những lỗi lầm:

Bapak mong các bạn sẽ thành tâm và siêng năng trong latihan... Các bạn phải thận trọng, sáng suốt và cẩn thận trong thái độ và lối cư xử của mình, khiến cho các bạn sẽ không làm bất cứ những gì sai trái có thể cản trở cái quá trình thanh lọc trong lòng mình. Cái quá trình thanh lọc sẽ kéo dài bao lâu thì không thể biết được...

Các bạn nên có khả năng, do tự mình và cho chính mình, tu sửa bản thân mình, giúp đỡ và hợp tác với nhau để tạo nên cái tình trạng hòa thuận đó trong nhóm. Nếu sau này nhóm nơi đây được kiên cố, thì Bapak chắc chắn sẽ là một gương mẫu cho xã hội, và thiên hạ thấy Subud hấp dẫn.

Oslo 16.07.70

20 tháng 7

HAMBURG. Chúng tôi đến thứ sáu 17 tháng 7, và được đem tới trụ sở Subud. Nơi đây có 200 người hay hơn vì cuộc viếng thăm, họ ca hát cho Bapak khi người đến. Họ ném những cánh hoa hồng lên Bapak khi

người đi qua, và bởi chúng tôi đi đằng sau, nên cùng có vài bông hoa rơi lên chúng tôi. Tôi hầu như không thể ngăn lại những giọt lệ của mình.

Nói chuyện của Bapak nghiêm trọng, nhưng có đầy những điều để khuyến khích và hướng dẫn. “Nhân loại đã rớt xuống” người nói ”thung lũng của sự quên lãng, nhưng hiện nay quyền năng của Thượng Đế có nơi chúng ta.” Người kể lại câu chuyện như thế nào trong năm 1932 mình đã có một số những chứng nghiệm tâm linh, kể cả hai điều liên quan tới việc tiếp nhận những cuốn sách.

Bapak đang trong trạng thái latihan thì tiếp nhận được điều gì rất kì lạ - nếu chúng ta suy nghĩ về điều đó với cái trí óc thông thường của mình. Bapak nhận được một cuốn sách. Nó có hình dáng của một tập bản đồ thế giới. Bapak đang ngồi, đang theo cái zikir (tụng kinh Hồi giáo) Cuốn sách rớt vào lòng Bapak. Bapak hơi ngạc nhiên vì có cái gì đó rơi vào người mình, bởi vì tuy đang trong phòng mình, nhưng Bapak cảm thấy ngay lúc đó như mình đang trong một nơi chốn thoáng rộng.

Bapak mở cuốn sách ra. Trên trang đầu, nơi thường có phần giới thiệu, là một hình ảnh. Đó là một người đàn ông, một Sajid – một người Ả Rập đầu quấn khăn xếp và mặc áo choàng. Khi Bapak tìm cách để đọc đầu đề, bằng tiếng Ả Rập, nó liền đổi qua mẫu tự La Tinh, và Bapak đọc được ”Ngôn Sứ Muhammad, Sứ Giả của Thượng Đế” Khi đọc Bapak kinh ngạc trông thấy người trong hình gật đầu xác nhận và khẽ mỉm cười.

Bapak lật qua trang kế tiếp. Đây là hình cho thấy có nhiều người. Họ là những đồng hương của Bapak. Khi Bapak nhìn, họ cử động. Có người cười, có người khóc, có người cầu xin Thượng Đế tha thứ cho những tội lỗi của mình. Bapak lật qua trang đó, và một lần nữa lại có thêm nhiều người. Có những người da trắng, có những người da vàng, có những người da đen, có những người như Bapak. Họ cũng phát ra những tiếng động – khóc, cười, cầu xin Thượng Đế tha thứ, ca hát. Bapak tiếp tục lật 5 hay 6 trang như vậy. Bapak gấp sách lại, nghĩ mình sẽ đưa cho bạn bè coi ngày hôm sau. Tuy nhiên, khi Bapak đang cầm nó, thì nó biến mất, và Bapak cảm thấy như nó đã nhập vào ngực mình. Bapak cảm thấy khó chịu, và tự hỏi điều gì đang xảy ra. Nhưng có một câu trả lời: “Đừng lo ngại. Nếu con lấy cuốn sách, nó sẽ mất đi. Bây giờ thì nó là một với con, nó không thể mất được, và không thể xa cách con. Ngày nào con còn sống, nó sẽ bên cạnh con.”

...Tháng này tới tháng nọ trôi qua, và một buổi tối khi một lần nữa Bapak đang ngồi làm zikir, thì một cuốn sách khác rớt vào lòng mình. Cuốn sách này không lớn như cuốn trước, nhưng dày như một cuốn từ điển. Bapak mở nó ra, và nhìn lật qua các trang. Tất cả các trang đều để trống. Bapak thất vọng vì nhận được một cuốn sách mà không có gì trong đó, và tự hỏi công dụng của nó là gì. Chữ viết liền hiện lên trên trang trống: "Cốt ý là không có gì viết trên này, và chỉ được viết ra khi con đặt một câu hỏi."

Bapak tiếp tục hỏi đủ điều. "Sau này sẽ ra sao?" và vân vân. Cuốn sách biến mất y hệt như cuốn đầu tiên – Bapak đang cầm thì nó biến mất vào bên trong mình.

Trong những điều Bapak được cho hay trong cuốn sách thì có việc là sẽ có một cuộc đại chiến. Rồi sau chiến tranh, đó là ý Thượng Đế khiến cho Bapak được đi khắp khắp thế giới để chỉ cho nhân loại cách tiếp nhận và chúng nghiệm được sự thật của những gì Bapak đã tiếp nhận..."

Hamburg 18.07.70

Người nói tiếp: "Đó là một chứng nghiệm rất kì lạ, và Bapak mong rằng các bạn sẽ không chỉ tin là như vậy. Cứ chỉ việc nghe. đừng chỉ tin những gì mà mình chưa được thuyết phục bởi kinh nghiệm, giác quan và sự hiểu biết của chính mình. đừng tin, nếu tự mình chưa thể tiếp nhận được."

Sau buổi nói chuyện, khoảng một giờ sáng, tôi đi xuống phòng khách, nơi có khoảng 100 người, họ đang ca hát như chỉ có người Đức mới có thể ca hát được! Lòng hiếu khách và sự nhiệt tình của họ để khiến chúng tôi được hài lòng, là điều không có giới hạn. Thức ăn thì thịnh soạn và có đầy. David lại chơi đàn ghita. Nó chơi đàn một cách nhẹ nhàng, với một tài nghệ làm mọi người cảm động.

Đêm nay, Bapak có buổi nói chuyện cuối cùng. Người nói về Thượng Đế "như một biểu tượng để mô tả một quyền năng nào đó [mà chúng ta cảm thấy]".

Cho đến lúc này, việc đi chung với Bapak là một trong những điều tuyệt diệu nhất của đời tôi. Tôi cảm thấy như có thiên thần đi theo người, và chúng tôi, những kẻ trong đoàn người đi theo, thì được lợi vì điều đó.

24 tháng 7

WOLSBURG. Buổi sáng chúng tôi từ Hamburg nơi đây đi xe hơi, và đối với phần còn lại của ngày tôi cảm thấy khá kiệt sức. Ismana thấy khó chịu lần đầu tiên.

Khi tôi bước xuống cầu thang để dự buổi nói chuyện của Bapak buổi tối lần thứ ba, thì có một điều lạ lùng xảy ra cho mình. Tôi cảm thấy như có một sức mạnh bao bọc mình, khiến mình không thể đi thẳng. Tôi chưa từng thấy điều gì như vậy. Dù sao tôi cũng đi nghe buổi nói chuyện, và ngồi cạnh Ibu. Chợt nhiên Ibu nhìn vào tôi, và tôi trông thấy bà đã nhận thức được là tôi đang cảm thấy khó chịu. Tình trạng này trở nên tồi tệ hơn, nên tôi xin được thứ lỗi, và đi vào một phòng khác. Nơi đó tôi khóc nước mắt chan chứa và từ đáy lòng mình. Một người anh em Subud nhìn vào phòng, và tôi xin anh đem mình về nhà. Sáng hôm sau, khi tôi còn nằm trên giường, Tuti đến và cho tôi một radjah (một phương thuốc thần bí của Java) của Bapak. Cô nói: "Bây giờ thì chị biết Mayko đôi khi cảm thấy như thế nào." Tất cả những gì tôi biết là tình cảnh đó khiến mình trở nên cực kì nhạy cảm, và không thể thích nghi được với sự hiện diện của những người khác.

Buổi sáng tôi cảm thấy dễ chịu hơn, và chăm sóc Ibu. Bapak chơi gambang (một đàn phím gỗ của Java với những phím bằng gỗ) một lúc lâu. Hermine Rutz thuộc nhóm Wolsburg đi chung với tôi, và chúng tôi tập latihan theo âm điệu của gambang. Bapak hát, kể chuyện thần thoại và giải nghĩa những chuyện đó.

26 tháng 6

ROME. Theo thời biểu thì chỉ ở 2 ngày tại mỗi nơi, và mỗi đêm đều có một buổi nói chuyện, latihan hay trắc nghiệm. Thông thường tôi nghĩ mình sẽ thấy một chương trình như vậy là khiến cho kiệt sức - không mấy về thể xác, nhưng do sự tràn ngập của những cảm xúc và tư tưởng xuất phát từ nhiều người mà tôi gặp ngày này qua ngày khác. Thế nhưng tôi lại nhận thấy mình có tất cả cái nghị lực mình cần. Hơn nữa, tôi cảm thấy thanh thản và tươi tỉnh.

Tất nhiên hầu như không lúc nào cái bí mật của latihan không đang mãnh liệt tuôn trào vào nơi tôi, khiến tôi không tự đồng hóa mình với những tư tưởng và cảm xúc của mình. Tôi tự nhận thấy như bị kết vô

trong sự hiện diện của chính mình. Khi có những lúc bị kiệt sức là những điều thỉnh thoảng xảy ra, thì những điều đó biến mất đi sau một lúc không lâu. Tuy cái trạng thái đó là do việc gần cận Bapak, nhưng điều nhận thấy đó là kết quả trực tiếp của latihan. Bây giờ tôi hiểu được khá hơn những giảng giải của Bapak về việc latihan điều khiển những sức mạnh của sự sinh hoạt hằng ngày: "...Sau khi tách rời nhau, các sức mạnh có thể tự nhiên tuôn chảy về những hướng đi chính đáng của nó." Điều này khiến cho nội cảm được trong sáng và yên tĩnh. Sự mệt mỏi có vẻ như do những sức mạnh nằm ở chỗ không thích đáng.

Ta có thể coi đó không gì hơn là tình trạng tự nhiên đối với con người, nhưng tôi thấy vừa tuyệt diệu, vừa phi thường, khi so sánh nó với cái tình trạng thường xảy ra hằng ngày của việc bị giao động bởi lo lắng và ý nghĩ.

Tôi nhận thức được mình đang sống theo một lối hoàn toàn hiến dâng cho đời sống tâm linh. Điều lí thú là thấy được mình đối phó như thế nào, khi tất cả đã trôi qua, và những gì còn lại thì trường tồn như thế nào. Tôi hi vọng – tôi nhớ tới những lời nói của Bapak với hội nghị Ấn Độ ở Poona:

Và sự giao tiếp mà Bapak đã truyền cho các bạn sẽ tiếp tục tự hoạt động, và sẽ luôn hiện diện nơi các bạn.

Poona tháng 7 1970

30 tháng 7

MARSEILLES. Bapak có vẻ ngạc nhiên, khi nhận thấy phần đông số người vào khoảng 40 người nam và nữ đến đây vì cuộc viếng thăm của mình, là những người từ những nơi nào đó khác. Buổi trưa lần thứ hai, Bapak đi xuống khu vườn, nơi có nhiều hội viên đang ngồi xung quanh, kể cả nhóm Tây Ban Nha, khoảng 8 người. Bapak nói chuyện và yêu cầu tôi thông dịch, trước hết qua tiếng Tây Ban Nha, rồi qua tiếng Anh. Nói chuyện của Bapak liên quan tới trách nhiệm và sự quan trọng của nó, và là một sự chuẩn bị cho buổi trắc nghiệm được sắp đặt với hội viên trong đêm đó. Cuối cùng người biểu diễn việc đó như thế nào. Thật là một điều hay khi người làm như vậy, vì nhiều người không biết chút gì về trắc nghiệm.

2 tháng 8

PARIS. Bapak và Ibu cư ngụ trong một căn phòng của một người chị em Subud, một bác sĩ chữa mắt, chị Auffret. Chị và Ibu đều rất mến nhau. Ibu muốn tôi ngủ trên giường của Tuti trong phòng của Ibu. Điều này thật là Nam Dương – muốn cho toàn thể gia đình được ở chung với nhau, có thể coi như vậy- nhưng vì Ibu ngủ mà để đèn bật và và thường nhiều lần thức dậy ban đêm, nên tôi quyết định mình sẽ không theo. Điều đó thật khiến cho kiệt sức, và có được một giấc ngủ ngon lành ban đêm hình như là điều trọng yếu. Tôi đến ở một khách sạn nhỏ bé gần đó.

Nơi đây một lần nữa hội viên sắp xếp cho có Hội Nghị Quốc Gia Subud của họ, trong lúc Bapak viếng thăm. Có khoảng 100 hội viên Pháp, và những người đến thăm cũng vào khoảng đó, khiến cho cuộc hội họp rất có tính quốc tế.

Chuyến đi thật sôi động. Mỗi đêm đều có điều gì xảy ra. Không có đêm nào mà Bapak được nghỉ ngơi, và bất chấp lúc nào chúng tôi đến, Bapak bắt đầu ngay chương trình cho đêm đó. Đêm qua chúng tôi có những xuất latihan liên tiếp. Paris đã đối xử rất đẹp với chúng tôi. Chúng tôi có những ngày tháng đầy ánh nắng bên trong và bên ngoài.

9 tháng 8

HÒA LAN. Bapak và Ibu ở nơi nhà của vợ chồng Tjalsma tại The Hague, và những buổi latihan, nói chuyện và trắc nghiệm thì xảy ra tại một nhà thờ bên kia thành phố. Nơi đây có khoảng 200 người, 80 người trong đó là từ nước ngoài. đi từ nhóm này qua nhóm khác mỗi lần cách 2 hoặc 3 ngày, tôi nhận biết được cái quá trình thay đổi trong cảm xúc trong mỗi cuộc viếng thăm. Ngày đầu tiên thì nặng nề. Rồi buổi nói chuyện của Bapak luôn khiến cho cảm xúc được nâng cao, và từ nơi đó, mọi việc trở nên nhẹ nhõm.

Người giải thích sự khác biệt giữa Subud và những đường lối khác, và sự việc không thể tìm kiếm Thượng Đế qua trí óc.

Nơi đây buổi nói chuyện của Bapak hoàn toàn là về đời sống tâm linh. Buổi nói chuyện thứ nhì, người nói rất nhiều về hôn nhân là một cơ chế thánh thiện. Người nói rằng tính tình của con cái là kết quả phẩm chất

nội tâm của cha mẹ.

Do đó mà, người nói, con cái của những cha mẹ tập latihan có một dịp may trở nên khác biệt, với một gánh nặng nhẹ hơn do những lỗi lầm và khuyết điểm thừa kế.

Buổi tối Bapak điều khiển trắc nghiệm, và bổ nhiệm hai người nữ làm phụ tá quốc gia. Có chuyện xảy ra là họ không ưa nhau. Người nói rằng họ phải làm việc chung nhau. ” Để cho Bắc Hàn và Nam Hàn được hòa bình!” người nói.

Khi chúng tôi đến, phản ứng của một vài người làm việc tổ chức đối với Lydia, David và bản thân tôi là: ”Những người như mấy vị làm gì vậy với đoàn người di theo Bapak?” Điều này khiến tôi thấy khó chịu, nhưng chúng tôi được chấp nhận là thành phần của toàn bộ một đơn vị. Lúc ra đi, chúng tôi được cho dùng một căn phòng để hội họp tại phi trường. Có khoảng 200 hội viên hiện diện để chia tay Bapak. Hội viên hát một bài Hòa Lan cổ xưa của Thiên Chúa giáo. Bapak hát một bài cầu nguyện. Khi họ bắt tay nhau để nói lời tạm biệt, một vài người nam và nữ bắt đầu nức nở, lớn tiếng và rõ rệt. Bapak chỉ mỉm cười. Thật là thống thiết, khi thấy họ xúc động như thế nào.

14 tháng 8

TORONTO. Mất 17 tiếng để đi máy bay tới đây từ Amsterdam. Chúng tôi chỉ ngủ có hai tiếng rưỡi, rồi lại thức. Ibu thực sự đã mệt.

Subud Canada tổ chức hội nghị quốc gia thứ ba, để trùng hợp với cuộc viếng thăm của Bapak. Trong những buổi nói chuyện, Bapak giải thích rằng yêu cầu của các phụ tá quốc gia mới và phụ tá phụ tá nhóm là lãnh một vài trách nhiệm về việc giải đáp những câu hỏi của hội viên, để bớt cho Bapak cái gánh nặng gia tăng của những thư từ mình đang nhận được.

17 tháng 8

SKYMINT, HOA KÌ. Hôm nay chúng tôi lấy máy bay đến Washington

D.C, và đến nơi đây bằng xe hơi. Trại Skymont trước đây là một trại cho thiếu niên thuộc Subud tại vùng Blue Ridges Mountains của Virginia. Nó có những khu đất rộng lớn, và nhiều hội viên Subud được cho ở trong những căn lều. Nhà ở của Bapak thì đơn sơ và không nhiều tiện nghi. Lydia, David và tôi ở một nhà tranh nhỏ bé đằng sau căn nhà của Bapak. Nó dơ bẩn và sặc mùi nước đá. Nó có hai phòng ngủ, và chúng tôi ở đó với Prio Hartono (trước đây là thành viên cơ quan văn phòng của Bapak tại Cilandak), bà vợ ông và hai đứa con, cùng với hai người nữ khác. Bồn rửa mặt bị gãy nát. Lúc ban ngày, khi thiên hạ muốn vô phòng tắm, họ phải đi qua phòng ngủ của chúng tôi! Thật là bất tiện.

Đó là hội nghị quốc gia của Hoa Kỳ, và người ta trông đợi có hàng trăm người tới dự. Hôm nay là lần kỉ niệm thứ 25 của ngày Nam Dương được độc lập, và chúng tôi có một selematan để ăn mừng cơ hội đó. Ông đại sứ Nam Dương ở Hoa Kỳ phải một đại diện đến, và Bapak có một buổi nói chuyện ngắn ngủi. Điều này đáng chú ý, vì nó làm nổi bật sự khó khăn của những người Nam Dương không là Subud, trong việc phân biệt Subud với những kebatinan hay những pháp môn huyền bí nơi quê hương họ. Người nói:

Nhiều người vẫn còn nghĩ rằng latihan kedjiwaan Subud là một con đường nội tâm. Trong khi đó, dưới ánh sáng của những gì đã xảy ra, và của tất cả những gì mà hội viên, kể cả chính Bapak, đã nghiệm được, thì latihan kedjiwaan Subud không chỉ là một sự tập luyện nội tâm, mà là cả bên trong và bên ngoài, của linh hồn và thể xác.

Một dấu hiệu chứng thực được chân tính của latihan là các bạn không tiếp nhận một cách thụ động, mà là các bạn hành động, cử động và hoạt động đúng theo lối thông thường đối với những người sống trên thế gian này. Thế cho nên, latihan kedjiwaan Subud trên thực tế là latihan của sự sống, không là của sự chết. Nên đó là điều không đúng, nếu những người đã tiếp nhận latihan, không chịu làm việc. Các bạn phải làm việc, vì cái latihan này là latihan của sự sống.

Skymont 17 tháng 8 năm 1970

19 tháng 8

SKYMONT. Sáng hôm đó Bapak nói chuyện với tất cả những hội viên

đến họp về phương diện tâm linh của Subud ở Hoa Kỳ. Người nhấn mạnh việc tâm linh là quan trọng hơn những vấn đề quản lí, tiền bạc và vân vân. "Ban quản trị" người nói "chỉ lo tới những gì đã làm, những gì đã xảy ra. Nhưng chính phụ tá là những người phải khiến cho các sự việc được ăn khớp với nhau, để cho [mọi việc] được trưởng thành một cách thích đáng..." Người nói tiếp:

Bapak vui mừng nghe thấy số hội viên gia tăng, nhưng lại không mấy hài lòng, nếu những hội viên có thêm đó không thể thực sự hiểu được Subud là gì. Ngay cả việc hiểu được những Thánh Thư của các tôn giáo lớn cũng không khiến nắm vững được latihan là gì. Bởi thế đó là điều không ích lợi với chúng ta, nếu mình bắt chước những gì đã qua. Điều này sẽ như việc Thượng Đế đã có trước đây, và hiện nay không có nữa, như việc Thượng Đế chỉ có tại thế giới bên kia. Không chỉ những người chết mới gặp Thượng Đế. Thượng Đế Đẽ là Thượng Đế của sự sống – của tất cả những gì Ngài đã tạo ra.

Skymont 19 tháng 8 năm 1970

Rồi Bapak yêu cầu Prio Hartono - một người đã được Bapak phái tới nơi đây Bắc Mỹ - tường trình về những hoạt động của mình. Prio nói rằng khi đến Hoa Kỳ tháng 10 năm 1969, ông cảm thấy có sự hỗn độn trong những buổi họp, và thành quả không được là bao. Kể từ đó, dần dần, Subud Bắc Mỹ đã cải tổ lại thành 6 vùng như Bapak mong muốn, và những vùng đó thì hiện nay đang đặc lực hoạt động. Ông nói rằng hiện nay có 10 hội viên đã góp sức lại để làm một kinh doanh và mua tậu Trại Skymont.

22 tháng 8

SKYMONT. Ibu lấy làm vui có nhiều bạn bè thuộc phái nữ bên cạnh mình. Hôm nay, vì nắng trời, nên bà đi dạo với một đoàn tùy tùng nhỏ nhỏ. Bà đang dựa mình trên cánh tay tôi, thì chợt nhiên ngừng lại, chỉ vào tôi và nói với những người khác: "Quý vị biết không... Tôi thích chị là vì chị rất Nam Dương."

25 tháng 8

SKYMONT. Sự hiện diện của Bapak nơi đây đã tạo cho buổi họp cái chiều hướng tâm linh của nó. Những buổi latihan đều là lò lửa tôi luyện cho được chuyển hóa. Latihan được tập trong những căn lều và thường cực kì mãnh liệt, với nhiều âm thanh và cử động. Tuti nói rằng Bapak vui mừng, vì có nhiều người Subud. Người có 7 buổi nói chuyện và có những xuất trắc nghiệm tổng quát trong 3 ngày đầu tiên.

Trong buổi nói chuyện buổi sáng ngày thứ 3, người nói tới sứ mệnh của mình:

Sứ mệnh của Bapak không chỉ là đem hai hay ba quốc gia lại gần nhau, mà là những người thuộc nhiều chủng tộc và đất nước, nói những ngôn ngữ khác nhau, theo những tín ngưỡng khác nhau, có những tập quán và lối sống khác nhau. Điều này quả thực là phải thi hành một nhiệm vụ và bổn phận nặng nề. Những gì Bapak đang làm là mệnh lệnh của Thượng Đế, nên Thượng Đế sẽ hướng dẫn Bapak trong những gì mình muốn làm trên thế gian này cho sứ mệnh của mình.

Skymont 19 tháng 8 năm 1970

Trái với cái chứng nghiệm tâm linh mãnh liệt của việc được gần gũi nhau nơi đây, cái phương diện thiết thực thì hỗn độn. Mưa làm cho mọi thứ lấm bùn, và một vài người trong lều đã đến ở những motel³¹ tại thành phố gần đó. Việc cung cấp lương thực có vấn đề, và ngay cả nước đôi khi cũng không có. Tôi biết chắc là nhiều người đã làm việc thật gay để cho điều đó được thành tựu, nhưng những tiện nghi thì không thích ứng cho con số đông đảo những người đến dự. David có vẻ như lấy làm vui. Mỗi đêm đều có những buổi giải trí. Tôi hầu như không thấy nó suốt tuần. Thực ra, tôi thậm chí còn không cố đi tìm nó, trong số những người và cây cối có không biết là bao! Ngày mai chúng tôi đến New York, một nơi tạm ngừng để tới Eire.

28 tháng 8

DUBLIN. Chúng tôi không thể đáp xuống Ái Nhĩ Lan vì sương mù, nên chúng tôi được đưa qua hướng khác là Glasgow, và phải đợi chờ nhiều tiếng, trước khi có thể tới Dublin. Sau sự sinh hoạt nồng nhiệt ở

31 ở Mỹ khách sạn cạnh đường cho những khách có xe hơi.

Skymont và chuyến bay đêm dài lâu, chúng tôi đến nơi nhưng kiệt sức. Chúng tôi được đưa tới căn nhà của một người Subud thuộc phái nữ. Đó là một căn nhà rộng lớn, và bà đã tỉ mỉ sắp xếp cho chúng tôi được thoải mái. Nhưng khi Bapak tuyên bố là có latihan và trải nghiệm đêm đó, tất cả chúng tôi đều há hốc miệng vì kinh ngạc.

Đêm thứ nhì sau latihan, tôi ngồi với Ibu và những người nữ khác tại hàng đầu đợi chờ Bapak bắt đầu buổi nói chuyện. Một cách không câu nệ, Bapak kêu gọi người nữ là chủ căn nhà. Người cho thấy thật rõ là không hài lòng về việc bà đã đi ra khỏi phòng, trong buổi trải nghiệm đêm trước đó. Tại sao bà lại làm vậy? người hỏi. Bà nói điều gì đó mang nghĩa mình không tin trải nghiệm. Bapak tỏ vẻ nghiêm khắc với bà. Người nữ đó xin lỗi.

Đã rất mệt mỏi, nhưng Ibu chột ngồi thẳng lên, nhận thức được có chuyện gì đó bất thường đang xảy ra. Sau sự cố đó bà đó tiếp tục làm hết mình, để cho Bapak và đoàn người đi theo được mọi thứ họ cần. Theo tôi nghĩ, bà đã có một cử chỉ tuyệt hay. Bà đã có thể hành động như không có chuyện gì xảy ra.

29 tháng 8

MANCHESTER, Vương quốc liên hiệp Anh. Chúng đến đây thăm viếng hai ngày. Bapak rất được yêu mến ở Anh, và như thường lệ những người thuộc những nơi khác ở Âu Châu cũng đến nhân cơ hội đó. Đêm nay cuộc trải nghiệm của Bapak thay đổi. Phụ tá được yêu cầu đến hàng đầu ngồi, và Bapak trải nghiệm tình trạng tâm linh của họ. Tiếp theo trải nghiệm là một buổi nói chuyện ngắn ngủi trong đó Bapak giải thích:

Trong những điều được các vị sứ giả của Thượng Đế thuật lại, có điều đã được nói là khi mọi người chết và bước vào thế giới của mờ mả, cuộc sống sau cái chết, thì mọi bộ phận của thân thể đều bị tra hỏi. Tâm trí bị khóa lại, nên không còn gây phiền phức nữa - không còn thể biện minh cho những điều sai trái. Vậy, từng cái một, các bộ phận của thân thể sẽ trả lời và nói về những điều đã nghiệm được khi còn trên trần gian... Nhờ lòng nhân từ của Thượng Đế, điều này đã được cho các bạn thấy rõ rệt [qua latihan] khi các bạn vẫn còn sống trên thế gian này.

Manchester 28 tháng 8 năm 1970

1 tháng 9

LONDON. Có latihan và trắc nghiệm cho phái nữ. Các câu hỏi đều hướng tới việc tìm thấy sự hướng dẫn của Thượng Đế về những thái độ chính đáng đối với người chồng, trước vận may hay con bất hạnh, và việc người này đối với người kia. Tôi ngồi hàng đầu, và nhận thấy những trắc nghiệm đó rất có ích.

Đêm nay có một selematan và buổi nói chuyện chia tay của Bapak ở Anh. Người giảng giải về sự độc nhất vô nhị của latihan Subud:

Sự thật, thưa các anh chị em, sự xuất hiện và phát triển của latihan Susila Budhi Dharma, Subud, thì khác biệt với bất cứ những gì khác. Chỉ hiện nay, do ý muốn và ân huệ của Thượng Đế, nhân loại mới tiếp nhận được một điều như vậy.

Tại sao lại thế? Chính Bapak cũng không biết được tại sao, nhưng theo sự tiếp nhận của mình, mọi việc đều chạy song song với nhau và thích hợp với những nhu cầu của nhân loại. Do những nhu cầu bên ngoài, con người đã khiến cho tâm trí hoạt động đúng, với kết quả là cái thế giới này càng kéo dài được nhiều chùng nào, thì càng có nhiều tiến bộ chùng ấy, và những kỹ năng của con người càng bành trướng nhiều thêm. Thượng Đế hành động tùy theo sức lực và sự phát triển của con người, nên latihan hiện nay là cần thiết, vì trí tuệ của con người bây giờ đã phát triển tới chỗ con người hình như không còn tin tưởng những gì là thánh thiện.

Bapak dùng từ "tách biệt" để giải thích về một kinh nghiệm then chốt của latihan:

Latihan là một sự tập luyện bao gồm tất cả. Trong latihan chúng ta được tập luyện để tin cậy, quy thuận và phụng thờ Thượng Đế, tập luyện để tách biệt bản thân mình khỏi những sức mạnh hạ đẳng, tập luyện để tạo lập cá tính mình, và còn nhiều điều khác nữa.

London, 1 tháng 9 năm 1970

4 tháng 9

BARCELONA. Đây là cuộc viếng thăm Tây Ban Nha đầu tiên của Bapak. Có một sự tiếp đón đông đảo tại khách sạn, và hơn 200 người đến nghe nói chuyện, tuy tôi nghĩ là có khoảng một phần ba là khách nước ngoài. Chúng tôi ở đó 3 ngày. Bapak yêu cầu tôi dịch những nói chuyện qua tiếng Tây Ban Nha, từ bản dịch tiếng Nam Dương qua tiếng Anh của Usman.

Buổi sáng thứ nhì, Bapak sắp đặt những xuất latihan, trước hết cho phái nữ. Việc đó xảy ra một lúc lâu, và tiếp theo là trắc nghiệm. Sau phiên phái nữ, Bapak kêu phái nam tập latihan. Đối với một phụ nữ đó là điều không thông thường, khi có mặt trong một xuất latihan của phái nam, nhưng tôi phải ở đó để thông dịch cho trắc nghiệm. Latihan của phái nam rất mạnh – năng động, ồn ào và mãnh liệt. Một vài người nam đổ mồ hôi nhễ nhãi. Ngoài ra, căn phòng không được thông gió, và có một trần nhà thấp. Càng lúc càng nóng, tôi bắt đầu thấy chóng mặt. Tôi chợt nhớ tới cái cảm giác kì lạ đã có, khi mình hầu như bất tỉnh ở Wolsburg. Tôi hơi hốt hoảng và cầu nguyện. ”Đừng nơi đây, lạy Chúa. Xin Chúa, đừng nơi đây!”

Ngay lúc đó tôi nhận thấy Bapak thoáng nhìn mình. Người có trên bàn một cái hộp nhỏ hình tròn gồm kẹo gồm Valda (những viên thuốc nhỏ bé hình thoi của Nam Dương) Người ra ý cho Usma đưa hộp cho tôi. Tôi nghĩ, Bapak!... *Một Valda cho những gì tôi đang cảm thấy?* Điều này có vẻ là một sự sỉ nhục đối với tôi. Tôi chẳng nói gì hết và lấy cục Valda. Thật không ngờ được! Trong vòng 2 phút tôi hoàn toàn cảm thấy dễ chịu. Tôi tiếp tục thông dịch mà chẳng có vấn đề gì hết. Tôi biết chắc chắn là do hành động của mình Bapak đã làm điều gì đó, để giúp cho tình trạng của tôi là việc không ăn nhập gì hết với viên thuốc hình thoi.

8 tháng 9

LISBON. Chúng tôi đến đây từ mùng 5 tháng 8. Bồ Đào Nha có một cảm xúc hoàn toàn khác biệt với Tây Ban Nha. Hội viên rất dầm thắm, trải hoa lên xe hơi khi chúng tôi đến, và khiến cho Bapak được thật thoải mái nơi một căn nhà nằm cao trên những ngọn đồi nhìn xuống vùng thôn quê và Đại Tây Dương.

Bapak cho tập latihan và có những buổi nói chuyện. Việc củng cố tổ chức và thành lập một hội đồng quốc gia được nhấn mạnh. Hội trưởng mới là một người nữ. Hội viên ca hát nhiều, cách biểu lộ lòng biết ơn của họ với cuộc viếng thăm của Bapak.

Trong suốt lúc ở đây, tôi cố gắng, nhưng không có kết quả gì, khiến cho hộ chiếu của mình và David được thị thực qua Nam Phi. Khi tôi nói điều đó với Bapak, người có ý kiến là dù sao chăng nữa tôi cũng lấy máy bay đi, và có thể ông Baerveldt ở Nam Phi có khả năng sắp xếp cho có hộ chiếu khi chúng tôi đến. Nếu có thể được, người nói, thì tôi nên lấy máy bay qua Úc gặp ông ở Perth. Tôi không mấy tin cái ý kiến đó, nhưng sự việc không nằm trong tầm tay mình. Một thanh niên đi theo Bapak, một người đang bị một cơn khủng hoảng gì đó (khiến anh trở nên bướng bỉnh), lại là người giữ hộ chiếu và vé máy bay của tôi. Anh quyết định, do những gì Bapak đã nói, đem David và tôi lên máy bay tới Nam Phi - bằng mọi giá! Tôi thấy điều đó không chắc ăn...

Đi khỏi Lisbon một tiếng, máy bay trở lại và tôi thức khuya ngồi với Bapak cùng Ibu tại buồng đợi ở phi trường. Cái thời gian ngồi chung đó thanh thoát không thể tưởng nổi và thấy mật thiết trong tâm hồn.

17 tháng 9

PERTH. Y hệt như tôi đã dự đoán, khi chúng tôi đến Johannesburg thì có vấn đề. Những viên chức di trú tại phi trường tức giận vì chúng tôi không có thông hành được thị thực, và ông Baerveldt không thể làm gì để giúp đỡ. Sau 12 giờ đêm và mệt mỏi vì chuyến bay lâu dài, David và tôi và bị đưa vào một căn phòng an ninh của phi trường. Bapak và Ibu rất lo lắng. Sáng hôm sau, chúng tôi xin cho thông hành được thị thực, nhưng bị từ chối. Ngày hôm đó chúng tôi lấy chuyến bay kế tiếp về Úc.

21 tháng 9

MELBOURNE. Bapak ở Perth một đêm. Người có một buổi nói chuyện và làm trắc nghiệm. Sau trắc nghiệm người kêu những người nữ ở Cilindak tập latihan trước mặt hội viên. Tôi tham dự với Ismana, Tuti và Mastuti. đây là lần đầu tiên chúng tôi làm như vậy trong chuyến đi.

Việc đó là để cho thấy tập latihan càng nhiều bao nhiêu, thì ta sẽ càng có thể tuân theo những gì được tiếp nhận một cách rõ rệt và đáng tin cậy hơn bấy nhiêu.

Chúng tôi đã ở đây được 5 ngày. Hội nghị quốc gia Úc được sắp xếp để trùng hợp với ngày viếng thăm của Bapak, và hội viên đến từ khắp nơi trên đất nước. Trong buổi nói chuyện đầu tiên Bapak giải thích về ảnh hưởng của những sức mạnh tạo thành kinh nghiệm của chúng ta, kể cả những đức tính cao quý mà con người có thể có:

Có 4 đức tính của một thánh nhân đã được các vị sứ giả xưa kia của Thượng Đế cho thấy [Abraham, Moses, Jesus và Muhammed] đức tính sidik là đức tính của sự minh triết, không là của sự tài giỏi hay thông minh. đức tính amanat là đức tính của một người mà lời nói khiến cho tâm hồn người ta được an vui, và lối cư xử là gương mẫu. đức tính tablech là đức tính của một người có thể khiến cho những kẻ tranh cãi hay bất đồng với nhau được hòa thuận, đức tính của một người có thể khiến mọi người thông cảm nhau, và có thể làm cho một kẻ cướp thành một người lương thiện. đức tính fatunah là sự phối hợp và thể hiện của những đức tính sidik, amanat và tablech.

Phí tá nên có khả năng chứng tỏ được những đức tính đó, tôi thiếu là tới một phần nào đó.

19 tháng 9 1970

6 tháng 10

KUALA LUMPUR. Tôi ngủ hai đêm với Ibu tại đây nơi cùng một căn phòng của khách sạn. Bapak ở gần đó nơi một phòng kế cận. Điều này rất khiến cho cảm thấy có sự thân mật trong gia đình. Tôi chăm lo cho cả hai người, dọn bữa ăn sáng cho họ lúc sáng sớm. Hôm nay là sinh nhật của tôi. Tôi theo nghi thức Java, xin Bapak tha thứ cho mình, và tạ ơn người đã đem tôi theo trong chuyến đi. Tôi rất kính mến Bapak và Ibu.

8 tháng 10

SINGAPORE. Trong chuyến bay tới đây, Ibu bảo tôi ngồi cạnh bà, và kể cho tôi nghe câu chuyện sau đây:

Một hôm trong chuyến đi, tôi ước ao được ăn mít táo. Tôi tự nghĩ, *nếu có ai vào phòng mình và đem cho mình một vài miếng mít táo, mình sẽ coi người đó là người nhà của Bapak*. Ngay lúc đó có tiếng gõ cửa, chị bước vào với cái đĩa và nói "Ibu, tôi đem đến cho bà một vài miếng mít táo."

Tôi cảm thấy chỉ việc chấp nhận tình thương của bà, và không tìm cách hiểu xem bà muốn nói gì.

Bapak có một buổi nói chuyện với nhóm về 4 loại nafsu (dục) ảnh hưởng tới đời sống con người, và về sự cần thiết khiến cho nó phụ thuộc mình để trở thành đầy tớ của mình. Những dục đó do sức mạnh vật chất, thực vật, thú vật và đời sống con người. Tác động của nó gồm sân si và xung đột (sức mạnh vật chất), tham lam và ích kỉ (sức mạnh thực vật), thèm muốn và tham vọng (sức mạnh thú vật), kiên nhẫn và chấp nhận (sức mạnh con người)

9 tháng 10

JAKARTA. Chúng tôi lấy máy bay đến đó lúc 8 giờ tối. Khi đi với Ibu về phía nhà đón khách của phi trường, tôi có thể trông thấy những đám người đang đợi chờ để đón tiếp Bapak. Một khi vào bên trong tòa nhà, tôi cảm thấy tràn dâng lòng cảm tạ Thượng Đế, khi người nhà và bạn bè tụ tập chung quanh chúng tôi với tình thương và lòng vui của họ.

Trong nhiều ngày tôi tiếp tục thấy tâm thần được thanh thoát do chuyến đi. Tôi không hay biết chút gì về những sự cố quan trọng sắp xảy ra. Trong một vài tháng tôi sẽ bị những sự cố trong Subud thử thách rất nhiều đức tin của mình.

Chương Tám

Một đặc ân bất ngờ

Một tuần sau chuyến đi thể giới, mặt trăng mới đến báo hiệu sự bắt đầu tháng Ramadhan của đạo Hồi. Tôi quyết định mình sẽ theo trai giới, như đã làm những năm trước đây. Cái trạng thái tâm linh được tăng cường mà tôi hưởng được trong những chuyến đi, vẫn còn nơi mình một khoảng thời gian, và với điều đó là cái cảm giác thấy gần gũi Bapak và Ibu.

Trai giới trở thành một việc làm đều đặn đối với một số hội viên Subud thuộc tất cả các tôn giáo, và năm nay có khoảng 50 khách hải ngoại đặc biệt đến Wisma Subud cho dịp đó.

Bapak không đòi hỏi hội viên Subud phải theo trai giới. Điều này là chuyện tự ý định đoạt. Người chỉ nói rằng những người không là đạo Hồi sẽ được lợi nhiều y như người đạo Hồi. Ramadhan với người Hồi giáo như mùa chay tháng 3 với người Thiên Chúa giáo. Bapak cho hay tại sao có trai giới, và như những giáo lệ khác, việc đó có những trình độ khác nhau:

Trong đạo Hồi người ta nói rằng trai giới là hình thức prihatin (tiết dục) cao quý nhất của con người, để có thể được ban cho Qadar (thiên

khải) Trai giới cấm ta không được ăn uống, hút thuốc, nhưng còn hơn thế nữa.

Có 5 rukun (cột trụ) trong cơ cấu của đạo Hồi, và 4 trình độ cho cơ cấu đó. 5 cột trụ là tín ngưỡng, cầu kinh theo nghi thức, trai giới, bố thí và hành hương tới Mecca. 4 trình độ là shariat, tarikat, hakekat và marifat.

Cái shariat [của tín ngưỡng] được thực hiện bằng cách tuyên bố đức tin ở sự tồn tại của Thượng Đế. Nó được biểu lộ trong lời nói “Tôi làm chứng cho việc không có Thượng Đế nào ngoài Allah, và Muhammed là sứ giả của Ngài.” Như vậy là đủ. Và cái tarikat...điều cần thiết là đọc thuộc lòng tín điều và hiểu được ý nghĩa thâm sâu của sự phụng thờ.

Hakekat có nghĩa là sự thật. Khi bạn trèo cây, việc trèo cây đã trở thành sự thật với mình. Đó là hakekat...Sự tồn tại quyền năng của Thượng Đế là sự thật; ...Sự tồn tại của Thượng Đế với quyền năng và sứ giả của Ngài là sự thật.

Cái hakekat không xa lạ gì với các bạn [trong Subud, tất nhiên, sự xảy ra của điều mà Bapak luôn gọi là sự sống rung động, thì được cảm thấy ngay lúc các bạn không còn nghĩ tới gì khác ngoài việc mình đang đứng trước Thượng Đế và phụng thờ Ngài, với sự tin cậy chấp nhận và chân thành phục tòng.

Về cái marifat, Bapak không cần phải nói gì thêm, vì sau cái hakekat ta sẽ tự động tiến triển, bởi đó là Ý Thượng Đế. Sau bông hoa chắc chắn sẽ có hạt giống. Sau khi có hạt giống, tiếp theo chắc chắn là trái cây. đó là ý muốn của Allah.

Trai giới, vì là thời gian trong đó nội ngã thức tĩnh, do đó là thời gian trong đó các bạn phải yên tĩnh. Nếu có thể làm được những gì đòi hỏi [theo cái hakekat] các bạn sẽ hiểu biết và nhận được những thành quả của trai giới. Vậy nên những cảm giác như việc ham muốn có thức ăn và vân vân sẽ biến mất, và những ý nghĩ lang thang khắp nơi sẽ tan biến. Những gì có thể coi là những tình cảm tốt đẹp nhất sẽ xảy ra. Nếu các bạn nghiệm được tất cả những điều đó, mọi đức tính tốt đẹp sẽ hiện ra, khiến cho các bạn thực sự lương thiện trong những gì mình cảm được. Điều này được biểu lộ qua việc các bạn có thể biết được những lỗi lầm của mình, và tại sao mình lại như tình trạng hiện nay. Trước khi có thể được như vậy, các bạn như bị cản lại khiến cho mình không lương thiện

được, như bị cản lại khiến cho mình không thành thật được.

Người ta nói rằng sau 20 ngày trai giới thì ngày thứ 21 là lúc cái Lailatul Qadar, thiên khai, biểu hiện trong nội cảm con người người. Trước đây ta không có cảm tình với những người khác, thì hiện nay ta thương mến họ...Việc ta vui lòng tặng biếu cho những kẻ thực sự thiếu thốn, những kẻ nghèo khổ, là điều sẽ tự động xảy ra. Tự nhiên có. Đó là hakekat.

Cilandak, 5 tháng 12 năm 1970

Đây là trai giới Ramadhan thứ 3 của tôi. Những năm trước đây những người trong khu vực (thuộc Subud) đã thức suốt đêm, và chỉ đi ngủ sau lễ bái lúc rạng đông, nhưng năm nay Bapak đề nghị chúng tôi chỉ thức trong những đêm Quyền Năng truyền thống, 5 đêm kế tiếp từ đêm thứ 21 tới đêm thứ 29. Những đêm khác chúng tôi được ngủ chút ít cho tới khoảng 2 giờ sáng, và sau sahur, bữa ăn cuối cùng trước khi bắt đầu trai giới trong ngày lúc 3 giờ sáng, chúng tôi lại đi ngủ. Trai giới ban ngày từ bình minh tới lúc mặt trời lặn, nơi vĩ độ này, thường là từ 4 giờ sáng tới 6 giờ chiều.

Đối với những người Subud, Bapak nói, không chỉ nhịn ăn uống không thôi mà sẽ được một trai giới Ramadhan có kết quả. Sự tiết dục phải được thực hiện qua những thái độ, ham muốn và thói quen xấu của ý nghĩ, như việc thấy cái xấu nơi người khác. Mục đích là tìm thấy cái chân lí tâm linh thâm sâu của trai giới, và và do đó sẽ nhận thấy cái nhân tính đích thực của mình.

Trai giới khiến cho sự ham muốn hoạt động của tôi yếu đi, và những suy nghĩ của tôi được lặng yên. Nó làm chậm lại những phản ứng của tôi. Tôi đến chỗ thấy được sinh lực trong những thứ chúng ta ăn là một nguồn gốc của dục vọng.

Nếu thận trọng, tôi có thể lèo lái sinh lực hạ đẳng ra nơi khác, để khỏi biến thành sân si, ham muốn, nóng nảy và vân vân. Như Bapak đã nói, trai giới là một đặc ân của Thượng đế. “Ramadhan tạo cơ hội cho ta nghiệm và hiểu nhiều hơn về đời sống tâm linh trong một tháng, thay vì phải học hỏi trong 11 tháng khác“ người nói.

Mỗi năm tôi nhận thấy điều đó có sự khác biệt. Ban đầu là việc nhận

biết được sự việc không có đồ ăn uống, rồi biến thành sự nhận thức về những thái độ chân chính. Đó là một kinh nghiệm học hỏi, và điều lí thú là thầy cơ thể và cảm xúc nhớ lại được, mỗi năm trai giới trở thành sự nối rộng của năm trước đó.

Ngày tháng trôi qua, cảm xúc của tôi trở nên trong sáng và thanh thản hơn. Tâm trí tôi trở nên yên tĩnh và có những tình cảm của lòng từ thiện và tình thương đối với người khác. Đó không là những đức tính mà tôi có thể tự nhận thuộc về mình, nhưng là những gì tiềm tàng trong chân tâm của mọi người. Đó là những thuộc tính của việc là một con người đích thực. Sự bố thí trong trạng thái đó hoàn toàn không do tư lợi. Tôi mang ơn và có thể hiểu được tại sao Ibu đã nói trai giới Ramadhan là một cơ hội để kính yêu Thượng đế.

Mỗi ngày lúc xả nhịn, tiếng Nam Dương gọi là *buka*, theo thông lệ là thời gian để yên lặng ngồi và ăn một chút ít những thứ nhẹ. Erling và tôi thường ngồi một mình, sau khi tắm rửa và thấy thư thái, tại bao lon trên lầu, khi mặt trời bắt đầu tô vẽ nền trời thành màu ngọc lam. Morsini đem đến nước trái cây và những miếng xoài tươi. Từ ngôi chùa Hồi của làng bên kia đồng ruộng, tiếng trống báo hiệu trai giới đã xong, theo sau đó là tiếng gọi cầu nguyện kêu vang, Allahu Akbar, Allahu Akbar (Thượng Đế thật vĩ đại) từ loa phóng thanh của tháp chùa. Nó vang dội đi vang dội lại từ những ngôi chùa đằng xa, làm cho không khí tràn đầy lời ca ngợi Thượng đế. Thật là một giây phút thần diệu.

Sau bữa ăn tối, chúng tôi thường dùng trà và ăn bánh. Năm nay có mặt một số bạn bè thuộc những khách hải ngoại, và nhiều tối chúng tôi có khách đến nhà thăm để trầm tĩnh trò chuyện và thụ hưởng cái cảm giác an vui do trai giới tạo nên.

Trong 4 dịp Bapak có những buổi nói chuyện riêng biệt với nam và nữ. đêm thứ 29 của trai giới, Bapak có một buổi nói chuyện với tất cả chúng tôi kéo dài tới 3 giờ sáng. Người cho hay cái thực tại thâm sâu của việc hành hương tới Mecca (hadj) là để nghiệm được trung tâm của sự sống. “Điều này là biểu tượng” người nói “khi các bạn niệm Allahu Akbar (Thượng Đế thật vĩ đại) Trung tâm cuộc sống không gì khác hơn là nội ngã của người thờ phụng.” Bapak cũng cho hay khi trở về nhà từ cái hadj, người ta thường thay đổi tên. Trong tiếng Nam Dương từ tên mang nghĩa cái được tôn lên bên trong.

Các bạn chắc nhận thấy trong những gì tôi kể lại là những tên trước đây của nhiều người đôi khi thay đổi. Điều này không là bất thường trong Subud. Tuy việc làm đó thuộc văn hóa Hồi giáo Nam Dương, nhưng trong Subud đó là chuyện tự ý định đoạt, dựa trên việc một người nào đó cảm thấy nhu cầu muốn thay đổi. Bapak cho những tên mới khi được yêu cầu, và đôi khi còn đề nghị đổi tên. Có lần người đã giải thích như thế này:

Trong Subud không có sự ép buộc hay đó là bổn phận phải đổi tên. Tuy nhiên, trên thực tế, tên có một ảnh hưởng mạnh đối với tư ngã con người, vì khi tên mình được gọi, một người nào đó chắc chắn sẽ đáp lại với toàn thể bản ngã mình, khiến cho toàn thể tư ngã, khi tên được gọi, như được đánh thức khỏi giấc ngủ, hay được làm cho nhúc nhích để khởi trở nên thụ động.

Nếu một người hay một đứa bé bị đặt tên không đúng, thì khi được đánh thức và thức dậy, nội cảm trở nên không thích hợp với cái tên không tương xứng với nội ngã. Hậu quả là hành động bên ngoài và nội cảm không được hòa hợp.

New York 15.07.63

Tôi được đặt tên là Irma, theo tên một người em gái của phụ thân. Tôi chưa từng thích cái tên đó, nhưng mặc dù có nhiều người Subud đến gặp Bapak để xin một tên mới, tôi chưa từng thấy hứng thú làm như vậy. Tuy thế, tôi chấp nhận những gì Bapak nói, đó là việc tên có một ảnh hưởng mạnh đối với tư ngã con người, và một cái tên thích hợp có thể thay đổi tính tình một cách thuận lợi để tương xứng với chân tâm.

Vậy nên, chẳng bao lâu sau chuyến đi thể giới, tôi bắt đầu cảm thấy mình nên có một cái tên mới. Tôi ngần ngại hỏi Bapak vì sợ sẽ có một cái tên ngoại lai mang nhiều vấn đề của Java hay Hồi giáo, nên tôi chỉ chờ đợi. Trong tuần kế tiếp, Hardiyati, bà con gái của Bapak, chợt nói với tôi: “Hình như chị cần một cái tên mới!”

Khi lại có xuất latihan chủ nhật mỗi tháng một lần của phụ tá nữ, tôi đến dự như thường lệ. Hôm đó là ngày 20 tháng 12 năm 1970.

Có khoảng 20 người nữ, kể cả những con gái và cháu gái của Bapak. Khi latihan chấm dứt, Ibu bảo tôi xoay ghế lại ngồi phía trước và cách xa

những người nữ khác, nên nó đổi diện Bapak theo một góc độ. Bà liền trò chuyện với tôi về những điều này nọ. Tôi bắt đầu cảm thấy mình nên tránh xa, và ngồi trên chiếu gần tường với những người nữ khác, nhưng Ibu cố đòi cho tôi ngồi gần bà. Khi người nhà đến, những người thường ngồi trên sàn nhà gần Ibu, tôi càng lo lắng.

Tôi không muốn chiếm chỗ ngồi của họ và cố đứng lên một lần nữa, nhưng Ibu nắm lấy áo của tôi và làm cho tôi ngồi lại. Ismana ngồi gần tôi và cạnh bà là Tuti và Muti.

Bapak có một buổi nói chuyện rồi nói: “Các chị có muốn trải nghiệm coi xem sức mạnh ma vương ảnh hưởng tới nội cảm như thế nào?” Tôi nghe thấy những người nữ ngồi dựa tường nói: “Muốn, Bapak!” Tôi chỉ yên lặng. Rồi Bapak nói: “Ai sẽ lên đây?” Điều khiến ngạc nhiên là tôi chợt đứng lên –Ismana đẩy nhẹ tôi với lời nói: “Lên đi! Lên đi!” Tôi bị thúc ép, có điều gì nơi tôi biết chắc mình phải làm như vậy.

Bapak nhìn tôi nói: “Chị?” Tôi đáp: “Vâng, Bapak.” Chắc không?” người lặp lại. “Chắc, Bapak.” Bapak liền bắt đầu: “Cho mọi người thấy! Ta cảm thấy như thế nào, khi nội cảm bị sức mạnh ma vương xâm chiếm?” Lập tức tôi thấy một cơn đau cực độ không thể tả nổi. Tôi cảm thấy mọi thứ nơi mình bị xé ra từng mảnh. Một tiếng thét lớn thoát ra từ đáy sâu của bản ngã.

Tôi nghe Bapak nói: “Thôi!” Nhưng tôi không thể, nên người lặp lại: “Thôi! Thôi!” Chỉ lúc đó tôi mới có thể mở mắt nhưng vẫn còn la hét. Rồi Bapak nói: “Là như thế đó!” Khi ngồi xuống, tôi thấy nhiều khuôn mặt đầm lệ.

Bapak tiếp tục nói chuyện, tôi không nhớ được gì, ngoại trừ điều người nói: “Không phải là mọi người nơi đây sẽ nhận được một tâm hồn rohani³² Có thể là chỉ có 5 người. Ibu sẽ nhận được. Irma sẽ nhận được. Tôi ngạc nhiên vì nghĩ rằng Ibu đã đạt tới trình độ đó rồi.

Buổi tối Bapak kêu tôi đến gặp. Muti, một trong những người cháu gái, có mặt bên cạnh Bapak. Cô cầm một tờ giấy, và khi cô đưa nó cho tôi,

32 theo nguyên chú: Bapak cho hay: “Khi quyền năng rohani ảnh hưởng được tới bản ngã, con người sẽ ý thức và hiểu được là có quyền năng của Thượng Đế, và ta sẽ thường xuyên ý thức và hiểu được có một cuộc sống tiếp theo cuộc sống này, một cuộc sống còn sung sướng hơn cuộc sống trên trần gian.”

Bapak nói: “Đây là tên mới của chị.” Tôi mở ra và trông thấy Istimah.

Tôi tự nhiên thấy tràn đầy hạnh phúc. Tôi thích cái tên đó. Tôi chưa từng nghe thấy trước đây. Tôi hỏi Bapak về ý nghĩa của nó. Người nói: “Luôn luôn vâng theo lời răn của Thượng Đế.” Rồi người nói thêm: “Cái tên đó vừa Java vừa Hồi giáo. Java vì sự thanh nhã, và Hồi giáo vì sự phụng thờ Thượng Đế của chị.”

Tôi đứng với Bapak và Muti trong một lúc không lâu nơi cổng nhà. Tôi thật cảm động. Bapak rất ân cần và có vẻ thông cảm phản ứng của tôi. Người nói đó là điều quan trọng, nếu ta có một cái tên thích hợp; mỗi lần được nhắc tới, nó mang theo ý nghĩa của nó.

Sáng hôm sau ngay sau bình minh, Ibu kêu tôi đến. Bà nói tôi nên cho mọi người ở đây biết cái tên mới của mình, theo lối truyền thống của Nam Dương. Cách làm điều đó là bảo người hầu gái của tôi nấu nhiều gạo nếp và trộn một phân nửa với gia vị và nghệ, để biến thành màu be vàng. Chỉ cho tôi một cách tỉ mỉ với những cử chỉ phong nhã, bà nói: “Bỏ một phần xôi vào những túi nhỏ, biến nó thành một mẫu hình, rồi đem biếu cho mỗi hộ với một tấm thiệp nói: Tên mới tôi là Istimah.”

Sau này, khi được gọi theo cái tên đó, tôi tức khắc thấy sung sướng và toàn diện.

Kể từ đó tôi có cái tên là Istimah, tôi cảm thấy mình là một con người khác. Điều này như việc chuyển đi với Bapak đã trở thành một cuộc hành hương làm cho tôi gặp được nội cảm mình, và do đó khiến mình thấy cần có một cái tên mới.

Chương Chín

Ibu ở bên trong các bạn

Một buổi sáng thứ ba cuối tháng giêng năm 1971, tôi đang tập **M**latihan với những người khác cùng với Ibu trong phòng tập ở Cilindak, thì bà chợt đau ốm. Bapak được cho hay, và chỉ một vài phút người đã có mặt bên cạnh bà. Người ta phải mang Ibu trở về Big House. Tuy hơi lấy lại được sức khỏe trong những ngày kế tiếp, nhưng tình trạng bà sau đó trở nên tồi tệ hơn. Bác sĩ chữa cho bà căn bệnh đái đường, nhưng bà không còn được bình phục trở lại nữa.

Một tuần hay vào khoảng đó sau khi bà đau ốm, Bapak bảo tất cả các người nữ thôi đừng đến thăm nữa, vì có quá nhiều người. Người đặt ra một sự phân công, và yêu cầu tôi có mặt hai lần mỗi ngày, mỗi lần là 4 tiếng. Chẳng có gì có thể làm được hơn cho Ibu; người ta chỉ cần phải trầm tĩnh chăm sóc cho bà, và dịu dàng cho bà ăn những thứ lỏng. Tới một lúc nào đó, tôi nhận thấy bà sẽ không còn sống.

Thứ sáu ngày 12 tháng giêng, tình trạng Ibu trầm trọng, và Bapak yêu cầu tôi điện thoại cho Singapore, nơi Tuti đã đến để chữa răng. Trong khi tôi đang cố liên lạc, chị Maryam Kibble đến gặp tôi nói: “Quá muộn rồi!”

Tôi trở về phòng của Ibu, và thấy bác sĩ Rachman Mitchell đang làm cho bà tỉnh lại. Người nhà có mặt tại đó, kể cả mẫu thân và một vài người phụ tá nữ. Bác sĩ Mitchell tiếp tục cho tới khi Bapak nói: “Thôi đủ rồi.”

Ibu được mang tới phòng khách rộng lớn nơi tầng nhì, để có sự thức

canh cho người chết. Thịnh thoảng Bapak nói một vài lời. Một cô cháu gái của Ibu trở nên gắn bó với tôi trong những giờ phút yên lặng đó. Có lẽ cô cần tới sự an ủi của một người là mẹ, vì mẹ cô đã mất.

Sáng hôm sau, khuôn mặt Ibu được hóa trang bởi một hội viên nữ người Pháp, một người là chuyên gia thẩm mỹ. Chị gắn bó thâm sâu với Ibu, và không ngớt khóc trong lúc làm việc hóa trang. Đám tang được cử hành cùng ngày, theo tập tục Hồi giáo, và Ibu được mai táng gần con gái mình là Rochanawati, trong mộ mã của gia đình tại nghĩa trang Karet ở Jakarta..

Trong những ngày và tuần lễ kế tiếp, một loạt selematan đặc biệt để tưởng nhớ được tổ chức ban đêm. Tôi đặc biệt nhớ tới buổi đêm lần thứ 6 của lễ vọng. Đó là ngày sinh nhật của Ibu, ngày 17 tháng 2 năm 1971. Nếu còn sống Ibu được 64 tuổi. Thay vì có một buổi lễ vui vẻ như thường lệ, tôi chợt đang dự nơi đây một nghi lễ trang trọng, đêm thứ 40 của việc cầu kinh Koran.

Tôi còn nhớ điều đó như đang xảy ra trong hiện tại:

Một cách thận trọng tôi bước lên cầu thang thoải thoải rộng lớn bằng đá, đằng sau căn nhà của Bapak. Tôi để giày dép nơi phía trong cổng nhà, và đi vào phòng khách rộng lớn. Tất cả các đồ đạc đã được dọn dẹp, và sàn nhà được trải, từ vách này qua vách khác, những tấm thảm và chiếu chồng chéo nhau, những thứ bằng sợi cọ được tinh xảo thêu dệt. Những đèn treo nhiều ngọn bằng thủy tinh chiếu một ánh sáng mờ nhạt chập chờn trên những ván ô bằng gỗ tếch và trên một bức chân dung quen thuộc của Bapak.

Tôi đến sớm, nên có thể chọn chỗ mình ngồi đầu, ngay phía trong cánh cửa bên phải. Nơi đây tôi có thể dễ ra vào, nếu muốn... Ngồi trên sàn nhà, tôi muốn cho lưng mình có chỗ nương tựa, nơi đây là dựa trên những tấm gương dài bằng thân người. Chiếc váy dài bằng vải batik che lấp đôi chân tôi.

Căn phòng dần dần có người đến. Những người đến trước cũng ngồi dựa tường, và những người đến sau thì tạo thành một hàng thứ nhì, bên trong, ngồi khoanh chân. Tất cả những người nam đều ngồi giữa. Phần đông phái nữ đã chọn cách có mặt nơi một nhóm gần phòng ăn, phía trái của tôi. Đó là lối sắp xếp thông thường để có chỗ ngồi cho những buổi

selematan –thường xảy ra trong căn phòng này- nhưng tâm trạng thì khác xa.

Tất cả đã xảy ra thật nhanh chóng, thật bất ngờ, sự qua đời của Ibu. Cuộc thức đêm thật trầm lắng. Sự trầm lắng không khiến cho ngủ, nó rất khiến cho thức. Tôi thấy trầm tĩnh trong đáy lòng. Cảm xúc của tôi đã đi đâu hết, ngoài lòng quy thuận. Ibu nằm trong bàn tay của Thượng đế.

Bapak cũng ngồi trên chiếu. Gân Bapak là Haryono, người con trai, và những người khác trong gia đình. Những cô cháu gái, Tuti và Muti, thỉnh thoảng đứng lên và đi vào những nơi khác trong nhà. Họ bình tĩnh đến nỗi những cử động của họ hầu như không được nhận thấy.

Những câu thơ của kinh Koran (Al Quran surahs) được ngâm theo lối truyền thống của Hồi giáo. Tất cả đều bằng tiếng Ả Rập, và kinh thơ được ngâm cho tới nửa đêm. Có những đêm cho tới 2 giờ sáng. Tất cả những người ngâm đều là hội viên Subud, phần đông là những người Nam Dương thông thạo lối ngâm đó. Họ thay phiên nhau ngâm, và theo thông tục, người ngâm khum tay phải lại đặt trên tai khi ngâm. Người ngâm có vẻ như vừa nghe để kiểm tra chất lượng, vừa làm cho giọng ngâm mình trở nên lớn hơn. Âm thanh không ồn ào, nhưng phong phú và vang dội, như một bài thơ được hát lên. Tôi cảm thấy mình ý thức được bản thân, và đồng thời cùng thấy mình gần gũi với mọi người trong phòng.

Đối với Ibu thì phải như vậy. Tò lòng kính trọng Thượng Đế - tuân theo những tập tục tôn giáo - và đặt mình trong trạng thái latihan.

Hai cây quạt điện trên những nơi đặt cao tạo thêm tiếng động vù vù đều đặn, khi xoay từ phía này qua phía khác, và thổi không khí quanh phòng trên đầu chúng tôi. Nóng và ẩm không chịu nổi. Vẫn còn là mùa mưa, nhưng đêm nay không có mưa. Những khay có trà hoa nhài lạnh được đem tới, và cốc được truyền từ bàn tay này qua bàn tay khác quanh phòng. Cũng có những chiếc bánh đơn sơ nhỏ bé. Tiếng ngâm kinh Koran trôi vào hậu cảnh, khi những ý nghĩ của tôi trở về nơi Ibu. Tôi nhớ tới ảnh hưởng những lời nói của Bapak, ngày bà qua đời khi chúng tôi tụ tập trên lầu chung quanh quan tài:

“Bây giờ đây là Ibu. Những gì còn lại chỉ là thân xác.

Dục vọng bà đã ra đi. Linh hồn bà đã ra đi.”

Rồi với tất cả chúng tôi đang đứng nơi đó:

“*Vậy đó, Ibu đã ra đi.*

Ibu đâu? Ibu bên trong các bạn.”

Tôi khó có thể tin được mình đang tham dự một lễ tiết không quen thuộc. Là một người Công giáo tôi chưa từng được biết tới việc làm này của Hồi giáo. Tôi lấy làm biết ơn được có mặt nơi đây. Tôi nghĩ tới bản thân như khi còn ở Chí Lợi; tôi chưa từng nghĩ là một ngày nào đó mình sẽ bị chìm đắm vào một không khí Á Châu như thế này, và đang chứng kiến sự cố có ý nghĩa này.

Tôi nhìn qua phía Bapak, và nghĩ tới việc Bapak và Ibu cùng có mặt. Tôi nhớ lại câu chuyện thú vị của Ibu: “Một hôm sau khi Ibu gặp Bapak” bà kể cho tôi “Ibu đang đi với một người bạn trên đường đằng sau Bapak, nhưng không gần. Ibu nhìn lưng Bapak, và khi nhìn, Ibu trầm tư: mình thắc mắc không biết người này sẽ là chồng mình hay không.” Bapak quay lại nhìn Ibu nói: “Chính tôi là chồng!”

Căn phòng này có rất nhiều kỉ niệm của Ibu và Bapak với nhau. Nơi đây chúng tôi đã có những buổi selematan tuyệt diệu mừng sinh nhật. Ngoài những buổi cho Bapak, không có buổi nào đặc biệt hơn những buổi cho Ibu, nhất là buổi trong năm 1969. Suốt ngày mấy bà của Cilindak và những người tận nơi Jakarta đã nấu nướng và chuẩn bị món ăn. Thức ăn thuộc hơn chục loại, mặn và ngọt, trái cây và thức uống, tất cả được đặt trên chiếc bàn ăn dài. Trọng điểm là một nasi tumpung, một loại bánh lớn màu vàng hình núi thường được làm trong những dịp đó. Để phục vụ số khách đông đảo, những ghế ngồi được đem thêm tới và đặt trên cái hiên rộng lớn mát mẻ trước mặt căn nhà.

Ibu trông phương phi trong chiếc *kain* ngăm ngăm đen đẹp đẽ (xa-rông gấp li) và chiếc *kebaya* có đăng ten (áo choàng), Bà ngồi với Bapak, mỗi người trên một ghế bành bọc nhung, nơi cuối căn phòng dài. Người mặc chiếc xa-rông cô truyền của Java và một vét-tông cài khuy. Họ trông thật lộng lẫy, là hiện thân nền văn hóa ngoại lai của họ.

Mọi điều đều mang đầy tính chất truyền thống. Bapak và gia đình của Ibu, những người con và cháu, tất cả đều mặc những bộ đồ Java, đến

theo một hàng duy nhất, để tỏ lòng kính trọng bằng cách quỳ xuống, cúi đầu chấp tay lại, Ibu thích âm nhạc, nên hội viên chơi những bài bà ưa chuộng nhất trên đàn piano, và nhiều người đã ca hát. Nhưng sự việc nổi bật nhất của buổi tối là lúc Idris Sardi chơi nhạc, một tay chơi nhạc piano trứ danh nổi tiếng nhất hồi đó. Anh chơi bài được Ibu ưa chuộng nhất là Ramona, với một sự xúc cảm thật tiêu biểu. Chúng tôi chia sẻ nỗi vui của Ibu, khi bà say sưa nghe nhạc với cặp mắt nửa nhắm.

Tôi ngồi rất gần Ibu và tự nói với mình: "Mong sao mình còn nhớ lại được điều này cho tới khoảng đời còn lại của mình."

Bapak và Ibu, sao mà họ hợp với nhau thế! Chắc chắn đó là định mệnh khiến cho Bapak đã có một bạn đời tâm linh với một linh hồn cao quý và một khả năng hiếm có giúp đỡ được người khác. Ibu đưa thêm vào những hoạt động của Bapak cái kích thích đàn bà. Bapak thông cảm được với mọi người, nhưng Ibu có thể khiến cho phái nữ được gần gũi Bapak hơn nhờ cái tính dễ dãi của bà.

Ibu quả thực là một trong những người đàn bà có nữ tính nhất. Bà thích nước hoa, quần áo, những thứ đẹp, nhạc trữ tình. Bà duyên dáng và ăn mặc chải chuốt. Bà có làn da tươi đẹp màu xanh ôliu và cặp mắt màu nâu. Bà thường mỉm cười, và đôi khi cười thích thú. Tóc bà đen mịn, dài và thẳng. Ở nhà bà thường để tóc xõa, hay chải tóc với dầu thơm và cuốn nó thành búi trên gáy cổ, theo lối cổ truyền Nam Dương. Khi bà đi ra ngoài đường, tóc được trang điểm với lược và ghim vàng. Tay bà có thể diễn cảm, hình thù mềm dẻo. Bà có thể cong tay ra phía sau một cách dễ dàng, nếu muốn bắt chước một diễn viên múa Java.

Ibu mặc bộ đồ Java theo cổ truyền, áo choàng đăng ten *kebaya* màu nhạt, và chiếc *kain* in hoa batic là một kiểu mẫu cổ truyền thanh nhã được tô vẽ bằng tay với màu nâu, xanh đậm và màu be.

Một trong những thói quen của bà khi đi ra ngoài đường là đem theo một khăn tay nhúng nước hoa colone trong ví tiền. Trong những năm tháng tôi quen biết bà, nước hoa được bà ưa chuộng nhất là Blue Grass. đôi khi bà để thêm một chút nước hoa Joy gần tóc. Trong chuyến đi thể giới, tôi thường trang điểm cho khuôn mặt bà. điều này như một nghi thức - kem, phấn, rồi lông mày và lông mi. Cuối cùng là môi với son bôi môi. Một người nữ khác thường giúp bà làm tóc.

Sửa soạn cho Ibu đi tới nơi nào đó đúng giờ trong chuyến đi là một sự kiện tốn nhiều công sức đối với những người phụ giúp. Tôi thích được góp phần vào việc đó. Mọi việc phải được sắp xếp một cách tỉ mỉ, và Ibu phải cẩn thận tham dự vào mỗi chi tiết.

Như phần đông những đàn bà có nhiều nữ tính, Ibu có thể thất thường hay bướng bỉnh vì tính khí. Có lần ở Barcelona Bapak và Usman đang rời khách sạn để hội viên đem đi dạo, nên Bapak nói với tôi là tôi nên đi theo. Tôi cảm tạ người và nhanh chóng sửa soạn ra đi. Chúng tôi đang đứng đợi trước thang máy, thì Ibu chợt xuất hiện nơi khung cửa phòng bà. Bà đã quyết định không đi và nói: "Tôi muốn Istimah ở nhà với tôi!"

Bapak nói: "Này! Bà đã có Lydia, bà không cần Istimah. Ngoài ra, Istimah cũng nên đi coi đất nước của tổ tiên." Nhưng Ibu cứ nằng nặc đòi, cho tới khi Bapak chịu thua, vừa nhìn tôi vừa có một cử chỉ.

"Ibu, tại sao bà cùng không đi?" tôi hỏi.

Khiến mọi người ngạc nhiên, bà nói "OK" và khiến người ta nghe thành Oooo Keeey!...Nhưng rồi bà lấy làm vui được đi chơi, bà cười nói và có vẻ như bị phong cảnh làm cho say mê.

Thông thường Ibu không phải là ghét đi ra ngoài. Bà thích đi dạo và đi chậm chạp với một người nữ Subud, bàn tay mình đặt trên cánh tay người đó. Tại Cilandak, những ngày đẹp trời, bà có thể đi dọc theo con đường bao quanh khu vực, đi vòng một chu vi ngắn như vậy mất vào khoảng nửa tiếng đồng hồ. Thỉnh thoảng có một số người nữ đi theo bà, như trong lúc đi từ nhà bà tới phòng tập latihan, những sáng chủ nhật. Họ là một đoàn người nhiều màu sắc, với một người nữ cầm dù che chở Ibu khỏi ánh nắng dữ dội.

Một đặc tính của Ibu trong đời sống hằng ngày là sự quan tâm chi li tới chi tiết. Thậm chí có lúc bà còn tỏ ra phi lí về điều đó, như khi kiểm soát đi kiểm soát lại hành lí trong một chuyến đi. Sau này tôi có thể hiểu rõ được hành động của bà về vụ đó - đó là cách bà quản lí những sức mạnh thuộc cái môi trường của mình. Khi thường xuyên tập latihan, tôi thấy mình trở nên nhạy cảm hơn với những sức mạnh đó, và kết quả là trở nên thận trọng hơn trong việc xử lí nó. Biết bao lần sợ hãi chúng ta đã phải trả một giá thật đắt, khi sự việc bị trục trặc, là vì cầu thả, vì coi thường những việc làm giản dị hằng ngày.

Ibu là người bảo thủ, không là một chiến sĩ của việc giải phóng phụ nữ, như điều chúng ta hiểu. Nhưng trên thực tế bà khuyến khích sự giải phóng từ bên trong. Cùng cố cái nữ tính trong nội tâm của một người đàn bà thường có lợi cho người đàn bà nhiều hơn những hành động ngoại vi. Tôi nghĩ điều này thường được phái nữ ở phương Đông hiểu rõ hơn là ở phương Tây.

Phần nhiều những lời khuyên của bà về lối cư xử của phụ nữ đều xuất phát từ cái tính nhạy cảm và sự sáng suốt của bà. Tuy nhiên, lời khuyên của bà đôi khi quá tinh vi để cho những người đến thăm thuộc nền văn hóa Tây phương có thể hiểu nổi. Chẳng hạn, bà có thể nhận thấy cái ảnh hưởng không tốt đẹp đối với nữ tính một người đàn bà của việc mặc quần, và khuyên đừng làm như vậy. Đây là điều mà phụ nữ Mỹ, những người quen mặc quần jean, có thể coi là chỉ do nền văn hóa Nam Dương, và họ nghĩ rằng trong nền văn hóa đó phụ nữ chưa được giải phóng. Thực ra, lời khuyên đó thiên về nữ tính, chứ không chống lại sự bình quyền của phụ nữ.

Một chuyện vẫn còn được tranh cãi là điều Ibu không tán thành hôn nhân dị chủng. Có lần bà đã nói với những bạn bè của tôi từ Chí lợi tới thăm rằng “hôn nhân giữa Đông Tây không có kết quả”. Về điều đó tôi nói với Ibu: “Còn chuyện ông nọ với bà nọ thì sao?” - một người đàn ông Nam Dương kết hôn với một người đàn bà Châu Âu. Ibu đáp: “Thế thì chị có biết hay chẳng đã bao nhiêu lần ông đã tuyệt vọng khóc lóc đến gặp tôi?”

Ibu rất trọng vọng những truyền thống của mình, và qua tấm gương của bà, trong khi ở Ciladak, tôi theo nhiều tập tục của xã hội Nam Dương và của đạo Hồi. Điều quan trọng nhất là trai giới Ramadhan. Năm 1968, trước lúc bắt đầu, Ibu đã làm một cử chỉ tao nhã và dịu dàng. Bà gửi cho mỗi người nữ tại khu vực một cái bát có đầy cánh hoa hồng. Lời dặn dò là trước khi bắt đầu trai giới, chúng tôi phải trước hết tắm gội, theo lối Nam Dương - dùng gầu múc nước từ một thùng nước tại phòng tắm, và dội lên người - rồi lấy phần nước cuối cùng mà để những cánh hoa hồng thơm ngát vào.

Một phần quan trọng thuộc nữ tính của Ibu là cái tình thân thiết đối với Bapak của một người bạn đời. Tôi thấy được điều đó, khi họ ở nơi căn nhà của chúng tôi tại Briarcliff. Aminah thì nấu ăn cho mọi người, nhưng đôi khi Ibu quyết định nấu cho Bapak một món ăn đặc biệt. Bà vào bếp

để hoàn toàn để tiếp quản mọi việc, huy động mọi người giúp việc cho mình. Tất cả đều khen là bà nấu ăn ngon.

Ibu hỗ trợ cho Bapak đằng sau lưng theo nhiều cách. Năm 1970 trong chuyến đi thể giới của Bapak, bà có một chuyện thường làm hằng ngày. Sau khi bà mặc đồ và sửa soạn đi dự buổi nói chuyện của Bapak, tôi thường chùi kính cho bà. Rồi thay vì đeo kính, bà lại gọi người thông dịch là ông Usman đến, và yêu cầu ông chùi kính mình. Trong khi ông tỉ mỉ làm điều đó, bà trò chuyện với ông. Chỉ sau đó chúng tôi mới đi dự buổi nói chuyện. Những ngày sau đó của chuyến đi, tôi nhận thức được rằng theo cách tế nhị của bà, Ibu đã nói chuyện với Usman để làm cho cảm xúc ông được yên tĩnh, và chúc phúc ông trước khi ông đi thông dịch cho Bapak.

Khi có một buổi nói chuyện của Bapak, chúng tôi luôn thường thấy Ibu ngồi hàng đầu. Tuy nhiên, có lần ở Dublin, bà hầu như không ra mặt. Bà mệt mỏi sau một chuyến bay dài lâu từ Hoa Kỳ, và Bapak đã quyết định có một buổi nói chuyện ngay đêm đó. Ibu nghĩ mình sẽ được nghỉ ngơi, thay vì đi dự, nhưng khi Bapak đến và dĩa dàng nói “Nào, chúng ta có việc phải làm!” thì Ibu lập tức có phản ứng và bắt đầu sửa soạn.

Về phần mình Bapak tìm cách làm vừa lòng Ibu theo lối của mình. Ở Paris, trong khi tôi đang ngồi trong phòng viết một bức thư, Bapak bước vào với Ismana và ngồi xuống nói chuyện. Người kể lại với chúng tôi là đã đi ra ngoài tới những phòng trưng bày xe hơi tại một xưởng xe hơi, vì Ibu đặc biệt muốn một chiếc Citroen.

Thời biểu toàn bộ của Bapak trong một chuyến đi thể giới không để cho mình và Ibu được chút đời sống riêng tư. Họ sẽ tạo cho mình cơ hội nếu có thể. Tại phi trường Kuala Lumpur, tôi ngồi không xa Ibu và Bapak để đợi chờ gọi lên máy bay tới Jakarta. Lúc đó là khi chuyến đi đã xong xuôi. Tôi thấy họ trò chuyện và cười nói với nhau, vui vẻ nhắc lại một vài biến cố của cuộc du hành.

Trong tất cả những đàn bà mà tôi từng quen biết, Ibu là người đóng được vai trò hay nhất của một người mẹ. Phái nữ đến gặp bà với những vấn đề của họ, và bà đáp ứng một cách tự nhiên, tùy theo sự sáng suốt của mình trong lúc đó do sự hướng dẫn của nội ngã. Bà ý thức được theo bản năng những cảm xúc của người khác. Sự ý thức nhạy bén đó thật linh lợi, ngay cả trong những chuyện nhỏ bé. Tôi nhớ có lần ngồi với bà, và

bắt đầu cảm thấy yếu mệt. Bà chợt nhìn tôi nói: “Chị vừa mới đi bác sĩ?”

Bà quan tâm rất nhiều tới những người nữ trong Subud cảm thấy cái nhu cầu được gần gũi mình, nói chuyện với mình, hỏi ý kiến mình, cười nói và ca hát cùng mình. Bà biến đổi được xúc cảm của ai đó qua sự chăm chú âu yếm, qua một bài hát, một câu chuyện - có thật hay tưởng tượng - hoặc một bí mật được chia sẻ. Chính tình trạng tâm linh của bà đã tạo nên những sự kì diệu đó, nhưng bà dùng những cách gián tiếp thuộc bên ngoài của quá trình.

Đặc biệt, Ibu thường làm cho người khác vui sướng bằng cách ca hát. Nơi đây tại Cilandak bà có một bài được ưa chuộng mà bà muốn một người trong chúng tôi hát cho bà nghe, và đôi khi hát chung với bà. Có phải là “Hoa hồng trên mai tóc?”...

Nó rất lãng mạn và tôi nhớ có phần như thế này:

*Trong mắt nàng có ánh trăng
Và một đóa hoa hồng trên tóc
Trong cánh tay tôi không có ai
Nên tôi để nàng nơi đó...*

Nếu phải nghiêm trang hơn, bà dùng những bài hát một cách khác nhau. Bà yêu thích trẻ em, và ở Mỹ trong năm 1959, bà thường gọi Cathy, hồi đó 6 tuổi, đến phòng ngủ thăm mình. Có lần bà đặt nó ngồi trong lòng, và hát cho nó nghe một giai điệu êm dịu. Khi hát xong bà nói với tôi: “Đó là bài hát nội tâm của Cathy.” Tôi cũng còn nhớ tới một giai đoạn trong chuyến đi thế giới, tại Toronto, Lydia và tôi không thấy vui, do điều gì đã xảy ra ngày trước đó. Tính nhạy cảm của chúng tôi, do latihan liên tục, được tăng thêm, và chúng tôi sâu sắc cảm thấy tình cảm hơi thô lỗ của ai đó. Ibu cảm thấy điều đó và nói: “Tôi biết hai người đang buồn bực. Ibu sẽ hát cho hai người một bài hát.” Liền đó bà hát một nhạc điệu du dương nhất xuất phát từ nội cảm. Thật khó mà ngăn lại được nước mắt. Khi hát xong bà nói: “Bây giờ thì hai người ra ngoài đi chơi, hãy vui vẻ cho ngày tháng trôi qua.”

Ibu luôn ý thức được nghỉ ngơi là cần thiết. Có những lúc, ở Cilandak năm 1969, bà thường kêu một vài người nữ đến nhà thăm mình. Có lần bà đem chúng tôi lên phòng khách ở lầu hai là một nơi rất rộng. Bà cho chơi nhạc - nhạc vancouver - và bảo chúng tôi nhảy múa với nhau. Chúng tôi

cười vui rất nhiều, nhất là khi bà bảo tôi nhảy chung với bà.

Đôi khi nguồn an ủi mà Ibu có thể tạo cho, là điều có nguồn gốc tâm linh hiển nhiên hơn. Chẳng hạn, trong ngày đầu tiên ở Wolfsburg, tất cả chúng tôi đều khá kiệt sức do phải thường xuyên đi đây đó. Tôi mệt mỏi không chịu nổi. Ismana đau ốm nằm giường lần đầu tiên trong chuyến đi. Khi bước ra phòng ngủ lúc 10 giờ sáng, tôi ngạc nhiên thấy Ibu ngồi trong một nhà phụ gần đó. Bà đi chung với Laura và Leonora, những y sĩ Đức, và một người nữ khác. Bà kêu tôi lại gần và nói:

“Tôi đã chưa có thì giờ nói cho chị hay điều khiến chị vui sướng. Ở Hamburg, tôi không còn nhớ đó là trong lúc latihan hay trắc nghiệm, tôi chợt trông thấy chị. Chị đứng trước mặt tôi, mặc quần áo dài màu trắng rất đẹp, và chị có một mũ miện trên đầu. Chị đang đứng (bà đứng lên và cho tôi thấy như thế nào) nhìn chỗ này chỗ nọ và tôi nghĩ, *Úa, đây là Istimah!* rồi chị nói với tôi, “tôi luôn gần Ibu””.

Khi Ibu kể cho tôi điều đó, cơn mệt rã rượi của tôi hoàn toàn mất đi. Ismana thì đau ốm và hàng trăm người đang chờ đợi gặp chúng tôi, nên đó là điều giúp mình rất nhiều cho ngày tháng bận bịu trước mặt.

Vì bà là người mẹ và phụ tá tâm linh, cũng như là người bạn của nhiều người nữ Subud, nên một vài người đã gắn bó với bà, khiến cho phải khó chịu khi nhìn thấy điều đó. Có lần tôi thấy một bà bị ám ảnh muốn được gần Ibu tới nỗi phải “mất đi bản thân”. Điều đó như là bà cần cái gì đó mà chỉ Ibu mới cung cấp được.

Trong những trường hợp đó Ibu thường chiều ý chỉ tới một phần nào thôi. Bà có một bộ dáng buộc ta không được đến gần bà một cách bất cẩn hay vô ý thức như thế nào đó. Khi những người chung quanh mình không làm chủ được cái tình gắn bó quá mức của họ, bà có thể, bất cứ lúc nào và với lời lẽ dứt khoát, tỏ ra kém thân thiện với họ.

Ibu trước hết là một người rất sùng đạo. Bà thường xuyên, theo lối Subud, bỏ hết thì giờ phụng thờ Thượng đế, bằng cách nhớ tới latihan của mình và đáp ứng lại sự hướng dẫn của nội cảm.

Ở Oslo chúng tôi đi chơi trên những tàu tuần dương lớn mà hội viên đã thuê. Tôi đi trên một chiếc với Bapak, Ibu, Ismana, Mastuti và cậu con trai của tôi là David. Trong một lúc lâu, Ibu ở phía dưới trong buồng,

và yêu cầu tôi đến hầu chuyện với bà. Bà nói với tôi rằng chúng ta phải thường xuyên cầu xin Thượng Đế tha thứ, vì chúng ta không lúc nào không gây tội.

Như Bapak bà giữ lễ cầu kinh mỗi ngày theo đạo Hồi, và điều này gồm việc cầu kinh bình minh là điều luôn được xong xuôi trước 5 giờ sáng. Một hôm trong chuyến đi khắp thế giới, tôi chui vào mền trên giường Ibu, để nhắc bà đi ngủ.

Hơi đùa tôi nói: “Ibu, bây giờ bà ngủ cho tới 10 giờ sáng mai!” “Không được!” bà đáp trong thứ tiếng Anh rất Anh của mình: “I am frightened to God!”³³

Tất cả những chuyện đó tôi nhớ rất rõ. Bây giờ Ibu chợt ra đi...

Người ta không còn tụng kinh Koran nữa. Thời gian trôi qua thật nhanh chóng. Nhiều người đã ra về, tôi nghĩ có một vài người phải đi xa. Ta cảm thấy mất mẻ hơn... Có lẽ lại sắp mưa...

³³ tôi sợ Thượng Đế đến chết đi được

Chương Mười

Tâm linh và vật chất

Sự tạ thế của Ibu đã thay đổi nhiều điều đối với tôi. Bà đã là trung tâm của những hoạt động thuộc phái nữ tại Wisma Subud, và do đó là trung tâm của tôi. Bà đã dẫn nhập chúng tôi vào nhiều tập tục truyền thống Java, thuộc gia đình lẫn lễ hội. Nhờ Ibu chúng tôi trở thành một gia đình rộng lớn. Sự chuyển hóa đối với tôi vừa bên trong vừa bên ngoài. Tôi ý thức được hơn chỗ đứng của bản thân mình. Điều này chẳng bao lâu khiến có những nghi ngờ về điều Bapak càng lúc càng đặt tầm quan trọng vào những hoạt động thế gian của Hội, đặc biệt là những kinh doanh và dự án.

Sau lúc Ibu tạ thế, Tuti, cô cháu gái của Ibu hỏi tôi có muốn giúp mình dọn dẹp phòng ngủ của Ibu hay không. Ibu đã chất đống nhiều đồ làm quà tặng. Tuti và tôi mất nhiều giờ làm công việc này. Chúng tôi liệng bỏ những thứ như những đơn trên đó ghi những thứ ra chợ mua của những người hầu. Chúng tôi để tất cả những thứ batic mới tại một nơi chốn an toàn, và quyết định những chén đĩa bằng bạc nên đưa cho mấy cô cháu gái. Do những gì Tuti nói, tôi nhận thức được gia đình đang trải qua một tình trạng khó khăn để điều chỉnh lại mọi việc, sau khi Ibu qua đời. Cô gây nơi tôi một nỗi buồn thâm sâu mà tôi chưa từng thấy cho tới nay.

Trong thời gian đó Rahayu, bà con gái lớn của Bapak, đi khỏi Wisma Subud trong một tháng. Người ta hay là bà đã về tư gia ở Jakarta để được một mình. Sau này, người ta nói rằng bà đã trải qua một chứng nghiệm tâm linh mãnh liệt, và điều đó đã chuẩn bị cho bà có một vai trò tích cực hơn trong Subud, nhận lãnh phần nhiều công việc của Ibu với phái nữ.

Kể từ đó, Rahayu cùng giải đáp những thư từ của Bapak, gặp gỡ thiên hạ và cho tên mới, những điều mà chỉ Bapak đã làm cho tới nay.

Hồi đó Subud đang thay đổi nhanh chóng trên khắp thế giới. Người ta đem đời sống nội tâm – được latihan làm cho thức tỉnh - vào những hoạt động ngoại vi trong kinh doanh, dự án từ thiện, văn hóa, vui chơi giải trí. Bapak xác nhận điều đó là kết quả tự nhiên của latihan. „Đây là một latihan của sự sống“ người nói. Như điều đã làm với những dự án từ thiện, người cũng tán thành hoạt động văn hóa của hội viên Subud.

Xưa kia nguồn gốc của nghệ thuật là nơi những người mà tâm trí có đầy quyền năng của Thượng Đế. Cho nên người xưa có một nền văn hóa thanh cao hơn chúng ta có hiện nay. Bây giờ thì trong tình trạng mình các bạn đã tìm được sự giao tiếp với Thượng Đế. Các bạn sẽ trở thành những người tiên phong để làm cho cái thế gian này có đầy trở lại những nghệ thuật như đã có thời xa xưa. Wolsburg 08.64

Những hội viên Subud có những sở thích như nhau về văn hóa thì tạo thành tại Âu Châu và Mỹ những nhóm trong lĩnh vực kịch nghệ, khiêu vũ, âm nhạc, văn chương, thủ công, hội họa, điêu khắc, kiến trúc, điện ảnh và nhiếp ảnh. Mỗi hội nghị Subud quốc tế là một cơ hội cho những đoàn thể mới và một dịp cho những buổi biểu diễn về ban đêm.

Varindra Vittachi rất nhiệt tình. Thời ban nhạc của Hamid Camp, anh viết The True Brethren (những anh em đích thực là đồng đạo) một kịch được diễn tại Broadway nơi *Story Theatre* – một phóng tác những Truyện Thần Tiên của Grimm. Tất cả các nhà phê bình ở New York hiển nhiên đã xúc động. Tôi tự hỏi vì điều gì? Họ nhận thấy truyện – chủ đề, diễn xuất và vở kịch - thật „lí thú“, „có sức lôi cuốn“, „khiến say mê“, „độc đáo“. The True Brethren đáng lí được diễn Wại Broadway trong một lúc lâu, nhưng người ta dự tính đưa nó vào hội nghị thế giới năm 1971, vì như anh Hamid nói „tất cả chủ đích của nó là vậy“.

Cũng vào thời đó có một họa sĩ Anh hòa nhã và hiền lành là hội viên Subud, anh là người có chút tiếng tăm tại miền Nam Hoa Kỳ và nhận được đặc quyền của thành phố Huntsville và Winston Salem. Khá ngạc nhiên vì những bức họa thanh nhã về thế giới nội tâm của mình được người Mỹ ưa thích, anh nói: „Có lẽ những bức họa của tôi đã khiến người ta ý thức được việc nước Mỹ bị thiệt thòi, khi đặt vật chất lên hàng đầu.“ Một trong những phong cảnh huyền bí được treo trên tường trong Big

House, nơi chúng tôi có latihan của phái nữ.

Tôi cảm thấy khía cạnh tâm linh phải được che chở. Tôi chia sẻ mối quan tâm của Bapak về việc tổ chức không được đẩy tâm linh ra ngoài. Tôi cảm thấy mối đe dọa của „những người tổ chức“ và nhận thấy họ không chỉ có nơi những hội đồng của nhóm, mà còn nơi những kẻ có nhiệt tình với văn hóa và việc làm từ thiện. Tôi cũng đề phòng sự xúc động tha thiết với văn hóa và việc làm từ thiện. Khi xúc tiền kinh doanh, Bapak không hề mập mờ. Làm việc không là mối nguy cho latihan của chúng ta, người nói. Trái lại, kinh doanh là cách đem latihan vào đời sống hằng ngày.

Với sự hiện diện của latihan kedjiwaan, nếu chúng ta cảnh giác, thì đó là điều may mắn khi chúng ta có thể hành động động như được bao bọc bởi sự hướng dẫn của quyền năng Thượng Đế. Điều quan trọng trong trường hợp này là các bạn có thể ý thức được những hành động của mình, những điều trái và những điều phải.

Bapak khuyến khích các bạn làm một vài kinh doanh nào đó, khiến cho dần dần các bạn bắt đầu dùng được cho có ích lợi cái latihan mà mình đã tiếp nhận và theo tập... Bapak đã nhiều lần làm trắc nghiệm cho các bạn thấy trong lúc đêm tiền, vẽ, làm một nghề thủ công, suy nghĩ về một nhiệm vụ, trong tất cả những điều đó các động tác và hành động của các bạn được sự kèm theo của cái sức mạnh thuộc một quyền năng không bị nafsu (dục vọng) ảnh hưởng tới – điều khiến các bạn mà không có sự hiện diện của cái nội tâm cầu nguyện Thượng Đế. Với latihan hiện diện nơi mình, lòng thành tâm của các bạn đối với Thượng Đế không hề giảm. Cilandak 05.12.70

Không phải là tôi không đồng ý, tôi chỉ cảm thấy kinh doanh không hợp với mình.

Ibu vẫn còn đó dài lâu trong cảm xúc của tôi. Tôi nằm mơ thấy bà:

Bapak đang có một buổi nói chuyện. Ghế ngồi đặt phía sau phòng, và tôi ngồi trên hàng đầu. Khoảng cách giữa Bapak và ghế có một nhóm nữ, phần đông là người Nam Dương, họ ngồi trên sàn nhà, như điều họ thường làm. Có người yêu cầu tôi ca một bài hát. Tôi chọn một bài tango cũ xưa, và lời hát như thế này:

*Một mối tình xưa, ta không bao giờ quên và không bao giờ bỏ
Một mối tình xưa từ linh hồn có thể - phải đó - trôi giạt đi mất
Nhưng nó không bao giờ nói lời tạm biệt*

Một người nữ, cô ngồi phía ngoài cùng của nhóm trước mặt, quay mình mỉm cười, gật gù nói: „Phải đó!“ Đó là Ibu. Sau giấc mơ, lúc buổi sáng, những lời nói của Bapak ngày Ibu qua đời nhẹ nhàng thức giấc trong kí ức tôi, „Ibu ở trong lòng các bạn.“

Ngày thứ 40 sau sự tạ thế của Ibu, cộng đồng ở Cilandak bắt đầu tập trung vào việc hội nghị Subud thế giới lần thứ tư sẽ được tổ chức tại Nam Dương tháng 8 năm 1971. Người ta có thể trông thấy các hội viên trong vùng tới Big House để bàn bạc với Bapak. Subud Nam Dương có nhiều hội viên địa vị cao, kể cả những nhà ngoại giao thân niên và những công chức của chính phủ, trong đó có những giới cao cấp thuộc cảnh sát và và nhập cư. Cũng có những người quan hệ với Dinh Tổng Thống và văn phòng thống đốc. Thiếu tướng hải quân Sutanto là chủ tịch của hội đồng quốc gia Subud Nam Dương, và cựu ngoại trưởng Achmad Subardjo là hội trưởng danh dự của Subud Nam Dương. Varindra Vittachi, chủ tịch của hội đồng Subud thế giới, là người bạn lâu đời của Adam Malik, tổng trưởng ngoại giao.

Tất cả những liên hệ đó được huy động, và những người nắm những địa vị quan trọng nơi công cộng thì sắp xếp cho được sự hỗ trợ của chính quyền Nam Dương, và cho những người đến thăm được giấy phép cần thiết. Một làn sóng đáng kể người nước ngoài tràn vào, và tất cả những hội họp phải được cho tin bí mật về an ninh.

Tổng thống Suharto được mời tới chính thức khai mạc hội nghị. Những người đi theo ông là các bộ trưởng của Chính Phủ Trung Ương và ông quyền thống đốc của Jakarta.

Công việc xây cất bây giờ ở Wisma Subud là ưu tiên hàng đầu. Có một hợp đồng để xây cất một phòng tập latihan mới với một mái nhà mỏng cong bằng bê tông. 200 nhân công bận bịu trên những giàn bằng gỗ kiến trúc. Điều càng lúc càng được nói tới trong Subud là thu góp tiền, khi những công việc chuẩn bị tiến hành.

Có những tiện nghi khác mà hội nghị sắp tới đòi hỏi. Kiến trúc sư Ramzi Winkler được giao cho trách nhiệm tạo nên phòng ở cho hơn 1300

khách hải ngoại. Vì không có những khách sạn lớn hay những nhà ở của khu đại học gần Cilandak, nên anh dùng tre để xây cất những phòng ngủ tập thể tạm thời và những phòng ăn. Những thiết kế của anh trông ngoạn mục và thật thích hợp với khí hậu nhiệt đới – những cơ cấu dài, hai tầng, với những mái hiên cong lớn nhô ra cho các phòng ngủ, mỗi chỗ cho 200 người, và những tòa nhà thoáng mát hình tròn với những mái tranh rộng lớn hình nón cho các phòng ăn.

Trong khi đó, số hội viên Subud ở Jakarta tiếp tục gia tăng, và những ngày chủ nhật Wisma Subud có đầy nhóc xe cộ tới đây, khi hàng trăm người nam và nữ đợi chờ tới phiên tập latihan trong phòng tập cũ.

Ngày hội nghị khai mạc, các khách nước ngoài mặc quốc phục, tấm thảm màu đỏ được trải ra từ nơi ra vào của phòng tập latihan mới mẻ trắng tinh, và Bapak, mặc bộ đồ truyền thống của Java, chào đón ông tổng thống của Nam Dương. Đó là giây phút huy hoàng cho Subud Nam Dương.

Người Nam Dương rất chú trọng tới nghi thức, và có vẻ thích những diễn văn dài dòng và trang trọng. Tổng thống Suharto chào mừng các đại biểu của 79 quốc gia đến dự. Ông nói tới sự tôn kính những trị giá tâm linh trong xã hội Nam Dương, và thu hút được thiện cảm trong dịp đó. Ông có vẻ rất thành thật. „Tình hòa thuận và hữu nghị là những lí tưởng chỉ có thể thực hiện được, sau khi tinh thần đã trưởng thành nhờ những lối tu tập khác nhau,“ ông nói. „Thực chất những điều đó làm cho trị giá của con người được vinh dự.“ Rồi: „Nếu latihan kedjiwaan [của Subud] có thể kích thích những động lực của xã hội một cách hài hòa, nếu nó có thể kích động nỗ lực của thiên hạ để tiến hóa khiến cho tâm linh được trưởng thành, thì cái latihan kedjiwaan này đã đạt được mục tiêu là làm cho trị giá của con người được vinh dự.“

Tất cả những điều đó được thuật lại trên truyền hình của nhà nước, trên radiô và báo chí, làm cho Subud được cả đất nước chú ý tới.

Để đáp lại, diễn văn của Bapak có mục đích cho tổng thống, các bộ trưởng và người dân Nam Dương biết được một vài sự kiện về Subud. Như một hội viên Nam Dương giải thích, đó cũng là để cho những người làm lẫn so sánh Subud với những giáo phái kebatinan³⁴ thấy rõ được. Bapak nhấn mạnh Susila – lối sống chân chính.

34 theo nguyên chú: những đường lối tu tập huyền bí dùng thiền định.

Chúng tôi chọn cái tên Subud, vì ý nghĩa của nó hợp với cái latihan kedjiwaan nhờ đó chúng tôi nghiệm thấy một sự thay đổi... để trở thành những con người có thể cư xử một cách thích đáng, có tính nét tốt, có tấm lòng quy thuận Thượng Đế một cách tin cậy chấp nhận và chân thành quy phục. Cilandak 05.08.71

Những ngày tiếp theo, Bapak so sánh hội nghị Subud thế giới với việc nở trứng. Người đề cập tới sự sinh ra của anh hùng Bima, một hoàng thân đã đạt được nhiều điều nhờ bản tính tin nhiệm và tin tưởng. Trái trứng từ đó Bima hiện ra là một thứ khó làm cho vỡ. Chỗ tương tự là giai đoạn mở đường của Subud đã xong rồi. Dùng một thí dụ của Wayang không là điều thuộc văn hóa Subud, nhưng nó được coi là một sự nối kết tự nhiên giữa Bapak và người Nam Dương mà những trị giá thường có gốc ở những truyen thần thoại.

Điều cũng hiển nhiên là Bapak đang chuẩn bị cho tổ chức đối phó với việc có thể sẽ có thêm nhiều hội viên. Việc làm của hội nghị là thành lập những cơ chế của Subud, cả tâm linh lẫn vật chất, cho một tương lai như vậy. Hội nghị quốc tế được xác nhận là cơ quan cao nhất của Subud – gồm có hội đồng nghị viên tâm linh và hội đồng nghị viên quản trị thuộc mỗi quốc gia. Phạm vi những cái đó là 7 vùng địa lí. Tất cả những việc đó không thuộc lĩnh vực quan tâm của tôi. Tuy nhiên, tại hội nghị và những cuộc họp vùng việc có đại diện của hai nghị viên phụ tá và một nghị viên quản trị đối với tôi có vẻ là điều mà Bapak luôn nhấn mạnh, đó là coi trọng tâm linh hơn vật chất.

Trong khi đó tình huynh đệ tại hội nghị thì mạnh vô cùng. Nó xác nhận cái niềm tin lâu đời của tôi coi latihan là niềm hi vọng của nhân loại.

Thế rồi trong cái không khí phi thường đó của thiện chí và lạc quan xảy ra một điều làm tôi sâu xa buồn bực. Đó là việc Bapak khai trương một ngân hàng Subud.

Một hôm tôi đến nhà Bapak để thông dịch cho một buổi họp nhóm của Rahayu với Nam Mỹ. Khi tôi đến, Rahayu nói với tôi là đã có một sự thay đổi chương trình. Bapak phải nói chuyện về ngân hàng, trong một phiên họp của hội nghị thế giới tại phòng tập latihan, và người đã bảo người nhà đến dự. Tôi chuẩn bị về nhà, nhưng Hardiyati yêu cầu tôi ở lại. Khi người nhà của Bapak đứng dậy để vào phòng tập latihan, một người trong họ cầm áo tôi giữ lại – một cử chỉ thân thiện để được có bạn - và

nói: „Đi với chúng tôi vào phòng.“ Một lần nữa tôi tìm cách ra về, nhưng một lần nữa họ cầm áo tôi giữ lại. Tôi không còn lựa chọn nào khác là đi dự buổi họp. Tôi ngồi chung với họ nơi hàng thứ ba.

Bapak nói về ngân hàng cách đây vài năm, nhưng lúc này người coi là có khả năng thực hiện được, nhờ những đầu tư của hội viên. Người đưa ra cái ý kiến đó, và hội nghị thông qua. Tôi cảm thấy rất khó chịu về việc đó và việc bị áp lực của ban quản trị buộc phải tham dự. Theo cái nhìn của tôi, Subud chỉ liên quan tới latihan – đặc ân của Thượng Đế. Cái đó ăn nhập gì tới ngân hàng? Sau khi nghe Bapak nói, có điều gì trong lòng tôi bị đổ vỡ. Tôi đã nhìn về Bapak là một người được Thượng Đế lựa chọn, là con đường truyền dẫn cho sự xuất hiện của latihan, và lúc này thì người lại mở đường mở lối cho sức mạnh vật chất!

Như để trả lời cho nỗi băn khoăn của tôi, điều Bapak giải thích về nơi chốn cho ngân hàng trong những sinh hoạt của Subud đi thẳng vào vấn đề. Người nói:

Ngân hàng là một công cuộc thương mại 100%, như vậy là vấn đề thế gian 100%. Tại sao cần lập nên một ngân hàng, khi hội tâm linh Subud về cơ bản được dựa trên sự phụng thờ Thượng Đế và chỉ tồn tại để tu tập latihan, khiến cho cuối cùng chúng ta tìm thấy con đường phải đi sau khi mình chết?

Thế giới vật chất quả thực tạo thành một sự cám dỗ rất mạnh với ai chân thành thờ kính Thượng Đế. Nhưng đối với chúng ta điều đó đã được làm cho nhẹ đi và dễ dàng – thật là là may mắn cho mình - khiến cho chúng ta đã tiếp nhận được một sức mạnh nội tâm mà nguồn gốc là quyền năng của Thượng Đế. Cilandak 26.08.71

„Lí do lập nên một ngân hàng“ người nói „không là để kiếm tiền và lời lãi để giàu có... Tiền sẽ được chuyển tới cho những hội viên thực hiện kinh doanh tại đất nước họ... chúng ta lập nên cái ngân hàng này để chăm lo cho hội viên.“

Tôi không mấy tin những gì Bapak nói. Tôi hoàn toàn không có thiện cảm với ngân hàng. Tôi không thể thấy có sự nhất trí giữa ông Bapak đề nghị điều đó và con người mà tôi kính trọng coi là người đem latihan tới. Tôi chắc chắn là trình độ vật chất sẽ ảnh hưởng tới hướng đi của Subud và nó sẽ đi lầm đường.

Sự việc trở nên trầm trọng hơn, tôi cảm thấy có sự thuyết phục khá mạnh để kêu gọi đầu tư. Sau buổi nói chuyện Bapak yêu cầu đầu tư. Trước mặt nhóm người tại hội nghị người bảo người nhà mình đầu tư. Kể đến người yêu cầu tôi. Tôi nói rằng về vấn đề tiền bạc thì luôn luôn là nhà tôi quyết định. Người chấp nhận. Người yêu cầu phải có những cam kết trên giấy tờ. Một lần nữa người yêu cầu người nhà mình và tôi. Lần này tôi không thể từ chối, nhưng chỉ lấy đơn mà không cam kết gì. Sau buổi họp tôi về nhà và hỏi Erling là anh có muốn đầu tư vào ngân hàng không. Anh nói „Không!“ nên tôi liệng bỏ tờ đơn.

Không chỉ có bấy nhiêu thôi. Hướng đi mới của Bapak đã làm tôi mất hết can đảm, thì bây giờ lại khiến tôi kinh ngạc. Ngay cả với những giải thích minh bạch của Bapak, tôi cũng không thể đặt điều đó chung với cái sự mệnh tâm linh của người.

Có lẽ những phản ứng của tôi đã quá trớn. Theo những tiêu chuẩn thông thường thì có thể là vậy. Nhưng điều đó xảy ra lúc cao điểm sự qua đời của Ibu và lại rất „công khai“ sau những chứng nghiệm tâm linh của chuyến đi quốc tế. Và có điều gì thâm sâu hơn đã bị xáo trộn. Không những tôi cảm thấy sự chia rẽ giữa tâm linh và sức mạnh vật chất, mà còn bắt đầu thấy bị hạ thấp. Tính ngay thẳng của tôi như nước lụt tràn ra. Lại có tiếng vang của những điều tôi nhận thấy nơi ông giám mục xin cúng tặg lúc hành lễ những năm trước đây ở Chí Lợi.

Trong khi đó thì phân đồng hội viên Subud đều phấn khởi hỗ trợ ngân hàng, nhiều người trong họ có khả năng và khá giả. Tôi bắt lực không làm gì được hơn là chỉ trông thấy ngân hàng là một lỗi lầm. Sau này tôi mới hiểu rõ, lúc đó tôi đang sâu sắc được thanh lọc khỏi sự việc mình không thể xử lí sự đối chọi giữa tâm linh và vật chất. Đó là vấn đề cá nhân và cuối cùng ảnh hưởng tới sức khỏe tôi. Khi hội nghị bế mạc và những người đến thăm đi khỏi Nam Dương, các hội đồng tiếp quản việc thiết lập ngân hàng. Điều đó xảy ra tại Đức, nơi có những hội viên có kinh nghiệm về ngân hàng. Bapak tiếp tục xúc tiến.

Kể từ lúc đó tôi cực kì đau buồn. Tôi không nói với bất cứ ai về chuyện đó, ngoại trừ mẫu thân và Erling. Một người nữ đến thăm tôi và nói rất chi tiết về điều đó. Tôi không hề trả lời bà.

Tôi không muốn xen vào những chuyện tâm phào. Sự việc đó kéo dài mấy tháng, cho tới khi tôi đau ốm. Trước hết bệnh tình của tôi biến

thành một căn bệnh rất kì lạ. Tôi bắt đầu cảm thấy đau đớn trên vai trái, nơi gân cổ. Điều đó phát thành một chứng sưng lớn màu đỏ. Y sĩ Subud không thể giúp tôi. Tình trạng tâm lí của tôi trở nên tồi tệ hơn. Tôi khóc và không muốn gặp bất cứ ai. Cuối cùng tôi bị cúm, thậm chí đến nỗi phải nằm trên giường, mặc dù con nóng của vùng nhiệt đới, đây là một thử thách. Mẫu thân nói tôi phải có chí khí để xua đuổi nó. Lần đầu tiên trong đời mình, tôi quá mắng lại bà. Hết tuần này tới tuần khác tôi bị trầm trọng thêm.

Một người bạn của tôi, Stacey Mills, một người ở Hawaii, viết thư mời tôi đến ở chung với bà trong một thời gian. Stacey là một hội viên Subud và một nhà trị liệu theo lối Rolwing – một phương pháp tổ chức lại cơ thể nhờ xoa bóp thâm sâu làm bớt đi sự căng thẳng kinh niên của bắp thịt. Tôi cảm thấy mình đau ốm đến nỗi không bước ra khỏi giường được, nhưng Erling cố nài để tôi đi.

Trước hết tôi lấy máy bay đến Hongkong. Đến đó lúc khuya tôi lấy taxi đến khách sạn. Lúc khoảng 2 giờ sáng tôi thức dậy thấy đau đớn, nên tôi kêu điện thoại cho Varindra Vittachi, lúc đó đang điều khiển tờ báo The Asian. Tôi nói với ông mình đang trên đường đến Honollulu và tại sao. Ông rất tử tế. Ông kêu một người nữ Subud đến cùng ở với tôi cho có bầu bạn, và sắp xếp cho chúng tôi tới phòng ông ngày hôm sau, trong khi đang đợi chờ máy bay. Trên đường tới Honolulu chúng tôi gặp một cơn bão dữ dội nhất tôi chưa từng thấy trên một máy bay. Nó lắc lư hết nơi này tới nơi khác, đôi khi bị tạt vào những lỗ hổng không khí mà không lèo lái được. Những nhân viên phục vụ của máy bay cùng phải ngồi đeo dây vào ghế suốt lúc đó.

Tại Honolulu Stacey làm cho tôi được rất thoải mái nơi căn phòng thanh lịch của chị. Ngày hôm sau chị bắt đầu lối chữa trị Rolwing được coi là có thể cứu giúp tôi. Chị và tôi đều cùng tuổi và có những thích thú y như nhau – vừa là người Subud, vừa có cùng lối dinh dưỡng và cùng thích như nhau những thực phẩm tự nhiên.

Ngay sau khi tôi đến, lò nướng bánh bằng điện của chị nổ tung. „Điều đó chưa từng xảy ra với tôi trước đây“ chị la lên. Tôi nhớ lại là khi mình có mặt tại nhà của Varindra, một đồ dùng trong bếp cũng nổ cầu chi y như vậy với một tiếng nổ lớn. Hai ngày sau tôi đi coi bác sĩ. Khi ông cầm lên một bộ phận của máy khử trùng, thì nó bị đập mạch. Bên trong tôi hầu như bị nổ tung, và tất cả những biến cố đó khiến cho cảm thấy có một sự

ngẫu nhiên kì lạ. Tôi cảm thấy như có những liên hệ nào đó giữa nỗi đau buồn tâm lí của mình với những điều đã xảy ra của vật chất. Sau này tôi được đọc những quan sát của C.G.Jung về những biến cố thiếu nhân quả mà ông gọi là tính đồng bộ³⁵.

Một hôm Stacey mời tôi ăn trưa với một chiêm tinh gia nổi tiếng. Ông hỏi tôi có muốn cho ông lấy số tử vi của mình hay không. Tôi không muốn. Sau này Stacey cho tôi hay là ông đã nói: „Tôi không biết những gì đã xảy ra cho bà, nhưng nếu bà không sớm vượt qua được thì sẽ phải chết trong một năm.“

Một vài tuần lễ sau, tôi nghe nói Bapak viếng thăm Honolulu. Đây là một biến cố trọng đại với nhóm. Tôi không muốn đi dự buổi nói chuyện, vì người đi vòng quanh thế giới để xúc tiến ngân hàng. Sự đối kháng của tôi có nghĩa là tôi cũng mất đi sự hỗ trợ tâm lí mà quan hệ của mình với Bapak tạo cho. Điều đó được tự động cho thấy một cách bất ngờ nhất. Tôi là người rất tôn trọng luật pháp, nhưng lại thấy mình lái xe ẩu khi có đèn xanh đèn đỏ, khiến cho suýt gây ra tai nạn. Cảnh sát bắt tôi đem vô trạm. May mắn là tôi được thả ra, sau khi giải thích rằng mình bị căng thẳng. Tuy nhiên, điều trải qua đó khiến thật bàng hoàng. Bác sĩ của tôi có ý kiến là tôi rất dễ bị nguy hiểm đến nỗi, nếu không có sự trợ giúp ổn định của Erling và thẩm quyền của Bapak, tôi đã bị rơi vào thẩm quyền có tính biểu tượng của cảnh sát. Tôi thấy than thân, có nhiều bạn mới và đi bơi lội. Việc tôi ở Hawaii khiến cho thể chất mình được bình phục nhiều. Stacey trị liệu cho tôi nhiều lần theo lối Rolfing, và chúng tôi đi latihan đều đặn. Tôi dần dần bắt đầu thấy được tình trạng lộn xộn đó là do sự nghiêm khắc của mình. Tôi có vấn đề trong việc xử lí những đối nghịch – không chỉ là việc tâm linh chống với vật chất, như với ngân hàng, mà còn là một vấn đề căn bản hơn về việc đối phó với sự chống đối nơi bản thân mình. Phán đoán của tôi về việc thế giới vật chất đối nghịch với tâm linh có lẽ đã sinh ra do lối giáo dục Công giáo của mình, nhưng xúc cảm mãnh liệt về việc đó trở nên thâm sâu hơn.

Hiểu được như vậy thì cơn chấn thương tâm lí của tôi bắt đầu dịu đi. Kể từ đó trở đi tôi có nhiều khả năng hơn để nhận lãnh trách nhiệm về những ý kiến, những phán đoán và phản ứng của mình. Tôi ở Hawaii được 3 tháng, lúc cuối tôi cảm thấy mạnh khỏe hơn. Tôi được an bình

35 Synchronicity. Theo nguyên chú: Jung quan sát thấy những biến cố trong lĩnh vực tinh thần và thể chất thường liên quan về mặt ý nghĩa. Trong trường hợp trên, tôi bị căng thẳng đến nỗi làm cho „cầu chì mình bị nổ“, nghĩa là tôi có thể chết.

hơn với bản thân và Bapak.

Khi trở về Cilindak đầu tháng 7 năm 1972, tôi thấy có sự thúc đẩy đến thăm Bapak tại văn phòng. Lúc đó vào khoảng 10 giờ sáng. Văn phòng ở tầng dưới nơi Big House gần vườn và là nơi riêng biệt với khu vực của gia đình. Lối ra vào nằm dọc theo một hành lang thật ngắn phía khu vực có hàng rào vây quanh, nơi những người đến thăm có thể ngồi chờ đợi.

Văn phòng thoáng mát. Nó được điều hòa không khí, và ánh nắng buổi sáng được lọc qua những màn cửa trong mờ dọc theo những cửa sổ cao lớn bên hông. Đó là một căn phòng kích thước trung bình với một tấm thảm phủ kín sàn. Bapak ngồi bên một bàn giấy bằng gỗ tẻch được đánh bóng, trên đó có một điện thoại và những thứ để viết được đặt để gọn gàng. Tôi ngồi phía bên kia bàn đối diện người, lưng hướng về cửa.

Như một người cha hiền lành, người chào đón tôi. Chúng tôi nói chuyện bằng tiếng Nam Dương. Như mọi khi, người hoàn toàn hòa hợp với bản thân, và tôi cảm thấy căn phòng được sự hiện diện thanh thản của người thấm nhập vào. Tôi ngồi được 45 phút, và mỗi ngày trở lại đó trong mấy tuần liên tiếp. Tôi thường cảm thấy tin tưởng và rất trọng vọng Bapak.

Chúng tôi nói chuyện về những hi vọng của người là latihan sẽ bành trướng, và về những dự tính của người cho việc đó. Đôi khi chúng tôi bàn luận về tình hình thế giới, và những lúc khác thì về những chuyện thường nhật như người cảm thấy ra sao con nong của Jakarta. Giọng nói của người rất ân cần, nhưng có sức mạnh. Cuộc đối thoại luôn dễ dãi, ở mức trung bình, không về tâm linh cao siêu. Tôi không hề nói tới những lo âu của cá nhân mình, cũng không nói tới bản thân hay tới ngân hàng Subud.

Thái độ của người đối với tôi luôn thân thiện và tử tế, không có chút gì là lãnh đạm. Một cách tự nhiên người thích được trò chuyện. Bapak là một người có một cuộc đời để sống trên thế gian này, và lấy làm vui sướng được đàm luận cùng tôi. Tôi cảm thấy rất thư thái, như (trường hợp) giữa hai người đã hoàn toàn giáo phó cho latihan và cho sự hiểu biết là nó quan trọng đối với nhân loại. Bapak trông có vẻ cường tráng lúc đó. Có lần khi tôi đến thăm, người đang ăn đồ ngọt, thật là một điều bất thường. Người nói với tôi rằng bác sĩ đã khuyên mình bỏ hút thuốc. Người đã không mất nhiều thì giờ để nghe theo lời khuyên đó. Sau đó có những lúc đến thăm, tôi nhận thấy người cũng có thể không cần dùng tới những đồ ngọt thay cho hút thuốc.

Tôi dùng sự hướng dẫn nội tâm của mình về việc ngồi lại trong bao lâu. Tôi nhiều lần đến thăm Bapak một cách bất chính thức như vậy. Rồi y như tôi đã tự động đến thăm người, một hôm tôi không đến nữa. Do đó tôi học được một điều rất quan trọng –đó là sự thúc đẩy đến gần một người nhạy cảm và chu đáo như Bapak phải xuất phát từ tri giác nội tâm của mình. Nếu nó do tâm tình, mọi việc có thể hồng. Tôi cũng hay được Bapak như một cái gương. Nếu đến thăm người tôi phải tách biệt mình khỏi bản thân – nghĩa là những cảm xúc của mình - nếu không thì nó sẽ phản chiếu chính nó ngược lại nơi tôi.

Khoảng cuối năm 1972, một buổi chiều, tôi đang đi bộ trong khu vực của Wisma Subud thì nhận thấy có nhiều khách hải ngoại, Richard Engels của Đức, Francis von Kahler của Hoa Kỳ, Edward van Hien của Anh, và một hay hai người khác. Tôi nói với Erling về điều đó. „Tại sao đến mà không thông báo?“

„Bởi vì ngân hàng sẽ chuyển từ đức qua Nam Dương,“ anh nói.

Chuyện đó ngược đời đến nỗi tôi phải ngờ vực. Tôi đã trông thấy đồng tiền có thể bị quản lí tồi như thế nào ở Nam Dương. Trong một vài ngày, người ta thông báo là ngân hàng sẽ chuyển qua Jakarta.

Tháng hai năm 1973 chúng tôi ngạc nhiên, khi người nhà của Bapak nói với mình rằng Bapak đã bị „cúm“ - sức khỏe tốt của Bapak là điều thần kì. Haryono, ông con trai của Bapak, và bà vợ là Isman, họ đã ở Anh, chợt xuất hiện tại Wisma Subud. Ngày tháng trôi qua cho tới khi chúng tôi cuối cùng hay được Bapak đang dự một buổi họp về ngân hàng tại nhà một hội viên Nam Dương trong khu vực Wisma Subud, thì người đau ốm và phải ra đi. Người đã bị một cơn bệnh tim trầm trọng.

Tôi còn nhớ một người nữ ở đó đã nói rằng mình rất bức tức, vì sự thật đã bị giữ kín. Tuy nhiên, tôi có thể hiểu được rằng điều đó tốt hơn nên được giữ yên cho tới khi bệnh tình được chẩn đoán rõ rệt.

Các y sĩ chăm sóc đã kinh ngạc khi thấy Bapak bình phục. Người chịu đựng mà không than vãn hay lo âu. Vì tình trạng mình cải thiện, nên buổi sáng người thường đi dạo và nơi dừng chân cuối cùng thường là văn phòng thư kí. Một buổi sáng thứ ba tôi là phụ tá được phân nhiệm cho xuất latihan 11 giờ sáng của phái nữ, và đi mở cửa phòng tập. Người ta đã nói với tôi rằng Tuti có chìa khóa và cô có mặt tại văn phòng. Tôi thấy

một cánh cửa của phòng tập được mở và bước vào. Khi đến gần cánh cửa bên trong dẫn tới văn phòng, tôi có thể nghe thấy Bapak nói chuyện.

Để tránh làm người mất yên tĩnh, tôi mở cửa một cách rất khẽ và gọi Tuti đưa cho mình chìa khóa. Người tiếp tục nói nhưng hướng mình về phía tôi. Người nói tới cái chứng nghiệm Thăng Thiên. Sharif thông dịch nhưng tôi cũng có thể hiểu được những gì Bapak đang nói bằng tiếng Nam Dương. Rồi người nói với tôi: „Rất ít người biết được Bapak thực sự là ai. Haryadi, người con trai đã qua đời của Bapak thì biết được. Rochanawati biết được. Rahayu cũng thế, nhưng chỉ sau khi Ibu qua đời. Và một người khác nữa biết được là đứa con gái chị, Sandra.“

Tuy Bapak kém hoạt động hơn trong năm tiếp theo cơn bệnh tim, nhưng cái đà đang lên của hội vẫn tiếp tục. SBIF³⁶ được thành lập và kết hợp chặt chẽ tại Thụy Sĩ, để giữ gìn những tặng vật và di sản kế thừa hầu hỗ trợ cho những hoạt động của Subud. Những hội nghị vùng và quốc gia được tổ chức. Hội viên khắp nơi trên thế giới bắt đầu làm kinh doanh và những dự án phúc lợi – trường học, nơi ở cho người già, nơi trú ẩn cho trẻ mồ côi, tiếp tế thuốc men cho những quốc gia kém phát triển và nhiều điều khác nữa.

David được Erling khai mở cho ngày 18 tháng 4 năm 1973, ngày hội canh³⁷. Nó được 17. Tháng 6 nó học xong trung học và tháng 8 nó đến đại học California ở Berkeley để học môn kiến trúc.

Trong khi đó thì Bapak khởi xướng dự án xây cất một tòa nhà rộng lớn làm văn phòng trên một đại lộ chánh yếu của Jakarta. Công cuộc kinh doanh đó cũng là điều tạo nơi chốn trên mặt đất cho ngân hàng Subud. Như tất cả các dự án của Bapak, nó trước tiên có vẻ vượt ngoài những phương tiện của chúng tôi, nhưng hội viên khắp nơi trên thế giới đã đầu tư và nó có thể chậm chạp tiến hành. IDC, các kiến trúc sư và kỹ sư của Subud, hồi đó đạt được một vài thành quả trong việc thiết kế trường học, công xưởng và một thành phố nhỏ ở Sulawesi. Do đó mà nhân viên của IDC đã tăng lên được hơn 60 người. Họ có thể lãnh việc xây cất cao ốc văn phòng, và khi được hoàn thành nó là một cái tháp 12 tầng có thanh thế, với hãng dầu Shell, Hội đồng Anh quốc và những kẻ thuê mướn khác.

³⁶ Subud Brotherhood International coudation: quỹ tài trợ quốc tế của Hội Subud.

³⁷ Palm Sunday: ngày chủ nhật trước lễ Phục Sinh. (5) Water-line: vạch của mặt nước chạm mạn thuyền.

Trong khi kinh doanh được nhân mạnh làm nhiều người bận rộn, latihan và những buổi nói chuyện của Bapak tiếp tục là lí do khiến tôi ở Nam Dương. Cathy được khai mở ngày 16 tháng giêng năm 1975, một vài tháng trước kì sinh nhật thứ 18 của nó. Aminah và bà Irman, cả hai đều là phụ tá lâu đời ở Wisma Subud, hướng dẫn cuộc khai mở. Tôi đứng tách biệt, tuân theo sự hướng dẫn của mình là không để cho tâm cảm xen vào. Nó được khai mở có nghĩa là Mayko, Cathy và tôi, mọi người đều tập latihan.

Tôi nhớ tới một buổi sáng, có lẽ đó là lần đầu chúng tôi đi tập chung xuất latihan 11 giờ sáng, ba người chúng tôi mặc váy dài từ từ đi xuống cầu thang rộng lớn vào phòng tập. Ngoảnh mặt đi để khỏi phải trông thấy những việc khác, tôi đo lường bước đi của mình để làm cho hòa hợp với bước của Cathy, và ý thức được sự quan trọng của dịp đó. Điều đó đối với tôi có một chất lượng đặc biệt –việc cảm thấy có sự tiếp nối của ba thế hệ, tất cả đều mãn nguyện và được nổi bật do cái kích thước tối thượng của việc cùng nhau chia sẻ phụng thờ Thượng đế.

Trong 6 năm Erling làm chủ tịch của Hội đồng Nhà Cửa và đất đai của Ủy Ban Joint Embassy School của Jakarta, và có trách vụ xây cất một trường trung học cho gần 2000 học sinh. Ngôi trường đó không chỉ là nơi chốn giáo dục cho những đứa con của người ngoại quốc, kể cả những đứa của chúng tôi, mà còn là nơi tạo công ăn việc làm cho một số hội viên Subud là giáo viên. Nhờ có việc làm ở nhà trường, họ có thể được thị thực trên thông hành cho ở lại Nam Dương khiến họ được gần gũi Bapak.

Erling rất kĩ càng về vấn đề công bằng và lương thiện trong việc làm ăn, và là cứu tinh của những kẻ gặp khó khăn. Kết quả là anh thu hút được những kẻ cảm thấy mình đã bị đối xử không đúng. Vấn đề của họ bao gồm những điều từ việc được thị thực trên thông hành tới những điều kiện đầu tư cho những dự án Subud. Trong những giao tế của mình với giới kinh doanh, anh khá được kính trọng, và là đại diện ở Jakarta, trên một căn bản bán thời gian, cho một ngân hàng Mỹ.

Lúc này Erling tính tới việc từ giã Nam Dương. Khi có một cơ hội cho chúng tôi bán tư gia ở Wisma Subud, anh chụp lấy liền và chúng tôi tới ở một căn nhà thuê ở Jakarta để giải quyết những công việc của mình. Chúng tôi đi đi về về tới Wisma Subud để tập latihan, nghe Bapak nói chuyện và thăm viếng Mayko là người không muốn rời bỏ khu vực Wisma. Ông em tôi từ Chí Lợi tới để cho Mayko có bầu bạn.

Chị người ở của chúng tôi, Clementina, trong khi đó đã gặp một người Nam Dương và thành hôn với anh. Anh là tài xế cho sứ quán Mỹ, đem các đứa bé tới cùng một ngôi trường mà Sandra đã tới học. Anh rất tốt, đồng ý cho Clementina tiếp tục ở với chúng tôi và chăm lo cho Sandra cho tới khi chúng tôi sẽ ra đi.

Clementina nằng nặc đòi giữ niềm tin Công giáo, tuy anh là người Hồi giáo. Sau này sự phối hợp giữa những gì của Chí lợi và của Nam Dương tạo nên 3 đứa con xinh đẹp.

Trong thời gian đó tôi có một chứng nghiệm kì lạ nối kết mình với những quá trình thuộc tiềm thức của tâm thần. Điều đó xảy ra trong lúc mua si lúa mì của một nhà may bột mì. Nhận thấy họ bán hạ giá mầm hạt lúa mì với cám, một người bạn đề nghị tôi đóng gói lại tất cả để gửi tới một siêu thị ở địa phương. Sau khi chúng tôi coi sự viết tắt của Istimah – Is - là nhãn hiệu, cuộc tranh cãi trở nên sôi nổi và chúng tôi chọn cái tên Isis. Tôi lập tức cảm thấy có điều gì quan trọng về cái tên đó, mặc dù theo chỗ mình biết tôi chưa từng nghe nói tới vị nữ thần Ai Cập đó, hay tới phu quân Isis và sự chào đời của Horus. Một sự kích động lạ lùng xâm chiếm lấy mình, khi tôi đọc chuyện thần thoại trong bộ sách bách khoa. Lần đầu tiên đây là một sự chỉ dẫn về sự giao tiếp với tiềm thức của tôi thông qua biểu tượng, như được chứa đựng trong thần thoại. Sau này tôi phải trải qua nhiều chứng nghiệm mãnh liệt trong nội tâm, và theo sự hiểu biết của trí óc tôi thì đó là những điều có tính biểu tượng tương đương với câu chuyện về Isis. Nhưng tôi đã có thể cảm thấy được tác động của những sức mạnh cho thấy những biến đổi nội tâm vượt ngoài sự hiểu biết của mình. Những giấc mơ của tôi càng có tính chất biểu tượng hơn, khi càng trở nên thâm sâu hơn. Đó là khởi đầu của một thời kì lâu dài về cuộc chạm trán với những chỗ sâu của tiềm thức trong bản thân.

Tháng 9 năm 1975 chúng tôi quyết định đó là lúc giã từ Nam Dương.

Điều nằm dưới ngấn nước³⁸ của ý thức là sự phát triển của cá tính qua sự đương đầu giữa hai nguyên lí đối nghịch và những xung đột về bản phận. Cái quá trình của tôi sẽ không là một cuộc đi chơi ăn uống ngoài trời. Ban đêm một lời cầu nguyện làm tôi thức giấc: „Xin Chúa khoan dung cho con trong những ngày tháng đau buồn.“

38 Water-line: vạch của mặt nước chạm mạn thuyền.

Chương Mười Một

Giúp người và được giúp lại

Lần cuối cùng ở Nam Dương một câu nói trong lòng lặp đi lặp lại: „Đức Ki Tô đang trên Thiên đàng.“ Nó đến và đi một cách tự động. Về sau tôi nhận thấy điều đó khiến mình không chịu đựng được, khi nhìn Đức Ki Tô bị đóng đinh. Tuy liên quan tới cái quá trình nội tâm của tôi, nhưng việc đó bên ngoài hầu như là sự thật. Khi đi nhà thờ, tôi quyết định không nhìn Đức Ki Tô trên Thánh Giá.

Nếu tôi tình cờ nhìn thấy một cây thánh giá, điều đó khiến mình rơi nước mắt. Có lẽ đây là sự phát triển của điều gì bắt đầu ngay từ năm 1969, khi nửa tỉnh nửa ngủ tôi trông thấy đỉnh một ngọn đồi trên đó Đức Ki Tô bị đóng đinh. Kế đến tôi thấy người được đem xuống cây giá chữ thập và nằm trong vòng tay của Đức Mẹ Maria.

Tôi hiểu được „Đức Ki Tô đang trên Thiên đàng“ có nghĩa là Đức Ki Tô nằm trong lòng. Thế cho nên, cái cảm nghĩ mà tôi có về việc tình trạng đóng đinh không nên kéo dài nữa và Đức Ki Tô phải bước xuống Thánh Giá, là điều nhắc đến cái quá trình nội tâm của chính mình.

Về sau tôi rất thích thú đọc những điều C.G. Jung nghĩ về sự giải hòa với cái bản ngã thần thành – do Đức Ki Tô tượng trưng - là điều sẽ không còn bao lâu nữa sau cái chết, trong thời đại của chúng ta. Cái tình trạng tâm lí mới mẻ của thời đại chúng ta là - ông viết - „...con người cốt yếu

sẽ là Thượng Đế và người Thượng Đế³⁹ “ đây là việc nói lại bằng cách khác câu nói khiến ngạc nhiên của Bapak: „Bây giờ đích thân Thượng Đế xuất hiện.“

Tôi đi với Sandra tới Hawaii để đợi chờ Erling đã vẫn còn phải giải quyết chuyện làm ăn ở Jakarta. Mayko ở lại Wisma Subud, và Cathy trở về nông trại ở Tân Tây Lan.

Một hôm tôi đang tập latihan với hai người nữ trong căn phòng được thuê mượn ở Honolulu, thì chợt có lời nói „Đức Ki Tô đang trên Thiên đàng...“ nhưng lần này thì có thêm „...và Ma Quỷ...“ Tôi ngưng tập latihan; tôi không muốn có Ma Quỷ trong latihan mình. Tôi bắt đầu tập latihan một lần nữa, và những lời nói y như vậy lại lặp lại. Lập tức tôi ngưng tập như trước đó, để cho câu nói không được nói hết. Rồi một giọng nói bên trong tôi bảo „Người phải để cho nó đến“. Tôi tuân theo, thông điệp và lời nói đến „Đức Ki Tô đang trên Thiên đàng và Ma Quỷ đang trong sự tối tăm của các hệ thống.“

Khi điều đó xảy ra, tôi được làm cho hiểu rằng việc câu nói trong lòng đã được nói hết, là vì có một phụ tá là biểu tượng của một người tin vào hệ thống.

Cái thông điệp trong lòng đó không mất đi, và trong nhiều dịp đã giúp tôi hiểu được những sức mạnh hoạt động trong những quan hệ của con người.

Quyết định từ biệt Nam Dương của chúng tôi là điều gì xảy ra dần dần. Erling vừa bỏ nhiều giờ cho sự xây cất Joint Embassy School, vừa là tư vấn cho một hãng Nam Dương điều đình những chuyện làm ăn chung với những công ty ngoại quốc. Khoảng năm 1975 ngôi trường trên căn bản đã xây xong, và việc có thêm những dự án mới cho công ty Nam Dương đã bớt đi, do tình trạng suy thoái tài chánh của Nam Dương năm trước đó, khi giá dầu hỏa suy sụp. Erling cảm thấy cái thời gian ở Nam Dương của mình đã tới hồi kết thúc thật hợp lí.

Mặt khác, tôi đã hoàn toàn hòa nhập vào đời sống ở Nam Dương. Tôi có thể tiếp tục sống ở đó một cách vui vẻ, nhưng cũng gắn bó chặt chẽ với tình trạng của Erling. Nhìn lại, đó là điều đúng ở nhiều mức độ, khi chúng tôi ra đi. Sự đóng góp của tôi cho Subud và cho sứ mệnh của Bapak đã bị

39 nguyên văn: man will be essentially God and God man.

giới hạn, vì có phụ tá Nam Dương chăm sóc cho hội viên Nam Dương. Bên ngoài Nam Dương, tôi có thể chia sẻ những kinh nghiệm mình có nhờ đã sống gần Bapak. Tuy thế, tôi nhận thấy từ già Nam Dương là điều rất khó khăn, và tôi đặc biệt thấy buồn phải từ già Bapak.

Chúng tôi trở về Tân Tây Lan tháng giêng năm 1976, và thuê được một căn nhà ở Howick, miền Nam Auckland. Chúng tôi tham dự những hoạt động của nhóm Subud Auckland, và sau 3 tháng hay vào khoảng đó, tôi được yêu cầu gia nhập nhóm phụ tá. Chúng tôi có 7 phụ tá nữ, và gặp nhau mỗi tuần để tập latihan tại trụ sở Subud ở Sandringham. Chúng tôi rất thân nhau. Mọi người đều tận tâm thi hành nhiệm vụ phụ tá theo hết khả năng mình. Những buổi họp của chúng tôi đều có sự sáng suốt giao phó cho tình trạng nội tâm của mình. Chúng tôi không xã hội hóa⁴⁰ hay đi uống trà, khi công việc tâm linh chưa xong xuôi. Như vậy và bằng cách làm trắc nghiệm chung nhau, chúng tôi tin cậy nhau hơn, và được hội viên kính trọng, khi họ có vấn đề cần được giúp đỡ.

Năm tháng trôi qua, tôi nhận thấy mình quan tâm tới vấn đề lựa chọn trong hoàn cảnh của con người. Tôi để ý thấy thường thường chúng ta không tự do lựa chọn - những hành vi của chúng ta phần nhiều là phản ứng. Trong khi đó thì trong nhóm phụ tá chúng tôi bắt đầu trắc nghiệm những câu hỏi không do những nhu cầu của mình. Với thời gian, những câu hỏi trở nên thâm sâu hơn, có tính cá nhân hơn.

Chợt tôi hiểu rõ được. Trong lúc trắc nghiệm cách xử lý một cảm xúc của mình, tôi nghiệm được một trạng thái phân chia rõ rệt giữa bản thân và phản ứng của mình. Trạng thái đó cho tôi thấy được sự khả dĩ của lựa chọn.

Tôi đã trắc nghiệm (để nghiệm lại một lần nữa cảm xúc của mình): „Phản ứng của mình ra sao?“ Rồi lập tức trắc nghiệm một lần nữa: „Mình cảm thấy như thế nào, nếu trong lòng được tách biệt khỏi những sức mạnh cả bên ngoài (do hoàn cảnh) lẫn bên trong (do phản ứng của mình đối với vấn đề)?“

Sự trong sáng của cái trạng thái là kết quả và được tách biệt, là điều khá khác biệt. Trong trắc nghiệm thứ nhất tôi xúc động. Trong trắc nghiệm thứ nhì tôi được tách biệt trong lòng khỏi cảm xúc. Sau trắc nghiệm tôi cảm thấy không bị vướng vào vấn đề nữa, và được an vui.

40 Socialise: có lẽ điều tác giả muốn nói là tụ họp để trò chuyện hay ăn uống.

Bapak đã đề cập tới sự tách biệt đó, khi tôi sắp đi khỏi Nam Dương. Tôi đã hỏi người về tình trạng của Mayko. Tôi nói: „Bapak, tôi để Mayko lại nơi đây, nhưng tôi lo lắng.“

„Thế à“ Bapak đáp „Bapak cũng y như vậy. Bapak có đủ thứ vấn đề. Chỗ khác nhau là Bapak có thể *tách biệt*, nhưng Mayko thì không. Hiện nay chưa được!“

Bây giờ tôi hiểu được theo kinh nghiệm của chính mình những gì Bapak đã muốn nói.

Trong nhóm phụ tá, chúng tôi bắt đầu nói chuyện và trải nghiệm, tìm cách hiểu được. Trong latihan, chúng tôi hỏi cho mình được chỉ thấy điều này ảnh hưởng tới cảm xúc và do đó tới linh hồn mình như thế nào, nếu chúng tôi sống trong trạng thái được tách biệt của nội tâm, và ngược lại nếu chúng tôi vướng vào cảm xúc, tư tưởng, ý nghĩ cố định và vân vân. Chúng tôi có thể nghiệm được mình được tự do như thế nào, nếu trong lòng được tách biệt, và cái trạng thái thông thường là một tình trạng thiếu ý thức trong đó chúng tôi không được lựa chọn – chỉ có những hành động và phản ứng thay nhau tiếp diễn. Sự hiểu biết sâu sắc đó có một ảnh hưởng quan trọng cho đời sống của tôi, và là một đề tài luôn trở lại trong tất cả những công việc phụ tá của tôi tiếp theo đó. Tôi thấy cái tình trạng đó là điều vốn có trong latihan. Bapak đã mô tả nó theo thuật ngữ của sinh lực:

Do đó mà ta cảm thấy trong latihan nội ngã không còn bị ảnh hưởng của dục vọng và tâm trí, nghĩa là trong latihan nội cảm đã thực sự được tách biệt khỏi những thứ đó.

Tại sao dục vọng, tâm trí, lại nên được tách biệt khỏi nội cảm, khi đó là cái trạng bị quan trọng nhất của con người cho thể gian này có thể được dùng để gia tăng và mở rộng kiến thức? Sở dĩ vậy là vì, trừ phi dục vọng và tâm trí được tách biệt, nội cảm không thể được trong một trạng thái trong sạch khi tiếp nhận latihan, khiến cho nội cảm không thể giao tiếp với Nguồn Đại Sinh Lực trên thực tế đã thấm vào nó bên trong và bên ngoài.

Đó là nguyên nhân khiến cho dục vọng và tâm trí phải được tách biệt khỏi nội cảm. Trong trạng thái đó nội cảm sẽ thức tỉnh và có thể nhận diện được sự tồn tại của những loại sinh lực khác nhau chảy vào và ra và

làm cho chuyển động. Cuối cùng nó có thể phân biệt được giữa cái tốt và xấu, đó là giữa sinh lực bắt nguồn từ bản ngã con người chân thực và sinh lực do những sức mạnh dưới trình độ con người, như những sinh lực vật chất, thực vật, thú vật và sinh lực của con người.

Khi tiếp nhận latihan, người tiếp nhận thực sự được quyền năng của Thượng Đế hướng dẫn để đạt được cái khả năng phân biệt được những loại sinh lực khác nhau nơi con người (hóa học trong lĩnh vực tâm linh) và điều này sẽ cuối cùng khiến hiện thực được cái bản ngã chân thực và loại trừ cái bản ngã giả tạo.

Basis and Aim of Subud 1969

Như nhiều hội viên tôi có thể sống theo một lối khiến mình có thể tác động ngược lại đôi chút, do kết quả của latihan, mà không vạch rõ đó là sự tách biệt. Bây giờ, cái trắc nghiệm của tôi đã tăng cường được điều đó, khiến tôi có thể nhìn thấy rõ rệt hơn. Bapak giải thích trong một nói chuyện sau này tại sao có những mức độ của ý thức về tách biệt.

Bapak muốn giải thích cho các bạn về chữ “Tôi”. Chữ “Tôi” là điều rất quan trọng để có và dùng. Nhưng nếu các bạn hiểu lầm hay dùng sai, hay nếu các bạn không hiểu rõ, thì điều này cũng có thể rất nguy hiểm, vì chúng ta luôn nói “Tôi làm điều này”, “Tôi làm điều nọ” hay “Tôi biết điều đó”. Nhưng ai là “Tôi”?

Bản chất một con người bao gồm điều chúng ta gọi là sức mạnh hạ đẳng. Có những yếu tố của sự sống trên thế gian này tham dự vào bản chất chúng ta, và nhờ đó chúng ta có thể sống nơi đây. Bắt đầu là sức mạnh vật chất. Nếu quên lãng cái sức mạnh đó, chúng ta không thể tạo nên nhà cửa, quần áo, phương tiện di chuyển và vân vân. Rồi có sinh lực thực vật mà chúng ta nhận được do ăn uống và như vậy tạo thành cái cơ thể vật chất của mình. Sức mạnh thú vật nhập vào chúng ta qua thịt thà và những sinh vật cực nhỏ.

Rồi có sinh lực của con người. Tất cả những cái đó và những sức mạnh cao hơn ở chung nhau nơi bản chất mình. Đó là những người bạn. Vậy chúng ta phải ý thức được nó, sống với nó và biết cách xử lý nó. Nếu chúng ta thực sự biết được, Thượng Đế cực kì minh triết, tốt lòng và toàn thiện trong những gì Ngài đã tạo cho chúng ta. Nhưng những sinh lực đó chỉ cho thế gian này. Nó đi theo chúng ta chỉ tới ngưỡng cửa của cái chết,

phía ngoài điều đó chúng ta không cần nó nữa và không còn thể chia sẻ cuộc đời mình với nó.

Nhắc lại, bản chất chúng ta có đầy các sinh lực, mỗi cái đều ganh đua để gây ảnh hưởng trong bản chất mình. [Chúng ta cảm thấy đó là những nhu cầu, ước vọng và ham muốn của mình] Vậy khi chúng ta nói “Tôi” thì điều này không mấy dễ, nếu hiểu được rõ ai là “Tôi” và ai đang ảnh hưởng tới “Tôi” trong lúc đó.⁴¹

Mục đích và ý nghĩa của latihan kedjiwaan là khiến chúng ta có thể nghiệm được sự tách biệt của cái “Tôi” khỏi tất cả những sức mạnh hạ đẳng biểu hiện bên trong mình qua nafsu (dục vọng) Latihan tập luyện cho chúng ta thường xuyên nghiệm được sự tách biệt của cái “Tôi” hay cái “Tôi” đích thực khỏi tất cả những sức mạnh hạ đẳng, khiến cho dần dần chúng ta biết được ai là “Tôi”, khi “Tôi” không còn bị ảnh hưởng của (sức mạnh) vật chất, thực vật, thú vật và con người.

Chính sự phân biệt đó, sự tách biệt đó, là ý nghĩa của latihan kedjiwaan trong đời sống mình.

Để làm điều đó [sự tách biệt] các bạn đã được ban cho điều gì mà mình ý thức được là có sự sống bên trong cuộc sống mình sự sống đó bên trong cuộc sống mình là tác dụng của quyền năng Thượng Đế. Đó là điều gì mà Thượng Đế đã đặt để vào trong bản chất mình.

Quyền năng của Thượng Đế có trong tất cả những gì Ngài đã tạo ra sự khác biệt duy nhất là: tạo vật nào của Ngài ý thức được sự hiện diện của quyền năng Thượng Đế và tạo vật nào không ý thức được? Đó là sự phân biệt trở nên hiển nhiên trong latihan kedjiwaan.

Vancouver 11.07.81

Chúng tôi đã làm trắc nghiệm về sự tách biệt coi đó là một hành động cho một vấn đề đặc biệt nào đó. Chẳng bao lâu chúng tôi nhận thấy rằng theo lí tưởng thì điều đó nên luôn luôn là tình trạng tự nhiên của mình – và là một điều mà chúng tôi có thể tiến tới, mặc dù phần đông chúng tôi có lẽ sẽ không bao giờ đạt được. Trong khi đó thì nhóm phụ tá nhỏ bé

41 Theo nguyên chú: C.G.Jung mô tả một song đề tương tự theo thuật ngữ của tâm lí học: “Chúng ta có thói quen nói... ‘Tôi có ham muốn hay thói quen hay cảm xúc oán giận’ thay vì đúng hơn là ‘Ham muốn này hay thói quen kia hay cảm xúc oán giận nọ đã chiếm lấy tôi’

của chúng tôi ngồi lại với nhau để làm việc chung. Chúng tôi dùng trải nghiệm theo cách Bapak đã làm – để cho thấy cái khả năng đã có trong latihan. Chúng tôi không đi xa hơn sự tiến bộ của ai đó (hội viên), và không đưa ra một giáo lý hay phương pháp.

Khi trải nghiệm một câu hỏi với một hội viên, chúng tôi bắt đầu bằng cách chấp thuận là người nữ nên cố gắng tự tiếp nhận lấy giải đáp, thay vì dựa vào chúng tôi (phụ tá). Chúng tôi chỉ đứng đó như là chứng nhân – tiếp nhận giải đáp trong latihan mình.

Sau trải nghiệm hội viên sẽ (tự nguyện) mô tả những gì nghiệm được, và chỉ khi đó, nếu được yêu cầu, chúng tôi mới cho hay về sự tiếp nhận của mình. Như thế hội viên có cơ hội hiểu rõ được những gì mình nghiệm được mà không bị ảnh hưởng công khai của phụ tá.

Chúng tôi nhận thấy điều đó đáng làm vì hai lý do. Sự tiếp nhận của chính hội viên, nếu rõ rệt, sẽ làm cho mình tin tưởng hơn sự tiếp nhận của người nào đó khác, và kể đến là người hội viên trách nhiệm với sự hướng dẫn của chính mình.

Tuy nhiên, phụ tá đôi khi phạm lỗi lầm là lý giải hay giải thích, thay vì mô tả sự tiếp nhận của mình. Người phụ tá bắt đầu suy nghĩ và cho biết ý kiến, do đó mất liên lạc với sự trực tiếp của trải nghiệm. Điều đó là do sự thiếu kinh nghiệm của phụ tá, và có thể làm cho người hội viên và những phụ tá khác bị rối tung lên.

Lỗi lý giải thường thấy là việc dùng thí dụ. Tôi nhận thấy thí dụ là không cần thiết, và làm cho một cá nhân (với latihan) bị lãng trí trong lúc cố gắng tìm thấy sự hướng dẫn của nội tâm. Các thí dụ đều do tâm trí và lối kéo chúng ta đi xa khỏi nội cảm để vào lĩnh vực của cảm xúc và tư tưởng.

Có nhiều dấu hiệu về việc một người nào đó đã mất liên lạc với nội cảm mình: một cuộc tranh luận không thích đáng sẽ bắt đầu, người phụ tá sẽ tìm cách an ủi ai đó với những lời lẽ ân cần hay bằng cách ôm xiết, hoặc có một người khác sẽ bắt đầu khóc trong khi giải thích – nước mắt đôi khi là một dấu hiệu (cho thấy sự lằm lặc) về việc ai đó đang dùng tâm cảm để giải quyết một vấn đề tâm linh, và vân vân.

Chúng tôi cùng làm lỗi trải nghiệm được Bapak đề nghị, để cảm

nghiệm được việc những bộ phận khác nhau của cơ thể được sinh lực của latihan làm cho cử động. Có một lối theo đó phụ tá chỉ việc yêu cầu người hội viên cho thấy: “Điều này sẽ như thế nào, khi chân bạn đi đứng do latihan?” Rồi nó sẽ cử động do latihan. Tiếp theo có thể có những trắc nghiệm tương tự đối với tay và vân vân. Sau này làm phụ tá quốc gia tôi nhận thấy trắc nghiệm về động tác của cơ thể có thể có ích lợi, trước khi bắt đầu trắc nghiệm để được hướng dẫn. Tôi bắt đầu bằng cách hỏi, “Cho thấy chân được cử động như thế nào do latihan?”, tiếp theo là cánh tay và đầu, và cuối cùng điều được yêu cầu là: “Bây giờ tập latihan làm cho tất cả các bộ phận của cơ thể được cử động.”⁴² Latihan của những người tham dự tập được thâm sâu hơn, và sự tiếp nhận của họ trong cái trắc nghiệm tiếp theo đó trở nên rõ rệt hơn.

Thinh thoảng Bapak đã tiếp cận kinh nghiệm latihan của chúng tôi từ một chỗ đứng mới mẻ. Tôi nhận thức được về phần mình chúng ta phải ngăn ngừa cái khuynh hướng biến những trắc nghiệm hay giải thích của người thành phương pháp hay hệ thống.

Trong công việc phụ tá chúng tôi gặp sự ngộ nhận về quy thuận trong Subud – trong sự đối phó với những vấn đề của đời sống hằng ngày - coi đó là đồng nghĩa với bỏ cuộc. Người ta nghe thấy ngay cả một phụ tá đã nói với ai đó có vấn đề, “Chỉ việc quy thuận” (nghĩa là loại trừ nỗi lo âu của mình ra khỏi trí óc) Những việc làm chạy bỏ một cách trống trơn như vậy chẳng dẫn tới đâu hết. Tuy nhiên nếu vấn đề có thể được làm cho trở nên rõ rệt và sáng suốt bằng cách trắc nghiệm trong latihan, thì quy thuận có thể có chiều hướng.

Sau này, Bapak có một buổi nói chuyện ở Melbourne đề cập tới vấn đề quan trọng đó. Người nói:

Việc trắc nghiệm này không chỉ được dùng cho những vấn đề bên ngoài, mà còn được dùng cho mọi việc, kể cả bản chất các bạn, kể cả latihan các bạn. Bapak muốn cho các bạn hay là các bạn đừng bao giờ trở nên thờ ơ. Mà thực vậy, các bạn phải quy thuận Thượng Đế trong latihan, chúng ta quy thuận Thượng Đế, nhưng quy thuận không có nghĩa là trở nên thờ ơ, nó không có nghĩa là chấp nhận bất cứ những gì xảy ra, mà không muốn hiểu tại sao. Vancouver 11.07.81

⁴² Theo nguyên chú: Khi làm cái trắc nghiệm đó với chúng tôi, Bapak thường thêm vào đó giọng nói và mắt, và đôi khi cảm xúc và ý thức.

Thời gian trôi qua, tôi nhận thấy sự chú tâm đó là điều kiện tiên quyết đem latihan vào đời sống hằng ngày, đặc biệt là lúc tạm ngừng trước khi hành động. Khi ý thức được nội cảm trong lúc tạm ngừng đó, tôi nghiệm thấy sự lợi ích của việc bên trong được tách biệt. Tôi gọi điều đó là dọn chỗ cho sự hướng dẫn nội tâm, hay tiếp xúc với nội ngã, hay chỉ là trở nên sáng suốt hơn. Nếu tôi không quên latihan, mọi việc được tốt đẹp. Nếu quên hay cầu thả, tôi thường được nhắc nhở bởi điều gì bị trục trặc. Học được điều đó không là chuyện sớm chiều, nhưng tôi càng tạm ngưng để tiếp xúc với nội cảm, thì điều đó càng trở thành một lối sống.

Đầu năm 1979 tôi được chọn trở thành một trong ba phụ tá quốc gia. Điều này có nghĩa là tuy hoạt động chánh yếu của tôi vẫn là làm việc chung với nhóm phụ tá địa phương, nhưng trên toàn quốc tôi phải đại diện cho họ và tiếp xúc với những hội viên Tân Tây Lan bằng cách đi đây đó hay bằng thư từ. Tôi trở nên tích cực trong việc sắp xếp những hội họp cuối tuần của phụ tá quốc gia được tổ chức tại những thành phố lớn. Song song với sự chuẩn bị ngoại diện, tôi có thể mỗi lần cảm thấy sự chuẩn bị nội tại. Có lần, một vài ngày trước một cuộc họp của phụ tá nữ tại Christchurch từ khắp nơi của Tân Tây Lan, tôi tiếp nhận được “Tấm lòng thấm đầy Sự Vui Vẻ của Thượng Đế không thể gây tội”.

Buổi họp tiêu biểu cho những hội họp hai lần mỗi năm của chúng tôi, bắt đầu chiều thứ sáu và chấm dứt trưa chủ nhật, và thời gian thì được hoàn toàn dành cho latihan và trắc nghiệm. Có 20 người nữ hay vào khoảng đó. Thật là thú vị khi thấy được những cái đẹp nhất của mọi người, họ để lộ nữ tính trong những bộ đồ và thành thật trong sự tận tâm của mình. Những người mà các vấn đề của mình đã là một gánh nặng bắt đầu trông có vẻ thư thái và tự nhiên, và những người là nội trợ suốt ngày và bà mẹ của những gia đình đông con có thể lột bỏ cái vai trò của mình để trở thành chính mình.

Chúng tôi trắc nghiệm để tìm thấy những chướng ngại cản sự tiến bộ trong latihan. Mỗi phụ tá cũng được trắc nghiệm, và người được trắc nghiệm trước tiên thuật lại sự tiếp nhận của mình. Rồi những phụ tá khác kể lại sự tiếp nhận của họ, thông thường thì những kết quả đều như nhau, nhưng theo những lối nhìn khác nhau. Điều này rất bổ ích và khiến chúng tôi cảm thấy được gần gũi nhau.

Một vài người nữ đem những vấn đề trong đời sống vợ chồng ra trắc nghiệm. Nhờ điều đó mà chúng tôi hiểu được rất nhiều về nam và nữ.

Bằng cách trải nghiệm khi nào mình hành động theo nữ tính và khi nào theo nam tính, một người nữ có thể có một sự hiểu biết mới mẻ về bản thân mình. Điều này không có nghĩa là tất cả các vấn đề sẽ được giải quyết. Thường thường thì như việc trồng một hạt giống.

Trải nghiệm với một người nữ để xem coi người chồng cảm thấy như thế nào, khi mình hành động theo nữ tính rồi theo nam tính, thường khiến cho người nữ hiểu được phản ứng của chồng mình. Như thế người nữ sẽ có trách nhiệm với chính mình. Cái trải nghiệm nam-nữ cùng cho thấy cái nam tính trong vô thức có thể dùng như thế nào sự ham muốn của người nữ muốn được là chính mình, điều này thật hiển nhiên trên thế giới hiện nay, khiến cho hậu quả là người nữ trở nên hung hăng một cách không thích đáng, và đánh mất đi những gì thuộc về nữ tính của mình.

Các phụ tá nữ thích được biết khi nào mình hành động theo nữ tính, và khi nào mình hành động theo cái phương diện nam nhi. Trải nghiệm thêm thì chúng tôi nhận thấy nếu có thể “quan sát” trong một trạng thái tách biệt, thì chúng tôi có thể có chức năng hoặc thuộc về nữ tính, hoặc thuộc về cái phương diện nam nhi, nhưng không bị vướng mắc vào nó mà không ý thức được gì hết. Nếu có thể làm như vậy, chúng tôi có thể hành động theo cái phương diện nam nhi mà không mất liên lạc với cái nữ tính của mình.

Làm phụ tá thỉnh thoảng bị thử thách. Trong một buổi họp toàn quốc, một hội viên, một kẻ rất đối nghịch với phụ tá, nhân cơ hội đó quyết nói cho tất cả chúng tôi biết tại sao phụ tá không tốt. Chúng tôi ngồi nghe tất cả những gì người nữ đó nói, và yêu cầu đương sự tập chung latihan với mình. Kết quả là đương sự trở nên rất điềm tĩnh, thái độ đối với chúng tôi hoàn toàn thay đổi. Latihan đã giải quyết được những gì mà chúng tôi không thể.

Tháng 4 năm 1981 phụ tá Tân Tây Lan được đi dự hội nghị Úc Châu ở Brisbane. Nơi đó chúng tôi chia sẻ với các đồng nghiệp Úc những gì mình đã làm trong những buổi họp phái nữ của chúng tôi. Một vài tuần lễ sau, điều đó khiến cho người Úc sắp đặt có một buổi họp toàn quốc tại St. John College ở Sydney, và mời các phụ tá Tân Tây Lan đến.

Điều đó và những hội họp kế tiếp của phụ tá và hội viên thuộc hai quốc gia, những người hoàn toàn tận tâm với tâm linh, đã rất thành công. Những việc đó tạo cơ hội cho phụ tá nói rộng kinh nghiệm của mình,

và cho hội viên dịp có những thời kì latihan được kéo dài và được trải nghiệm chung nhau, như điều chỉ có phụ tá đã làm cho tới nay. Hiện nhiên có một chỗ trong Subud cho những hội họp toàn quốc hoàn toàn dành cho latihan – khác với những hội nghị quốc gia trong đó những vấn đề tổ chức chiếm hết chương trình nghị sự.

Kể từ đó Tân Tây Lan và Úc đã nỗ lực tổ chức những hội họp của phụ tá trong nhiều ngày coi đó là sự kiện mở đầu cho mỗi hội nghị quốc gia. Cách “đặt latihan lên hàng đầu” có kết quả là những hội nghị tiếp theo được thành công và hòa hợp hơn. Phụ tá trở nên tích cực hơn (trước kia thì tiêu cực) bằng cách đóng góp vào cái sắc thái và môi trường trong đó phương diện quản trị làm việc.

Song song với công việc phụ tá, cái quá trình thanh lọc của tôi cũng được nhanh thêm. Tuy ý thức được nhiều hơn những nhu cầu và cảm xúc của người khác, nhưng đôi khi cái quá trình của chính tôi thật khó giải quyết. Những giấc mơ của tôi có vẻ như cho thấy mình đang thanh lọc những di tích của tổ tiên và những hậu quả của thời thơ ấu. Có những lúc tôi cảm nghiệm được nỗi đau buồn tột bậc trong lòng. Đọc C.G.Jung tôi thấy điều mình nghĩ là đúng, khi ông mô tả sự cá tính hóa⁴³ (5) là một quá trình biểu thị sự xung đột trong nội tâm.

Trong lúc đó khả năng tâm linh của Sandra trở nên hiển nhiên hơn. Một hôm ngay sau khi đến Tân Tây Lan, lúc nó được 10 tuổi, tôi cho nó ăn sáng trước khi đi học. Khi tôi đứng gần nó và tự hỏi mình về một giấc mơ đã có sáng hôm đó, nó hỏi tôi: “Má, Con vừa trông thấy một điều gì. Nó ngay trước mặt con trên chỗ cao nhất của bàn. Con trông thấy với mắt mở, một hiện ảnh.” Nó mô tả một người đàn ông với bộ râu dài màu trắng và căn nhà của ông. Ông có 7 con chim bồ câu⁴⁴.

Người đàn ông với bộ râu trắng (mà Sandra gọi là “thầy phù thủy”) là một nhà hiền triết già – một tính chất nguyên mẫu⁴⁵ tượng trưng cho nguồn gốc của sự minh triết. Hiện ảnh đó báo hiệu sự khởi đầu của một

43 Individuation: theo Jung đó là một quá trình phát triển cá tính để tiến tới điều ông gọi là cái Tôi, cái toàn thể nội tâm.

44 Theo nguyên chú: 7 con bồ câu trắng tượng trưng cho 7 đặc ân của Chúa Thánh Thần. Trong đạo Công giáo đó là Minh Triết, Hiểu Biết, Khuyên Răn, Dùng Cảm Chịu đựng, Kiến Thức, Mộ đạo và Kính Sợ Chúa.

45 Archetypal character: theo Jung đó là những mẫu đầu tiên, bẩm sinh và phổ quát, cho những ý niệm được dùng để lí giải những gì được quan sát.

quá trình nhờ đó Sandra đáp ứng được nhu cầu của một người khác, bằng cách thấy được một hiện ảnh chứa đựng điều cần phải hiểu được. Nổi quan tâm không nói ra của tôi về giấc mơ đã là động cơ trong trường hợp nói trên.

Hồi đó, vì điều đó còn mới mẻ, nên tôi không thấy được là những hình tượng trong hiện ảnh có liên quan tới giấc mơ của mình. Những hiện ảnh tiếp theo cho thấy sự xuất hiện của “ông thầy phù thủy trắng bạch” là điều trọng trung cho sự biểu hiện của sự minh triết có tính nguyên mẫu được truyền đạt hoặc do những gì ông nói, hoặc do những hình ảnh liên hệ. Trong 15 năm sau đó, Sandra trông thấy hàng trăm hiện ảnh được ghi lại trong nhật kí của tôi, khi nó có mặt bên cạnh tôi trong suốt cái quá trình thanh lọc.

Những hiện ảnh của Sandra⁴⁶ gồm nhiều cái mới và trở đi trở lại. Một ví dụ: một buổi chiều tháng giêng năm 1977 ngay trước khi tối mù, tôi và nó cùng đi xe đạp, thì chợt nhiên nó nói, “Má, con thấy một hiện ảnh trong đó mình đang đi xe đạp trên trời. Có lửa cháy và con đi qua đó mà không suy nghĩ gì hết. Đi qua lửa con thấy được tất cả những nhân vật xuất hiện trong hiện ảnh: Moses, Jesus, ông Phù Thủy Trắng Bạch, Santa Teresa⁴⁷, Đức Mẹ Maria, và người đàn bà xinh đẹp với bộ đồ hai màu sắc cầm một trái banh tròn có dây gai⁴⁸ .

Đôi khi Sandra thấy một hiện ảnh về bản thân, như điều sau đây khi nó được 14. Tôi đang lái xe từ trường học về nhà, thì chợt nhiên nó nói, “Má, con vừa trông thấy một con đại bàng màu trắng to lớn. Đang phía trên xe hơi nó nhào xuống. Nó nhập vào lòng con và quay mình hướng về phía con đang hướng. Nó có cặp mắt màu nâu đỏ, và một năng lực oai nghiêm, thuộc về trực giác. Mắt nó có vẻ như nhìn xuyên qua được một người nào đó và đi vào linh hồn họ. Cũng qua cặp mắt đó, con có thể nhìn ra ngoài cái thế giới của chúng ta tới những thế giới khác chưa từng biết.”

Tháng 5 năm 1977 cùng chung phần với một gia đình Subud khác,

⁴⁶ Theo nguyên chú: Sandra luôn thấy những hiện ảnh trong trạng thái tỉnh giấc và sáng suốt, khác với giấc mơ.

⁴⁷ Nữ tu dòng Carmelite thuộc thế kỉ 16.

⁴⁸ Theo nguyên chú: hiện ảnh của Sandra có những biểu tượng phổ quát, do đó ta thường có thể lí giải theo bối cảnh. Tuy nhiên, sau một thời gian, Sandra nhận được luôn cả ý nghĩa của hiện ảnh.

chúng tôi mua một bất động sản rộng 4 hecta, tại Whitford, miền Nam Howick, khu bờ sông. Nó viết thư cho Bapak nói mình muốn thay đổi tên. Nó yêu cầu Bapak cho mình một cái tên tròn vẹn, chứ không là một tên họ viết tắt. Bapak cho cái tên Erica.

Tháng 6 Bapak bắt đầu đi khắp thế giới và đề nghị để Mayko ở lại với chúng tôi tại Tân Tây Lan khi mình vắng mặt.

Ngày trai giới thứ 30 của Ramadhan trong năm 1977 chấm dứt vào ngày 15 tháng 9, và theo thông tục chúng tôi ăn mừng với một selematan tại trụ sở Subud Auckland. Sáng hôm sau tôi thức dậy sau một giấc mơ đáng chú ý.

Tôi nghe nói trong chuyến đi vừa qua Bapak đã trải nghiệm một vài điều rất mãnh liệt – những điều đáng sợ, những chứng nghiệm trong cơ thể. Tôi không có mặt tại đó, nhưng bây giờ thì Bapak sẽ trải nghiệm một lần nữa. Bapak xuất hiện như một nhà hiền triết đông phương, mặc một áo choàng, trông không như ông Bapak mà tôi đã quen biết. Người già đi, rất minh triết và có uy quyền. Người đứng trước cử tọa, và tôi ngồi khoảng hàng thứ tư. Chúng tôi ngồi trên những chiếc ghế dài, và trước mặt chúng tôi là những tay vịn bằng gỗ như phần sau của những ghế dài có tựa trong nhà thờ, nơi chúng tôi có thể đặt tay lên.

Bên phải của tôi là một Bapak khác đang ngồi và hoàn toàn khác biệt với ông Bapak trước mặt nhưng cũng đáng kính trọng và có uy quyền. Điều này như việc ông Bapak trước mặt đang điều khiển đời sống tâm linh, và ông Bapak ngồi gần tôi thì thuộc cái thế gian này nhiều hơn. Thật là một vinh dự được thấy người ngồi gần tôi. Mọi người đều biết điều đó.

Khi trải nghiệm bắt đầu, đó là điều liên quan tới việc ngửi một mùi cay sè. Nghi lễ⁴⁹ thật độc đáo. Tôi đặt tay lên chỗ vịn bằng gỗ, như để cầu nguyện, và ông Bapak gần tôi cùng làm y như vậy, làm theo động tác của tôi. Một trải nghiệm khác bắt đầu, và điều tương tự được lặp lại. Đây lại là một vinh dự.

Mọi người rất mong rằng cái trải nghiệm thứ ba sẽ thật khó khăn. Có điều gì xảy ra trong nghi lễ mà tôi không hiểu rõ, nhưng rồi ông Bapak trước mặt hướng sự chú ý tới tôi và nói: “Con sẽ được giao cho một nhiệm vụ.” Người nói mà y như đã biết tất cả về tương lai tôi. Người đưa

49 Ceremony. Tác giả coi trải nghiệm là một nghi lễ.

cho tôi một cuốn sách dài hẹp nó mở ra khi người làm như vậy. Rồi người nói: “Con sẽ được giao cho nhiệm vụ sửa chữa Nam Dương. Ai đó đứng bên trái tôi hỏi: “Điều đó sẽ xảy ra ở Nam Dương?” “Không” đó là câu trả lời “Chị ấy sẽ làm việc bên ngoài”. Tôi thấy hơi thất vọng, vì thích được ở Nam Dương.

Rồi tôi quay về phía ông Bapak bên phải và nói. “tôi nghe thấy mỗi lời chỉ thị của ông, ngoại trừ một lời duy nhất mà tôi không hiểu hết ý nghĩa. Đó là gì vậy?”

Ông Bapak cạnh tôi đáp: “Con không được nghe từng lời, con phải...”. “Cảm thấy nó ra sao?” tôi hỏi. “Đúng vậy, cảm thấy nó ra sao”, người đáp. Giấc mơ tôi đến đó là hết.

Ngày 26 tháng 9, một ngày thứ hai, bà hàng xóm chở tôi tới Howick để mua sắm một vài thứ, và tôi biết là mình sẽ được Erling và Mayko sau đó đem về nhà. Ngồi trong xe Erling tình cờ nói với tôi: “Có một cú điện thoại cho em của Sharif Horthy ở Canada. Bapak hỏi Istimah có thể đi theo mình qua Châu Mỹ La Tinh để giúp thông dịch, đi từ Argentina tới Mexico. Anh bảo Sharif gọi lại cho em lát nữa.” Khi gọi lại, Sharif nói là Bapak đã thúc giục mình gọi sớm hơn, nhưng anh đã để cho những hoạt động khác xen vào làm trì hoãn. Rồi anh cho thời biểu những chỗ dừng chân ở Nam Mỹ và Mexico và số bay.

Tôi kết luận từ những gì Sharif nói về sự trì hoãn của anh khi gọi cho mình là lần yêu cầu đầu tiên của Bapak để tiếp xúc với tôi đã xảy ra ngay lúc tôi có giấc mơ. Tôi hiểu rằng giấc mơ đã giải thích cho tôi cách thông dịch cho đúng những nói chuyện của Bapak –“cảm được ra sao” những gì Bapak đang nói. Nếu tìm cách hiểu từng chữ, thì như điều được nói trong giấc mơ tôi sẽ “không thông được ý nghĩa toàn bộ”. Tôi nhận thấy lời khuyên đó rất bổ ích.

Về “nhiệm vụ sửa chữa Nam Dương” tôi đã từ biệt Nam Dương theo những nhu cầu của gia đình. Tuy nhiên Nam Dương tối thiểu đối với tôi là một trạng thái tình cảm hơn là một nơi chốn, và việc đi khỏi đó đến Tân Tây Lan đã cắt đứt sự liên hệ của tôi với cái trạng thái đó. Bapak, trong sự minh triết theo trực giác của mình, hay với tư cách là con đường truyền dẫn ân huệ của Thượng đế, hiện tạo cho tôi cơ hội sửa chữa được cái trạng thái tình cảm đó là điều căn bản cho sự liên hệ của tôi với cái thực chất và ý định của mình trong đời. điều trong giấc mơ là một “vinh

dự”, việc được bên cạnh ông Bapak đang sống, thì có một chủ đích thâm sâu hơn. Tôi được ông Bapak minh triết và cao tuổi tâm linh giao cho nhiệm vụ sửa chữa cái cảm xúc về sự liên hệ với sứ mệnh của Bapak.

Mọi việc được sắp xếp tốt đẹp. Erling có thể kiểm cho tôi một chỗ ngồi trên mỗi chuyến bay theo hành trình của Bapak. Tôi quyết định đi sớm hơn và về Chí Lợi một thời gian.

Tôi lên đường đi Santagio vào ngày sinh nhật của mình, mùng 6 tháng 10 năm 1977. Khi phi cơ bay trên dãy núi Andes phủ tuyết tôi cảm thấy một niềm vui tràn ngập và nhận thức được mình đã tiếc nhớ quê hương như thế nào. Thật là vui mừng, khi thấy được chẳng có gì đã thay đổi. Tôi để lại hành lí và lập tức đến ngôi nhà thờ nơi đó mình thường đến dự lễ. Buổi sáng tôi điện thoại cho Toti Davanzo mà tôi vừa gặp ở Nam Dương. “Có nhận được giọng nói của tôi không?” Tôi đùa cợt, tạo nên một tiếng thát thanh bằng tiếng Chí Lợi. Trong chớp nhoáng ông chồng Fernando của chị đến đón tôi và mời tôi ở lại nhà họ. Khi nghe nói lí do khiến tôi xuất hiện, anh nói đùa: “Bây giờ chị là cục cưng của Bapak!” Tôi cười. Do giấc mơ của mình tôi biết được còn là hơn thế nữa.

Tôi đã xa cách Chí Lợi được 15 năm. Bây giờ tôi nhận thức được mình đã không còn được nghe nói tiếng mẹ đẻ nữa. Tiếng Tây Ban Nha của Chí Lợi thật độc đáo, và cảm xúc của tôi lấy làm vui thích vì những sắc thái của nó. Nó đánh thức những kí ức tế nhị như những hương thơm ngát đã bị quên đi từ lâu. Tôi gặp ông em mình vẫn còn đây những ý nghĩ của nam giới. “Sao mà Bapak có thể dùng một người đàn bà làm thông dịch?” anh nói... nhưng như mọi khi với một tiếng cười to lớn! Toti chờ tôi đi coi căn nhà tôi đã ở khi còn độc thân, để cho nỗi luyến tiếc quá khứ được trọn vẹn.

Tôi lấy máy bay đi Buenos Aires để đợi chờ Bapak. Người đến từ Rio de Janeiro và đang trong tháng thứ 5 của chuyến đi vòng quanh thế giới gồm 8 tháng. Tôi nghe nói kể từ khi đem latihan tới Tây phương trong năm 1957, người đã đi gần được một triệu cây số, tương đương với việc đi vòng quanh địa cầu 21 lần. Người đến ngày 20 tháng 10. Cảm tưởng đầu tiên của tôi là trông người thật bảnh bao. Mặc một bộ quần áo màu sắc nhạt bằng vải gabadin và đội chiếc nón petji nâu, người đứng ngay ngắn và bước đi khoan thai theo thói thường của mình, thư thái và mỉm cười. Người trông có vẻ khoảng 60 hơn là 76. Đi theo người là Rahayu, Mastuti, Tuti, Muti và Sharif Horthy là người thông dịch tiếng Anh.

Trong 5 tuần kế tiếp chúng tôi phải đi từ Buenos Aires, để đến thăm những nhóm Subud tại Santagio ở Chí Lợi, Lima tại Peru, Quito tại Ecuador, Cali và Bogota tại Colombia, và Mexico City, tất cả là những nhóm nói tiếng Tây Ban Nha.

Bapak lập tức cho tập latihan, điều khiển trải nghiệm và có những buổi nói chuyện. Tôi nhận thấy người càng tỏ ra thẳng thắn hơn trong những gì mình nói. Tính ngay thật của những người Châu Mỹ La Tinh có lẽ đã khuyến khích người ăn nói không úp mở như vậy, nhưng đó cũng là một trong những chuyến đi thể giới chánh yếu và cuối cùng của Bapak. Có một sự khẩn cấp mới mà tôi đã không phát hiện trước đó. Người cắt nghĩa rõ ràng cái nhu cầu về latihan của thể giới và cái bổn phận chăm lo cho nó của chúng ta. Người có 19 buổi nói chuyện lâu dài và rất nhiều những buổi ngắn hơn trong lúc đến 7 nơi.

Không chuẩn bị trước và vượt ra ngoài phạm vi của những chỉ thị cho mình trong giấc mơ, tôi bắt đầu thông dịch những nói chuyện của Bapak qua tiếng Tây Ban Nha từ tiếng Anh của Sharif. Mọi việc đều xảy ra thật êm xuôi.

Trong nhiều buổi nói chuyện Bapak dùng câu chuyện thần thoại về hai người con của Adam, để minh giải sự khác biệt giữa Subud và những nhóm tâm linh khác đi theo con đường nghiên cứu với trí óc. Người nhấn mạnh lại latihan kedjiwaan Subud là một sự tiếp nhận của quyền năng Thượng đế. Ta không phải nghiên cứu, người nói, vì cái kedjiwaan nằm trong bàn tay của Thượng Đế.

Người ta nói rằng sau khi được tạo ra, Adam có nhiều con... Trong câu chuyện đó có hai người đặc biệt được nhắc tới, tên họ là Sajid Anwar và Sajid Anwas. Sajid Anwar hoàn toàn đi theo vết chân của cha mình nói cách khác là theo lối sống và thái độ của cha mình, nghĩa là trong đời mình ông hoàn toàn quy thuận ý muốn của Thượng Đế, kiên nhẫn tuân theo và tiếp nhận bất cứ những gì mà Thượng Đế muốn cho mình. Thế nên con đường mà Adam theo, và cũng là của Sajid Anwar, thực ra y hệt như điều chúng ta đã tiếp nhận trong latihan kedjiwaan. Đó cũng là con đường mà tất cả các vị ngôn sứ và sứ giả của Thượng Đế đã nhận được - chẳng hạn như Abraham, Moses, Jesus Christ và Muhammed. Người ta cũng nói rằng tất cả các vị ngôn sứ và sứ giả của Thượng Đế đều là dòng dõi của Sajid Anwar.

Nhưng Sajid Anwas thì lại khác, vì ông không đồng ý với con đường mà cha và anh mình đã theo. Có lẽ ông cảm thấy con đường đó không đòi hỏi nhiều công phu, hay nó quá dễ, hay nó không khiến cho con người tận dụng trí tuệ mình, hay có lẽ ông cảm thấy con đường họ theo quá chậm chạp. Vậy nên ông gia công theo lối thiền định, theo lối samadi (định tướng), theo lối chối bỏ bản ngã và làm cho nó trở nên trống không, qua cách tập khổ hạnh, qua cách hạn chế ăn uống và ngủ nghỉ, qua cách khước từ tất cả những thú vui của cuộc sống, xa lánh xã hội và những người khác.

Thượng Đế đê thương xót vô cùng những tạo vật của Ngài, ban tặng cho họ tất cả, nên bất cứ những gì con người ham muốn, bất cứ những gì con người mong ước, Thượng Đế đều ban cho theo phạm vi sức lực của con người. Quả thực sức lực của Sajid Anwas rất mạnh, cho nên khi tập khổ hạnh, ông không chỉ hạn chế ăn uống và ngủ nghỉ, ông không chỉ làm điều đó trong một hay hai ngày, hay một hoặc hai tuần, ông làm điều đó trong nhiều năm. Vậy nên cuối cùng Thượng Đế ban cho Sajid Anwas những gì mà ông mong ước. Sajid Anwas trở nên một nhân vật mà cuộc sống không thể đo lường được... Ông quả thực trở thành một nhân vật rất có uy quyền, và con cháu ông là tất cả các dewas (thần linh). Ông đổi tên mình từ Sajid Anwas thành Sang Hyang Sis [có cùng một gốc với Zeus, thần linh Hy Lạp] Sau này ông đổi tên thành Sang Hyang Nur Chakior [có nghĩa là sáng chói như ánh sáng]

Thưa các anh chị em, với cái tình trạng đó, thì đây không là điều ngạc nhiên, nếu hiện nay trên thế giới còn có nhiều người đi theo con đường đó. Tất nhiên, họ không làm điều đó với cái sức lực hay quyền lực y như của Sajid Anwas, nhưng họ vẫn còn cố gắng theo một con đường y như vậy...

Mexico 22.11.77

“Cái latihan này” Bapak nói “ không là con đường của Sajid Anwas [thiền định hay tiết dục] mà là con đường của Sajid Anwar [quy thuận Thượng Đế]

Trong những bình luận của mình về trách nhiệm của phụ tá, Bapak cắt nghĩa tại sao đã phải đi đây đó như thế này. Nói chuyện với các phụ tá ở Buenos Aires, người nói:

Bapak nghe nói có những hội viên được khai mở, và một thời gian ngắn lại bỏ đi. Cũng có những người trong Subud vẫn còn chưa thực sự cảm nhận được nhiều trong latihan. Bapak lấy làm tiếc về điều đó, vì nó cho thấy phụ tá đã không thực sự hành động có trách nhiệm. Quả thực Đấng hướng dẫn chỉ là Thượng Đế, nhưng phụ tá phải thấy có trách nhiệm với những người mình khai mở. Họ phải xem xét và nhận thức được có một hội viên nào không tiếp nhận được, và có thái độ coi xem chắc chắn người đó có thể tiếp nhận được không. Bapak là một thí dụ. Bapak đã lớn tuổi và đi một đoạn đường dài để tới Argentina, nhưng Bapak ép buộc mình phải lên đường, vì biết rằng qua Bapak tất cả các bạn đã gia nhập Subud, và trách nhiệm của Bapak là cắt nghĩa rõ rệt về bổn phận làm phụ tá.

Buenos Aires 22.10.77

Bapak nhắc lại chủ đích của nghi thức khai mở hội viên mới – điều cần giải thích về thời kì chờ đợi 3 tháng và việc biểu lộ tin tưởng của người hội viên mới. Người đặc biệt nhấn mạnh cái nguyên lí căn bản của sự khai mở trong Subud – đó là việc người phụ tá chỉ việc tập latihan mình, phó thác mình cho quyền năng của Thượng Đế.

Khi nói chuyện xong, Bapak đến thăm nhà của Mariano Caballero, nghỉ ngơi trong vườn với gia đình và hội viên. Người tiếp nhận và ca ngợi bài hát. Tuti và tôi thông dịch. Đó như những lời cầu nguyện. Một bài rất hay thì bằng tiếng Ả Rập.

Tôi thường thấy mình hoàn toàn được hội viên Subud tiếp đón, nhưng điều xảy ra khi chúng tôi đến Santagio khiến tôi ngạc nhiên. Florencia, một người chị em trong Subud làm việc tại phi trường, đã thu xếp các nghi thức cho được xuôi chiều khi chúng tôi đến –nhập cảnh, thuế má, vân vân. Khi chúng tôi đã làm xong các thủ tục, tôi đến đứng cuối hàng. Khi đến phiên tôi, công an làm việc tại phòng nhập cảnh nhận thấy tôi có một thông hành của Chí Lợi, nên hỏi: “Những người đó là ai?” Tôi lễ độ đáp lại họ là bạn mình. Điều đó không khiến họ hài lòng. Người có cấp bậc cao nhất, vừa có vẻ duyên dáng của người Châu Mỹ La Tinh, vừa là kẻ có quyền thế, nài nỉ: “Chúng tôi là công an, thưa bà, và chúng tôi muốn biết những người đó là ai!” Tôi không muốn bị bỏ lại đằng sau nên đáp lại bằng cách nói: “Tại sao ông không đặc biệt đi hỏi họ?”

“À!” ông nói “Nơi đây có một sự trầm lặng và an bình kể từ lúc họ đến,

điều này không thể chối cãi được. Họ có cái gì đó đặc biệt”

Tôi không biết phải làm gì. Làm sao tôi có thể giải thích cho công an về Subud? Florencia, chị là người họ quen biết, xuất hiện và đề nghị là mình sẽ có thời giờ nói chuyện với họ sau này. Nhưng họ lại nài nỉ, nên tôi giải thích một chút về latihan, và họ để cho tôi đi.

Tuy đã nhiều lần lặp lại câu chuyện về Sajid Anwar và Sajid Anwas tại những nơi mình dừng lại, nhưng Bapak thay đổi đề tài nói chuyện, khi chúng tôi đi từ nhóm này tới nhóm khác, để đáp ứng được cái tình hình mình nhận thấy mỗi nơi.

Ở Lima, người nói tới vị trí của latihan trong tình hình hiện nay của thế giới. Điều chắc chắn, người nói, là chúng ta đang trông thấy sự tàn lụi của tín ngưỡng. “Các nhà trí thức và những người có trí tuệ hiện nay thấy việc tin tưởng Thượng Đế là điều rất khó khăn. Họ hỏi: ‘Năng khiếu nào tôi có thể dùng để chứng tỏ cho mình thấy thực tại của quyền năng Thượng Đế? Do đó mà Thượng Đế đã ban cho nhân loại latihan kedjiwaan. Nhờ cái latihan này chúng ta có thể hiểu biết linh hồn...’”

Tâm trí là lĩnh vực của con người nhưng bị giới hạn, trong khi linh hồn là lĩnh vực của Thượng Đế, không bị khu biệt và có thể tới khắp nơi... Điều này được chứng tỏ bởi sự thắng thiên của Jesus Christ và ngôn sứ Muhammed...

Lima 01.11.77

Sau này tôi đọc thấy Bapak đã nói chuyện về điều đó một cách có chi tiết hơn, hai tuần trước đó tại Rio de Janeiro:

Khi các vị sứ giả nghiệm được sự thắng thiên, khi họ tới đó, khi họ có thể hiểu biết được tất cả những gì xảy ra cho họ nơi đây “Thật hiển nhiên những gì lên trời và trở về một lần nữa không là cái cơ thể vật chất, mà là jiwa [linh hồn]

Một vài người hỏi “Nếu đó là jiwa thì làm sao họ vẫn có thể nhớ lại được, làm sao họ vẫn có thể suy nghĩ và hiểu biết?” Đó đúng là điều mà chúng ta mong đợi việc có thể rời khỏi thế gian này với jiwa và vẫn còn nhớ lại tất cả những gì đã xảy ra cho mình nơi đây... Đó là điều chúng ta nghiệm được trong latihan, đó là việc khi chúng ta cảm nhận được jiwa mình. Chúng ta không ý thức được? Chúng ta biết rất rõ không là như

vậy, bởi vì nếu chúng ta trong [trạng thái]latihan và có ai đó vỗ vai mình, thì chúng ta lập tức có thể quay người lại nói: “Ai vậy?”

Rio de Janeiro 16.10.77

Khi chúng tôi lên máy bay đi Cali, Tuti cười và lặp lại một lời cảnh giác trước đó: “Cứ việc chờ đợi cho tới khi đến Colombia, bà sẽ ngạc nhiên!” Cô không cho tôi hay tại sao. Khi bước ra máy bay tôi thực tình ngạc nhiên. Mọi người đều dạt dào tình cảm. Một đám đông xúm xít chung quanh chúng tôi, để lộ dồi dào sự xúc động và lòng thương mến. Tôi còn nhớ tới một bà vỗ nhẹ vào má Bapak với hai bàn tay và nói: “Bapak, ông đẹp trai thật!” Bapak chỉ cười và giơ hai cánh tay lên trời. Chúng tôi hầu như được những người bị kích động khiêng đi và đem vào những chiếc xe đang chờ đợi. Tôi chợt thấy mình bị tách khỏi đoàn người đi theo Bapak mà không biết mình sẽ đi đâu. Trong một lúc tôi lo lắng, nhưng cuối cùng thì đầu vào đây. Điều được dàn xếp là chúng tôi ở nơi căn nhà nhìn ra thành phố của Marcos Garces.

Sau buổi nói chuyện ban đêm đầu tiên, Bapak yêu cầu ban quản trị tìm kiếm một nơi chốn khác cho latihan mà không có bệ, để mình có thể đứng dưới cùng hội viên trong lúc trắc nghiệm. Điều khiến tôi kinh ngạc là họ thuê mượn một ngôi nhà thờ Công giáo. Hiển nhiên họ có thể dàn xếp được việc đó, vì đất đai đã được bà nội của chủ nhà chứa chúng tôi tặng cho. Nó rộng lớn như một thánh đường. Những ghế dài đã được mang đi, ngoài ra thì không có gì thay đổi. Bàn thờ còn đó với Đức Kitô bị đóng đinh, và ghế ngồi của Bapak đặt ngay dưới đó.

Những xuất latihan được tập theo những nhóm đông đảo, 230 người nữ trong một xuất và 170 người nam trong một xuất khác. Nơi đây là nơi mà Bapak nói nhiều nhất về cách tập latihan. Với phái nữ người ngồi quan sát họ, khi họ tuân theo sự tiếp nhận tự nhiên của mình – có đủ loại động tác và âm thanh. Bapak phái tôi đến nơi họ để nhận thấy những người không cảm được latihan. Có 7 người, và tôi đem họ tập latihan sau đó với Rahayu.

Bapak cũng bảo tôi và Rahayu khuyên ngăn phái nữ, khi sự việc không được đúng. Chẳng hạn, Bapak nói với tôi: “Coi hai người nữ kia kia, họ đi sát nhau. Đến đó tách họ ra!” Chúng tôi được khiển cho phải bận rộn.

Xuất tập latihan kế tiếp là với phái nam, với Bapak, Sharif và bản thân

tôi ngồi phía trước. Có mấy trăm người nam, và ngay sau khi Bapak nói “Bắt đầu!” thì họ đi vào một latihan mãnh liệt và tích cực. Những giọng nói lớn tiếng của họ dâng lên, dội ngược lại trên những vòm kiến trúc gôtic và lấp đầy không gian chung quanh. Latihan tiếp diễn một lúc lâu. Tới một lúc nào đó Bapak đi vào phòng tắm và Sharif đi theo, để tôi lại một mình. Tôi tự nghĩ, *tình trạng này thật lạ. Mình ngồi nơi đây, một người đàn bà, chỉ có mình trong cái latihan đông người và mãnh liệt này, hơn nữa còn bên trong một nhà thờ Công giáo!*

Sáng hôm đó, một thanh niên đến gặp Bapak nói mình không cảm thấy gì trong latihan. Bapak quan sát anh trong latihan, từ chỗ không cách xa nơi chúng tôi ngồi. Bapak đứng lên và đứng trước mặt anh thanh niên để làm latihan với anh. Chẳng có gì xảy ra. Bapak nắm lấy vai anh, lắc người anh và nói bằng tiếng Anh “Move, move!” [nghĩa là cứ việc thư thái, tự để cho mình được làm cho cử động] Nhưng anh vẫn chưa cử động được. Rồi Bapak đến phía sau anh, đẩy phần đằng sau đầu gối anh làm chân anh quì xuống Tôi biết chỉ có Bapak mới được quyền làm điều đó. Nguyên tắc vẫn phải được tôn trọng – đừng xen vào latihan của người khác!

(Sau này trong năm 1983, chính anh thanh niên đó, khi trải nghiệm với Bapak, đã chuyển động như gió. Bapak cười và nói: “Đây là anh bạn đã không cử động được trong latihan ở Colombia”)

Sáng chủ nhật chúng tôi phải ra đi, Bapak có một buổi nói chuyện ngắn trên hiên nhìn ra vườn. Sau đó có một buổi liên hoan. Hội viên ca hát, chơi đàn và những nhạc cụ khác. Có người yêu cầu cho ca một bài hát của Chí Lợi, và điều đó khiến cho hội viên kêu tôi lên nhảy múa. Một người đàn ông đến thỉnh cầu tôi. Tôi vẫn còn do dự nhưng Bapak nói: “Nào, đến nhảy với anh ấy đi chứ!” May quá, đó là một điệu van-xơ chậm chậm. Bapak và latihan đã đem ra ngoài những gì vui vẻ và tốt đẹp nhất bên trong tất cả chúng tôi.

Ở Mexico nhóm Subud tổ chức một cuộc hộ tống của công an từ phi trường. Nhờ tiếng còi hú, những chiếc xe của chúng tôi chạy nhanh không phải ngừng lại, xuyên qua sự giao thông tịt tệ nhất của thế giới, để chộp nhóang đến khách sạn.

Nơi đây, như ở Bogota, Bapak nói về tài năng.

“Thành quả của latihan” người nói “là nó dẫn chúng tới cái cá tính mình, tới sự phát triển của bản tính và tài năng mình đó là việc chúng ta thích hợp nhất với những gì, với những điều chúng ta có thể làm một cách tốt đẹp trên thế gian này.” Chẳng hạn, về như thế nào, viết như thế nào, và những việc làm khác. Tiếp theo những nói chuyện, Bapak làm trải nghiệm về những công việc thích hợp của nhiều người.

Trong chuyến đi, điều thường xảy ra là Bapak nói chuyện về tài năng nó dẫn tới việc giải thích về kinh doanh. Người nói:

Điều Bapak muốn nói về kinh doanh là việc tự làm cho mình có thói quen làm việc trên thế gian này theo lối thông thường, nhưng đồng thời chúng ta không quên sự hướng dẫn và gìn giữ với quyền năng của Thượng Đế. Tuy dùng tâm trí, nhưng đồng thời chúng ta cũng tập latihan...

Nếu một người nào chết giữa lúc đang thêu dệt quần áo, và trong việc thêu dệt có sự phụng thờ Thượng Đế, thì người đó sẽ được nằm trong tay Thượng Đế. Do đó mà Bapak khuyến khích các bạn làm kinh doanh, vì chúng ta không biết lúc nào mình chết điều cốt yếu là chúng ta học được, thực hành và làm quen với sự kiện bất cứ lúc nào, bất cứ những gì mình làm, chúng ta được hướng dẫn và tiếp xúc với quyền năng của Thượng Đế.

Mexico 20.11.77

Trong chuyến đi, Bapak nói mình đang viết tự truyện, để được xuất bản sau khi mình qua đời. Nó gồm một số những chứng nghiệm tâm linh thuộc đầu năm 1932, và Bapak yêu cầu tôi đọc cho nhóm nghe từ một bản dịch bằng tiếng Tây Ban Nha. Một chứng nghiệm là việc bị một cây thương đâm vào ngực do một người mặc áo choàng, rồi người đó rút nó ra với một cục máu. Người lạ mặt đó liền đặt một vật sáng chói vào vết thương, và Bapak cảm thấy một sự tươi mát kì diệu truyền lên khắp cơ thể. Những chứng nghiệm đó được thuật mà không có sự lí giải về tính biểu tượng⁵⁰.

Theo lời mời của Bapak tôi tiếp tục đi cùng người tới Los Angeles và San Francisco. Cuối tháng 11 tôi về nước.

⁵⁰ Theo nguyên chú: Bapak không làm chút gì hết để lí giải ý nghĩa những biểu tượng của chứng nghiệm.

Không đầy hai tháng sau nhóm Christchurch kêu điện thoại hỏi tôi có thể đến giúp họ hay không để chuẩn bị cho cuộc viếng thăm của Bapak. Kể từ khi tôi từ biệt người ở San Francisco, Bapak đã đi Seattle, Vancouver, Hawaii và Nhật Bản.

Làm việc với ban quản trị địa phương đã kiếm được và thuê mượn một căn nhà rộng lớn có sẵn đồ đạc cho đoàn người của Bapak, tôi có thể cho biết những chi tiết về những nhu cầu của Bapak. Erling, Mayko, David và Sandra đến gặp tôi, trước ngày Bapak đến.

Tôi ở nhà để giám sát những công việc chuẩn bị cuối cùng, trong khi Bapak và đoàn người đi theo được chờ đến từ phi trường. Tôi trước hết trông thấy Bapak đã ngồi trong phòng khách. Trong tất cả những năm tháng quen biết Bapak, tôi chưa từng thấy người mệt lử như vậy. Tôi nhận thức được chuyến đi vòng quanh thế giới đã căng thẳng như thế nào, bây giờ là tháng thứ 8.

Bapak cực kì kiên cường, và trong vòng hai ngày người đã tươi tỉnh trở lại. Khi trông thấy Mayko, khuôn mặt Bapak vui vẻ tươi lên. Người đi đến phía bà, và tháo chiếc nhẫn ra để bà khỏi phải khó chịu, người cầm lấy tay bà với hai bàn tay mình và nói: “Bà sẽ trở về Cilindak.” Rồi quay về phía tôi, người nói: “Và chị đem bà về.” Tôi cảm động thâm sâu vì sự lo lắng của người cho Mayko.

Đoàn người đi theo Bapak vẫn y như lúc ở Nam Mỹ: Rahayu, Mastuti, Tuti, Muti và Sharif. Mỗi sáng tôi có mặt trong nhà để lo cho bữa ăn sáng của Bapak, và nơi đó tôi thường gặp Rahayu và nói chuyện về những dự định của bà với phái nữ.

Có những vấn đề cá nhân mà phụ tá giải quyết không nổi, và đó là điều tất phải có của mỗi cuộc viếng thăm. Nhân dịp tôi hỏi Rahayu về một người đàn bà đã lập gia đình được một thời gian nhưng không thể có con, vì chồng bà vô sinh. Người đàn bà đó bị điều đó ám ảnh mình, và nghĩ tới những giải pháp khác. Tôi giải thích đó không là vấn đề có con nuôi, bà ao ước được nhận thấy có một đứa bé trong bụng mình, và dự tính thụ tinh.

Rahayu kể cho tôi về một người đàn bà Subud ở Nam Dương đã từng có cái nhu cầu đó – cảm thấy mình mang thai để có một đứa bé, nhưng không thể có. Vấn đề của bà đã được giải quyết, khi một hôm bà có thể

quy thuận một cách hoàn toàn chân thành. Rồi bà trải qua việc thụ thai, việc có mang và sự ra đời của một đứa bé. Điều này mất đến cả ban đêm và bà hoàn toàn mãn nguyện ra về. Về thụ tinh nhân tạo bà nói mình chưa bao giờ phải trả lời một câu hỏi như vậy, nhưng bà cảm thấy: «Không được, đứa bé sẽ không thấy được hướng đi. ». Bà hỏi Bapak, người xác nhận và chỉ nói: “Không được, về mặt tâm linh thì không đúng.”⁵¹

Trong một buổi nói chuyện Bapak đề cập tới Sandra. Người nói nó là một đứa bé Subud kể lúc còn thơ ấu. “Khi nó 18” Bapak nói “Thực ra không cần khai mở cho nó, nhưng nó nên trải qua thử tục.”

Lần kế tiếp tôi thấy Bapak là lúc tại hội nghị Subud thế giới ở Toronto trong tháng 8 năm 1979. Bốn tuần trước đó, khi chuẩn bị đi ngủ, tôi nghiệm được một latihan thật đẹp, và trong trạng thái đó tôi ngủ và nằm mơ:

Tôi đến một nơi chốn trong chuyến đi của Bapak và người nhà. Tuti, Muti và Sharif cũng có đó. Bapak bước lên bệ để nói chuyện với chúng tôi. Chợt tim người ngưng đập. Những kẻ bên cạnh người chạy tới giúp người. Người được làm cho tỉnh lại. Người bắt đầu nói chuyện trở lại. Tim người lại ngưng đập. Tới lúc đó, trong lúc nửa tỉnh nửa mê, người chỉ thị cho một phần máu của tim mình được tiêm vào đóa hoa hồng màu trắng trong tay tôi. Nó biến thành màu hồng do máu chảy vào. Tôi không biết chắc là Bapak có được làm cho tỉnh lại hay không, nhưng khi tim lại ngưng đập, người vĩnh viễn ra đi.

Kế đến là tôi đang ngồi trên một chiếc ghế dài với đóa hoa màu hồng trong tay. Màu sắc không là đặc hồng, nó bao gồm những huyết quản hay đường thẳng nhỏ bé màu đỏ trong những cánh hoa màu trắng. Cuống hoa được gắn liền với một ống thủy tinh chứa đựng máu của tim Bapak, và thứ máu đó nuôi sống đóa hoa. Qua vai trái mình tôi nhìn một người bạn thân, một hội viên Subud, đang ngồi bên cạnh. Tôi tặng anh một hay hai cánh làm vật lưu niệm. Tôi tặng mà không cắt nó ra, vì tôi không chắc là anh có muốn hay không. Tôi cũng có một con chó trong lòng. Nó là của

51 Chỗ này tác giả viết không được rõ ràng, bà chỉ dùng một đại từ xưng hô “she” mà chỉ đến 3 người: người đàn bà Nam Dương, người đàn bà muốn có thai và Rahayu. Phải dựa vào ngữ cảnh ta mới hiểu được “she” thực sự là ai. Ban đầu là người đàn bà Nam Dương. Kế đến là người đàn bà muốn có thai. Phải mất cả một ban đêm để nói chuyện với bà, và bà ra về hài lòng. Cuối cùng là Rahayu, bà thấy thụ tinh nhân tạo là không đúng và đi hỏi Bapak. Bapak cùng xác nhận như vậy.

Bapak và do đó thường được chiều chuộng. Tôi nuôi nấng nó nhưng cảm thấy bây giờ tương lai của nó bất định.

Đó là một giấc mơ bước ngoặt. Cách hiểu của tôi về chuyện đó là mình không còn lệ thuộc vào Bapak nữa. Thật là đúng. Nhờ latihan, bây giờ tôi sáng suốt chấp nhận trách nhiệm cho bản thân mình.

Tại hội nghị Subud quốc tế lần thứ năm, đoàn người đi theo Bapak gồm Rahayu, Mastuti, Tuti, Muti Và Sharif. Bapak nói tới bệnh tật mình. Người nói rằng mình bị điều thông thường coi là một chứng tim trầm trọng. Trong 6 ngày và đêm nhịp tim của người đã tăng lên 160. Các y sĩ nói thông thường người không thể sống qua được cái tình trạng đó, nên khi bác sĩ chuyên khoa về tim đề nghị Bapak vào bệnh viện, thì người đồng ý. Bapak nói đã có một vài điều trục trặc với các thiết bị nhưng chẳng hiểu sao việc điều trị đã thành công, nên nhịp tim mình tụt xuống 72. Kể từ đó người bình phục.

Tôi tự hỏi tại sao Bapak phải trải qua vấn đề tim, nếu cuối cùng người được ban cho sức lực để sống qua, và được trợ giúp khiến cho được bình phục? Tôi hiểu được rằng đó là sự thanh lọc của tim, và Bapak phải trải qua cho tất cả chúng ta.

Với latihan người có thể chịu đựng được sự hoạt động mãnh liệt của tim và sống qua, vì đó là ý muốn của Thượng Đế. Điều nhận thấy đó của người là biểu tượng của cái nhu cầu đối với hội viên Subud về việc nghiệm được sự thanh lọc của tim. Bapak có lần nói:

Trái tim phải được thay đổi từ [việc như] đất qua nước, qua không khí, qua ánh sáng. Trong đất một cái lỗ có thể được đào và được duy trì; trong nước tuy có thể đựng vào nhưng không có lỗ nào có thể đào được. Trong không khí không gì có thể đựng vào, và cuối cùng khi trái tim như ánh sáng thì tất cả những kẻ chung quanh đều muốn gần một người với một trái tim như thế.⁵²

[Có nghĩa là nếu tâm cảm mình chắc như đất, chúng ta có thể thấy bị xúc phạm trong một lúc lâu bởi những gì thiên hạ nói và làm, trong khi đó nếu cảm xúc mình như chất lỏng, như nước, chúng ta khắc phục ngay được một sự công kích. Khi tâm cảm mình trở nên trong sạch hơn, như

52 Tác giả cho biết chính mình cũng không hay đoạn này dịch từ bài nói chuyện nào. Đoạn tiếp theo là của tác giả. Bà giải thích ý nghĩa của đoạn trích dịch nói trên.

không khí chúng ta không bị đung vào, và cuối cùng một tâm cảm có đầy ánh sáng của Thượng Đế sẽ tạo phước lành cho mọi người]

Hội nghị Toronto xảy ra trong lúc trai giới Ramadhan, điều này khiến cho những hội họp của chúng tôi đặc biệt được thanh thản và hòa hợp. Mayko và ông em tôi (bây giờ có tên mới là Latif) cũng có mặt. Bapak đã khuyên Latif đem Mayko về Chí Lợi.

Sống xa gia đình là một sự căng thẳng quá mức với Mayko. Đó không là việc chỉ có duy nhất mình ở Cilandak, ta sẽ cô độc nếu không nói được tiếng Anh hay tiếng Nam Dương. Ba người chúng tôi gặp nhau mỗi đêm để ăn uống và trò chuyện dài lâu. Ban ngày Mayko đi dự những buổi nói chuyện của Bapak, không màng tới việc thông dịch qua tiếng Tây ban Nha. Bà vui mừng vì cái môi trường của những người tập latihan và âm thanh giọng nói của Bapak; như vậy là đủ đối với bà.

Tại hội nghị Bapak nói tới tình trạng của thế giới:

Sự xuất hiện của latihan kedjiwaan có liên quan tới tình trạng hiện nay của thế giới... Hiện nay ta có thể nói rằng nhân loại bị một căn bệnh của tâm trí tạo nên đủ điều bất hạnh. Điều thông thường với những kẻ thông minh là bị mắc kẹt bởi chính sự thông minh của mình. Họ lấy làm vui được đùa giỡn với cuộc đời của những kẻ ngu dốt, và lừa bịp họ, và những kẻ ngu dốt rất dễ bị ảnh hưởng bởi bất cứ ai có thể tạo xôn xao trong cộng đồng. Những kẻ giàu có bị choáng váng bởi sự giàu có của chính mình. Đó là căn bệnh của tâm trí, căn bệnh của nafsu [dục vọng]

Toronto 14.M8.79

Bapak làm trắc nghiệm riêng lẻ với hội viên, trước mặt một toàn thể khoảng 600 người. Cái không khí đầy thiện chí là tiêu chuẩn khiến cho thiên hạ không thấy ngượng, khi được trắc nghiệm riêng lẻ, trước mặt một khối người đông đảo như vậy. Người chỉ cho phụ tá nên trắc nghiệm như thế nào với một hội viên, để nhận được tài năng của người đó. Một người được trắc nghiệm là một thanh niên Nam Mỹ đã không thể kiếm được việc làm. Bapak trước hết hỏi về những sở thích và khả năng của anh, rồi trắc nghiệm hết câu hỏi này qua câu hỏi khác, kiên trì cho tới khi anh chàng có thể nhận diện được⁵³ tài năng mình là của một thợ máy. Tất cả những gì xảy ra trong lúc đó thật là cảm động, với việc Bapak cho

53 Theo nguyên chú: anh cử động và có những cử chỉ này nọ.

thấy mình kiên nhẫn và lo lắng cho người khác.

Tại buổi họp của phụ tá mà Bapak triệu tập để trải nghiệm về việc bổ nhiệm những phụ tá quốc tế đầu tiên, người quay sang phía tôi nói: “Tôi muốn chị chứng kiến điều này, chị có thể thấy được chuyện đó làm như thế nào.” Rồi Bapak trải nghiệm những phụ tá quốc gia đã làm xong nhiệm kỳ 4 năm, và trong số những người đó đề cử 4 người làm phụ tá quốc tế cho Vùng Châu Âu.

Tháng chạp năm 1979 Erling, Sandra và tôi lấy máy bay tới Jakarta để thăm viếng Bapak. Trông người rất sung sức. Tuy nhiên chúng tôi được cho hay là một tuần trước khi mình đến, Bapak lại bị tim đập mạnh, và tình trạng đó quả thực gay go.

Một hôm trong trong lúc chúng tôi thăm viếng, Bapak cho người đi gọi chúng tôi đến gặp. Người nói chuyện với chúng tôi và một vài hội viên khác về hiểm họa chiến tranh. Người nói với chúng tôi rằng tình hình với Iran thực sự nguy kịch, và chiến tranh có thể xảy ra từ nơi đó. “Thế giới” người nói “đang trong tình trạng mà con người không còn chấn chỉnh lại được, và bất cứ lúc nào bất cứ gì có thể xảy ra. Trong khi con người chỉ lo tới quyền lợi cá nhân và chộp lấy mọi thứ về cho mình, thì không thể có trật tự được. Chỉ khi con người có thể hành động theo nhân tính mình – cái nhân tính vượt qua mọi hàng rào - thì thế giới mới được trật tự.”

Bapak nói rằng tuy tất cả những gì đang xảy ra là hành động của Thượng Đế, nhưng hội viên Subud cũng nên cầu xin Thượng Đế cứu giúp, để tránh tai họa. Con người không thể trông cậy vào bản thân mình để ổn định thế giới; ta phải quay về với Thượng Đế.

Rồi Bapak hỏi chúng tôi có muốn hỏi gì không. Do điều người bình luận về việc con người phải quay về với Thượng Đế, tôi nói: “Là những người Subud, chúng ta có thể làm gì được để cho điều đó xảy ra. Cách đây không lâu tôi có cảm tưởng là có điều gì đó mình phải làm, nhưng tôi không biết là gì. Bapak đáp: “Trong Subud chúng ta không dự tính trước được, nhưng chúng ta phải ý thức được, để cho khi nào phải hành động, chúng ta sẽ hành động.”

Rồi Bapak nói: “Trong Thiên Chúa giáo có niềm tin là sẽ có một Sự Xuất Hiện Lần Thứ Hai. Người ta đã đến hỏi Bapak về chuyện đó, và Bapak đáp là tùy thuộc Thượng Đế.” Rồi nhìn thẳng vào tôi, người nói: “

Thiên hạ tin Sự Xuất Hiện Lần Thứ Hai là một nhân vật khác; tuy nhiên điều đó không là vậy. Sự Xuất Hiện Lần Thứ Hai là...một...Sự Chờ Đợi”.

Trong cảnh huống của điều mình hỏi, tôi hiểu điều Bapak muốn nói về Sự Xuất Hiện Lần Thứ Hai là sẽ xảy ra trong một trạng thái nội tâm đặc biệt của sự chờ đợi.

Hai tuần sau Bapak đi Tokio. Chúng tôi tiễn biệt người tại Big House. Tôi cảm động nhìn người bước lên xe. Tôi thấy được người không thể thu góp lại sức lực để nhìn hay nói chuyện với bất cứ ai. Sau này Brodjo cho tôi hay là Bapak có nói về chuyến đi đó: “Tôi buộc phải giữ lời hứa.” Tháng 6 năm 1981 tôi nhận được lời mời của Bapak là hoặc tôi, hoặc Erling, nên đi cùng người trong một chuyến đi khắp Bắc Mỹ. Anh gặp Bapak tại Hoboken, New Jersey, và đi theo người tới Washington D.C, Vermont, Vancouver và Los Angeles. Bapak có một lô những buổi nói chuyện cho thấy sự phát triển đáng kể đang xảy ra trong Subud, có 17 nói chuyện được xuất bản thành sách dưới nhan đề *All of Mankind*. Tháng 5 năm kế tiếp Bapak đến thăm Tân Tây Lan, và ở nơi tư gia của chúng tôi tại Whitford. đi cùng người là Mastuti, Rahayu, Tuti và Sharif. Thiên hạ đến từ khắp nơi ở Tân Tây Lan, từ Úc và những nơi khác. David có thể đến từ Papua New Guinea là nơi làm việc của nó. Bapak có 7 buổi nói chuyện tại Auckland, cho tập latihan dài lâu và làm trắc nghiệm. Ngày cuối cùng ở đó Bapak kêu Erling đến gặp và cho anh một cái tên mới là Mark. “Mark có nghĩa là mạnh” Bapak nói.

Trong khi đó thì tôi đều đặn nghe nói về Mayko do Latif ở Chí Lợi. Mỗi bức thư càng làm tôi lo lắng nhiều hơn. Do được ở bên cạnh bà tại Cilandak, tôi biết được sự thanh lọc của bà đau đớn như thế nào. Tại đó bà bị một cơn đau tâm linh. Trong khi đối với tôi nỗi khổ của bà là quá quắt, bản thân bà chưa hề muốn được bên ngoài giúp đỡ. Có lần bà nói với tôi rằng đôi khi tự nhiên có một tình thương của Thượng Đế và với Thượng Đế mà bà phải bày tỏ bằng cách nào đó. Không chút suy nghĩ bà thấy mình tự hôn lên bàn tay mình. Khi đến lúc từ giã Mayko ở Cilandak, tôi đã không thể chịu đựng được nỗi đau khổ của bà. Tôi lại phải đến gặp Bapak. “Bapak” tôi nói “một vài phụ tá có thể đặc biệt tập latihan với Mayko?” Người đáp: “Áy, không được! Latihan của Mayko cao hơn nhiều tất cả các phụ tá nơi đây; điều đó sẽ chỉ có hại cho bà.” Hình như không có giải đáp.

Một buổi tối khi tôi sắp đi ngủ, chợt có tiếng nói trong lòng mình: “Mầm mống tốt nhất là trong cái *Pio* của Mayko.” *Pio* trong tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là súng tin và thành kính.” Điều này làm tôi hiểu rõ được thái độ của Mayko đối với sự đau khổ của bà. Đó cũng lại là điều Bapak đã nói, nhưng vì xuất phát từ cái bản ngã của vô thức, nên nó tạo ra – như điều tôi thường thấy trong những giấc mơ - cái sức mạnh làm tôi được an tâm và giúp tôi chấp nhận được.

Mayko đã về Chí Lợi, nhưng sự việc lại càng tệ hại hơn. Latif viết thư cho tôi nói tình trạng bà còn suy sụp hơn. Thế nên bà phải trải qua một ca mổ trong đầu, và kể từ đó bà nằm liệt trên giường, thường thường thì trong cơn hôn mê. Tình trạng bà một lần nữa không thể chịu đựng nổi. Tôi cần phải cho bà tình thương, nhưng cảm thấy hoàn toàn bất lực từ đằng xa.

Ngày 2 tháng chạp năm 1982 Mark, Sandra và tôi lấy máy bay đến Chí Lợi.

Tôi vui mừng thấy bệnh viện nằm trong một vùng yên tĩnh và dễ chịu của Santagio, bên kia con sông Rio Mapocho từ trung tâm thành phố, nơi không có nhiều lưu thông. Trước kia đó là một dinh thự có phẩm chất tốt với những trần nhà cao. Mayko được một căn phòng rộng lớn ở tầng dưới cùng, sạch gọn nhưng âm đạm, một cái giường, một chiếc ghế và một phòng kho nhỏ bé. Những màn trập của cửa sổ được kéo xuống, và khi tôi đến gần chiếc giường trong ánh sáng mờ nhạt, Mayko có vẻ đang ngủ say hay có lẽ không ý thức được gì hết. Tôi đứng cạnh giường, và khóc vì không cảm lòng được. Khi bình tĩnh trở lại, tôi bắt đầu tập latihan.

Ngày này qua ngày khác tôi trở lại một mình để tập latihan với bà. Tôi hoàn toàn phó thác cho Thượng Đế. Tuy Mayko ngủ say, nhưng cơ thể bà có thể cử động mãnh liệt theo latihan. Mỗi ngày các cử động trở nên tinh vi và yên tĩnh hơn, cảm giác thì tinh tế hơn. Tôi càng lúc càng cảm thông được trạng thái của bà và của mình. Tôi cảm thấy những ràng buộc cuối cùng của bà với thế gian này như đang nói lỏng dần.

Latif và tôi vào thăm Mayko với y sĩ. Lần này thì bà tỉnh táo; có lẽ các cô y tá đã không cho bà uống thuốc ngủ, vì y sĩ đang đến. Latif xin Mayko một cái hôn và hỏi: “Má còn nhớ con không?” Bà đáp “Hmm” và hôn anh. Khi bà tỉnh lại năm đó, sự liên hệ của tôi với bà khiến tôi sâu sắc ý thức được cái tính vô cùng nhạy cảm của bà. Tôi đau buốt, ngay cả khi

âm thanh của ông y sĩ đang nói chuyện với Latif có vẻ lớn đối với mình. Khi họ ra đi tôi còn lưu lại, dịu dàng vuốt tóc bà.

Một hôm tôi yêu cầu một người bạn đi chung với mình. Sau đó chị nói rằng latihan mình đã thay đổi. Chị nói: “Nó trở nên rất thâm sâu, rộng lớn, có đầy tính bất diệt.” Chị kể lại là cái latihan thâm sâu đã suốt ngày có bên cạnh mình, khiến mình thức tỉnh trong đêm. “Nó như một ánh sáng chói lòa nở rộng ra ngoài cơ thể. Tôi không thể tắt nó.”

Sau Năm Mới, lúc tập latihan xong với bà, tôi cảm thấy trong lòng được hướng dẫn và nói: “Mayko, khi Thượng Đế kêu gọi bà, thì đừng sợ phải ra đi. Chẳng còn gì trên cái thế gian này là quý đối với bà.” Rồi tôi đi dự lễ với một người bạn tại Hang động của Đức Mẹ ở Lourdes, ngôi nhà thờ tôi thường đến ở tuổi thiếu nữ.

Sáng sớm hôm sau, mùng 6 tháng giêng năm 1983, Mayko qua đời. Tôi lập tức đến bệnh viện. Tôi bước vào phòng bà. Tôi trông thấy cơ thể bà, nhưng bây giờ tôi cảm thấy rõ rệt là Mayko đã ra đi, vĩnh viễn ra đi. Tôi không khóc. Tôi thấy thanh thản. Cuối cùng thì, tôi nghĩ, Thượng Đế đã giải thoát bà khỏi một cơ thể bệnh hoạn và đau buồn. Tôi biết ơn vì đã được tạo cho cơ hội tập latihan với bà trong những tuần lễ cuối cùng đó, trước khi bà đi khỏi thế gian này. Thật là cực kì quan trọng, nếu được tiếp xúc với bà một lần nữa.

Việc Mayko đi khỏi thế gian này lúc bình minh của ngày tiếp theo lúc tôi được nội tâm thông báo, là điều khiến tôi cảm thấy mình như được xác nhận trong việc bà đang đợi mình đến để tập latihan với bà và đảm bảo cho bà biết việc ra đi hoàn toàn là đúng.

Nhiều thân nhân và bạn bè từ khắp nơi ở Chí Lợi đến dự tang lễ. Sau khi Mayko được mai táng, tôi đi một mình vào phòng tập latihan, nơi được dùng để thức canh người chết. Khi đứng đó tôi nhớ lại mình đã nói với bà: “Trong phòng tập latihan này con vẫn còn có thể cảm thấy những gì má đã bỏ lại, khi má quyết định bước đi quan trọng nhất, cao cả nhất, của đời mình, hành động đi khỏi trần gian này. Má đã làm điều đó theo bản tính mình, một cách trầm lặng, kín đáo, theo phong cách của má - là không muốn làm phiền. Tôi nhận thấy mình vẫn còn muốn đến cái khu vực Mayko đã trải qua những ngày cuối cùng của bà. Tôi đến bệnh viện và xin phép được vào phòng bà. Nó trống trải, sạch bóng và sâu xa tĩnh mịch. Ta cảm thấy nơi đây vẫn còn có gì đó đặc biệt.

Được bên cạnh Mayko trong những tuần cuối cùng của đời bà là một điều trọng đại đối với tôi. Tôi đã trải qua từ việc thất vọng do sự đau ốm và khổ sở của bà, việc thấy hối hận vì không làm gì được cho bà, cho tới việc thấy được gần gũi bà, khiến tôi cảm tạ bà vì tất cả những gì bà đã cho tôi trong đời mình.

Một vài ngày trước khi Mayko qua đời, tôi dự một xuất latihan của phụ tá và thành viên ban quản trị, và được các phụ tá mời điều khiển một vài trắc nghiệm. Tôi bắt đầu làm trắc nghiệm về những bộ phận khác nhau của cơ thể, rồi tiến tới việc trắc nghiệm như thế nào về sự tách biệt trong lòng, giữa lúc căng thẳng hay hành động. Cái trắc nghiệm đó thật mãnh liệt và rõ rệt. Điều đó dẫn tới việc làm trắc nghiệm một lần nữa với họ trong ba tuần kế tiếp sau khi Mayko qua đời, cho tới lúc tôi ra đi. Latihan thật siêu trần, và hầu như khiến sung sướng mê li, và các phụ tá càng lúc càng cảm thấy tình hòa hợp. Như vậy, tôi nhận thấy điều này lan tràn vào latihan nhóm nó đạt được một phẩm chất cao hơn, và có năng lực hơn. Nhiều phụ tá nữ đến hay gọi điện thoại để cho hay những điều nghiệm được đã có giá trị như thế nào. Họ nói bây giờ họ hiểu được mình có được một không gian nội tâm có thể điềm tĩnh – giữa nội cảm và sự nói năng, hành động và cảm giác của mình vân vân - mặc dù những cảm xúc dính líu vào.

Trong cái trạng thái lâng lâng do những latihan đó, tôi có một giấc mơ:

Tôi đến Cilindak và bước vào một căn phòng dài có những người đang đứng, lưng quay về phía tôi, khiến ta nghĩ là họ đang ở ạt đi dự lễ. Tôi tiếp tục đi và vào phòng tập latihan. Tôi thấy nó có đầy những trang trí của nhà thờ. Phòng tập latihan trở thành một nhà thờ bình thường, và không có latihan. Tôi tuyệt vọng khóc từ đáy lòng.

Ban đầu, tôi không thể thấy được giấc mơ đó có nghĩa gì với mình. điều này hình như có liên quan nhiều hơn tới tình trạng chính thức của Subud đã khiến tôi đau khổ lâu. Phải mất một thời gian tôi mới hiểu được hết ý nghĩa của nó.

Nó liên quan tới bản thân tôi. Nó cho thấy tôi đã phản ứng như thế nào đối với những kinh doanh chính thức của Subud, và phản ứng của tôi quá khích như thế nào. Theo ngôn ngữ biểu tượng của giấc mơ, tôi đang thấy hội Subud miệt mài với nhiều dự án – như ngân hàng, điều đã khiến tôi đau buồn trong năm 1970, như một cao ốc làm văn phòng, một trung tâm

hội họp và những thứ khác - trở thành những thứ “trang trí tôn giáo” thu hút sự chú ý của hội viên. Nó cho thấy nỗi lo của tôi là sự hoạt động của những dự án chánh thức của Subud đã làm lu mờ latihan – “phòng tập latihan đã trở thành một nhà thờ thiếu latihan.”

Tiếng khóc tuyệt vọng từ đáy lòng theo đó giấc mơ không còn nữa, là sự thanh lọc của nỗi lo. Nhờ ân huệ của Thượng đế, cái gánh nặng của nội cảm - vấn đề lâu dài trong đời tôi về sự xung đột giữa tâm linh và vật chất - cuối cùng đã được lấy đi.

Chương Mười Hai

Những năm tháng cuối cùng của Bapak

Chúng tôi đến Úc ở, lúc hoạt động của Subud quốc tế đang tập trung ở Sydney.

Hội đồng Subud quốc tế (ISC) có văn phòng tại đó, và nhiều người đã đến từ những quốc gia khác để giúp đỡ bằng cách cố gắng thành lập một trung tâm Subud quốc tế. Sự quyết định của chúng tôi dựa trên lời khuyên của Bapak là Sandra cần một môi trường khác cho việc học hành, và trải nghiệm của chúng tôi xác nhận việc Sydney sẽ là quê hương mới của mình.

Sự di chuyển đó tạo cho tôi cơ hội làm việc phụ tá nhiều hơn. Ngày 3 tháng giêng năm 1983, ISC nhận được một tê-lếch đáp lại một đề nghị đưa cho Bapak là tôi nên trở thành phó chủ tịch, và một đề nghị khác của một phụ tá quốc gia vừa từ nhiệm:

Bapak chấp thuận cho Istimah Week được bổ nhiệm là nghị viên kedjiwaan cho Úc, chứ không là phó chủ tịch của ISC. Kí thay cho Bapak. Rahayu.

Vai trò của nghị viên kedjiwaan (tâm linh) là việc hoạt động tích cực như một phụ tá quốc gia khắp Úc Châu và đại diện cho đất nước về mặt tâm linh tại những hội nghị thế giới và vùng. Tôi rất vui mừng về quyết định đó, vì nó do Bapak mà không do sự nài nỉ của tôi.

Sandra phải đi Âu Châu sau này, nhưng trong lúc đó nó vừa làm việc vừa tiếp tục học. Tháng chạp năm 1984 nó được khai mở, ngay sau cái sinh nhật thứ 18 của mình. Như Bapak đã tiên đoán, đó chỉ là một thủ tục, vì nó đã có latihan trong nhiều năm.

Trong 5 năm kế tiếp tôi đi đến những nhóm lớn ở Úc: Sydney, Melbourne, Hobart, Adelaide, Canberra, Darwin, Perth và Brisbane. Tôi hội họp, tập latihan, làm trắc nghiệm với hội viên và phụ tá. Tôi thường trở về Sydney với một sự hiểu biết mới mẻ. Điều khiến kinh ngạc về latihan là tôi có thể nghe mình tự nói năng với mình, và học được những điều mình chưa từng biết trước đây. Đó như là điều Bapak đã nói trong năm 1969: „Nếu tiếp tục tập latihan và quy thuận Thượng đế, bạn sẽ được cho biết về những bí mật của cuộc sống.“

Trong công việc đó tôi thường được nhắc cho nhớ tới Bapak. Tôi thường nghĩ:

„Đây! đó là lỗi hành xử của Bapak,“ hay „đó là điều người muốn nói“ hoặc „Bây giờ mình hiểu được tại sao Bapak đã làm như vậy.“ Tôi nhận thấy người đã cảm được ra sao trong những trường hợp tương tự.

Không có lí do gì khiến cho hội viên mong đợi có điều gì đặc biệt do sự viếng thăm của phụ tá quốc gia; mọi người đều có latihan, và có những phụ tá địa phương làm trắc nghiệm với họ. Tuy nhiên, tôi thấy vai trò phụ tá quốc gia có một hiệu quả mang tính biểu tượng. Đó là việc có những latihan thật mạnh, đôi khi kéo dài tới một tiếng đồng hồ. Kết quả là có nhiều người nữ đã có thể đi sâu vào latihan mình - vào một trạng thái quy thuận thâm sâu hơn. Điều này có tính cách giải phóng, và khuôn mặt họ nở rộ với những gì cảm nghiệm được.

Trắc nghiệm cũng tiết lộ điều gì cho tới nay chưa được biết tới hay lâu đời. Chẳng hạn, trong một chuyên viếng thăm Melbourne, một người nữ nhận thấy cái tinh thần trách nhiệm đời đời của mình đối với giáo hội quá cứng nhắc. Latihan khiến chị thấy nên lo cho bản thân mình nhiều hơn. Khi chúng tôi lái xe tới phi trường, tôi nghĩ, *chị ấy có thể thực hiện sự tiếp nhận của mình, khi nó đòi hỏi phải thay đổi thái độ thật nhiều?* Giải đáp là „phó thác những kết quả, vì việc làm đó không chịu ảnh hưởng của thời gian.“ Điều này khiến tôi nhớ tới một người nào đó đôi khi phải mất nhiều năm mới có thể tuân theo hay hoàn toàn hiểu được một trắc nghiệm do Bapak.

Những cuộc viếng thăm của phụ tá quốc gia chủ yếu là hội họp và tập latihan với nhóm phụ tá địa phương. Sau đó chúng tôi tập latihan với tất cả các hội viên. Điều này thường dẫn tới việc trắc nghiệm những câu hỏi của hội viên mà phụ tá địa phương không giải quyết được. Những câu hỏi là về những vấn đề tâm linh do quá trình của latihan, như thái độ phải có đối với một sự khó khăn. Chúng tôi không ở đó để trắc nghiệm những câu hỏi thông thường của đời sống như: „Tôi nên đầu tư tiền bạc của mình vào đâu?“ hay „Làm sao tôi có thể kiếm được một người chồng?“ Đó là những quyết định của tâm trí.

Một vài vấn đề thông thường của cuộc sống có thể có một khía cạnh bên ngoài và bên trong, và phụ tá thường phải quyết định nên trắc nghiệm hay không. Những khó khăn về hôn nhân cho thấy rõ vấn đề đó. Còn có những vấn đề về lối cư xử, nhưng đó cũng là những điều có một kích thước tâm linh - được phản ánh nơi thái độ của đương sự. Khi xử lý vấn đề bên trong của đương sự - được coi là trách nhiệm của họ - thì thường có thể tìm thấy một giải pháp. Chúng tôi thường trắc nghiệm với người nữ, để thấy được cách đương sự có thể đem latihan vào đời sống hằng ngày, vào lối hành xử đối với tình trạng. Người nữ phải trắc nghiệm để thấy được một thái độ phải có với chồng mình. Điều này khiến cho đương sự thấy vững chắc.

Kết quả của việc làm đó khiến tôi hiểu được đôi điều về sự khác biệt giữa nhận thức của phái nam và phái nữ. Phái nữ có một khả năng tự nhiên làm họ nhạy cảm với những vấn đề không đúng hay không được giải quyết trong một tình trạng nào đó, mà không bắt buộc phải hiểu chính xác vấn đề đó là gì. Mặt khác phái nam có tài giải quyết các vấn đề, nhưng thường không nhận thấy là có một vấn đề. Khi một cặp nam nữ ý thức được những khác biệt đó, coi đó như là những khả năng bổ sung cho nhau, thì người nam thường nắm vững và hiểu được những gì mà người nữ chỉ mơ hồ cảm thấy.

Bây giờ thì công việc của phụ tá có thể trợ lực rất nhiều cho Bapak. Nó làm bớt đi gánh nặng của những câu hỏi trước đây đưa ra cho người qua thư từ. Đồng thời người thường xuyên được báo cho biết bởi những tường thuật mà các phụ tá quốc gia trên khắp thế giới gửi cho mình.

Trong khi đó thì tháng 8 năm 1983, trước khi đến Úc ở, tôi với Mark đi dự hội nghị Subud thế giới lần thứ 7 ở Anh. Chúng tôi thuê một căn nhà ở Windsor trong một tháng, rồi David, Erica và Sandra đến gặp chúng tôi.

Mark cùng tôi đến thăm Bapak và người nhà, để tỏ lòng kính trọng của mình, nhưng chúng tôi không nán lại lâu. Bapak trông có vẻ yếu đuối. Trong một lúc nào đó người đã nói mình giao những chuyện của Subud cho hội viên, nhưng hình như vẫn còn không thể nói „không được“ với bất cứ ai. Người nhà làm hết khả năng mình để Bapak không bị lợi dụng.

Hội nghị xảy ra tại trung tâm hội thảo Anugraha mà hội viên đã xây như là một trung tâm Subud quốc tế. Trước đó nó là một trang viên trên khu đất thật đẹp, rộng 9 hecta, của công viên Windsor. Các kiến trúc sư đã giữ lại phần bên ngoài thanh nhã, và làm lại phần bên trong với những phòng hội họp và phòng ngủ hạng nhất của khách sạn. Vì chưa làm xong, nên những phiên họp của hội nghị và những buổi latihan xảy ra trong một túp lều đồ sộ được dựng nên trên một khu đất gần đó. Có gần đến 2000 người đến dự.

Đến lúc trắc nghiệm trong một phiên họp toàn thể để lựa chọn phụ tá quốc tế cho nhiệm kỳ 4 năm kế tiếp, người ta tuyên bố là chỉ có các nghị viên tâm linh được trắc nghiệm. Vì Bapak đã yêu cầu tôi chứng kiến ở Toronto cách thức điều đó được làm như thế nào, nên tôi có cảm tưởng là nguyện vọng của Bapak đã không được thi hành.

Năm 1985 ở Úc, tuy đã thích nghi với cái quan niệm về kinh doanh trong Subud, nhưng tôi lại đối diện với những dự án lớn của Subud và việc ngân hàng đang bắt đầu thất bại về tài chánh. Vì Bapak đã xúc tiến những cái đó, nên tôi thấy đây là điều quan trọng với mình, nếu hiểu được tại sao chuyện đó đã xảy ra. Điều thứ nhất tôi nhận thấy là cái thái độ của chính mình đối với những thất bại đó - tôi rất lấy làm lo là sự đại dột và bất tài của thiên hạ có thể làm hỏng ân huệ của Thượng Đế. Tôi cần phải trước hết được tách biệt trong lòng khỏi nỗi lo của mình. Tôi làm được như vậy, khi những người khác đưa ra cho tôi một câu hỏi tương tự để trắc nghiệm. Vì Subud còn mới, chúng ta là những kẻ tiên phong, nên thiên hạ thường không dùng những dự án đó để phụng thờ Thượng Đế, theo ý định Bapak. Những thúc đẩy cho mình có thể dùng đồng tiền một cách thật khôn ngoan, hay làm theo bất cứ ý nghĩ nào, là điều tự nhiên. Lỗi lầm là dễ dãi tuân theo những thúc đẩy. Thiên hạ có cơ hội thay đổi. Nếu họ được tách biệt trong lòng, những sức mạnh đó đã có thể đến những chỗ phải đến. Bapak diễn đạt như thế này:

Một khi chúng ta biết được Thượng Đế bên cạnh mình [trong latihan]... và chúng ta phạm một lỗi lầm, đó là lỗi của mình. Nếu chúng ta thừa

nhận những lỗi lầm của mình, và có ý muốn gánh chịu hậu quả, thì sẽ không có theo đó cái ảnh hưởng không tốt đẹp thuộc những hành động của mình. Cilandak 01.07.70

Tháng 6 năm 1986 tôi đi dự hội nghị vùng Á Châu ở Jakarta. Đến tháng 10 Mark đi dự một buổi họp ở London, anh được hội đồng quốc gia của Úc và Tân Tây Lan bổ nhiệm làm đại diện cho quyền lợi của những hội viên đầu tư vào trung tâm Widjojo, cái kinh doanh xây một cao ốc làm văn phòng của Subud ở Jakarta. Trong khi anh có mặt tại đó, Bapak mời Mark, Sandra và tôi đến Cilandak trong tháng 11, để dự cái Windu⁵⁴ thứ 11 của mình (sinh nhật thứ 88 của Bapak theo lịch Java)

Chúng tôi đi dự và niềm vui của Bapak khi trông thấy Sandra, là điều hiển nhiên. Ăn mừng Windu là một cơ hội trọng đại với hàng trăm khách khứa và sau một cuộc trình diễn về *wayang kulit* (kịch bóng múa rối của Java) Bapak có hai buổi nói chuyện. Người nhấn mạnh sự quan trọng của việc đồng thời thực hành cái tôn giáo của mình (việc giữ giới) và theo tập latihan. Hai cái đó đi chung nhau. „Phụ tá không nên làm cho thiên hạ hiểu lầm bằng cách nói: „Latihan là đủ. Bạn không cần theo đạo mình““, người nói.

Hai ngày sau cái Windu và trong khi vẫn còn một số đông khách ở Cilandak, Bapak cho tất cả các người nữ ở khu vực Wisma tập latihan trước mặt mình tại phòng tập latihan. Khi xong, người cho chúng tôi trắc nghiệm: „Cho thấy thái độ của mình với Thượng Đế.“ Người rất nghiêm khắc và lặp lại cái trắc nghiệm đó. Tôi cảm thấy sự rung động của một sinh lực nó mãnh liệt tới nỗi phải dựa vào tường để chống đỡ. Sau đó nó khiến tôi thức suốt đêm. Tôi không hiểu tại sao Bapak đã tỏ vẻ nghiêm khắc như vậy. Tôi chỉ có thể cho sự nghiêm nghị đó là thích hợp với những gì Bapak được khiến cho phải làm, để giúp đỡ.

Trong Subud quan hệ giữa nam và nữ tuân theo cái phong thái văn hóa thông thường của mỗi quốc gia. Ở phương Tây chẳng hạn, nam và nữ tự do trà trộn nhau và tương đối được bình đẳng. Ngoại lệ quan trọng nhất là nam chỉ tập latihan với nam, và nữ với nữ. Phụ tá nam chỉ giúp đỡ hội viên nam và phụ tá nữ chỉ nữ (khai mở, trắc nghiệm và vân vân)⁵⁵. Thế cho nên, việc ban luận những vấn đề này nọ hay những kinh nghiệm tâm

⁵⁴ theo nguyên chú: chu kì 8 năm của người Java. Bapak được 85 theo Tây lịch.

⁵⁵ Theo nguyên chú: phụ tá nam và nữ hội họp chung nhau (không tập latihan chung) ở mức độ địa phương, quốc gia và quốc tế.

linh với phái nam không nằm trong cái vai trò là phụ tá nữ của tôi. đó là nguyên tắc, và như vậy là đúng. Hệ quả là việc nói chuyện với phái nam về những vấn đề tâm linh là chuyện hiếm hoi với tôi.

Đồng thời tôi cảm thấy được tự nhiên về điều đó. Nếu nằm trong một tình trạng với bạn bè mà cuộc đàm thoại dẫn tới việc bàn luận với một người nam, thì tôi không có vấn đề. Có một ngoại lệ đặc biệt, nếu người nam trở nên highfalutin. điều tôi muốn nói là đương sự tự thổi phồng mình lên với những ý nghĩ là tưởng tượng - chẳng hạn như giải thích tình trạng mình theo những gì của những nhân vật thuộc quá khứ, hay gán ghép một ý nghĩa tâm linh cho những biến cố đang xảy ra trên thế giới. Trong trường hợp đó, tôi trở thành một thính giả bất đắc dĩ, và thường kiếm được một phương cách lịch sự để tránh đàm thoại.

Tình trạng thường xảy ra nhất với người nam là việc tự nhiên nói về một kinh nghiệm chân thật khiến mình xúc động. Tôi tôn trọng điều đó, bởi đó là điều tự nhiên, khi một người nam cảm thấy thoải mái được nói chuyện với một người nữ về một điều không được giải quyết xuất phát từ cái khía cạnh nữ tính của mình.

Một người bạn thân của chúng tôi là một chuyên gia về môn điện toán. Anh thuộc một nhóm chuyên gia cố vấn của Mỹ về khía cạnh toán học của những hệ thống hướng dẫn phi tiền. Sau 6 năm trong Subud, anh có một chứng nghiệm kì lạ trong đó anh thấy trong văn phòng mình một bản sao bằng vàng của vật mà người Công giáo gọi là chiếc Mề Đay Kì Diệu⁵⁶ gói trong tám giấy trên đó viết một thông báo của Catherine Laboure, một nữ thánh Công giáo của thế kỉ 19. Chuyện không thể hiểu được đó lại trùng hợp với việc anh nhận thức được cái khát vọng tôn giáo của mình. Nhưng phải mất một thời gian anh mới nhận thấy được cái khát vọng đó là tính chất thuộc cái khía cạnh nữ tính của mình.

Mấy năm sau, khi đi cùng với Sandra tới London, tôi dừng lại ở New York và gặp anh bạn đó trong bữa ăn trưa. Anh bắt đầu nói chuyện một cách hăng say về một „người đàn bà thánh thiện“ mà anh quen biết ở Paris, một người anh tin là có tính nhạy cảm hiếm có về tâm linh. Tôi cảm thấy anh đang gán cho người đàn bà đó tính nhạy cảm đặc biệt thuộc cái khía cạnh nữ tính của mình. Tôi có ý kiến sự tôn sùng quá mức của

⁵⁶ Miraculous Medal: theo niềm tin Công giáo, đó là một mề đay do thánh Catherine Laboure thuộc thế kỉ 19 tạo ra, theo yêu cầu của Đức Mẹ Maria. Người Công giáo tin là đeo nó với lòng thành kính thì sẽ nhận được thiên ân.

anh với người đàn bà đó là điều xuất phát từ một tính chất nơi bản thân anh, và do đó anh đã lãng phí nó, bằng cách phóng nó vào một kẻ khác. Phản ứng ban đầu của anh không đồng ý, nhưng trước khi rời khỏi New York, tôi nói chuyện với anh một lần nữa trong điện thoại, để cảm ơn lòng mến khách của anh. Anh nói với một tấm lòng khiến cảm động là anh cảm thấy cuộc gặp mặt của chúng tôi đã xảy ra đúng lúc, và những gì tôi đã nói với anh trong bữa ăn trưa thì cực kì quan trọng với anh. „Tôi rất vui mừng, khi hiểu biết được“, anh nói.

Sau khi tới London, tôi nói chuyện với một người bạn của Mark, cũng là một hội viên Subud. Anh nói với tôi, điều khiến anh buồn vô cùng, cô con gái của anh đã dùng ma túy. Một hôm anh cầu xin Thượng Đế, „Con có thể làm gì cho đứa con gái mình?“ và nghe thấy một giọng nói: „Xin nó tha thứ“. Điều đó khiến anh ngạc nhiên, nhưng anh làm theo sự hướng dẫn và con anh vượt qua được vấn đề. Những điều được kể lại đó khiến tôi rất cảm động, và tôi hiểu được, vì tội lỗi của cha mẹ được truyền lại cho con cái, nhờ câu xin tha thứ, anh đã bẻ gãy được cái chu kì (không thể tránh được) của di truyền. Cô con gái anh thoát khỏi được cái nguyên nhân khiến mình cần dùng ma túy.

Tôi nhận thấy làm công việc phụ tá, tập thêm latihan, trải nghiệm những vấn đề và kinh nghiệm cá nhân đủ loại, có thể làm cho quá trình thay đổi trong bản thân được nhanh chóng hơn. Trong trường hợp mình, vì cái quá trình đó động chạm tới những vấn đề của tổ tiên, tôi nhận thấy có một nhu cầu đặc biệt muốn hiểu biết về cái khuynh hướng phân cực của mình. Đó không chỉ là việc tâm linh đối chọi vật chất. Mọi người đối với tôi là cao hay thấp, đúng hay sai, và tôi hoặc phản khởi, hoặc hoàn toàn không muốn để ý đến gì hết.

Mấy năm trước đó tôi tiếp nhận được trong một latihan: „Con phải loại trừ Claudius-Claudia khỏi bản thân và đồng đội mình!“ Điều đó đề cập tới một tính khí của tổ tiên - một bên là nam, cứng nhắc, già nua, ốm yếu (được Claudius tượng trưng) một bên là nữ, mềm dẻo, trẻ trung và mạnh khỏe (được Claudia tượng trưng) Bây giờ tôi thấy được, đó không là các tính chất, mà là sự căng thẳng giữa đôi bên là cái phải được loại trừ.

Tuy nhiên sự thanh lọc trong Subud là điều gì phải được trải qua trong thời hạn và theo lẽ lối của nó. Hai lần trở về thăm viếng Chí Lợi những lúc khác nhau cho thấy điều gì có thể xảy ra, khi tôi không mong đợi chút

nào, hoặc theo một cách mà tôi đã không tiên liệu.

Trong chuyến thứ nhất, tôi đi với Erica, và để chị ở lại với bạn bè tại Santagio, tôi lấy máy bay về miền Bắc để thăm viếng Antofagasta, nơi tôi đã trải qua phần nhiều thời thơ ấu của mình. Nơi họp chợ ngoài trời, giáo đường, và những ngôi nhà của hàng xóm xưa kia không thay đổi là bao. Đã nghe nói tới một vài nguồn nước nóng chữa bệnh được tại nội địa, tôi đi về hướng Bắc tới Iquique và lấy xe buýt tới tận dãy núi Andes cao ngất. Con đường quanh co chật hẹp bằn bết xây trên sườn núi dốc đứng tới nỗi tôi không dám nhìn ngược lại cảnh đồng phía dưới. Ban đêm tôi đến Mamina, một thành phố cổ xưa, nằm trên cao nhất, được những người Tây Ban Nha trước đây đi đánh chiếm Nam Mỹ xây cất. Tôi ở một quán trọ đơn sơ, với những bể bơi nước nóng. Nơi chôn đó ảm đạm nhưng sạch sẽ, và tôi là người khách duy nhất. Tôi đi ăn sáng trong phòng ăn mà lòng thấy đau buồn thâm sâu. Tôi hầu như không thể tự mình đứng dậy được. Chợt một cơn xúc động tràn ngập lòng mình, khi tôi nghe thấy trên một máy ghi âm cát xét một bài hát Chí Lợi thuộc thời thơ ấu vui vẻ của mình. Giọt lệ tuôn trào ra mắt tôi. Sự lưỡng phản giữa cảnh cần cỗi, cô liêu và nỗi luyến tiếc quá khứ của bài hát, là điều khiến mê mẩn. Tôi cảm thấy hình như Thượng Đế đã chứng tỏ là Ngài quan tâm. Một cách bất ngờ như vậy, tôi được khiến cho cảm thấy và mất đi một vài nỗi lo sợ bị chôn dấu của thời thơ ấu.

Dịp thứ nhì, mãi sau này, tôi đi Punta Arenas, đặc biệt để đối diện với những sự cố ban đầu thời thơ ấu. Tôi muốn biết về lối cư xử của phụ thân. Ông bị giằng co giữa những đối nghịch nơi mình - ông có thể tử tế và cùng có thể dữ dằn. Tôi muốn làm sáng tỏ sự thừa kế Claudius-Claudia. Khi tôi đến đó, di Fanny đang bị bệnh ung thư trầm trọng. Pepe, ông chồng là thi sĩ của bà, đã mất trước đó nhiều năm. Fanny chỉ hơn tôi 10 tuổi và là một người bạn thân của tôi, khi chúng tôi còn trẻ. Bà đã muốn tôi đến, và nhận ra tôi ngay lập tức. Bà vẫn còn rất tỉnh táo.

„Cháu đến rồi!“ bà nói.

Tôi lập tức tập latihan với bà. Tôi cảm thấy giải thích cho bà về Subud là không cần thiết. Tôi biết đem cho bà latihan là một món quà lớn nhất có thể có được. Tôi có thể trông thấy bà đang tiếp nhận. Trước mắt tôi bà đang bắt đầu thay đổi. Bà trở nên trầm lặng và an tĩnh hơn. Bà kể cho tôi nghe những cơn giận của phụ thân, những điều tôi chưa hề biết. Tôi tiêu hóa được tất cả mà không đau buồn - lúc này tôi ở đây vì Fanny. Trong

một tuần tôi tập latihan với bà hai lần mỗi ngày, và đến lúc ra đi, bà nói: „Cháu đã khiến di được an vui rất nhiều.“ Một vài ngày sau bà mất.

Tôi biết được mình đã đi một đoạn đường dài đến đây, để truyền latihan cho bà. Tôi mang ơn vô cùng, và chỉ sau này tôi mới nhận thức được là một cách bất ngờ mình được giúp đỡ giải quyết vấn đề của dòng dõi mình. Những lời nói của Bapak luôn luôn vang vọng: „Tiếp nhận latihan trước khi mình chết là điều rất quan trọng.“

Tôi nhận thấy câu nói „Đức Ki Tô đang trên thiên đàng“ trong lòng mình đã thay đổi. Bây giờ đó là „Đức Ki Tô *contigo*“ (contigo có nghĩa là bên cạnh mình) Tôi nghĩ, *thật ngộ, nửa Anh, nửa Tây Ban Nha!* Về sau nó trở thành một sự lặp đi lặp lại dịu dàng „Đức Ki Tô... Đức Ki Tô... Đức Ki Tô...“

Tháng 6 năm 1987 một hội nghị của vùng Á Châu được sắp xếp cho xảy ra ở Cilandak. Tôi phải đi dự với tư cách là nghị viên Kedjiwaan cho Úc. Michele, một người bạn thân, cùng đi tới Cilandak để dự cuộc họp của phụ tá quốc tế, và đã được mời nhân tiện đến thăm nhóm Subud ở Kuala Lumpur. Chúng tôi quyết định đi chung nhau, và tôi sẽ đi 5 ngày với chị tới Mã Lai.

Michele tổ chức cho chúng tôi cuộc hành trình là đi khỏi Sydney ngày 11 tháng 6 và từ Cilandak về nhà ngày 23 tháng 6. Khi tôi cho Mark hay về dự tính đó, anh chấp thuận mọi việc, nhưng đề nghị là tôi ở Cilandak thêm 3 hay 4 ngày - anh nói mình không biết tại sao nhưng cảm thấy hầu như chắc chắn là tôi phải làm. Đó là một trong những cuộc viếng thăm quan trọng nhất của tôi, và như sẽ cho thấy, cái thời gian ở thêm đó thật cốt yếu.

Trước khi rời khỏi Sydney, tôi có một giấc mơ gây ấn tượng.

Tôi vừa đến Cilandak. Lúc đó là ban đêm. Tôi chợt trông thấy mặt trăng - chỉ cách tôi vài thước. Nó gần đến nỗi tôi có thể trông thấy chỉ một phần của nó. Nó có màu hồng phách trắng lợt, và sự gần cận của nó khiến kinh ngạc...Tôi thức dậy với latihan và nằm lại trong một thời gian, vẫn còn nhìn vào bề ngoài của mặt trăng.

Điều nhận thấy đó tác động tới tôi một cách mãnh liệt. Tôi được đặt vào trạng thái tách biệt của nội tâm, trong đó latihan và hình ảnh của mặt

trăng cùng tiếp diễn.

Trên đường tới Mã Lai, máy bay đáp xuống phi trường Jakarta trong một thời gian ngắn, ngay khi mặt trời đang lặn. Vừa mới có giấc mơ về mặt trăng, nên tôi ngạc nhiên khi nhìn xuyên qua cửa kính của cabin thấy một mặt trăng to lớn đầy đặn đang rực sáng ở chân trời.

Chúng tôi ở Kuala Lumpur với vợ chồng Alphonso, một gia đình Subud rất hiếu khách, đi tập latihan với phụ tá và gặp gỡ những hội viên riêng biệt. Cuộc thăm viếng xảy ra thật tốt đẹp. Nhờ dùng trắc nghiệm nhiều câu hỏi của nhóm và hội viên được giải đáp làm cho hội viên hài lòng.

Ngày 16 tháng 6 chúng tôi lấy máy bay đi Nam Dương. Vẻ đẹp của những đảo san hô trông thật ngoạn mục, khi phi cơ bay chậm và thấp trên biển Java. Tại Wisma Subud tôi được cho trọ nơi tầng nhì của nhà khách, nơi Bapak ở với Ibu trong cuộc viếng thăm đầu tiên của chúng tôi trong năm 1965. Mỗi lần trở lại tôi nhận thấy cây cối đã mọc lên như thế nào. Cây *flame* mà tôi trồng nơi căn nhà của chúng tôi mấy năm trước, khi nó còn là một cảnh non, bây giờ có một khuôn vóc đồ sộ và một đồng bông hoa màu vàng và đỏ.

Tình cờ, Ilaina Bartok cũng đến, chỉ cách đó vài ngày. đây là cuộc viếng thăm đầu tiên của chị, kể từ khi chị ở Wisma Subud cách đây 18 năm. Tôi rất vui lại được thấy chị; chị và tôi là đôi bạn thân nhau nhất tại nơi chốn này.

Những tin đầu tiên tôi nghe về Bapak là lúc buổi sáng, sau khi tôi đến. Tôi gặp Harlinah Longcroft, chị vẫn còn ở trong khu vực Wisma. Chị nói rằng Bapak rất yếu mệt và hô hấp khó khăn. Khí oxy phải có sẵn đó, để dùng bất cứ lúc nào. « Tuy nhiên » chị nói « Bapak đã nói cuộc họp quốc tế phải tiến hành, và xảy ra gần nơi mình, có lẽ cả hội nghị vùng nữa ! » Chị cũng kể với tôi Bapak đã nói trong buổi nói chuyện cuối cùng là mình hiện đang sống giữa sinh và tử - tại hai thế giới cùng một lúc. « đã lâu rồi » người nói « Bapak không ngủ. »

Mặc dù tình trạng của Bapak, đoàn đại biểu của 13 quốc gia, từ Nhật Bản tới Saudi Arabia, được mời dự lễ khai mạc của hội nghị tại tư gia của Bapak, buổi sáng thứ sáu, ngày 19 tháng 6. Chúng tôi đến đó bằng xe cộ của tư nhân và những xe buýt nhỏ. Nhiều người từ những nơi khác trên thế giới cũng có đó, với tư cách quan sát viên.

Lần cuối tôi ở Nam Dương, theo sự thôi thúc của gia đình, Bapak đã cho xây một căn nhà mới tại Pamulang, khoảng 30 phút về phía Nam từ Cilindak. Nó được thiết kế theo những yếu tố của một truyền thống kiến trúc thuộc Java hầu như đã bị quên; những khu có người ở, gồm từ một cái pendopo (khu tiếp khách phía ngoài) rộng lớn phía trước tới những khu riêng biệt cho gia đình tận đằng sau phần bên trong căn nhà. Cái pendopo là một phòng lớn thanh lịch bao bằng kính, khoảng 20 thước vuông, với một mái nhà nghiêng thoải thoải mà phần giữa được chống đỡ bởi 4 cây cột bằng gỗ tẻch được khắc chạm. Căn nhà phía sau gồm hai tầng, với một cầu thang ngay bên trong những cánh cửa phía trước Dẫn lên một ban công. Đó là một cao ốc đẹp đẽ, thích hợp với những nhu cầu của Bapak mà tuổi tác đã cao.

Khi chúng tôi đến, không khí trầm lắng và thanh thản. Thiên hạ nói rất ít và lặng lẽ di chuyển, do sự tôn kính đối với Bapak. Nhạc Châu Mỹ La Tinh được nhẹ nhàng cho nghe qua một hệ thống phóng thanh. Những diễn văn khai mạc của hội nghị thì giản dị và thân mật. Khi điều đó xong xuôi, chúng tôi trở về Wisma Subud.

Buổi họp làm việc đầu tiên của chúng tôi bắt đầu lúc 2 giờ trưa trong phòng tập latihan, và ngay sau khi latihan bắt đầu tôi chợt cảm thấy đau ốm một cách hoàn toàn bất ngờ. Chẳng có gì giải thích được điều đó, và tôi không thể tả nổi những triệu chứng. Nơi họp tôi nán lại một chút, vì tin rằng tình trạng đó sẽ chóng qua. Tuy nhiên nó còn trầm trọng hơn, khiến cho cuối cùng tôi phải ra đi.

Tôi nhận thấy mình không đủ sức để bước về phòng mình. Tất cả những gì tôi có thể làm là đến căn nhà gần đó của Maryam Kibble, một người bạn đã lâu đời ở đây. Tôi khóc một lúc lâu mà không thể an ủi được, và điều kì lạ là không thể ngừng đau lên. Maryam đi gọi một người khách từ Mã Lai là một nữ y của phép chữa vi lượng đồng cân⁵⁷. Thuốc men của chị khiến tôi điềm tĩnh được một chút, rồi 3 người chúng tôi tập latihan chung nhau. Maryam khăng khăng đòi tôi ngủ đêm nơi nhà chị. Phải mất đến 24 tiếng tôi mới bắt đầu cảm thấy khá hơn một chút.

Đêm hôm đó, khi được Ibu Widarbo, nhà vật lý trị liệu⁵⁸, chữa bệnh cho mình, Bapak nói để làm giảm bớt đi nỗi lo của bà là mình sẽ chết: «

57 Homoeopathic: một phép chữa bệnh không thuộc y học chính thống.

58 Physiotherapist.

Chưa đúng lúc đâu ». Người đặt ngón tay trước hết trên một con mắt, rồi tiếp theo trên mắt khác, như để che ánh trăng, và nói : « Chưa, chưa đến lúc đâu, vì tôi vẫn còn trông thấy mặt trăng ». [Mặt trăng khuyết phải mất 2 ngày nữa mới hết]

Những ngày tiếp theo tôi cảm thấy rất yếu ớt, nhưng tôi đi họp trở lại. Đêm thứ nhì tôi thức dậy cảm thấy mình đau ốm. Một lần nữa tôi lại không thể mô tả đó có là bệnh tật thông thường hay không. Tôi đau đớn cùng cực - một nỗi thống khổ, một cảm giác khó chịu nhất mà tôi chưa từng thấy. Tôi cảm thấy mình sắp chết. Cuối cùng tôi làm hòa với chính mình. Tôi chỉ xác nhận với Thượng đế: « Được, con chấp nhận mình sẽ chết bây giờ, và được chôn cất ở Nam Dương. » Điều tôi không biết là việc đó xảy ra chẳng bao lâu trước khi Bapak mất.

Ngày hôm sau là sinh nhật của Bapak, ngày 22 tháng 6. Buổi sáng chúng tôi tập latihan tại phòng lớn của Wisma Subud. Nó rất trầm lặng, khi tôi bước vào, nhưng chẳng bao lâu nó trở nên rất mạnh. Trong ngày chúng tôi nghe nói Bapak không được khỏe, nhưng buổi selematan cho sinh nhật người vẫn sẽ xảy ra tại tư gia người.

Buổi tối chúng tôi được chờ tới cái pendopo. Tôi ngồi chung với Ilaina và Michele, 3 kẻ lão thành - mỗi người chúng tôi đã được 30 năm trong Subud. Thật là hay, khi Ilaina có mặt nơi đây. Tôi cảm thấy điều này không là ngẫu nhiên.

Haryono nói chuyện ngắn ngủi bằng tiếng Nam Dương và tiếng Anh. Ông đề nghị chúng tôi vừa đi vào nhà Bapak, vừa hát « Panjang Umurnya » (bài hát mừng sinh nhật của Nam Dương) và « Happy Birthday » bằng tiếng Anh. Tôi nghĩ cái ý kiến đó là để Bapak có thể nghe thấy chúng tôi từ giường bệnh mình.

Nhưng khi nhìn lên, tôi trông thấy Bapak, trong một chiếc sơ-mi batic trang trọng của Nam Dương, đứng gần một chiếc bàn nhỏ trên ban công, với người nhà chung quanh mình. Cố gắng tiếp tục hát, tôi thấy mình nghẹn ngào, trong khi nước mắt lã xuống mặt mình. Những người khác chung quanh tôi cũng khóc.

Khi mọi người hát xong, Bapak đứng lên cắt chiếc bánh sinh nhật cổ truyền hình núi. Người quay về phía chúng tôi, vẫy tay và còn tiếp tục vẫy khi đi chỗ khác. Tôi mong được ngưng khóc, nhưng những giọt lệ

mình đến từ một nơi chốn thâm sâu, tôi không có quyền hành làm cho ngưng. Tôi không biết là Bapak bị viêm phổi, nhưng trong lòng mình tôi biết đó là cái chào tạm biệt cuối cùng.

Sáng hôm sau lúc 5 giờ sáng có tiếng gõ cửa. đó là Ilaina. Chị chỉ nói : « Người đã ra đi ! » Bapak mất lúc 4 giờ 5 phút sáng, lúc làm lễ bình minh, Subuh.

Tôi kêu điện thoại cho Mark ở Sydney, đồng thời yêu cầu anh báo cho văn phòng của hội đồng Subud quốc tế biết, để họ thông tin cho những người khác của thế giới Subud. Tôi đến nhà Bapak dự những buổi lễ Hồi giáo. Đàn ông đem xác chết tắm gội, một cách kín đáo bên trong một hàng rào treo những tấm batic, rồi nó được một Imam gói bọc lại và đặt để trong một quan tài giữa phòng khách. Ông Imam điều khiển lễ cầu kinh, và hàng trăm hội viên đến bày tỏ lòng tôn kính. Sáng hôm sau tôi may mắn được dành cho một chỗ ngồi trong một chiếc xe đưa đám. Tôi thấy Bapak được mai táng gần mẫu thân người trong mồ mả của gia đình tại nghĩa trang Karet ở Jakarta. Tối hôm đó tôi dự cái *selematan* cổ truyền đầu tiên tại nhà Bapak.

Trong cái *selematan* thứ nhì (ngày thứ 3) latihan tôi thật mãnh liệt - sáng suốt và cực kì sung sướng - khi ông Imam đọc câu kinh Hồi giáo La-ilaha-Ilala (Không có Thượng Đế nào ngoài Thượng Đế) đó là cái latihan kedjiwaan Subud mà Bapak đã đem đến cho nhân loại.

Hai năm sau ở Sydney, ngày 22 tháng 6 năm 1987, ngày kỉ niệm sinh nhật của Bapak, tôi có một giấc mơ lúc sáng sớm:

Tôi đứng ngoài trời một mình. Tôi có thể trông thấy những nhóm gồm những người Subud đang trò chuyện và vui đùa như trong một buổi picnic. Tôi xoay mình chung quanh, và nhận thấy mình đang đứng trước đại dương, mặc dù không thể trông thấy nó. Từ nơi đó, Bapak mỉm cười đến ngay phía tôi. Người trông nhiều hơn như một ông lão hiền triết, dong dỏng cao và mảnh khảnh. Người đưa cho tôi một vài tấm hình màu, và nói với tôi là sẽ được cho coi, khi có một biến cố quan trọng nào đó. Tôi nhìn hình và thấy có những nhóm khác nhau gồm những người Subud. Trong một nhóm ngồi trên đất ngoài trời, tôi nhận ra một người bạn ở Chí Lợi. Bapak nói việc những tấm hình đó được đưa ra cho coi khi có biến cố đó, là điều rất quan trọng, và tôi có liên quan tới vụ đó. Người rất vui mừng về điều này. Rồi người trở về nơi từ đó mình tới.

Những người Subud trong khu vực bắt đầu đến phía tôi, để xem Bapak đã đưa cho tôi những gì. Tôi yêu cầu họ tránh lui ra, vì khi tụ tập gần tôi, họ đã che lấp ánh mặt trời mà nếu không có thì tôi không thể nhìn thấy những tấm hình. Khi thức dậy, tôi thấy những gì còn lưu lại là lời nói “gotong royong” (làm việc chung nhau)

Tôi cảm thấy giấc mơ đó là một sự thông báo về việc phải tin cậy nơi bản thân – tin cậy nơi những gì mình nghiệm được với Bapak, và nơi những cái đó có thể đóng góp cho sự bành trướng của Subud - một sự tin cậy góp phần vào việc viết ra cuốn sách này.

Trong một lúc nào đó trước khi qua đời, Bapak đã chuẩn bị cho chúng ta tự đứng trên bàn chân mình. Người cho hay mình thấy Subud như thế nào, khi sau này không còn bên cạnh chúng ta nữa.

Bapak chỉ là một người mở đường trong Subud. Bapak không là người có uy quyền. Ông duy nhất có uy quyền trong cuộc sống các bạn là Thượng Đế. Nhưng các bạn phải hiểu rằng Bapak là một con người, [và đã 80] và một ngày nào đó sẽ không còn bên cạnh các bạn nữa. Và nếu tới lúc đó các bạn chưa học được cách đứng trên bàn chân mình – tự tiếp nhận lấy như thế nào và thể hiện như thế nào những gì mình đã tiếp nhận được của Thượng Đế - thì Subud sẽ chỉ giới hạn trong quãng đời của Bapak.

Nhưng đó không là ý muốn của Thượng Đế. Ý muốn của Thượng Đế chỉ là Bapak là một người mở đường, một người đem tới cho chúng ta điều khiến chúng ta tiếp xúc được với quyền năng của Thượng Đế. Và một khi đã tiếp nhận được cái đó, chúng ta tự mình có thể thực hiện được. Vậy nếu phụ tá có thể thực hiện được bốn phận mình và đem ra thực hành những gì Bapak đã bảo, thì Bapak đã tiếp nhận là Subud sẽ tồn tại 800 năm. Và chỉ sau 800 năm mới có một sự thay đổi, nó sẽ đi theo một hướng khác biệt nào đó⁵⁹

Vậy thưa các anh chị em, điều các bạn phải nhận thức và cảm nhận được kinh nghiệm latihan của chính mình là - cái latihan Bapak đã đem tới cho các bạn và bây giờ là sở hữu của các bạn – Thượng Đế thực ra gần gũi với mình hơn bất cứ những gì mình có. Gần gũi với mình hơn là cái nhìn của mình, cái nghe của mình, sự suy nghĩ của mình. Quyền

59 Nguyên văn: And only after 800 years will there be some change, will it turn in some different direction.

năng của Thượng Đế luôn luôn có đó, đi sát cánh với mình trong tất cả những gì mình làm...

Bapak muốn được giải thích về cái ấn tượng là khi chết, Bapak sẽ ở một nơi xa xăm nào đó... Điều đó không là như vậy. Vì Bapak được quyền năng của Thượng Đế bao bọc, nên thực ra chẳng gì còn lại của Pak Subuh; mọi thứ là của Thượng Đế.

Cilandak 01.07.79

Lời Bạt

Pak Subuh nói: „Bapak là Subud và Subud là Bapak.“ Tôi tin ông Bapak được đề cập tới là người mang tới một thông điệp –latihan kedjiwaan Subud. Đó là ông Bapak tâm linh trở về từ Cuộc Thăng Thiên trong năm 1932, với một nhiệm vụ phải được thi hành và những phương tiện để thực hiện.

Trong những người khuyến khích tôi viết tập hồ kí này về Pak Subuh có một sử gia về tôn giáo. Chị nói rằng tôi nên viết về người vì lợi ích của lịch sử, do cái kinh nghiệm độc đáo của tôi. „Trong vòng một thế hệ“ chị nói „ông Pak Subuh là con người sẽ bị vượt qua bởi cái hình ảnh về Bapak và cái thông điệp mà người đã sống và đem tới. Chúng ta có thể nói gì về GiêXu của lịch sử? Những gì chúng ta nghiệm được trong lòng về Đức Ki Tô đã vượt qua GiêXu là con người.“

Nhưng ý định của tôi không là của một sử gia, mặc dù tôi đã cố gắng tường thuật chính xác về những kinh nghiệm của mình. Tôi muốn giới thiệu ông Bapak là Sứ Giả như đã từng quen biết. Trong việc này tôi đã chân thành. Làm như vậy tôi tin cậy là mình đã đồng thời mô tả ông Pak Subuh là con người.

